DỊCH KINH ĐẠI TOÀN
易經大全

TẬP III

HẠ KINH

ĐẠO NGƯỜI QUÂN TỬ

CÁCH GIẢI QUYẾT NHỮNG
KHÓ KHĂN TRONG ĐỜI SỐNG
ÁP DỤNG VÀO THỜI ĐẠI

BÁC SĨ NGUYỄN VĂN THỌ
HUYỀN LINH YẾN LÊ

DỊCH KINH ĐẠI TOÀN

KINH DỊCH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

HẠ KINH

31. 澤 山 咸 TRẠCH SƠN HÀM

咸序卦
有天地然後有萬物
有萬物然後有男女
有男女然後有夫婦
有夫婦然後有父子
有父子然後有君臣
有君臣然後有上下
有上下然後禮義有所錯

Hàm Tự Quái
Hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật.
Hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ.
Hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu phụ.
Hữu phu phụ nhiên hậu hữu phụ tử.
Hữu phụ tử nhiên hậu hữu quân thần.
Hữu quân thần nhiên hậu hữu thượng hạ.
Hữu thượng hạ nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở thố.

Hàm Tự Quái

Thoạt tiên có Đất có Trời

Rồi ra vạn vật vạn loài mới sinh.

Loài sinh, nam nữ phân trình,

Có nam, có nữ, sẽ sinh vợ chồng.

Vợ chồng nối kết giải đồng,

Vợ chồng, nên mới có giòng cha con.

Quân thần, do đó, tiếp luôn,

Rồi ra trên dưới, kém hơn, phân trình.

Dưới, trên, lễ nghĩa sẽ sinh,

Tôn ti, đẳng cấp mới thành lễ nghi.

Dịch Kinh rất trọng Âm Dương. Đầu Thượng Kinh để hai quẻ Kiền Khôn. Đầu Hạ Kinh để hai quẻ Hàm Hằng.

- Kiền Khôn ở Thượng Kinh còn tách rời nhau để định vị (Kiền Khôn định vị).

Nhưng ở Hạ Kinh, Sơn (Dương), Trạch (Âm) hòa hợp nhau (Sơn trạch thông khí) để thành quẻ Hàm; Phong (Âm) Lôi (Dương) tăng cường lẫn nhau (Phong lôi tương thác) để thành quẻ Hằng.

- Ở Thượng Kinh, Kiền Khôn là khí hóa chi thủy (khí trời đất bắt đầu biến hóa) thời Thoán Truyện quẻ Kiền lại có 4 chữ Phẩm vật lưu hình.

- Ở Hạ Kinh, Hàm là hình hóa chi thủy (hình hài bắt đầu biến hóa) thời lại có 4 chữ nhị khí cảm ứng. Ý muốn nói Hình và Khí không hề lìa nhau:

Thoán Truyện quẻ Kiền đề cập đến chữ Tính; Thoán Truyện quẻ Hàm nói đến chữ Tình; Thoán Truyện quẻ Phục nói đến Thiên địa chi tâm; Thoán Truyện quẻ Hàm nói đến Nhân tâm. Thế là tính tình không hề xa nhau, Trời người chẳng hề xa nhau, hình khí chẳng hề xa nhau, Âm Dương chẳng hề xa nhau.

Ngoài trời đất, Âm Dương có hòa hài, thì vạn vật mới sinh. **Trong nhân quần,** Âm Dương có hòa hài thì nhân luân mới có cơ bền vững, xã hội mới có cơ thanh bình.

Ngoài vũ trụ, Âm Dương là đất trời, **trong nhân quần**, Âm Dương là nam nữ. Vũ trụ là một từ trường bao la, nhân quần là một từ trường rộng lớn. Vạn vật hấp dẫn, cảm ứng nhau không ngừng, nên mới có được ngày nay.

Hàm có hai nghĩa: 1. Là cảm ứng. 2. Là phổ quát.

Cảm ứng phải bằng **tâm tình**, vì thế chữ Hàm 咸 thêm chữ Tâm 心 là chữ Cảm 感. Cảm ứng bằng tư tình thì không phổ quát, muốn phổ quát phải hư tâm, phải rũ bỏ tư tình, nên chữ Cảm 感 bỏ chữ Tâm 心 đi thành chữ Hàm 咸.

Quẻ Hàm trên là quẻ Đoài ☱, dưới là quẻ Cấn ☶. Đoài là vui thích; Cấn là vững vàng, là thành thực, là thành khẩn.

Đem lòng thành khẩn, thành thực mà cảm người, người sẽ vui lòng đáp ứng. Ta và người cảm ứng lẫn nhau, hòa thuận với nhau thì

việc gì cũng thông suốt.

I. Thoán.

Thoán Từ.

咸 . 亨 , 利 貞 , 取 女 吉。

Hàm. Hanh. Lợi trinh. Thủ nữ cát.

Dịch.

Lẽ trời cảm ứng mới hay,

Cảm mà chính đáng, lợi nay mới nhiều.

Ví như thiếu nữ mình yêu,

Mình mà lấy được là điều mắn may.

Muốn cảm ứng với nhau cho hay, cho lợi, phải dựa trên nền tảng đạo lý, công chính. Vì thế Thoán Từ nói **Hàm hanh. Lợi trinh**. Trai gái yêu nhau, thương nhau mà lấy nhau, rồi ra cuộc sống sẽ đẹp đẽ; Thoán Từ tiếp: **Thủ nữ cát.**

Thoán truyện. Thoán viết:

彖 曰 : 咸 , 感 也 . 柔 上 而 剛 下 , 二 氣 感 應 以 相 與 , 止 而 說 , 男 下 女 , 是 以 亨 利 貞 , 取 女 吉 也 . 天 地 感 而 萬 物 化 生 , 聖 人 感 人 心 而 天 下 和 平 . 觀 其 所 感 , 而 天 地 萬 物 之 情 可 見 矣 .

Hàm. Cảm dã. Nhu thượng nhi cương hạ. Nhị khí cảm ứng dĩ tương dự. Chỉ nhi duyệt. Nam há nữ. Thị dĩ hanh lợi trinh. Thủ nữ cát dã. Thiên địa cảm nhi vạn vật hoá sinh. Thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hoà bình. Quan kỳ sở cảm. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.

Dịch. Thoán viết:

Hàm là cảm ứng lẽ thường,

Mềm trên, cứng dưới, đôi đường cảm nhau.

Âm Dương nhị khí tương cầu,

Chân thành vui thỏa, trước sau mới là.

Trai tơ nhượng bộ gái tơ,

Nam cầu, nữ ứng, bây giờ mới hay.

Cảm cầu hợp lẽ chính ngay,

Cảm mà chính đáng, lợi nay mới nhiều.

Ví như thiếu nữ mình yêu,

Mình mà lấy được là điều mắn may.

Đất trời rung cảm hoà hài,

Cho nên vạn vật muôn loài hoá sinh.

Thánh nhân cảm hóa sinh linh,

Làm cho thiên hạ hòa bình âu ca.

Xem chiều cảm ứng hiệp hòa,

Đất trời, muôn vật, tìm ra ý tình.

Thoán Truyện định nghĩa chữ **Hàm là cảm ứng.** Muốn cảm ứng, Âm nhu phải ở trên, Dương cương phải ở dưới: Dương cảm Âm ứng, Dương xướng Âm hòa, nhị khí tương giao, thời Âm Dương mới hòa hợp. Vì thế Thoán Truyện mới nói: **Nhu thượng (Đoài là Âm nhu) nhi cương hạ (Cấn là Dương cương); nhị khí tương ứng dĩ tương dự.**

Áp dụng vào nhân quần, ta thấy **định luật cảm ứng** của đất trời cũng hoạt động mạnh mẽ. Trai gái tự nhiên hấp dẫn nhau, mà sự hấp dẫn mạnh nhất, sự cảm ứng mạnh nhất là ở nơi thiếu nam và thiếu nữ. Có cảm ứng, có thương yêu mới tính chuyện vợ chồng sau này. Nếu người con trai mà thành khẩn thương yêu, người con gái sẽ cảm động, sẽ vui vẻ mà đáp ứng. Vả trâu đi tìm cọc, chứ cọc không đi tìm trâu, nên trong bước đầu cuộc tình ái, người con trai

phải đi bước trước, phải ngỏ lời trước, phải tỏ tình trước, như vậy mới đẹp đẽ.

Thoán Truyện viết: **Chỉ nhi duyệt. Nam há nữ. Thị dĩ hanh.** Tuy nhiên tình duyên, hay cảm ứng cũng đặt trên nền tảng đạo lý, sự minh chính, mới tốt, mới lợi. Xưa nay những tuồng trên bộc trong dâu khó đem lại một kết cuộc đẹp đẽ. Lấy nhau phải vì thương yêu nhau, phải có chính nghĩa, chính đạo, muốn gây dựng cho nhau một đời sống đẹp đẽ, hạnh phúc, thì cuộc hôn nhân mới tốt đẹp. Vì thế Thoán Truyện nói tiếp: **Lợi trinh. Thủ nữ cát**.

Sau đó Thoán Truyện bàn đến tầm quan trọng của sự cảm ứng, của sự hòa hài trong vũ trụ, cũng như trong nhân quần. Vạn vật cũng như con người không thể sống riêng rẽ.

Vì thế người xưa mới nói: Cô Âm tắc bất sinh, cô Dương tắc bất trưởng, cố thiên địa phối dĩ Âm Dương. Nam dĩ nữ vi thất, nữ dĩ nam vi gia; cố nhân sinh ngẫu dĩ phu phụ. Âm Dương hòa nhi hậu vũ trạch giáng; phu phụ hòa nhi hậu gia đạo thành. Tạm dịch:

Cô Âm không thể sản sinh,

Cô Dương không thể hoa vinh, xương phồn.

Cho nên trời đất đôi đàng,

Hòa hài chẳng có quải gàng khi nao

Trai thì tìm gái tất giao,

Gái mong chắp mối tơ đào cùng trai.

Cho nên từ có loài người,

Gái trai phối ngẫu nên đôi vợ chồng.

Âm Dương trời đất hòa đồng,

Rồi ra vũ trạch non sông ơn nhờ.

Vợ chồng chắp nối duyên tơ,

Rồi ra, gia đạo có cơ vững vàng.

Dịch Kinh cho rằng nhờ có khí trời, khí đất hòa hài, nên vạn vật mới có thể hóa sinh, trưởng dưỡng; nhờ ảnh hưởng Thánh nhân cảm hóa tâm hồn con người, nên nhân loại mới được hòa bình thái thịnh. (**Thiên địa cảm nhi vạn vật hoá sinh. Thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hoà bình**). Nói cách khác, đất trời không hòa hài, xã hội sẽ tan vỡ.

Thoán còn cho rằng: Cứ xem vạn vật cảm ưng ra sao, sẽ thấy tâm địa, ý tình của chúng (**Quan kỳ sở cảm. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ**.) Lẽ trời là: Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Người ưa vật chất sẽ rung cảm dễ dàng vì những vấn đề tinh thần. Cho nên nhìn xem muôn loài ưa thích những gì, rung cảm trước những loại giá trị gì, sẽ xác định được căn cơ của chúng, và thấy được bộ mặt thực của chúng.

Tóm lại Hàm là hòa hài, cảm ứng, để đi đến chỗ phổ quát đại đồng. Hàm là hòa hài cảm ứng; mà cảm ứng là một định luật phổ quát của vũ trụ. Trời đất cảm ứng, Âm Dương cảm ứng, Trai gái cảm ứng, dưới trên cảm ứng. Do đó thánh nhân có thể cảm hóa nhân tâm để đem an ninh lại cho thiên hạ.

Hàm là cảm ứng; nên Hào sơ ứng với Hào tứ; Hào nhị ứng với Hào ngũ; Hào tam ứng với Hào lục, nhất nhất đều là Dương cảm, Âm ứng. Cảm ứng hòa điệu sẽ đem hạnh phúc, ấm êm, thanh bình cho trần thế.

II. Đại Tượng Truyện

象 曰 : 山 上 有 澤 . 咸 . 君 子 以 虛 受 人 .

Tượng viết:

Sơn thượng hữu trạch. Hàm. Quân tử dĩ hư thụ nhân.

Dịch. Tượng rằng

Hồ trên đỉnh núi là Hàm,

Hiền nhân mở rộng tâm xoang đón người.

Hư tâm đối xử với đời.

(Hư tâm nên mới thảnh thơi hòa đồng.)

Đỉnh núi có rỗng, có trũng thì mới chứa được nước, mới có được hồ nước ở trên. Người quân tử phải trống lòng, mới cảm thông được với mọi người.

Trình Tử cho rằng Hư ở đây là Vô tư, Vô ngã. Có Vô tư, Vô ngã mới hàm chứa được vô biên; bằng như lòng đã có thiên kiến, tư tình, sẽ trở nên hẹp lượng.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào đều bàn về lẽ cảm ứng, bàn về các cung cách ảnh hưởng tới tha nhân, có nông, có sâu, có mạnh, có yếu; có lúc hợp thời, có lúc không hợp thời; có khi bao quát, có khi bị giới hạn; mình có thể ảnh hưởng đến người khác bằng tâm thần, hoặc bằng môi miệng.

1. Hào Sơ Lục.

初 六 : 咸 其 拇 .

象 曰 : 咸 其 拇 , 志 在 外 也 .

Sơ Lục. **Hàm kỳ mẫu.**

Tượng viết**:**

Hàm kỳ mẫu. Chí tại ngoại dã.

Dịch.

Sơ Lục. Cảm ngón cái chân,

Tượng rằng*: Cảm ngón cái chân,*

Nghĩa là đã có để tâm tới ngoài.

Hào Sơ: Muốn ảnh hưởng đến người, cần phải có nội công, nội lực dồi dào; cần phải làm chi cũ thể để gây ảnh hưởng đối với người.

Vì vậy Hào Sơ cho rằng: mới có ý muốn gây ảnh hưởng đối với người mà chưa làm được việc gì cụ thể bên ngoài, thì chưa gây được ảnh hưởng bao lăm. Như ngón chân cái mấp máy, thời làm sao di chuyển được cái chân.

Tóm lại, Hào Sơ cho rằng: Ảnh hưởng lúc này còn quá yếu, chưa có tác dụng nào đáng kể.

2. Hào Lục nhị.

六二： 咸其腓，凶，居吉.

象曰： 雖凶，居吉，順不害也.

Lục nhị. **Hàm kỳ phì. Hung. cư cát.**

*Tượng viết***:**

Tuy hung. Cư cát. Thuận bất hại dã.

Dịch.

Bắp chân cảm động xấu thay,

Ở yên, rồi mới được hay, được lành.

Tượng rằng*: Tuy vội chẳng hay,*

Ở yên sẽ thuận luật trời, hại chi.

Hào Hai cho rằng: Muốn gây ảnh hưởng nhất là đối với người trên, phải có thời cơ. Khi người trên chưa vời mình, mà mình cầu cạnh để gây ảnh hưởng, để tác động họ, là làm một công chuyện chẳng hay. Cần phải biết ở yên, chờ khi người trên có lời cầu mình đã; lúc ấy lời lẽ, hành động mình mới có thể có ảnh hưởng lớn đối với họ.

3. Hào Cửu tam.

九三：　咸其股，執其隨，往吝.

象曰：　咸其股，亦不處也．志在隨人，所執下也．

Cửu tam. **Hàm kỳ cổ. Chấp kỳ tuỳ. Vãng lận**.

Tượng viết.

Hàm kỳ cổ. Diệc bất xử dã. Chí tại tuỳ nhân. Sở chấp hạ dã.

Dịch.

Cửu tam cảm vế, cảm đùi,

Theo người hành sự, tiếc thôi có ngày.

Tượng rằng*: Cảm ở vế đùi,*

Cũng chưa giữ được vẻ người thanh cao.

Theo người hành sự lao nhao,

Đi theo hạ cấp, tránh sao tiếng hèn.

Hào Ba bàn tiếp thêm rằng: Muốn gây ảnh hưởng, muốn cảm hóa người khác, trước tiên mình phải là người có nhân cách, biết tự trọng.

Nhược bằng mình chạy theo thị hiếu, thị dục của tha nhân, để thỏa mãn họ, hoặc mình để cho ngoại cảnh, ngoại nhân, dục vọng sai sử, như vậy chẳng hóa ra hèn hạ lắm sao.

4. Hào Cửu tứ.

九四：　貞吉悔亡，憧憧往來，朋從爾思．

象曰：　貞吉悔亡，未感害也．憧憧往來，未光大也．

Cửu tứ. **Trinh cát hối vong. Đồng đồng vãng lai. Bằng tòng nhĩ tư.**

Tượng viết.

Trinh cát hối vong. Vị cảm hại dã. Đồng đồng vãng lai. Vị quang đại dã.

Dịch.

Cảm người một cách tự nhiên,

Mới hay, mới tốt, hết niềm ăn năn.

Còn như cuống quít, lăng xăng,

Bạn bè cảm ứng, công năng chưa đầy.

Tượng rằng:

Quang minh, khinh khoát một lòng,

Mới hay, mới tốt, mới không phàn nàn.

Đó là cảm ứng đàng hoàng,

Tình riêng chưa có quải gàng lẽ công.

Còn như cuống quít long tong

Bạn bè cảm ứng, đừng hòng quang minh.

Hào cửu tứ là chủ Hào. Ba hào dưới đều mượn những phần thân thể ở nơi chân.

- Hào Sơ nói cảm ở ngón chân cái.

- Hào Nhị nói cảm ở bắp chân.

- Hào Tam nói cảm ở vế đùi.

Duy Hào Tứ này nói cảm bằng tâm hồn. Thực ra Hào Tứ không dùng chữ **Tâm** một cách rõ rệt, nhưng trong Hào tứ có chữ **Tư**, trong Tiểu Tượng có chữ **Cảm**, cả hai đều có bộ Tâm. Hào Tứ cho rằng: Muốn gây ảnh hưởng cho sâu rộng, muốn cảm hóa được mọi người cho sâu rộng, phải theo chính lý, chính đạo, phải gạt bỏ tư

tâm. Vì thế Hào Tứ nói: **Trinh cát hối vong**.

Trình Tử giải chữ Trinh đây là: **Trinh chính;** Trung Khê Trương thị giải là: Theo lẽ thiên nhiên, trinh nhất chưa phôi pha tư cảm, tư dục, thời mới hay mới tốt. Còn khi mà đã **Đồng đồng vãng lai,** tư lự, suy tính, cầu cạnh; lo lấy lòng người này, lo o bế người kia thì cái sức cảm ứng của mình nó giảm đi nhiều. Chỉ có một số bạn bè của mình sẽ hưởng ứng mà thôi. Vì thế mới nói: **Bằng tòng nhĩ tư**. Phàm chưng, làm việc gì mà cứ để cho lòng khinh khoát hồn nhiên không cầu cạnh, thì ảnh hưởng mới mạnh. Càng mở rộng lòng, ảnh hưởng càng mạnh; trời đất đã theo đường lối ấy, vì trời đất chính là vô tâm, không hề tây vị riêng tư ai. (Xem Hệ Từ hạ - chương 5.)

5. Hào Cửu ngũ.

九五：　咸其脢，無悔.

象曰：　咸其脢，志末也.

Cửu ngũ. **Hàm kỳ mỗi. Vô hối.**

Tượng viết.

Hàm kỳ mỗi. Chí mạt dã.

Dịch.

Cảm mà ở gáy ở vai,

Tuy không thấm thía, thoát bài ăn năn.

Tượng rằng*: Cảm ở gáy vai,*

Nghĩa là cảm vật, hợt hời chẳng sâu.

Hào năm, Trình Tử giải rằng: Mỗi là thịt lưng, ở sau tâm, mà chẳng thấy tâm. Nghĩa là nếu quên được tư tâm, không cứ rằng nhìn thấy mới thích, thì sẽ đi đúng được lối chính đáng của bậc nhân quân, vì vậy không có gì đáng trách. Tống bản Thập Tam

Kinh đại khái giải rằng: Mỗi ở trên tim và dưới miệng. Cảm ứng bằng tâm thần dĩ nhiên là sâu xa nhất, cảm ứng bằng gáy vai, dĩ nhiên là nông cạn hơn, cảm ứng bằng môi miệng lại càng hời hợt hơn nữa. Như vậy cảm ứng bằng gáy vai, ám chỉ một sự cảm ứng nông cạn, hẹp hòi, tuy không đáng trách, nhưng tỏ ra đương sự không phải là người có khí phách bao lăm. **(Chí mạt dã)**

6. Hào Thượng lục.

上六： 咸其輔，頰舌.

象曰： 咸其輔，頰舌，滕口說也.

Thượng lục. **Hàm kỳ phụ. Giáp thiệt.**

Tượng viết.

Hàm kỳ phụ. Giáp thiệt. Đằng khẩu thuyết dã.

Dịch.

Cảm bằng miệng lưỡi mép môi

Tượng rằng*: Cảm bằng miệng lưỡi mép môi*

Ấy là khua múa, chuốt lời cho hay.

Thượng lục đề cập đến cách cảm hóa con người bằng miệng lưỡi; đó là đường lối tầm thường của tiểu nhân, nữ tử, của Tô tần, Trương Nghi (Xem Dịch Kinh Lai Chú). Thaánh nhân không mấy chuộng đường lối này.

ÁP DỤNG QUẺ HÀM VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay có một số thanh niên ít nghĩ tới hôn nhân, vì tôn thờ chủ nghĩa cá nhân, hoặc vì không tin tìm được một tình yêu chân thành. Nhưng họ đã nhầm, vì ở đời không có gì quí hơn có một mái ấm gia đình, có người bạn đời, để chia vui sẻ ngọt với mình. Có vài đứa con để quấn quít, vui đùa lúc trẻ và để khỏi cô quạnh lúc tuổi già.

Muốn có tình yêu chân thành của người yêu, và của con cái, thì mình phải tự xét mình, xem mình có thành khẩn mà dành cho họ một tình yêu chân thành của mình không?

Để ca tụng hạnh phúc lứa đôi, **Anatole France, một văn sĩ người Pháp, nói rằng: Người vợ là một tình nhân của chồng khi chàng còn trẻ, là người bạn đời khi tuổi chàng đã cao, là người điều dưỡng cho chàng trong tuổi già. Vậy ở tuổi nào người đàn ông cũng có lý do để lấy vợ.** (Thế Kỷ 21, trang 52, số 83, tháng 3, năm 1996.)

Tóm lại, hạnh phúc không là của riêng ai, nhưng người nào biết hưởng, mới được hưởng. và hạnh phúc ở trong tầm tay mình đấy thôi.

32. 雷 風 恆 LÔI PHONG HẰNG

恆序卦 Hằng tự Quái
夫婦之道 Phu phụ chi đạo.
不可以不久也 Bất khả dĩ bất cửu dã
故受之以恆 Cố thụ chi dĩ Hằng.
恆者久也 Hằng giả cửu dã.

Hằng Tự Quái

Vơ chồng là chuyện trường kỳ,

Quẻ Hằng mới lấy mà ghi lẽ hằng.

I. Thoán.

Thoán Từ:

恆：亨，無咎，利貞，利有攸往.

Hằng. Hanh. Vô cữu. Lợi trinh. Lợi hữu du vãng.

Dịch.

Hằng là hằng cửu, cửu trường,

Biết hằng, biết biến, thời thường hanh thông.

Hanh thông, mới khỏi lỗi lầm,

Hằng nơi chính đạo, mới mong lời nhiều.

Hằng có nhiều nghĩa:

1. Hằng là lâu dài, hằng cửu.

2. Hằng là bất dịch, bất biến.

3. Hằng là bất dĩ, không ngừng nghỉ.

Tự Quái cho rằng: Hằng tượng trưng cho đạo vợ chồng, vì đạo vợ chồng là chuyện lâu dài, bền bĩ, ăn đời ở kiếp cùng nhau, chứ không phải chuyện ăn xổi ở thì.

Khi còn là nhân tình, như nơi quẻ Hàm, thì nam phải nhường cho nữ, nhưng khi đã thành vợ thành chồng, như trong quẻ Hằng, thì chồng phải được trọng hơn vợ; gia đình có tôn ti như vậy, mới đi đến hằng cửu được.

Có trường cửu, mới có hanh thông; trường cửu mà hanh thông mới không đáng trách; trường cửu, bền vững theo chính lý, chính nghĩa mới hay, mới lợi. Nhưng hằng cửu không phải là cố chấp, bất biến, đã biến hằng, phải biết biến nữa mới vẹn hảo. Vì thế Thoán Từ mới nói: **Hằng. Hanh. Vô cữu. Lợi trinh. Lợi hữu du vãng**.

Thoán Truyện.

彖曰：恆，久也．剛上而柔下，雷風相與，巽而動，剛柔皆應，恆．恆亨無咎，利貞．久於其道也，天地之道，恆久而不已也．利有攸往，終則有始也．日月得天，而能久照，四時變化，而能久成，聖人久於其道，而天下化成．觀其所恆，而天地萬物之情可見矣．

Thoán viết. Hằng. Cửu dã. Cương thượng nhi nhu hạ. Lôi phong tương dự. Tốn nhi động. Cương nhu giai ứng. Hằng. Hằng hanh vô cữu. Lợi trinh. Cửu ư kỳ đạo dã. Thiên địa chi đạo. Hằng cửu nhi bất dĩ dã. Lợi hữu du vãng. Chung tắc hữu thuỷ dã. Nhật nguyệt đắc thiên. Nhi năng cửu chiếu. Tứ thời biến hoá. Nhi năng cửu thành. Thánh nhân cửu ư kỳ đạo. Nhi thiên hạ hoá thành. Quan kỳ sở hằng. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ.

Dịch.

Hằng là hằng cửu, cửu trường,

Cứng trên, mềm dưới, lẽ thường tôn ti.

Sấm cùng với gió tương kỳ,

Động mà uyển chuyển, nên chi cửu trường.

Lại còn tương ứng nhu cương,

Không loi, không lẻ, có đường dài lâu.

Hằng mà hay, lợi trước sau,

Là cùng đạo nghĩa, gót đầu chẳng sai.

Sáng soi Nhật Nguyệt lâu dài,

Là vì luôn cứ đường trời ruổi rong.

Tứ thời biến hóa vô cùng,

Cho nên mới được thung dung cửu trường.

Thánh nhân đạo nghĩa thời thường,

Khiến cho thiên hạ có phương hóa thành.

Có Hằng, mới rõ sự tình,

Đất trời, vạn vật, phân minh tỏ tường.

Thoán Truyện định nghĩa Hằng là hằng cửu. Thoán viết: **Hằng. Cửu đã**. Sở dĩ gọi quẻ này là Hằng vì 4 lý do:

1. Vì quẻ hằng có cương ở trên là **Lôi**; nhu ở dưới là **Phong**. Thế là **Dương tôn Âm ti**, theo đúng lẽ thường.

2. Vì quẻ Hằng có sấm (= **Chấn**), có gió (= **Tốn**). Mà sấm, gió thường đi đôi với nhau, tăng cường lẫn nhau.

3. Vì Hằng trên là Chấn, là động; dưới là Tốn, là tốn thuận; Dương thì hoạt động mạnh mẽ, Âm thì nhu hòa, tốn thuận theo Dương, đó là lẽ thường của trời đất.

4. Vì Hằng có Chấn là cương, Tốn là nhu, hai đẳng ứng hợp nhau. Đó là lẽ Âm Dương giao cảm, hiệp hòa trong trời đất. Trời đất có tôn ti trật tự, nhờ có sự xướng tùy, hòa hợp, tương ứng, tương dự, mới thực hiện được sự trường cửu. Vì thế, Thoán Truyện mới nói: **Cương thượng nhi nhu hạ. Lôi phong tương dự. Tốn nhi động. Cương nhu giai ứng. Hằng**.

Phàm chuyện đời bao giờ cũng cần phải có sự lâu dài bền bĩ, nhưng lâu dài bền bĩ cho hợp đạo, hợp nghĩa, thì mới nên công trình, mới đem lại sự hanh thông. Làm sai đạo lý, đi ngược định luật trời đất, thời dẫu bền gan đến mấy cũng công toi. Vì thế Thoán Truyện mới viết thêm: **Hằng hanh vô cữu. Lợi trinh. Cửu ư kỳ đạo dã**.

Đạo trời đất thời vừa hằng cửu, vừa biến hóa không cùng. Có hằng mới có biến; có biến hóa, vãng lai tuần hoàn, nên hễ có chung thời lại có thủy, và cứ vậy cho nên mới vô cùng tận. Vì thế Thoán Truyện bàn tiếp: **Thiên địa chi đạo. Hằng cửu nhi bất dĩ dã. Lợi hữu du vãng. Chung tắc hữu thuỷ dã**.

Mặt trời, mặt trăng nhờ định luật của trời đất, vãng lai, doanh súc, có tuần tiết nên mới sáng soi mãi mãi. Bốn mùa nhờ có biến hóa nên mới tác thành cho muôn vật mãi mãi. Thánh nhân nhờ biết kiên trì, chung thân giảng dạy đạo trời, nên mới hóa thành được thiên hạ. Muốn hiểu ý tình của trời đất vạn vật, chúng ta cần phải có cái nhìn toàn bích, và bao quát. Vì thế Thoán Truyện mới viết thêm: **Nhật nguyệt đắc thiên. Nhi năng cửu chiếu. Tứ thời biến hoá. Nhi năng cửu thành. Thánh nhân cửu ư kỳ đạo. Nhi thiên hạ hoá thành. Quan kỳ sở hằng. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ**.

Tóm lại, quẻ Hằng bao quát, chẳng những lẽ hằng lại còn cả lẽ Biến trong trời đất. **Biết hằng mà không biết biến hóa, là chấp nhất bất thông. Biết biến mà không biết hằng là luân hồi vô định**. Có biết hằng để mà biến, biến để mà hằng, thì mới tóm thâu được lẽ trời đất.

II. Đại Tượng Truyện

象曰：雷風．恆．君子以立不易方．

Tượng viết.

Lôi phong. Hằng. Quân tử dĩ lập bất dịch phương.

Dịch. Tượng rằng:

Sấm gió là tượng quẻ Hằng,

Tìm nơi hằng cửu, an thân mới là.

Tượng Truyện, vì nhìn thấy lẽ hằng cửu trong trời đất, nên mới khuyên người quân tử băng qua mọi biến thiên để tìm về trung tâm điểm bất dịch. Tìm được tâm điểm bất dịch, tức là tìm được **Thái Cực** theo từ ngữ Nho giáo; tìm được **Chân Tâm** theo từ ngữ Phật giáo; tìm được **Đạo** theo từ ngữ Lão giáo; tìm được **Bản Thể Tuyệt Đối** theo từ ngữ triết học; **chỉ** ư **chí thiện** theo từ ngữ Đại Học.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào bàn về cả hai phương diện **biến**, **hằng**. Đại khái rằng người quân tử, tuy suốt đời, phải noi theo lý tưởng, noi theo đạo lý, nhưng không phải vì thế mà trở nên người cố chấp, thiển cận; ngược lại, người quân tử phải tỏ ra hết sức quyền biến, thích nghi, để lúc nào cũng hợp thời hợp cảnh, mà vẫn không phản bội lý tưởng, đường lối và chí hướng của mình. Quẻ Hằng không dựa vào sự tương ứng của sáu hào để suy nghĩa, mà lại dựa vào hai quẻ trên, dưới, để nhận định:

Hào Sơ ở cuối quẻ dưới, Hào Tứ ở cuối quẻ trên, nên đầu chưa đạt được lẽ Hằng chân chính, hãy còn lệ thuộc vào **thường lệ** (tức là lệ thuộc vào định luật của xã hội, của Đạo giáo), mà chưa biết**biến lệ** (tức là khi gặp hoàn cảnh nguy cấp, cần cấp, thì phải biết biến). Ví dụ: người theo đạo Jehovah's Witness, không được truyền máu tươi vào người, vì thế nên rủi bị thương tích cần được tiếp máu, thì đành chịu chết, chứ không được cho truyền máu ở ngoài vào. Đáng lẽ phải biết quyền biến, phải vì hoàn cảnh nguy đó mà thay đổi lề luật của đạo, mà cho truyền máu để cứu mạng thì đúng hơn, do đó ta nói: Sơ thì dở, mà Tứ thì cũng chẳng hay.

Hào Tam đầu quẻ dưới, Hào Thượng đầu quẻ trên, thời lại quá

mức; **chỉ thích nhẽ biến mà không biết nhẽ thường** (ví dụ: có những người chỉ thích sống phóng túng theo văn minnh vật chất, mà không chịu gò mình vào lễ giáo), vì vậy mà Tam thời hay **thay đổi** (**bất Hằng**), Lục thì lao xao, lác xác **(chấn Hằng = thay đổi).**

Duy có Hào Nhị, Hào Ngũ là biết xử cho phải, xử theo đúng lẽ Hằng chân chính; Hào Nhị thời biết **Năng cửu trung**, gặp nghịch cảnh vẫn theo đúng đạo lý. Hào Ngũ thì biết lẽ hằng cửu, lại biết quyền biến, cho nên dầu gặp hoàn cảnh không thuận tiện, cũng biết xử sự cho phải.

Học 6 Hào quẻ Hằng mà nhớ được 2 chữ: Có khi biến có khi thường, hoặc chấp kinh cũng phải tòng quyền, là hiểu được thêm ý Dịch Kinh phơi bày trong quẻ này.

1. Hào Sơ Lục.

初六. 浚恆. 貞凶. 無攸利.

象曰. 浚恆之凶. 始求深也.

Sơ lục. **Tuấn hằng. Trinh hung. Vô du lợi.**

Tượng viết.

Tuấn hằng chi hung. Thuỷ cầu thâm dã.

Dịch.

Thoạt đầu mà tưởng sâu xa,

Cứ theo cách ấy, ắt là hung tai.

Tượng rằng*: Bước đầu đại khái sơ sài,*

Mà mong sâu sắc, rạch ròi làm sao?

Hào Sơ cho rằng vừa chân ướt chân ráo, bước vào 1 phạm vi nào, 1 vấn đề gì, mà đã đòi hiểu xa, biết rộng, đó là 1 chuyện phi lý, rất có hại, chẳng thể nên công. Vì thế Hào từ mới nói: **Tuấn hằng.**

Trinh hung. Vô du lợi.

2. Hào Cửu nhị.

九 二 . 悔 亡 .

象 曰 . 九 二 悔 亡 . 能 久 中 也 .

Cửu nhị. **Hối vong.**

Tượng viết.

Cửu nhị hối vong. Năng cửu trung dã.

Dịch

Tuy không thuận cảnh, thuận ngôi,

Ăn năn hối lỗi âu thời cũng xong.

Tượng rằng*: Chẳng phải ăn năn,*

Vì rằng xử sự luôn nhằm đạo trung.

Hào Hai là **Dương Hào cư Âm vị**, thế là nhờ sống trong nghịch cảnh, nhờ theo đúng lẽ phải, theo đúng định luật của trời đất, nên hóa giải được mọi sự dở dang, chếch mác. Hào từ chỉ nói hai chữ **hối vong**, nhưng ta phải đem Hào tài Hào vị mà giải thích thêm, tuy **Dương Hào cư Âm vị** là bất chính, nhưng nhờ **đắc trung**, nên mới **hối vong**. Tượng Truyện giải rằng: Sở dĩ thoát được mọi điều phàn nàn chính là vì đã biết bền vững theo Trung đạo, theo đạo lý, tức **Năng cửu trung**.

3. Hào Cửu tam.

九 三 .　　不 恆 其 德 . 或 承 之 羞 . 貞 吝 .

象 曰 .　　不 恆 其 德 . 無 所 容 也 .

Cửu tam. **Bất hằng kỳ đức. Hoặc thừa chi tu. Trinh lận**.

Tượng viết.

Bất hằng kỳ đức. Vô sở dung dã.

Dịch.

Người mà tính nết hay thay,

Rồi ra tủi hổ có ngày phải mang.

Dở rồi, còn cứ làm gan,

Ở trong dở mãi, phàn nàn rồi đây.

Tượng rằng*: Tính nết hay thay,*

Ai mà chịu nổi ngữ này được đâu?

Hào Ba là Hào thượng của quẻ Tốn, mà Tốn có nết là không quả quyết, không có định kiến. Vì thế mà Hào ba tượng trưng cho những người không quả quyết, hay thay đổi, nay thế này, mai thế khác. Những người nhẹ dạ như vậy chỉ mua chuốc lấy xấu hổ cho mình. Đó là những người **Bất hằng kỳ đức** hay **thừa chi tu**. Những người thế ấy sẽ không có chỗ dung thân; Tượng viết: **Bất hằng kỳ đức vô sở dung dã**. Thực vậy, đã mau thay, chóng chán, thì làm sao giỏi về nghề nghiệp, làm sao mà chung thủy được với ai.

4. Hào Cửu tứ.

九 四 . 田 無 禽 .

象 曰 . 久 非 其 位 . 安 得 禽 也 .

Cửu tứ. **Điền vô cầm**.

Tượng viết.

Cửu phi kỳ vị. An đắc cầm dã.

Dịch.

Đi săn mà chẳng gặp chim,

Tượng rằng*: Chẳng đúng vị ngôi,*

Thì sao mà bắt được mồi, được chim.

Hào Cửu tứ là **Dương c**ư **Âm v**ị, vừa bất trung, lại vừa bất chính, nghĩa là vừa sống trong nghịch cảnh, lại vừa không khéo xử, thì làm sao mà làm nên công trạng gì được; cũng như người đi săn, nhè ngay nơi không có mồi, có chim mà săn, thì dẫu vất vả tối ngày cũng không có gì trong bị. Cửu Tứ viết: **Điền vô cầm**. Tượng viết: **Cửu phi kỳ vị. An đắc cầm dã**.

5. Hào Lục ngũ.

六五．　恆其德．貞．婦人吉．夫子凶．

象曰．　婦人貞吉．從一而終也．夫子制義．從婦凶也．

Lục ngũ. **Hằng kỳ đức. Trinh. Phụ nhân cát. Phu tử hung**.

Tượng viết.

Phụ nhân trinh cát. Tòng nhất nhi chung dã. Phu tử chế nghĩa.

Tòng phụ hung dã.

Dịch.

Luôn luôn ăn ở thuận tòng,

Đàn bà thì tốt, đàn ông thì tồi.

Tượng rằng*: Đàn bà thuận tòng thời hay,*

Một đời chuyên nhất, xưa nay đã đành.

Đàn ông quyền biến cho tinh.

Cứ như phụ nữ, tốt lành chi đâu.

Hào Năm chủ trương rằng: Chấp nhất hoặc chấp trung vô quyền biến là dở, chứ chẳng phải là hay. Ví như đàn bà có thể chấp nhất, theo đúng truyền thống được, chứ đàn ông thời phải biết tùy cơ ứng biến mới hay, mới phải. Vì thế Hào Lục ngũ nói: **Hằng kỳ đức. Trinh. Phụ nhân cát. Phu tử hung**. Mạnh Tử chê những người cố chấp; Bá Di là người tiết tháo, trung trực ngay thẳng, đến nỗi không chịu đứng chung 1 triều đình với kẻ ác, chuyện vãn với kẻ ác. Nói chuyện với hương lân mà thấy họ đội nón chẳng ngay, liền vội vã bỏ đi ngay. Người như thế, Mạnh Tử cho là cố chấp hẹp hòi. (Mạnh Tử, Công Tôn Sửu, thượng - 9.)

6. Hào Thượng lục.

上 六 . 振 恆 . 凶 .

象 曰 . 振 恆 在 上 . 大 無 功 也 .

Thượng lục. **Chấn Hằng. Hung**.

Tượng viết.

Chấn hằng tại thượng. Đại vô công dã.

Dịch.

Luôn luôn xớn xác, lau chau,

Thế thời có tốt chi đâu mà hòng.

Tượng rằng*: Người trên xớn xác, lau chau,*

Luôn luôn như vậy, có đâu công thành.

Hào Thượng Lục cho rằng những người hấp tấp, bồng bột, những người lao xao, lắc xắc, không làm nên công chuyện gì, vì một khi đã không bình tĩnh, không tự chủ, thì không làm được việc lớn, đó là trường hợp Vương An Thạch muốn thay đổi hết thể chế, luật lệ đời nhà Tống.

ÁP DỤNG QUẺ HẰNG VÀO THỜI ĐẠI

Trước hết **Tự Quái** bàn về đạo vợ chồng, mà đạo vợ chồng là phu xướng phụ tùy, là thông cảm lẫn nhau, là ăn đời ở kiếp với nhau. Còn **Thoán**, **Tượng** và **Hào** dạy ta đi từ **Biến Thiên** (**VạnHữu**) đến **Bất Biến**, **Hằng Cửu**.

Biến thiên là luôn thay đổi, bất kỳ về phương diện gì, đạo Phật gọi Biến Thiên là Vô Thường, là Luân Hồi. Bất biến hay hằng Cửu là ổn định, là không thay đổi. Đạo Phật gọi Hằng Cửu là Niết Bàn. Đạo Lão gọi Hằng Cửu là Đạo. Đạo Nho gọi Hằng Cửu là Thái Cực (Trời).

*Về **phương diện vật chất**, nhờ dinh dưỡng nên cơ thể chúng ta thay đổi hằng ngày, nhưng tới 1 tuổi nào đó nó sẽ thay đổi ít thôi, nhưng nó không đưa ta tới Hằng Cửu.

*Về **phương diện tinh thần**, nếu đi về phía đạo đức thì gọi là **Đại nhân**, nếu đi về phía vật dục thì gọi là **Tiểu nhân**, nếu đi về phía tinh hoa cao đại, thì gọi là **Thánh nhân**. Đó là đường đi về nơi **Chí thiện**, nơi **Hằng Cửu**.

Khi ta còn ít tuổi ta nên theo một đạo giáo, để cho ta có một ý niệm căn bản về đạo đức, để cho ta biết thế nào là làm lành tránh dữ, nhưng đến khi đã lớn tuổi, đã đủ sức phân biệt điều phải, quấy, thì ta phải biết mở rộng tầm nhìn, lối nghĩ, phải tìm hiểu về các đạo khác, tìm hiểu những cái hay, cái dở của họ hay của mình, để óc ta không bị những điều cố chấp, hẹp hòi của đạo giáo, nó đè nén ta trong 1 cái lồng của tư tưởng chật hẹp.

Nếu ta theo một đạo giáo nào, thì dù ngoan đạo tột bực chăng nữa, ta cũng không thể đi tới chỗ Chí thiện được, vì ta phải tuân theo những giáo điều của họ, nên sự suy tư của ta bị gò bó vào một chỗ, do đó tinh thần ta không thể phát triển tới chỗ cao đại được. Nếu muốn tới chỗ tinh hoa mà các Nho gia xưa kia nói là: **Chỉ** ư **chí thiện**, thì ta phải tự cởi bỏ những xiềng xích mà đạo giáo đã trói buộc ta, rồi phải dày công suy tư đọc sách thánh hiền, nhờ cao nhân chỉ điểm, thì ta mới thu hoạch được kết quả, còn mong nhờ những phương pháp bàng môn, tả đạo để thu hoạch kết quả, thì quả thực là công việc mò trăng đáy biển, vô ích vậy.

Khi đọc được một cuốn sách hay, hay gặp được cao nhân giỏi chỉ điểm cho ta, thì ta hãy lắng tâm để ghi nhận những điều hay ý đẹp đó, nhưng ta đừng trụ vào nó, mà phải luôn luôn thu nhận những cái mới mẻ khác. Vì những điều mà ngày hôm nay ta tưởng là hay nhất, thì biết đâu ngày mai sẽ có những điều mới mẻ hơn đến với ta, nhất là sự tiến hóa về mọi phương diện của nhân loại đang trên đà phát triển. Do đó Đức Phật khi xưa đã nói trong kinh Kim Cương: **Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm**, để nhắc nhở ta vậy.

*Về **phương diện nghề nghiệp**, nếu ta cố gắng học hỏi, dày công suy tư, nghiên cứu, để giúp ích cho nhân loại, thì ta cũng có thể đưa nó, hay nó đưa tên tuổi ta tới ngàn đời sau, tức Hằng Cửu vậy.

Ngày nay chúng ta sống trong tiện nghi: đèn điện, bếp ga, điện thoại, tủ lạnh, quạt máy, v.v... máy bay đưa ta vượt trùng dương, ô tô giúp ta vận chuyển hàng ngày, còn biết bao lợi ích mang tới cho nhân loại, mà trang giấy nhỏ này không sao kể xiết được. Tóm lại, những sự phát minh đó đã mang lợi ích nhiều cho nhân loại, và đã mang tên tuổi của các nhà bác học đó tới Hằng Cửu vậy.

Các nhà ái quốc, các vị quan thanh liêm, các vị trung thần, những người đã dùng nghề nghiệp của mình để bảo vệ dân, mưu lợi ích cho dân, khi chết đi được dân thờ phượng, thì các vị đó đã lên được tới Hằng Cửu vậy.

Tóm lại, **Hằng Cửu** hay **Niết Bàn** muốn đạt được không phải quá khó khăn, vì nó không phải là nơi chốn, mà nó chỉ là một trạng thái thuộc về tâm linh, miễn sao ta luôn cố gắng tiến tới về mọi phương diện, để có thể tự hào là **ngẩng mặt lên không thẹn với Trời, cúi mặt xuống không hổ với Đất**, thì Niết Bàn sẽ mở để chờ ta.

33. 天 山 遁 THIÊN SƠN ĐỘN

遁序卦 Quái
恒者久也
Hằng giả cửu dã.
物不可以久居其所
Vật bất khả dĩ cửu cư kỳ sở.
故受之以遁
Cố thụ chi dĩ Độn.
遁者退也
Độn giả thoái dã.

Độn Tự Quái

Hằng là bền vững cửu trường,

Vật đâu ở mãi, ở thường một nơi?

Cho nên Độn mới tiếp ngôi,

Độn là lui gót, tùy thời tránh đi.

Kinh Dịch có một mục đích chính yếu là dạy cho con người biết xuất xử, hành tàng. Đại khái Dịch cho rằng, khi nào thời thế thuận tiện, quân tử có cơ hưng phấn, đạo lý có thể mang ra thi hành, thì người quân tử nên xuất đầu, lộ diện, góp mặt, góp công với đời; còn như gặp khi thời thế đảo điên, tiểu nhân lộng hành, thời lúc ấy người quân tử nên qui ẩn.

Quẻ Khôn nói: **Thiên địa bế, hiền nhân ẩn.**

Đất trời mà gàng quải, thời hiền nhân nên qui ẩn. (Khôn, Văn Ngôn, Hào bốn)

Quẻ Độn cũng không ngoài chủ trương đó; đại khái nói rằng: Khi thanh thế tiểu nhân đang lên, người quân tử nên biết rút lui cho hợp thời, đúng lúc, như vậy mới là biết cơ trời. Độn có nhiều nghĩa:

- Độn là qui ẩn.

- Độn là xá lánh tiểu nhân.

- Độn là lánh nạn, v.v...

I. Thoán.

Thoán Từ.

遁 . 亨 . 小 利 貞 .

Độn. Hanh. Tiểu lợi trinh.

Dịch.

Rút lui ẩn lánh mới hay,

Ở ăn chính đáng, lợi nay vẫn còn.

Thoán Từ viết: **Độn. Hanh. Tiểu lợi trinh**. Trình Tử và Chu Tử giải mỗi người một cách. Trình Tử cho rằng: **Thoái tàng** để giữ cho đạo lý được chu toàn. Người quân tử gặp lúc tiểu nhân đang lên, vẫn có thể khéo xử mà vớt vát, vãn hồi tình thế được phần nào. Như vậy ba chữ **Tiểu lợi trinh** có nghĩa là **làm việc lớn không lợi, làm việc nhỏ cũng còn có lợi**. Chu Hi giải chữ **tiểu** là **tiểu nhân**, và cho rằng: lúc đang gặp thời mà tiểu nhân giữ được chính đạo cũng lợi.

Các nhà bình giải Dịch, thường theo một trong hai cách này: Kiến An Khâu thị cho rằng: **Độn. Hanh** là khuyên quân tử nên rút lui, để mọi sự được êm đẹp (**Độn nhi hanh dã**). **Tiểu lợi trinh** là khuyên tiểu nhân hãy xử cho phải, đừng lăng bức người quân tử quá mức. (Xem Đại Toàn). Ta ghi nhận một định lý như sau: Độn 2 Âm ở dưới, 4 Dương ở trên. Âm đang thế tiến, Dương đang thế thoái: tức là Âm trưởng, Dương tiêu (**Quân tử kiến cơ nhi tác**). Thấy vậy, sẽ lo việc thoái taàng, qui ẩn.

Thoán Truyện.

彖 曰 . 遁 亨 . 遁 而 亨 也 . 剛 當 位 而 應 . 與 時 行 也 .

小 利 貞 . 浸 而 長 也 . 遁 之 時 義 大 矣 哉 .

Thoán viết:

Độn hanh. Độn nhi hanh dã. Cương đáng vị nhi ứng. Dữ thời hành dã.

Tiểu lợi trinh. Tẩm nhi trưởng dã. Độn chi thời nghĩa đại hỹ tai.

Dịch.

Rút lui ẩn lánh mới hay,

Tuy mình quyền lực trong tay vẫn còn.

Cương cường xứng với ngôi trên,

Còn người hưởng ứng, vẫn còn oai nghi.

Biết thời, tới lúc nên về, Theo thời hành sự, mọi bề hanh thông.

Phù trì chánh đạo một lòng,

Tiểu nhân ảnh hưởng đang dâng, ngại gì.

Công trình ấy chẳng lớn chi,

Nhưng mà lợi ích thường khi vẫn còn.

Trong **Thoán Truyện**, đức Khổng cũng nhận định đại khái rằng:

1- Rút lui hợp thời trời, mới êm đẹp. (**Độn nhi hanh dã**)

2- Rút lui phải cho đúng thời, đúng lúc; rút lui hay nhất là khi mình còn đang ở trong thế kẻ mạnh, có quyền, có vị, có người hưởng ứng. (**Cương đáng vị nhi ứng. Dữ thời hành dã.**)

3- Rút lui là nên, vì người quân tử sáng suốt nhận định được rằng ảnh hưởng của tiểu nhân đang lừng lững tiến lên. (**Tiểu lợi trinh.**

Tẩm nhi trưởng dã.)

4- Rút lui hợp thời là một công chuyện không nhỏ, không dễ. (**Độn chi thời nghĩa đại hỹ tai.**)

Lý Long Sơn bình rằng:

Âm Dương, hàn thử, đều có thời. Âm đạo lớn thịnh là thời tiểu nhân đắc thế; lúc ấy người quân tử nhẫn nhịn để chờ thời, sau ắt thắng. Nếu đem lòng giận dữ, hết sức kháng cự, ấy là chẳng biết thiên thời, ắt hứng lấy những điều hung họa. Như thời Nguyên Thành nhà Hán, Hoằng Cung, Thạch Hiển đang đắc thế ở trong, mà bọn Tiêu Vọng Chi, Lưu Hướng, Chu Vân chẳng biết nhún nhường, mà lánh đi để đến nỗi bị họa. Lại như trong thời Hoàn Kinh, Tào Tiết, Vương Phụ đắc thế ở trong, mà bọn Lý Ưng, Trần Phồn, Đậu Vũ, chẳng biết nhún nhường, mà lánh đi để đến nỗi bị giết...

Gặp thời Độn, người quân tử dẫu còn đang có thế lực, có địa vị, cũng nên biết tùy thời mà quyền nghi. Rút lui đúng lúc thời hay. Đời thường nói: Cửu tọa lịnh nhân yếm (ngồi lâu khiến người ta phát chán). Mình dẫu có hay, nhưng ngồi mãi một chức vị, đóng mãi một vai trò, rút cuộc vẫn làm cho người chán mình, thà rút lui, khi lòng người còn luyến tiếc mới hay. Vả lại tiệc vui cũng có lúc tàn. Người xưa nói: Thiên hạ vô bất tán đích diên tịch. Chính là vì vậy.

II. Đại Tượng Truyện

象 曰 . 天 下 有 山 . 遁 . 君 子 以 遠 小 人 . 不 惡 而 嚴 .

Tượng viết.

Thiên hạ hữu sơn. Độn. Quân tử dĩ viễn tiểu nhân. Bất ác nhi nghiêm.

Dịch.

Tượng rằng: *Độn là núi ở trên trời,*

Khiến người quân tử lánh gnười tiểu nhân.

Chẳng cần thanh sắc dữ dằn,

Mình nghiêm họ sẽ đằng thằng lảng xa.

Độn là núi ở dưới trời. Núi cao vun vút, vươn mình lên không trung, như muốn lăng bức trời; nhưng càng vươn lên càng thấy trời xa lắc, y như trời muốn dùng sự cao xa của mình để phân cách với núi non.

Người quân tử đối với kẻ tiểu nhân cũng vậy; trong khi tiểu nhân đắc thế, mình không cần phải làm mặt giận, mày dữ đối với họ, mà chỉ cần lập nghiêm, cũng đủ cho họ kiêng nể, xa lánh. Đó là cách thức Khổng Tử đối đãi với Dương Hổ. *Tượng viết.* **Thiên hạ hữu sơn. Độn. Quân tử dĩ viễn tiểu nhân. Bất ác nhi nghiêm.**

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào bàn về các cách ẩn độn, những cái hay, cái dở trong việc ẩn độn, thoái tàng. Các nhà bình giải thường không đồng ý với nhau về nhiều phuong diện, nhiều vấn đề.

Để có một ý niệm khái quái về 6 hào, ta có thể mượn lời của Ngu Sơn, Tưởng vấn Thiên, tác giả quyển Dịch Lý Thước, mà bình như sau:

Quẻ Độn mà thượng quái là quẻ Kiền. Kiền là cương kiện, tượng trưng cho sự quyết liệt rũ bỏ mọi sự để qui ẩn. Hạ quái là Cấn, là chỉ sự bịn rịn, lưu luyến, không rứt nổi tư tình để ra đi. Cho nên **Hạ quái không hay bằng Thượng quái**.

Độn càng xa càng tốt, nên các Hào càng lên trên càng tốt. Xét sáu Hào, thì **Hào S**ơ độn là lẩn quẩn ở hàng dưới, thì đâu phải là độn thật; **Hào Hai** không muốn độn, mà ở lại; **Hào Ba** độn mà còn bị vấn vương, sắp trốn đi mà lòng còn chưa quyết; **Hào Bốn** là gạt bỏ được tư tình, mà nhẹ nhàng cao chạy xa bay; **Hào Năm** là gửi mình theo chính đạo, cho nên độn mà vẫn gặp may, gặp lành; **Hào Sáu** là ẩn dật, thoát vòng tục lụy.

Nhưng cứ theo lẽ Dịch, không thể chấp nhất và nghị luận một chiều, cần là biết thức thời.

1. Hào Sơ Lục.

初六. 遁尾.厲.勿用有攸往.

象曰. 遁尾之厲.不往何災也.

Sơ lục. **Độn vĩ. Lệ. Vật dụng hữu du vãng**.

Tượng viết.

Độn vĩ chi lệ. Bất vãng hà tai dã.

Dịch.

Rút lui mà quẩn đằng đuôi,

Nguy rồi, dở dói lôi thôi làm gì.

Tượng rằng*: Rút lui sau chót là nguy.*

Mình không dở dói, hại gì ở đâu.

Sơ Lục là những hạng người chậm chân chạy trốn, mà chỉ lẩn quẩn ở khúc đuôi, như vậy ắt là nguy (**Độn vĩ. Lệ. Vật dụng hữu du vãng**). Tuy nhiên Sơ là những hạng người tầm thường, chẳng có chức vụ gì quan trọng, nên miễn là họ đừng dở dói gì, cứ ẩn nhẫn, nép mình chờ thời, thì cũng chẳng đến nỗi mang tai họa (**Bất vãng hà tai dã**).

2. Hào Lục nhị.

六二. 執之用黃牛之革.莫之勝說.

象曰. 執用黃牛.固志也.

Lục nhị. **Chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách. Mạc chi thắng thoát**.

Tượng viết.

Chấp dụng hoàng ngưu. Cố chí dã.

Dịch.

Rút lui lòng đã nhủ lòng,

Khăng khăng như đã thắt bằng da trâu.

Da trâu dây thắt chặt sao,

Khít khao, chặt chẽ ai nào cởi ra?

Tượng rằng:

Giữ giàng bằng luôt da trâu,

Thế là cố chí, trước sau một lòng.

Hào Lục nhị, Trình Tử cho rằng Nhị và Ngũ lấy nhẽ Trung chính và thuận mà gắn bó, cố kết lấy nhau, như buộc bằng da trâu vậy. Ngô thị, Tập thị, theo đòi Trình Tử cũng giải rằng: Lục nhị là trung thần cật ruột, không thể bỏ nhiệm sở mà trốn đi. Đó là trường hợp Cơ Tử xưa với chủ trương nhất định không trốn, không rút lui (Ngã bất cố hành độn). (Kinh Thư, Vi Tử, 9).

Chu Tử và Thái Thị giải đại khái rằng: **Hào Hai** gặp thời độn, biết cẩn trọng giữ gìn từ lời ăn tiếng nói, đến hành động, cử chỉ, vaà nhất định ẩn độn, không ai can được. Hai quan niệm trên tuy có khác nhau nhưng đều hữu lý.

3. Hào Cửu tam.

九三. 系遁.有疾厲.畜臣妾吉.

象曰. 系遁之厲.有疾憊也.畜臣妾吉.不可大事也.

Cửu tam. **Hệ độn. Hữu tật lệ. Súc thần thiếp cát**.

Tượng viết.

Hệ độn chi lệ. Hữu tật bái dã. Súc thần thiếp cát. Bất khả đại

sự dã.

Dịch.

Độn mà bịn rịn, vấn vương,

Thế là nguy hại, tai ương rành rành.

Con hầu đầy tớ quẩn quanh,

Nuôi người sai sử, âu đành rằng hay.

Tượng rằng*: Bịn rịn nên nguy,*

Tinh thần bải hoải suy vi bàng hoàng.

Con hầu, đầy tớ xốn xang,

Phàm làm đại sự, ham làm được đâu.

Hào Cửu tam đại khái chủ trương:

a) Đã ẩn độn, đã lánh nạn, mà bịn rịn thê nhi (**Hệ độn. Hữu tật lệ**) thì rất nguy hiểm, vì đương sự sẽ khó quyết định, khó xoay sở. Khi Trùng Nhĩ tị nạn sang nước Tề. Tề Hoàn Công hỏi: Công tử có mang theo gia quyến không? Trùng Nhĩ thưa rằng: Bổn phận tôi đi một mình còn khó giữ, rảnh rang chi mà mang hết cả nhà.

b) Nhưng có vong thần, có quân hầu, đầy tớ cũng hay (**Súc thần thiếp cát. Bất khả đại sự dã**). Trùng Nhĩ khi lưu vong nhờ có bọn hiền thần là Hồ yển, Hồ mao, Giới Tử Thôi, và Triệu Thôi, nên sau mới phục quốc được (Tấn Văn Công tức Trùng Nhĩ).

Khi đã hồi trào, Tấn Văn Công tưởng thưởng cho những người có công; có tiểu thần Hồ Thúc tâu rằng: Tôi từ Bồ Thành đi theo Chúa công, đi khắp bốn phương, chân đã mòn gót, ở thì tôi lo bữa ăn, bữa ngủ; đi tôi lo nỗi ngựa xe, chớ hề phút nào rời Chúaa công bên tả bên hữu, nay Chúa công ban thưởng kẻ tòng vong, mà chẳng nhắc tới tiểu thần, tưởng khi tiểu thần có tội chi chăng? Tấn Văn Công nói: Ngươi bước tới đây, ta nói rõ cho ngươi nghe: vả

những người dạy ta nhân nghĩa, khiến ta mở mang gan phổi, thì được thượng thưởng; giúp ta dùng mưu lược, khiến ta chẳng phục tùng chư hầu, thì được thứ thưởng; xông tên đá, lướt mũi nhọn, lấy thân che đỡ cho ta, thì được kế thứ thưởng. Cho nên thượng thưởng là thưởng đức; thứ thưởng là thưởng tài, kế thứ là thưởng công; còn như đi đứng nhọc nhằn là sức kẻ thất phu; phải sau bậc tam thưởng, chừng đó mới tới ngươi. Hồ Thúc nghe thì bằng lòng, mắc cỡ mà lui ra.

Lời của tấn văn Công giúp ta hiểu tại sao **Súc thần thiếp** mà lại **cát** của Hào này.

4. Hào Cửu tứ.

九四. 好遁君子吉.小人否.

象曰. 君子好遁.小人否也.

Cửu tứ. **Hiếu độn quân tử cát. Tiểu nhân phủ**.

Tượng viết.

Quân tử hiếu độn. Tiểu nhân phủ dã.

Dịch.

Rút lui quên hết riêng tư,

Hiền nhân thời tốt, phàm phu chẳng lành.

Tượng rằng*:*

Hiền nhân thích chuyện rút lui,

Tiểu nhân, trái lại khó rời chân đi.

Hào Bốn cho rằng chỉ người quân tử mới cắt đứt được tư tình, dám vì công nghĩa mà rứt áo ra đi; còn kẻ tiểu nhân thì bịn rịn vấn vương, khác hẳn người quân tử (*Cửu tứ*. **Hiếu độn quân tử cát. Tiểu nhân phủ dã**).

5. Hào Cửu ngũ.

九 五 .　　嘉 遁 . 貞 吉 .

象 曰 .　　嘉 遁 貞 吉 . 以 正 志 也 .

Cửu ngũ. **Gia độn. Trinh cát**.

Tượng viết.

Gia độn trinh cát. Dĩ chính chí dã.

Dịch.

Rút lui êm ả tốt sao

Đường đường, chính chính, nhẽ nào chẳng hay.

Hào Cửu ngũ đắc trung, đắc chính, nên mới dùng chữ **Gia độn**, là rút lui một cách đẹp đẽ.

Nói đến Gia độn, ta liên tưởng đến **Charles de Gaulle**. Năm 1946, khi đang làm thủ tướng lâm thời nước Pháp, chán cảnh nội các chia làm năm bè, bảy bối, ông liền từ chức. Ông nói: Các ông đã vì đảng phái, mà cãi cọ, chia rẽ nhau. Tôi không chấp thuận điều đó, nhưng trừ phi thiết lập chính sách độc tài, đó là điều tôi không muốn, và là chuyện sẽ có kết cuộc chẳng hay; tôi không còn cách nào để ngăn ngừa được cơ sự các ông đang làm này; vì vậy tôi phải rút lui. Nếu các ông thất bại, ít ra tôi còn được nguyên vẹn. (Trích báo Time, Nov. 23, 1973, page 1).

Sau một thời gian, lập đảng chính trị và tái xuất giang hồ, năm 1955, ông lại rút lui vào bóng tối. Ông tuyên bố cùng quốc dân Pháp: Tôi có lời từ giã các bạn, chúng ta sẽ không gặp nhau lại, trừ phi giông tố dập vùi nước Pháp.

Năm 1958, chiến tranh Algérie là giông tố, muốn dập vùi nước Pháp thật sự, các tướng lãnh và quân đội yêu cầu ông ra cứu vãn

tình hình. Ông bằng lòng, với điều kiện phải để ông lập chế độ Tổng thống. Ông chủ trương Ngị viện bàn cãi, các Tổng bộ trưởng cai trị, viện bảo hiến suy nghĩ, Tổng thống của nền cộng hòa quyết định. Làm Tổng thống từ năm 1958 đến 1969, ông thấy dân chúng có vẻ chán ông, không còn tín nhiệm ông như cũ, ông liền từ chức năm 1969, tuy ông còn mấy năm nhiệm kỳ, ông về quê là Colombey, và đánh lên Paris 1 điện văn từ chức, vắn tắt như sau: «Tôi không giữ chức Tổng thống của nước Cộng Hòa nữa. Quyết định này có hiệu lực kể từ trưa hôm nay.»

Vì biết rút lui đúng lúc, khi mà mình hãy còn nhiều uy quyền, thế lực, nên ông giữ được lý tưởng ông, do đó mà chẳng những nước Pháp, mà cả thế giới cảm phục ông. thật đúng là **Gia độn trinh cát. Dĩ chính chí dã**. Các công thần khi đã làm xong nhiệm vụ giao phó, liền qui ẩn, vui thú điền viên, chứ không vì lợi lộc mà nấn ná lại chốn triều đình. Kinh Thư viết: **Thần võng nhi sủng lợi cư thành công** (Kinh Thư, Thái Giáp hạ, 9.)

6. Hào Thượng cửu.

上 九 .　　肥 遁 . 無 不 利 .

象 曰 .　　肥 遁 . 無 不 利 . 無 所 疑 也 .

Thượng cửu. **Phì độn. Vô bất lợi**.

Tượng viết.

Phì độn vô bất lợi. Vô sở nghi dã.

Dịch.

Rút lui hớn hở mới hay,

Thế nên ích lợi, mắn may mọi đàng.

Tượng rằng: *Rút lui hớn hở vẹn toàn,*

Là vì dạ chẳng nghi nan, lo lường.

Thượng cửu. **Phì độn. Vô bất lợi**. Phì độn là độn, là rút lui mà lòng khoan khoái, vì thế mà làm việc gì cũng hay cũng lợi. Gọi là **Phì độn**, vì Hào Thượng Cửu là vô vị, tượng trưng cho một hiền tài, muốn thoát vòng cương tỏa, lợi danh. Chỉ lấy đạo đức làm cao lương, lấy nhân nghĩa làm mỹ vị, như vậy đúng là **Phì độn. Hào này khiến ta nhớ đến trường hợp trương Lương.** Trương Lương sau khi giúp Bái Công thống nhất Trung Nguyên, uy tín lừng lẫy, liền xin rút lui qui ẩn, đóng cửa từ khách, để tu tâm dưỡng tánh.

Con ông là Trương Tích Cường một hôm hỏi ông: Nay cha đã làm thầy của vua, ghe phen lập nhiều công lớn, làm quan tới chức tam công, lẽ thì ăn ngọc thực muôn chung, an hưởng giàu sang, lâu dài với nước, làm công thần muôn đời, cũng chẳng phải là quá lắm, sao lại đóng cửa từ khách, ở chỗ vắng vẻ mà chịu thanh khổ như vầy, là ý chi vậy?

Trương Lương nói: Con biết sao được, vả chăng trong đời mà ham giàu sang, là vui công danh đã được, mừng vinh hoa nhãn tiền, ngồi cao mà hưởng, nhất hô, bá ứng, thê thiếp đầy nhà, ca xướng đầy tai, thì đã gọi là cái chí bình sinh đã tột rồi, chứ chẳng có biết ngôi cao tột bực nhân thần, thì thiên hạ hay ghen ghét, trèo cao không lẽ mà không té, chứa đầy không lẽ không tràn; vua nghi mình quyền trọng, trời ghét kẻ đầy tràn; kẻ ghét đã mong lòng gấm ghé, người hiềm chờ dịp đẩy đưa, chẳng may mà cửu trùng sinh giận, nhiều miệng xúi nói vào, thì chừng ấy hết kẻ đỡ che, chạy đi đâu cho khỏi, có phải mình đã bị hại mà vợ con lại mang tai; phú quý vinh hoa phủi tay trong nháy mắt. Chi cho bằng vui chơi non nước, hưởng thú giang hồ, say túi càn khôn, giỡn bầu nhật nguyệt, riêng ở một nhà, vào ra thong thả, tuy ở vắng vẻ một mình mà trong lòng khoái lạc; thà ăn rau cỏ sớm trưa, mà toại chí tiêu dao, vinh nhục khỏi lo, không màng danh lợi, an thân bảo mạng, thong thả trọn đời, giữ trọn tiếng luong thần, chẳng hơn cuộc vinh hoa phú quý sao? Trương Tích Cường bái phục và nói rằng: nay con mới biết ý cha, ấy là **đạo minh triết bảo thân đó**.

ÁP DỤNG QUẺ ĐỘN VÀO THỜI ĐẠI

Nếu ta làm thương mại nhỏ, mà có kẻ mở cơ sở cùng nghề với ta, gần địa điểm thương mại của ta, nhưng **lớn mạnh hơn ta**, cốt ý

chèn ép ta, thì ta phải lo rút lui, càng sớm càng tốt, sẽ đỡ bị thiệt hại hơn.

Nếu ta đi làm nơi hãng xưởng, mà gặp phải tiểu nhân có **thế lực mạnh hơn ta**, mà ta không thể thân thiện với họ được, vì bất đồng chính kiến, hoặc tư tưởng, thì ta cũng liệu tìm sở khác, để cho tâm tư thanh thản hơn, và để tránh những va chạm, có thể gây nguy hại cho mình sau này.

Nếu khi đã lập gia đình, mà phải ở chung với đại gia đình, thì ta **phải biết lễ độ, kính trên, nhường dưới**, nhưng nếu chẳng may sự kính nhường đó cũng không thể làm vừa lòng mọi người, thì ta nên cùng vợ hay chồng ra ở riêng một cách êm đẹp thì hơn.

Khi tuổi đã xế chiều, ta phải liệu từ bỏ bớt công việc, để đỡ hại cho sức khỏe, và phải giữ sao cho tâm thần thanh thản, nụ cười luôn nở trên môi, hướng về Thương Đế, chớ đừng lúc nào cũng than oán, cáu kỉnh, giận hờn, thì không nên vậy. ta nên như câu thơ này:

Răng long đầu bạc mặc tình,

Đừng bao giờ nói rằng mình già nua.

Thần thông trời đã phú cho,

Bạc đầu, lòng vẫn phởn phơ, nhẹ nhàng.

34. 雷天大壯 LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

大壯 Đại Tráng
遯者退也
物不可以終遯
故受之以大壯

Đại Tráng Tự Quái

Đời mà trốn mãi cũng kỳ,

Nên rằng: Đại Tráng để ghi quật cường.

Quẻ Đại Tráng tiếp sau quẻ Độn, như để nói lên sự biến dịch, tuần hoàn, doanh hư, tiêu tức của Trời đất. Độn là thời Âm trưởng, Dương tiêu; Đại Tráng là thời Dương trưởng, Âm tiêu.

I. Thoán.

Thoán Từ.

大 壯：利 貞。

Đại Tráng. Lợi trinh.

Dịch:

Lớn mạnh (Đại Tráng) muốn hay cần chính đáng.

Gọi bằng Đại Tráng, vì Dương là Đại, Âm là Tiểu; ở đây 4 Dương đang hồi cường thịnh, nên gọi bằng Đại Tráng. Hon nữa Quẻ Đại

Tráng, dưới có Kiền là cương kiện, trên có Chấn là Lôi, là Động; thử hỏi còn gì mạnh hơn sấm sét được. Đại Tráng là thời kỳ Dương thịnh, mà Dương tượng trưng cho tinh hoa Trời đất, cho tất cả những gì chính đại quang minh. Cho nên trong Thoán Truyện đã đề cập đến 2 chữ Chính Đại.

Quẻ Đại Tráng, bàn về uy dũng, nhưng lại đề cao uy dũng tinh thần, uy dũng của đạo nghĩa nhân đức.

Uy dũng, nhưng minh chính, uy dũng nhưng vẫn biết Tri cơ hành sự, uy dũng nhưng hoạt động luôn theo quy định phương pháp. Cho nên, uy dũng ở đây không phải là vũ dũng. Sức mạnh con người có thể phân chia thành nhiều loại:

- Sức mạnh của thể chất hay **Sức lực**

- Sức mạnh của cơ mưu hay **Trí lực**,

- Sức mạnh của tâm tình hay **Tâm lực**,

- Sức mạnh của địa vị hay **Thế lực**.

- Sức mạnh của uy quyền hay **Quyền lực**

- Sức mạnh của **đức độ**.

Người ta có thể dùng sức mạnh mình sẵn có, để mà làm những chuyện hay, cũng như chuyện dở. Dịch khuyên dùng sức mạnh để làm điều hay, để thực hiện nghĩa lý mới tốt, mới lợi. Vì thế Thoán viết: **Đại Tráng, lợi trinh**. Dịch cho rằng, tất cả những năng lực tiềm tàng trong vũ trụ này là cốt giúp cho con người **thực hiện sự cao đại**. Hiểu được điều đó là hiểu được ý Trời.

Thoán truyện.

Thoán Truyện viết:

大 壯 , 大 者 壯 也。 剛 以 動 , 故 壯。 大 壯 利 貞 : 大 者 正 也。

正 大 而 天 地 之 情 可 見 矣 !

Đại Tráng. Đại giả Tráng dã. Cương dĩ động. Cố tráng. Đại Tráng lợi trinh.

Đại giả chính dã. Chính đại nhi thiên địa chi tình khả kiến hỹ.

Dịch.

Quẻ Đại Tráng, Dương đà tráng thịnh,

Cứng động, nên mới mạnh, mới cương.

Mạnh mà minh chính, đường hoàng,

Mới hay, mới lợi lẽ thường xưa nay.

Đại là chính đại, thẳng ngay,

Hoằng dương chính đại, biết ngay tình Trời.

Tào Thăng bình quẻ Đại Tráng như sau: **Đại Tráng là chính đại**. Dương trưởng mà cương động; đại là chính. Trời đất có chính khí, chính khí ấy lưu hành tràn ngập vũ trụ, cho nên trên trời thì sinh ra nhật nguyệt, tinh cầu; dưới đất thì sinh ra cúi cao, sông rộng. thánh nhân nuôi dưỡng khí hạo nhiên của Trời đất; chí đại chí cương; giữ nhân cách mình cho tôn nghiêm, và là sư biểu cho đời về nhân luân; các ngài không bao giờ có lời nghị luận kỳ quặc, không bao giờ có những hành động a dua; các ngài cương kiên, thiết thạch, chí trung, chí chính.

Người quân tử theo gương Thánh nhân cũng cố vươn lên cho tới cao đại, cố thực hiện công chính. Khi phú quý không hoang dâm, phóng túng, lúc bần hàn chẳng đổi dời tiết tháo, uy vũ không khuất phục được chí khí... cái quý của sĩ phu, chẳng phải là tại đó sao?

II. Đại Tượng Truyện.

象曰:　雷 在 天 上，大 壯；君 子 以 非 禮 弗 履。

Tượng Viết:

Lôi tại thiên thượng. Đại Tráng. Quân tử dĩ phi lễ phất lý.

Dịch.

Tượng rằng*: Sấm động trên Trời;*

Là to, là mạnh, khắp nơi vang rền.

Những điều chẳng phải, chẳng nên.

Đã là quân tử, tất nhiên chẳng làm.

Tượng truyện tiếp tục bàn rằng: muốn có sức mạnh tinh thần, người quân tử phải theo đúng định luật của Trời đất. Mà định luật của Trời đất là: Tập trung thời mạnh, phá tán thời yếu, cho nên người quân tử đừng để cho tâm thần bị phá tán trước những cám dỗ của dục vọng, của ngoại cảnh, thời mới trở nên mạnh được.

Sách xưa có câu: Lòng Chân nhân như hạt châu tại vực thẳm; lòng chúng nhân như bèo bọt trên mặt nước; thật là chí lý vậy.
người **dũng cảm** đối với Nho gia là con người theo đúng thiên lý, xét lòng mình không thấy điều chi đáng trách, đáng thẹn.

Người **dũng cảm là người biết liêm sỉ**. Có liêm sỉ mới biết xấu hổ, vì thấy mình còn hèn kém, mới nỗ lực gắng công, mới có thể cải hóa, tự tân, cố gắng tiến bước, và như vậy nghị lực tinh thần mới dần dần tăng trưởng thêm được mãi.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

Các Hào lại tiếp tục bàn về sức mạnh, và các cách thi triển về sức mạnh, dở cùng như hay.

Muốn hiểu sáu Hào này trước tiên, ta phải nhận định rằng: Chí khí, dũng cảm, đối với Đức Khổng không phải liều mạng, bạo hổ, bằng hà, không phải là cương dõng như người phương Bắc, mê thích binh đao; ngủ cũng đeo gươm, mặc giáp, chết cũng không sao. (Trung Dung X); mà dũng tức là giữ được niềm hòa khí, lúc

nào cũng sống với đạo lý của mình, dù lúc nước nhà bình yên, hay lúc giang sơn nghiêng ngửa.

1. Hào Sơ Cửu.

初九:　壯 于 趾，征 凶，有 孚。

象曰：　壯 于 趾，其 孚 窮 也。

Sơ Cửu. tráng vu chỉ. Chinh hung. Hữu phu.

Tượng viết:

Tráng vu chỉ. Kỳ phu cùng dã.

Dịch.

Mạnh mà mạnh ở ngón chân.

Ra đi ắt sẽ đâm xầm hung tai.

Tượng rằng*: mạnh ở ngón chân,*

Ra đi ắt sẽ đâm xầm hung tai.

Hào Sơ chê những người không biết tự lượng, ở cấp dưới mà cậy sức muốn làm đại sự, hoặc mới bắt tay vào một công việc mà cậy vũ dũng, cứ hùng hục mà tiến tới; những người như vậy ắt sẽ đi đến bại vong.

Hào này làm ta nhớ đến Long Đàm, một tên tiểu hiệu của vừa mới được thăng quan, đà muốn xin đi làm tiên phong, để đến nỗi bị nguyên soái Tiên Chẩn mắng cho một trận, vuốt mặt không kịp. (Đông Châu Liệt quốc, Võ Minh Trí 537)

Hào này làm ta liên tưởng đến Mạnh minh Thị và Kiển Thúc đem quân Tần đi đánh Tấn, nhơn nhơn cậy sức mạnh, mà không cần tìm hiểu về địa hình, địa thế, nên đã mắc nạn tại Hào Sơn, khiến quân sĩ bị tận diệt, còn mình thì giơ tay chịu trói. (Đông Châu Liệt quốc trang 566-568)

Vì thế Hào Sơ mới nói bóng bẩy mà rằng: Mới mạnh nơi ngón chân, mà đã tập tễnh ra đi, chắc chắn sẽ mắc hung họa, cùng khốn. Sơ Cửu: **Tráng vu chỉ. Chinh hung, Hữu phu**. Tượng viết: **Tráng vu chỉ. Kỳ phu cùng dã.** Chữ **Hữu phu** ở đây, phải hiểu là chắc chắn, chữ **Kỳ phu cùng dã**phải hiểu là chắc chắn sẽ bị khốn cùng.

2. Hào Cửu nhị.

九二:　　貞吉。

象曰：　九二貞吉，以中也。

Cửu nhị. Trinh cát.

Tượng viết:

Cửu nhị trinh cát. Dĩ trung dã.

Dịch.

Bền lòng, minh chính mới hay,

Tượng rằng*: Cửu nhị mới hay,*

Là vì trung đạo bấy nay chu toàn.

Hào Cửu nhị. Trinh cát. Tượng viết: Cửu nhị trinh cát. Dĩ trung dã. Thế là Hào Cửu nhị đề cao hai chữ Trung và Chính. (Trinh)

Tấn văn Công muốn tìm người làm nguyên soái. Triệu Thôi tiến cử Khước Cốc mà thưa rằng: làm nguyên soái, mạnh chẳng bằng trí, trí chẳng bằng có học; như dùng kẻ trí dõng thì không thiếu gì; bằng dùng kẻ có học, duy có một Khước Cốc mà thôi. Cốc năm mươi tuổi, ham học, biết lễ, có nhân, lại thông binh pháp. Binh là dân, biết thương dân thì dùng binh mới được. Văn Công khen phải, bèn vời Khước Cốc làm nguyên soái, cũng lấy **nhân nghĩa, trung tín** để thu phục lòng người, mà lập nên nghiệp bá. Thế là Trung Chính vẫn hay, vẫn lợi.

3. Hào Cửu Tam.

九三:　小人用壯，君子用罔，貞厲。羝羊觸藩，羸其角。

象曰：　小人用壯，君子罔也。

Cửu tam. Tiểu nhân dụng tráng. Quân tử dụng võng. Trinh lệ.

Đê dương xúc phiên. Luy kỳ giốc.

Tượng viết:

Tiểu nhân dụng tráng. Quân tử võng dã.

Dịch.

Tiểu nhân cậy sức mạnh mình,

Còn người quân tử đã đành là không.

Dậu phên dê đực húc nhăng,

Húc càn phên dậu, vướng sừng chẳng ra.

Tượng rằng:

Tiểu nhân cậy sức mạnh mình,

Còn người quân tử đã đành là không.

Câu: **Tiểu nhân dụng tráng. Quân tử dụng võng** của Hào ba này có thể giải bằng hai cách:

Chu Hi, Trình Tử cho rằng: Dụng võng đây đây là khinh thường, là coi thường. Các ông cho rằng: tiểu nhân mà dùng lực, quân tử mà khinh thường, thời đều hay mắc họa.

Lai Trí Đức, Wilhelm, Legge, R.G.H, Siu đều dịch chữ **quân tử dụng võng** là người quân tử không làm như vậy.

Sở muốn đánh Tấn. Tiên Chẩn khuyên Tấn Văn Công xuất quân đánh, vì đánh ắt thắng. Hồ Yển trái lại khuyên Tấn Văn Công nên tránh quân Sở, và lui binh 90 dặm, để giữ lời Văn Công hứa với

quân Sở khi xưa.

Khi phá Sở xong, Tấn Văn Công ban sư, luận công ban thưởng, phong cho Hồ Yển công đầu, Tiên Chẩn công thứ. Các quan tâu hỏi rằng: Vả trận Thành Bộc thì một tay Tiên Chẩn dùng kỳ mưu mà phá Sở, nay lại phong Hồ Yển làm đầu công là sao? Văn Công đáp: Trận Thành Bộc thì Tiên Chẩn dốc đánh Sở để thủ thắng, còn Hồ Yển thì dốc tránh Sở để thủ tín. Vả chăng cái công thủ thắng, làm nên trong một thủa, còn thủ tín làm có lợi muôn đời, thì có lý nào đem công một thủa mà gác lên công muôn đời hay sao? Vì vậy phải phong công đầu cho Hồ Yển. Chư tướng nghe rõ rồi, ai ai cũng đều khâm phục. (Đông Châu Liệt quốc, Võ Minh Trí - 534)

Thế là võ lực không bằng tín nghĩa (đức độ).

4. Hào Cửu tứ

九四:　貞吉悔亡，藩決不羸，壯于大輿之輹。

象曰：　藩決不羸，尚往也。

Hào Cửu tứ. Cửu tứ. Trinh cát hối vong.

Phiên quyết bất luy. Tráng vu đại dư chỉ phúc.

Tượng viết:

Phiên quyết bất luy. Thượng vãng dã.

Dịch.

Một lòng minh chính mới hay,

Hết ngay hối hận, hết ngay phàn nàn.

Dậu phên giăng mắc đã tan,

Cưỡi xe trục mạnh, đàng hoàng ruỗi rong.

Tượng rằng*: Dậu hết vướng ngăn,*

Cưỡi xe rong ruỗi, băng băng dặm trường.

Hào Cửu Tứ đứng đầu quần dương, tức là lãnh tụ trong đám quân tử, vì thế hào tứ khuyên hãy giữ con đường minh chính mới hay, mới lành, mới khỏi ăn năn hối hận. Hào Cửu tứ trước mặt có hai Hào Âm, vì thế mới nói dậu phên đã bị khai phá, không còn là trở ngại nữa.

Lại nói có sức mạnh tinh thần, sẽ lướt thắng được mọi trở lực, cũng như nhờ sức mạnh vô hình của cốt xe, của trục xe, mà xe mang nổi được cả xe.

Cửu tứ. Trinh cát hối vong. Phiên quyết bất luy. Tráng vu đại dư chi phúc. Cũng có thể hiểu rằng: Nhờ sự kiên trì, bền bĩ, con người sẽ lướt thắng được mọi trở lực, cùng như nhờ sức mạnh vô hình của cốt xe, của trục xe, mà xe mang tải được nhưng trọng lượng lớn. Tấn Văn Công, nhờ ở sự kiên trì, bền bĩ, nên sau nhiều năm lưu lạc, đa trở về tấn mà lập nghiệp bá. Khi mà trở lực hết rồi, thòi có thể thẳng tiến mãi mãi. Vì thế Tượng bàn thêm: **Phiên quyết bất luy. Thượng vãng dã**. Thượng đây là tiến lên mãi mãi.

5. Hào Lục ngũ.

六五:　喪羊于易，無悔。

象曰：　喪羊于易，位不當也。

Lục ngũ. Táng dương vu dị. Vô hối.

Tượng viết:

Táng dương vu dị. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Ôn hòa, dê hết lố lăng,

Ôn hòa đối xử, ăn năn lẽ nào.

Tượng rằng*: Ôn hòa dê hết lố lăng,*

Vị ngôi chẳng đáng, hung hăng cách nào.

Hào Lục ngũ nói: **Táng dương vu dị. Vô hối.** Có nhiều cách giải nghĩa hào này: Trình Tử giải rằng: Hào năm Âm nhu, mà bốn Hào dưới toàn là Dương. Khí thế hung hăng, nhưng Lục ngũ có thể dùng Âm nhu, mà hóa giải được sự cương táo của quần Dương. Trương Trung Khê cũng giải như vậy, và trích lời vua Quang Võ: **Ta lấy nhu mà trị thiên hạ.**

Tượng viết: **Táng dương vu dị. Vị bất đáng dã**.

6. Hào Thượng lục.

上六：　羝羊觸藩，不能退，不能遂，無攸利，艱則吉。

象曰：　不能退，不能遂，不祥也。艱則吉，咎不長也。

Thượng lục. Đê dương xúc phiên. Bất năng thoái.

Bất năng toại. Vô du lợi. Gian tắc cát.

Tượng viết:

Bất năng thoái. Bất năng toại. Bất tường dã.

Gian tắc cát. Cữu bất trường dã.

Dịch.

Dậu phên dê đực húc càn,

Tiến lui đều mắc, biết làm sao đây.

Bề nào cũng chẳng mắn may,

Biết mình gặp khó, mới hay, mới lành.

Tượng rằng:

Tiến lui đều chẳng được nào,

Thế là gặp lúc lao đao, chẳng lành.

Biết mình gặp bước chông chênh,

Là hay, vì biết tội tình làm sai.

Hào Thượng lục này tượng trưng cho một người đi quá trớn, thành ra mắc kẹt tiến thoái lưỡng nan, chẳng khác nào con dê húc càng vào dậu, vướng sừng không thể tiến lui được nữa. Nếu họ sớm nhận ra khuyết điểm của mình, thời tội lỗi cũng không bao nhiêu. Vì thế Thượng lục nói: **Đê dương xúc phiên. Bất năng thoái. Bất năng toại. Vô du lợi. Gian tắc cát.**

ÁP DỤNG QUẺ ĐẠI TRÁNG VÀO THỜI ĐẠI.

Ta sinh ra đời, phải biết dùng sức mạnh mình mà thay đổi ngoại cảnh, để mọi sự sẽ tiến tới thành toàn. Chúng ta phải có kế hoạch cho cuộc đời ngay từ thủa còn thơ. Ta phải biết ta phải làm những gì, sẽ làm những gì; và cố gắng thực hiện nó. Nhưng đôi khi, kế hoạch dự định đó khó, thì ta cần phải có chí khí và dũng cảm.

Con người dũng cảm, chí khí, là con người:

- Thấy việc nghĩa nhất định phải làm.

- Thiết tha với hoài bão của mình.

- Tìm mọi biện pháp để thực hiện.

- Bền tâm, dốc chí thực hiện cho được hoài bão đó, không quản khó nhọc, gian lao.

Chúng ta phải hiểu rõ: sức mạnh của chân tay, chỉ giải quyết được những công việc nhỏ, nhưng sức mạnh của trí lực hơn gấp bội phần. Ví dụ: muốn phá núi để mở đường, nếu dùng sức người thì

sao bằng dùng thuốc nổ.

* Một người mẹ thương con, họ có thể hy sinh hết cho con. Một người đang hư hỏng, hoang đàng, nếu yêu tha thiết một người nào, có thể thay đổi để trở thành một người tốt. Đó là sức mạnh tâm tình.

* Một người làm nên, có địa vị, hoặc giầu có, thì đi giao thiệp hay làm việc gì đều có lợi hơn một người không có gì cả. Đó là sức mạnh của Thể lực.

* Lưu manh, trộm cướp, phá hại xã hội, chỉ có chính quyền mới tiêu diệt nổi chúng. Đó là sức mạnh của Quyền lực.

Tóm lại, chỉ có sức mạnh của bạo tàn thì sẽ không đi tới đâu!

35. 火地晉 HỎA ĐỊA TẤN

晉序卦：Tấn tự quái
物不可以終壯 Vật bất khả dĩ chung tráng
故受之以晉 Cố thụ chi dĩ Tấn
晉者進也 Tấn giả tiến dã.

Tấn Tự Quái

Mạnh rồi, chẳng lẽ mạnh suông,

Cho nên quẻ Tấn vẽ đường tiến lên,

Tấn là tiến lên, sáng láng, rục rỡ, như mặt trời mọc lên dần dần, tỏa ánh quang huy ra khắp mọi nơi.

Dịch Kinh có 3 quẻ đề cập đến sự tiến triển.

- Một là Tấn, là mặt trời tiến lên. Hai là Thăng, là cây từ lòng đất vươn lên. Ba là Tiệm, là cây từ sườn non vươn lên. Trong ba quẻ, thì Tấn là phát triển, thẳng tiến mạnh nhất. Quẻ Tấn trên là Ly, có nghĩa là quang minh, dưới là Khôn, có nghĩa là nhu thuận. Thượng minh, hạ thuận, tức là ứng vào một hoàn cảnh mà vua thời minh, tôi thời hiền, dưới trên tương đắc.

I. Thoán.

Thoán Từ.

晉：康侯用錫馬蕃庶，晝日三接。

Tấn. Khang hầu. Dụng tích mã phồn thứ. trú nhật tam tiếp.

Dịch. *Thoán T*ừ.

Tấn như một vị khang hầu

Được ban nhiều ngựa, ngày chầu ba phiên.

Thoán đề cập đến một vị khang hầu, giúp vua trị an đất nước, được vua hết sức sủng ái, ban cho ngựa xe đầy rẫy, lại còn cho vào triều kiến một ngày mấy lần. Kinh Thi, Đại nhã, Thiên hàn Dịch có tả cảnh Hàn Hầu, dòng dõi vua Đại Võ, về triều yết kiến vua Chu Tuyên Vương (827-781), được vua này hết sức trọng đãi, và ban cho cờ, xe, và nhiều đồ quý giá để trang hoàng cho xe ngựa.

Xuân Thu Tả Truyện có chép rằng: năm Hi Công thứ 28, Tấn Hầu là Tấn văn Công Trùng Nhĩ về triều kiến vua Bình Vương, cũng đã được vua này phong cho làm bá và đã được vào triều yết tất cả là ba lần.

Thoán Truyện.

彖曰:　　晉，進也。 明出地上，順而麗乎大明，柔進而上行。

是以康侯用錫馬蕃庶，晝日三接也。

Thoán viết:

Tấn. Tiến dã. Minh xuất địa thượng. Thuận nhi lệ hồ đại minh.

Nhu tiến nhi thượng hành. Thị dĩ khang hầu. Dụng tích mã phồn thứ.

Trú nhật tam tiếp dã.

Dịch.

Thoán rằng*: Tấn ấy tiến lên,*

Sáng từ mặt đất, sáng lên rõ ràng.

Thuận thừa nương ánh dương quang,

Mềm từ dưới thấp, nhịp nhàng tiến lên.

Nên rằng: hầu tước uy quyền,

Được ban nhiều ngựa, ba phiên ngày hầu.

Thoán Truyện, giải **Tấn là Tiến**. Vừng Dương từ chân trời, lừng lững tiến mãi lên, tung tỏa quang huy, chiếu soi cùng muôn vật, vì thế nên gọi là Tấn. Tấn, về phương diện nhân sự, ứng vào thời có quân minh, thần trung; thần thì một lòng thần phục đấng minh quân; đấng minh quân thời biết khuất kỷ, hạ hiền. Vì thế mới nói: **Tấn. Tiến dã. Minh xuất địa thượng. Thuận nhi lệ hồ đại minh.**

Quẻ tấn là từ quẻ Quan biến thành. Hào Lục tứ quẻ Quan tiến lên thành Hào Lục ngũ quẻ Tấn; vì thế nên nói: **Nhu tiến nhi thượng hành.** Những quẻ kép, mà có Ly ở trên, thường hay có chữ **Nhu tiến nhi thượng hành.** Nơi quẻ Phệ Hạp, thì lại nói: **Nhu đắc trung nhi thượng hành**, nhưng ý cũng như vậy.

II. Đại Tượng Truyện.

象曰:　明出地上，晉;君子以自昭明德。

Tượng Viết:

Minh xuất địa thượng. Tấn. Quân tử dĩ tự chiêu minh đức.

Dịch. *Tượng rằng:*

Lửa từ mặt đất tấn cao.

Nên người quân tử chuốt chau tính Trời.

Người quân tử thấy mặt trời từ lòng đất mọc lên, cũng bắt chước làm cho tàn lửa thiên chân trong mình ngày một thêm sáng tỏ.

- Mặt trời, vốn quang minh; bị trái đất che khuất mới không sáng soi được.

- Thần trong ta, vốn quang minh; bị dục tình che khuất mới không sáng soi được.

Vậy chúng ta phải **khử nhân dục**, thì vừng Dương thiên lý trong ta mới bừng sáng lên được.

Dịch muốn cho chúng ta, đi đến chỗ phối thiên huyền hóa. Cho nên mới khuyên ta tự cường bất tức, để theo gương trời tự chiêu minh đức, làm rạng tỏ vầng sáng thiên chân trong tâm hồn ta, để tranh huy với vùng dương của Trời đất.

Mới hay lời khuyên của Dịch vừa hay, vừa sâu sắc.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ lục.

初六:　晉如，摧如，貞吉。 罔孚，裕無咎。

象曰：　晉如，摧如；獨行正也。 裕無咎；未受命也。

Sơ lục. Tấn như tồi như. Trinh cát. Võng phu. Dụ vô cữu.

Tượng viết:

Tấn như tồi như. Độc hành chính dã. Dụ vô cữu. Vị thụ mệnh dã.

Dịch. Sơ lục.

Tiến lên, mà bị cản lui,

Lòng luôn minh chính, âu thời mắn may.

Ví bằng đấy chửa tin đây,

Lâng lâng, thanh thản lòng này quản chi,

Vậy thời nào có lỗi gì?

Tượng rằng:

Tiến lên, mà bị cản lui,

Thi hành chính đạo, âu thời riêng ta.

Lâng lâng, thanh thản khoan hòa,

Là vì lộc nước, mệnh vua chưa từng.

Hào Sơ lục là bước đâu tiên của một hiền thần, trên con đường tiến thân. Muốn tiến lên, mà lại bao khó khăn, trắc trở còn đang chờ đợi. Vì thế Hào từ mới nói: **Tấn như tồi như**, tiến lên mà bị ngăn chận, bắt phải lui.

Trong trường hợp ấy, hãy biết chờ thời, ăn theo lẽ phải, ung dung, thanh thản, sống cho qua ngày, đừng nóng lòng vội, tiến như vậy mới khỏi lỗi lầm.

Hàn Tín từ Hàm Dương băng rừng, vượt suối, để về thần phục Bái Công. Tuy Hàn Tín có thư của Trương Lương tiến cử với Bái Công để lãnh chức Nguyên Nhung nhưng Hàn Tín không chịu đưa bức thư ấy ra vội.

Bái Công mới đầu không tin Hàn Tín có tài, nên chỉ cho làm một chức quan nhỏ coi lương hướng; nhưng Hàn Tín không lấy thế làm buồn, vẫn ra sức làm phận sự cho chu toàn. Thật là **Võng phu. Dụ vô cữu**.

Khi người chưa tin mình, mình cứ sống ung dung, thanh thản, mới tránh khỏi lỗi lầm. Vả lại mình chưa cơm nặng áo dầy của ai, thì việc chi mà chẳng sống cho tiêu sái (**Dụ vô cư. Vị thụ mệnh dã**).

2. Hào Lục nhị

六二:　晉如，愁如，貞吉。 受茲介福，于其王母。

象曰：　受之介福，以中正也。

Lục nhị.Tấn như sầu như. Trinh cát. Thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu.

Tượng viết;

Thụ tư giới phúc. Dĩ trung chính dã.

Dịch. *Lục nhị*.

Tiến lên lòng những âu sầu,

Một niềm minh chính, trước sau tốt lành.

Rồi ra phúc lộc quân doanh,

Là vì trung nghĩa, phân minh đường hoàng.

Hào Lục nhị, tượng trưng những bậc thần tử có tài, muốn tiến lên, cho vua biết mặt, chủ biết tên, nhưng bị những quan chức triều đình úy kỵ, ghét ghen, cố dìm, không để cho xuất đầu lộ diện được. Trong trường hợp ấy, cũng vẫn phải cư xử cho phải phép, chóng chầy rồi sẽ được vinh hoa, quyền cao, chức trọng, vì thế Hào từ mới nói: **Tiến như sầu như. Trinh cát. Thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu.** Chữ Giới đây nghĩa là lớn. Chữ **vương mẫu** đây ám chỉ Hào Lục ngũ, tức là vua.

Tiết nhân Quý là một anh tài xuất chúng, ra đầu quân để đi Chinh Đông giúp vua Đường, chém tướng phá thành, mà bao công lao đều bị Trương Sĩ Quý gạt gẫm chiếm hết cho con rể là Hà Tôn Hiến. Mãi mãi, chỉ là một tên Hỏa đầu quân, đến nỗi một đêm phải nhìn trăng mà than rằng: Trăng ôi! Trăng có biết ta là Tiết Nhân Quý đứng đây; vì công danh nên bị khổ, bấy năm chày khóa hải Chinh Đông, biết bao công khó, chẳng hay chúa thượng có rõ nỗi lòng, chớ ở Nguyệt Tụ Hiệu này hoài, thì cực thân quá đỗi.

Nghĩ như bọn quân kia, có nhiêu người còn hớn hở, kẻ thì tiền công, người thì rượu thưởng, vui vầy, còn ta chịu khó nhọc phá thành này, lấy lũy nọ, suốt đời làm Hỏa Đầu quân, mãi mãi vậy thôi. Biết ngày nào trả đặng ơn dầy, đền nghĩa nặng, còn vợ con nơi hang đá, ấm lạnh cũng chẳng hay. Trăng ôi! Trăng dẫu biết, cùng chẳng biết, lòng nghĩ riêng, bi thiết mà thôi. (Chinh Đông, trang 120).

Mãi sau này, khi một ngựa, một kích, đánh bại Cáp Tô Văn, cứu được vua Đường Thế Tôn, mới dần dần khôi phục được công lao. Lấy chuyện Tiết Nhân Quý, để giải thích Hào Lục nhị này, tưởng

không gì thích hợp hơn.

3. Hào Lục tam.

六三:　　眾允，悔亡。

象曰：　眾允之，志上行也。

Lục tam. Chúng doãn. Hối vong.

Tượng viết:

Chúng doãn chi. Chí thượng hành dã.

Dịch. Lục tam.

Mọi người ý hợp, tâm đầu,

Còn đâu hối hận, còn đâu phàn nàn.

Tượng rằng: Mọi người ý hiệp, tâm đầu,

Con đường tiến bộ, cùng nhau thượng hành.

Hào Lục tam. Khi một vị anh tài đã được mọi người kính phục, thì bấy giờ bước tiến sẽ thanh thản, và không còn gì bận lòng nữa. Khi Hàn Tín đã đem sở học của mình, làm cho Tiêu Hà, Đằng Công phục rồi, bấy giờ mới mang thư tiến cử của Trương Lương ra cho họ xem. Tiêu Hà, Đằng Công lại một phen nữa bảo tấu cho Hàn Tín.

Bái Công, sau khi đã rõ đầu đuôi, mới phục tài Hàn Tín, mới chịu lập đàn bái tướng, phong Hàn Tín làm Phá Sở Đại Nguyên Soái. Thế đúng là: Chúng doãn chi. Chí thượng hành dã.

4. Hào Cửu tứ.

九四:　晉如碩鼠，貞厲。

象曰：　碩鼠貞厲，位不當也。

Cửu tứ. Tấn như thạng thử. Trinh lệ.

Tượng viết:

Thạch thử trinh lệ. Vị bất đáng dã.

Dịch. Cửu tứ.

Tiến mà như chuột, hay chi,

Gian manh như chuột, ắt khi nguy nàn.

Tượng rằng:

Gian manh như chuột, ắt nguy,

Vị ngôi chẳng xứng, ắt khi lỡ làng.

Hào Cửu tứ là một Hào Dương, nằm sát ngay dưới Hào Lục ngũ, nhưng lại đè trên 3 hào Âm. Như vậy chẳng khác nào một gian thần che mắt vua, mà đè nén người có công ở dưới. Triều đình xưa nay, thường hay có hạng gian thần này. Dịch Kinh sánh họ với những con chuột đồng. Chuột đồng thì tham ăn, sợ người, sợ ánh sáng; ngày nấp, đêm ra. Những bọn gian thần cũng tham quyền cố vị; úy kỵ kẻ hiền tài, lại chuyên làm những điều ám muội.

Vì thế nói: Tấn như thạng thử. Trinh lệ.

Trong Kinh Thi, Ngụy Phong cũng có bài thơ Thạch Thử để mà chi; trích bọn tham quan này.

5. Hào Lục ngũ.

六五:　晉其角，維用伐邑，厲吉無咎，貞吝。

象曰：　維用伐邑，道未光也。

Lục ngũ. Hối vong. Thất đắc vật tuất. Vãng cát vô bất lợi.

Tượng viết:

Thất đắc vật tuất. Vãng hữu khánh dã.

Dịch. Lục ngũ.

Hết còn hối hận, phàn nàn,

Cuộc đòi thành bại, chẳng màng, chẳng lo,

Khi nên, trời sẽ giúp cho,

Rồi ra muôn sự tròn vo, êm đềm.

Tượng rằng: Đắc thất chẳng màng,

Việc gì rồi cũng muôn vàn mắn may.

Lục ngũ, tượng trưng bậc đại minh, mà người dưới đều thuận phục, như vậy làm gì chẳng nên, có việc gì mà phải ăn năn nữa. Vì thế nói: Lục ngũ, Hối vong.

Ngự Án cho rằng: Lục ngũ là vị khang hầu, và cũng là chủ quẻ Tấn này, vì Thoán Từ nói đến một vị khang hầu được đãi ngộ hẳn hoi. Thoán Truyện lại nói: Nhu tiến nhi thượng hành. Thoán Từ đòi hỏi vị khang hầu phải là người hoàn hảo. Những người tiến lên, mà còn nhỏ nhen, bo bo chuyện đắc thất, Ngự Án coi họ như là con chuột đồng, hay những kẻ phàm phu. Còn những bậc đại công thần, thì chỉ biết tận trung báo quốc, không màng đến chuyện được mất, lợi hại.

Ngược lại, các nhà bình giải lại cho rằng: Lục ngũ là một vị anh quân, khi đã tìm được hiền thần phụ bật rồi, thì đừng nên quá quan tâm về chuyện đắc thái, như vậy mới hay.

Chữ đắc thất vật tuất, đây phải hiểu là được, mất chớ lo. Người

xưa cho rằng: mình hãy lo nghị luận chi xác đáng, đừng lo lợi lộc, hãy lo làm cho đạo nghĩa sáng tỏ, đừng kẻ công lao. (Nhân chính, kỳ nghị, bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đảo, bất kể kỳ công).

Trương Trung Khê bình rằng: Lục ngũ là một vị quân chủ biết làm sáng tỏ đức sáng của mình, nên thiên hạ, thần dân ai cũng thuận phục, như vậy không còn gì phải phàn nàn.

Nếu mà lại có thể giữ cho lòng không bị hệ lụy, bởi những chuyện đắc thất, không để cho ưu tư làm hao tổn lao lung, rồi cứ đường ấy mà tiến, thì làm gì mà chẳng hay, chẳng lợi.

Vì thế mới nói: Thất đắc vật tuất. Vãng cát vô bất lợi

6. Hào Thượng cửu

上九:　晉其角，維用伐邑，厲吉無咎，貞吝。

象曰：　維用伐邑，道未光也。

Thượng Cửu. Tấn kỳ giác. Duy dụng phạt ấp. Lệ cát. Vô cữu. Trinh lận.

Tượng viết: Duy dụng phạt ấp. Đạo vi quang dã.

Dịch. Thượng củu.

Tiến mà tiến độc đôi sừng,

Ấp mình riêng trị, trị chừng ấy thôi.

Biết nguy, biết hiểm, may rồi,

Trị binh khéo léo, âu thời lỗi chi.

Nếu như sinh dụng quyền uy,

Ưa dùng võ lực, thế thì tiếc thay.

Tượng rằng: Đánh độc ấp mình,

Nghĩa là đạo đức chưa thành quang hoa.

Thượng Cửu nói: Tấn Kỳ giác. Tiến bằng sừng, tức là đã hết đường tiến rồi, đã tiến đến cùng rồi.

Lúc ấy Trình Tử cho rằng cần phải biết tự trị, tự xử cho hay, lại phải biết đề phòng nguy hiểm, mới tốt.

Chữ Duy dụng phạt ấp của Hào này được Trình Tử giải như sau: Chinh phạt tứ phương là trị ngoại, chinh phạt ấp mình là trị nội. Nói phạt ấp tức là nói tự trị phía bên trong. Ngự Án cũng cho rằng, khi đã tiến đến cùng rồi, hãy lo giữ mình, đừng làm điều sằng bậy; ở nhà thì lo giáo hóa con cái, cai trị tôi đòi, khi ra ngoài thì giao thiệp cho nghiêm cẩn. Bằng cứ một mức tiến nữa, dẫu may mà chẳng gặp hiểm nguy, nhiều khi vẫn thấy tự thẹn với lòng.

Có nhiều nhà bình giải lại cho rằng: lúc Tấn đã đến cùng cực, nếu cần phải dùng võ lực, để sửa trị ấp mình thì cũng được đi, không có gì đáng trách (Duy dụng phạt ấp. Lệ cát. Vô cữu). Tuy nhiên, khi mà đức độ chưa đủ cảm lòng người, còn phải dùng võ lực để chinh phục người, thì kể ra cũng đáng hổ thẹn vậy (Trinh lận).

ÁP DỤNG QUẺ TẤN VÀO THỜI ĐẠI.

Con người sinh ra đời, luôn luôn phải tiến lên, để theo kịp đà tiến hóa của nhân loại.

* Khi còn ở học đường, ta tiến lên bằng các chăm chỉ học hành, có điều gì không hiểu thì hỏi thầy, hỏi bạn, tìm hiểu thêm trong sách vở ở ngoài, chứ đừng tiến lên bằng nhưng thủ đoạn gian manh, bề ngoài thì có bằng cấp, nhưng thực tế thì kiến thức thu thập được ở học đường không bao lăm, ra ngoài khó kiếm việc làm, tạo cảnh dở khóc dở cười.

* Khi đang làm việc, muốn tăng lương, tăng chức, thì phải chăm chỉ, nghiên cứu thêm để có nhiều sáng kiến mới, phải mang những sáng kiến đó lên thượng cấp của mình. Nhưng khi mình đã được trọng dụng rồi, thì phải tùy theo trí thông minh và sức khoẻ của

mình mà tiến lên, chứ đừng cố gắng tối đa, (nhất là những người ở thành phần phát minh, phải cần có bộ óc cực kỳ sáng suốt), có thể gây ra sự suy nhược thần kinh, đó là điều quẻ Tấn muốn khuyên ta: Tiến nhưng đừng tiến vượt quá sức mình.

* Khi thấy mình là thành phần suất sắc, có khả năng đào tạo được một cơ sở độc lập, thì cứ mạnh bạo tiến lên, ví gặp khó khăn đừng nản chí, vì ở đòi có sự thành công nào mà không gặp khó khăn lúc ban đầu đâu.

Nhưng dù làm gì, cũng phải ngay thẳng, minh chính. Dùng mưu lược, thủ đoạn để bảo vệ mình thì không sao, nhưng để hãm hại người, mưu lợi cho mình, thì người quân tử không bao giờ làm.

36. 地 火 明 夷 ĐỊA HỎA MINH DI

明夷, 序卦之Quái
晉者, 進也.
進必有所傷, 故受之以明夷.
明夷者, 傷也.

Minh Di Tự Quái

Cho nên, quẻ Tấn vẽ đường tiến lên.

Tiến trình âu lắm oan khiên.

Minh Di vì vậy, nói lên sự tình.

Quẻ Minh Di, trái ngược với quẻ Tấn. Tấn là mặt trời mọc lên cao mãi, khỏi mặt đất. Minh Di là mặt trời chìm dần xuống lòng đất.

Tấn là một thời kỳ minh thịnh, trên thì có minh quân, dưới thì có hiền thần, cùng nhau tiến bước.

Minh Di, là một thời kỳ hôn ám, trên là hôn quân, dưới là quân thần thọ thương, thọ khổ.

Gọi là Minh Di, có nghĩa là ánh sáng bị thương tổn, quân tử bị thương tổn, tai nạn.

I. Thoán.

Thoán từ.

明 夷. 利 艱 貞.

Minh Di. Lợi gian trinh.

Dịch.

Minh Di mà biết nguy nan,

Lại luôn chính trực, mới gan, mới lời.

Minh Di, là thời quân tử lâm nàn, nên Thoán từ mở đầu bằng một lời khuyên: Gian nan mà vẫn giữ được chính lý, chính đạo, mới hay: **Minh Di. Lợi gian trinh.**

Thoán Truyện.

彖 曰. 明 入 地 中. 明 夷. 內文 明 而 外 柔 順. 以 蒙 大 難. 文 王 以 之.

利 艱 貞. 晦 其 明 也. 內 難 而 能 正 其 志. 箕 子 以 之.

Thoán viết:

Minh nhập địa trung. Minh Di. Nội văn minh nhi ngoại nhu thuận.

Dĩ mông đại nạn. Văn vương dĩ chi. Lợi gian trinh. Hối kỳ minh dã.

Nội nạn nhi năng chính kỳ chí. Cơ Tử dĩ chi.

Dịch.

Thoán rằng: *sáng nhập đất rồi,*

Minh Di là sáng chôn vùi tầng sâu.

Trong tuy sáng tỏ mặc dầu,

Ngoài thời nhu thuận, qua cầu gian nan.

Văn Vương gặp buổi tai nàn,

Đã theo lối đó, mới an mới lành.

Gian nan, mà vẫn trung trinh,

Thế thời ích lợi âu đành mấy mươi.

Giấu che thông sáng với đời,

Gặp cơn hoạn nạn, chẳng rời trung trinh.

Sắt son giữa buổi điêu linh,

Được như Cơ Tử, sử sanh mấy người.

Thoán Truyện giải hai chữ Minh Di là Minh nhập địa trung, nghĩa là Ánh sáng đã vào lòng đất

Thoán Truyện bày cách cho người quân tử xử sự khi gặp thời buổi Minh Di, khi mà hôn quân những toan hãm hại mình. Lúc ấy người quân tử, tuy tâm thần bên trong sáng láng, nhưng bên ngoài phải tỏ ra phục tùng, nhu thuận. Đó là đường lối Văn vương đã theo, khi gặp đại nạn, và bị Trụ Vương cầm tù bảy năm ở Dũ Lý.

Thoán rằng: **Nội văn minh. Nhi ngoại nhu thuận. Dĩ mông đại nạn. Văn Vương dĩ chi.** Mông đây là **gặp.**

Gặp thời buổi gian nan như vậy, phải biết che dấu sự thông sáng của mình, mà vẫn giữ tròn được chính đạo, thế mới là đường lối vẹn toàn. Cơ Tử đã theo được đường lối này. **Lợi gian trinh. Hối kỳ minh dã. Nội nạn nhi năng chính kỳ chí. Cơ Tử dĩ chi.** Gặp lúc hôn quân nghi kỵ, mà không dấu được sự thông minh sáng láng của mình, tất sẽ gặp hoạn nạn; bằng không giữ được lòng ngay chính, thì không phải là những trang hiền minh, trung liệt.

Người xưa nói: Người có nhân, không vì thịnh suy, mà đổi tiết, Người có nghĩa, không vì còn, mất mà thay lòng. Thực đúng là trường hợp Cơ Tử. Văn vương và Cơ Tử chẳng những đã khéo xử, trong thời Minh Di, nên đã thoát được tay Trụ Vương hãm hại, mà còn lợi dụng được thời Minh Di, mà làm nên sự nghiệp.

Văn Vương, trong 7 năm bị giam cầm ở Dũ Lý, đã biết lợi dụng thời gian đó mà làm Dịch. Còn Cơ Tử giả cuồng, giả dại, đem thân ở đợ cho người, thời lại phát minh ra được vi ý Lạc Thơ của Đại Võ mà viết thành thiên Hồng Phạm Cửu Trù, truyền lại cho hậu thế. Như vậy chẳng đáng phục lắm sao?

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰. 明 入 地 中. 明 夷. 君 子 以 蒞 眾. 用 晦 而 明.

Tượng viết:

Minh nhập địa trung. Minh Di. Quân tử dĩ lỵ chúng. Dụng hối nhi minh.

Dịch. Tượng rằng:

Sáng vào lòng đất, Minh Di,

Nên người quân tử cũng y tượng trời.

Xuề xòa đối đãi với người,

Bề trong sáng suốt, bề ngoài giả lơ.

Tượng Truyện nhân quẻ Minh Di, dạy chúng ta bài học trị dân. Dịch cho rằng: khi người quân tử đến với dân, không nên quá soi mói, tuy bề trong mình sáng láng, nhưng bề ngoài nhiều khi phải giả lơ như là không biết, không nghe. Thế tức là: **Quân tử dĩ lỵ chúng. Dụng hối nhi minh.**

Mũ miện của vua chúa xưa, thường có những bông tua rủ xuống trước mắt, trước tai, hoặc dùng bình phong che ngoài cửa, cốt tỏ muốn nhắm mắt bưng tai, làm ngơ bớt trước những lỗi lầm của kẻ dưới.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九.　明 夷 于 飛 . 垂 其 翼 . 君 子 于 行. 三 日 不 食.

有 攸 往. 主 人 有　言.

象 曰：　君 子 于 行 , 義 不 食 也。

Sơ Cửu. Minh Di vu phi. Thùy kỳ dực. Quân tử vu hành.

Tam nhật bất thực. Hữu du vãng. Chủ nhân hữu ngôn.

Tượng viết:

Quân tử vu hành. Nghĩa bất thực dã.

Dịch. Sơ Cửu.

Minh Di, tăm tối nguy thay,

Tìm đường cao chạy xa bay cho rồi.

Cố sao che được mắt người,

Như chim rũ cánh, vẻ ngoài thọ thương.

Ra đi quân tử lo lường,

Ba ngày ròng rã chẳng màng uống ăn.

Đi đâu, cũng bị tiếng tăm.

Miệng đời đàm tiếu, lăng nhăng quản gì.

Tượng rằng: *quân tử ra đi,*

Cố sao đi thoát, quản gì uống ăn.

Sơ Cửu tượng trưng cho ngươi quân tử gặp thời Minh Di, nhưng hãy còn xa hôn quân, xa họa hoạn.

Lúc ấy phải xử trí ra sao? Thưa phải tìm đường cao phi, viễn tẩu. Thế tức là **Minh Di vu phi.** Tống Bản thập tam kinh giải chữ **Vu phi**, là theo một đường lối đặc biệt, để thoát nạn, là phải giả đò ốm đau, bệnh hoạn, để dễ bề rút lui, chẳng khác nào con chim bị thương, rũ cánh xuống; **Thùy kỳ dực.**

Đã đi trốn được rồi, phải đi cho cấp tốc, kẻo bị bắt lại; đừng kể chi đến ăn uống nữa, dầu nhịn đói ba ngày mà cứu được mạng mình, cũng nên nhịn mà trốn. **Quân tử vu hành. Tam nhật bất thực**. Khi hiểm nguy chưa biểu lộ, mà mình lo đi gấp, âu sẽ có nhiều người chê cười, cho là hèn nhát, là điên cuồng. Nhưng người quân tử phải **kiến cơ nhi tác,** chứ không đợi nước đến chân mới nhảy. Vì thế Hào từ viết thêm: **Hữu du vãng. Chủ nhân hữu ngôn.** Chữ

Chủ nhân đây không nhất thiết phải là chủ nhân của mình, mà cũng có thể hiểu trống là người ta. Trình tử cũng giải thích rằng: Mình ra đi, mà có người nói xấu sau lưng mình.

Khi Mục Sinh, rời nước Sở, thì Thân Công, Bạch Công, đều chê là chẳng phải, chứ đừng nói chi đến người thường, nhưng có biết đâu Mục Sinh ra đi để lánh nạn Tư Mỹ. Các nhà bình giải Quẻ Minh Di, cũng thường lấy chuyện các hiền thần đời vua Trụ, mà giải các Hào.

Hào Sơ này làm ta liên tưởng đến Bá Di, chạy lên biển Bắc; Thái Công Vọng, chạy ra biển Đông, để lánh nạn Trụ Vương. Bầy mưu, tính kế, để cao chạy xa bay, đó là cách thế người xưa thường dùng.

Đọc Tây Hán Chí, ta thấy Bái Công, Trương Lương và Trần Bình, phải tốn bao tâm cơ, mới được Hạng Võ cho phép vào Hán Trung. Và khi đã được Hạng Võ chấp thuận rồi, Bái Công đã vội vã ra đi, thoát nanh vuốt Hạng Võ, sớm chừng nào hay chừng nấy. Thật đúng là: **Quân tử vu hành. Nghĩa bất thực dã.**

2. Hào Lục nhị.

六二. 明夷于左股.用拯.馬壯.吉.

象曰. 六二之吉.順以則也.

Lục nhị. Minh Di. Di vu tả cổ. Dụng chửng. Mã tráng. Cát.

Tượng viết:

Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tắc dã.

Dịch.

Minh Di phải buổi nhiễu nhương,

Làm cho đùi trái thọ thương mất rồi.

Ngựa hay, sẽ cứu được người,

Ruổi rong lưng ngựa, may thời ắt may.

Tượng rằng: *Lục nhị gặp may,*

Vì theo phép nước, chẳng thay đổi lòng.

Lục nhị đây là một bậc hiền minh chi tài, gặp thời Minh Di, mà biết ăn ở theo lẽ **trung chính,** lại bên ngoài, biết tỏ vẻ nhu thuận, phục tùng.

Những người như vậy, dẫu gặp hoàn cảnh éo le, nguy hiểm, vẫn biết thuận thời tự xử, chờ tới khi có người đến cứu thoát, cũng y thức như một người mới bị thương, và chân trái tuy không đi được, nhưng nếu có ngựa hay, ngựa mạnh, vẫn có thể cưỡi mà trốn thoát. Vì thế, Dịch mới nói: **Lục nhị. Minh Di. Di vu tả cổ. Dụng chửng. Mã tráng. Cát.** Đó là trường hợp Văn Vương, khi bị cầm tù ở ngục Dũ Lý. Ngài một niềm trung thuận, giữ trọn đạo bầy tôi.

Sau này, Tán Nghi Sinh sai Thái Diên và Hoàng Yêu dâng vàng bạc, châu báu, cho Vưu Bồn, Bí Trọng, để hai tên gian thần này bảo tấu với Trụ Vương, mà xin tha cho Văn Vương.

Thế tức là: **Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tắc dã.**

3. Hào Cửu tam.

九 三.　明 夷 于 南 狩. 得 其 大 首. 不 可 疾 貞.

象 曰.　南 狩 之 志. 乃 大 得 也.

Cửu tam. Minh Di vu nam thú. Đắc kỳ đại thủ. Bất khả tật trinh.

Tượng viết:

Nam thú chi chí. Nãi đại đắc dã.

Dịch.

Minh Di săn thú phía nam,

Gặp ngay chủ chốt, bắt mang trở về.

Dân tình vất vưởng, ủ ê,

Chớ nên vội vã, ép bề phép khuôn.

Tượng rằng: *Săn thú phía nam,*

Cho nên việc lớn đã làm nên công.

Cửu tam là chí minh, nên khắc với Hào Thượng Lục là ám. Vì thế nên Hào Cửu tam chính là những người anh tài, như Thang, Võ sẽ ra tay, vì dân trừ kẻ bạo tàn là Kiệt, Trụ. Họ là những kẻ đứng lên, tiến lên để ruồng bắt, những kẻ đại gian, đại ác, hại dân, hại nước.

Dịch nói: Cửu tam**. Minh Di vu nam thú. Đắc kỳ đại thủ,** chính là vì vậy. Trong công cuộc này, Dịch khuyên không nên vội vàng, nhất là khi phải chỉnh đốn lại guồng máy chính trị, tình hình xã hội. Hào từ nói: **Bất khả tật trinh,** chính là vì thế.

Kinh Thư, thiên Tửu Cáo khuyên không nên giết hại những quan chức nhà Châu, mắc tật bê tha rượu chè, mà phải giáo hoá, dẫn dụ họ. Từ khi Thành Thang thoát ngục Hạ Đài, cho đến khi lật đổ được vua Kiệt; từ khi Văn Vương thoát được ngục Dũ Lý, cho đến khi Vũ Vương lật đổ được vua Trụ, cũng phải mất nhiều năm, nhiều tháng. Tóm lại muốn lật đổ một hôn quân vô đạo, không phải là một chuyện dễ, cần phải chuẩn bị lâu dài, chứ không thể vội vã được.

4. Hào Lục tứ.

六四.　入于左腹.獲明夷之心.于出門庭.

象曰.　入于左腹.獲心意也.

Lục tứ: Nhập vu tả phúc. Hoạch Minh Di chi tâm. Vu xuất môn

đình.

Tượng viết:

Nhập vu tả phúc. Hoạch tâm ý dã.

Dịch.

Phía lòng bên trái lọt vào,

Mới hay tâm địa cơ cầu Minh Di.

Cửa nhà vội bỏ ra đi.

Tượng rằng: ruột trái *đi vào.*

Ấy là biết được gót đầu tâm tư.

Hào Lục tứ tượng trưng cho một người thân thiết của hôn quân, đã được lòng của hôn quân (**Hoạch Minh Di chi tâm. Vu xuất môn đình),** đã đi sâu được vào tâm địa của hôn quân (**Nhập vu tả phúc. Hoạch tâm ý dã),** và biết chắc chắn không có cách nào cảm hóa được hôn quân, không còn cách nào cứu vãn được sự đổ nát của triều chính, vì thế nên đành rứt áo ra đi (**Vu xuất môn đình).**

Đó là trường hợp Vi Tử, anh ruột vua Trụ, đã phải bỏ nước ra đi (Kinh Thư, Vi Tử).

5. Hào Lục ngũ.

六五.　箕子之明夷. 利 貞.

象曰.　箕子之貞. 明不可息也.

Lục ngũ. Cơ Tử chi Minh Di. Lợi trinh.

Tượng viết:

Cơ Tử chi trinh. Minh bất khả tức dã.

Dịch.

Bền gan sống buổi Minh Di,

Được như Cơ Tử, còn gì lợi hơn.

Tượng rằng: *Cơ Tử bền gan,*

Mới hay sáng láng, khó làm tắt đi.

Lục ngũ chính là trường hợp của Cơ Tử. Cơ Tử kề cận quân vương, cầm giường mối cho đất nước, vì thế Cơ Tử không thể ra đi được.

Cơ Tử, sau khi đã khuyên Vi Tử, nên đi trốn, để bảo toàn giòng giiõi nhà Thương, đã kết luận: Còn tôi, tôi không nghĩ đến chuyện đi trốn (Ngã bất cố hành độn. Kinh Thư, Vi tử), mà ở lại, thiệt càng khó xử. Muốn Trụ Vương, khỏi hại mình, ông phải giả điên, giả khùng, đi ở đợ cho người. Một hiền thần như vậy, thật đáng quí trọng. Vì thế Hào từ mới nói, **Cơ Tử chi trinh. Minh bất khả tức dã.** Cơ Tử thực là nhân vật hiếm có trong lịch sử.

Khi nhà Thương còn, thì ông đã hết sức ẩn nhẫn, đợi thời, gây dựng lại cơ nghiệp đã suy tàn. Khi nhà Thương mất, Võ vương khẩn khoản xin ông chỉ cho cách trị dân, thì ông dạy cho Hồng Phạm Cửu Trù, nhưng trước sau, ông nhất định không chịu thờ nhà Châu. Võ vương đành cho ông đến xứ Cao Ly xưng vương, lập quốc. Thật hi hữu vậy.

6. Hào Thượng Lục.

上 六. 不 明 晦. 初 登 于 天. 后 入 于 地.

象 曰. 初 登 于 天. 照 四 國 也. 后 入 于 地. 失 則 也.

Thượng Lục. Bất minh hối. Sơ đăng vu thiên. Hậu nhập vu địa.

Tượng viết:

Sơ đăng vu thiên. Chiếu tứ quốc dã. Hậu nhập vu địa. Thất tắc dã.

Dịch. Thượng lục.

Sáng không sáng lại tối thui,

Trước lên trời thẳm, sau vùi đất sâu.

Tượng rằng: *Mới đầu lên vút tận trời,*

Sau sa lòng đất, vì rời phép khuôn.

Hào Thượng Lục, là Hào cuối của quẻ Minh Di, và cũng là Hào cuối của quẻ Khôn, tượng trưng ánh sáng bị thương tổn đến cùng cực (**Bất minh hối).** Không làm sáng được đức mình, để nó trở nên tối tăm; những người thế ấy mà ở cao ngôi, sẽ làm hại những người minh chính, sau cùng họ sẽ trở lại làm hại chính họ. Đó chính là trường hợp Trụ Vương; mới đầu thì uy quyền chấn bốn phương; sau này vì mê Đát Kỷ, chuyên hãm hại hiền thần, lập ra những hình phạt khủng khiếp, như Sái Bồn, Bào Lạc, để cuối cùng cũng đi đến chỗ mất ngôi, mất nước, phải tự thiêu ở Lộc Đài. Thật đúng là : **Sơ đăng vu thiên. Hậu nhập vu địa.** Đáng cho ta phải để tâm suy nghĩ

Các nhà bình giải, thường lấy các nhân vật đời Trụ Vương mà giải quẻ Minh Di, nhưng Minh Di không phải là một trường hợp lịch sử duy nhất, áp dụng cho thời Trụ Vương mà thôi đâu; mà còn áp dụng mãi mãi trong lịch sử, mỗi khi có hôn quân định hãm hại hiền thần; trụy lạc, hoang dâm làm cho nhà tan, nước mất.

Tiểu Tượng Truyện kết luận rằng: Sự đoạ lạc xẩy ra, là vì không theo định luật tự nhiên của trời đất **(Hậu nhập vu địa. Thất tắc dã).**

ÁP DỤNG QUẺ MINH DI VÀO THỜI ĐẠI

Minh Di trên là trái đất, dưới là mặt trời. Ý nói trên là hôn quân, đè nén, áp bức, hãm hại một hiền thần ở dưới. Gặp trường hợp nguy hiểm đó, người bầy tôi này phải xử trí ra sao? Thưa, phải dấu bớt sự thông minh, sáng láng của mình, như Văn vương xưa

đã làm.

Đọc lịch sử Việt Nam và Trung Hoa, ta thấy, xưa nay các vua chúa giết công thần khá nhiều. Người xưa nói: được chim thì bẻ ná, được cá thì quên nơm, chính là vì vậy.

- Câu Tiễn giết công thần là Văn Chủng, Hán Cao Tổ giết Hàn Tín, Anh Bố và Bành Việt, và khiến cho Trương Lương qui ẩn.

-Đại Minh Hồng Võ Chu Nguyên Chương giết nguyên soái Thường Ngộ Xuân. Ở Việt Nam, thời nhà Lê, vì vụ án Thị Lộ, mà vua Lê Nhân Tông giết và chu di cả 3 họ Nguyễn Trãi. Thời Gia Long năm 16, Nguyễn văn Thành bị kết tội làm phản, và đã tự sát (1817), thật là vô vàn sự tích, không thể kể hết được.

Lời khuyên trên của Kinh Dịch, có ít người đã theo được, ví dụ như Tư Mã Ý đã giả điếc, nên đã thoát nạn.

Từ năm 1789, Pháp đã làm một cuộc Cách mạng lớn. Người ta không còn cho rằng vua chúa được trị vì là do Mệnh Trời. Người ta đề cao giá trị con người. Các Triết gia, Văn gia thời ấy như Diderot,Voltaire, Jean Jacques Rousseau, đã chủ trương Nhân chi sơ, tính bản thiện, (trước kia bên Âu Châu chủ trương Nhân chi sơ, tính bản ác, vì cho rằng con người sinh ra vốn đã ác, là do tội tổ tông), và cho rằng vua chúa chẳng qua chỉ là những công bộc quốc gia mà thôi. Quyền cai trị, là do dân, thuộc dân. Vì dân không đảm nhiệm được sự cai trị, nên dùng lá phiếu của mình để ủy nhiệm người khác. Và trên nguyên tắc, không ai được đặc quyền, đặc lợi gì hơn ai. Cách Mạng 1789 bùng nổ, và chọn khẩu hiệu là Tự Do, Bình đẳng và Anh em (Liberté, Égalité, Fraternité). Cũng từ thuở ấy, Đạo giáo cũng không còn được can thiệp vào chính quyền. Từ Cách Mạng Pháp, phần lớn các nước trong thiên hạ đã dần dần bỏ chế độ Quân chủ, cha truyền con nối, mà theo chế độ dân chủ, thay nhau trị dân, do dân bầu mỗi người một ít năm. Hoặc chỉ còn một số ít nước vẫn còn theo chế độ quân chủ, nhưng là quân chủ lập hiến, vua chỉ là tượng trưng, chứ không có thực quyền như xưa. Ví dụ như vua nước Anh, Nhật vv... Thật là một tiến bộ lớn cho nhân loại, và những chuyện giết chóc vô lý, cũng dần dần không còn nữa.

Ngày nay, các báo chí luôn soi mói vào công việc của chính quyền,

nên các vị Nguyên Thủ có muốn cũng không dở dói gì được. Vả lại, muốn lập một Tổng hay Bộ Trưởng, thì ngoài đề nghị của Tổng Thống, còn phải có sự khảo hạch, chọn lựa của Quốc Hội.

Theo tôi, (tác giả bài này) ngày nay hơn xưa, vì hợp tình, hợp lý hơn. Ngày nay, nếu ta bị chính quyền chèn ép, ta phải liệu cao chạy xa bay; đi làm bị cấp trên chèn ép, ta phải liệu tìm sở khác mà làm, để tránh những sự không hay có thể xẩy ra mai sau v.v...

Tóm lại, Học Dịch, Hiểu Dịch, nhưng phải Áp dụng theo Dịch nữa, thì mới là hoàn hảo.

37. 風 火 家 人 PHONG HỎA GIA NHÂN

家人 Gia Nhân
巽 Tốn
下 hạ
離 Ly
上 thượng

Gia Nhân Tự Quái

Di là thương tổn, điêu linh,

Ra ngoài thương tổn, mới quanh về nhà

Gia nhân vì thế mới ra.

Quẻ Gia Nhân, nói về gia đạo. Trong quẻ này:

*Hào Thượng Cửu là cha.

*Hào Sơ Cửu là con.

*Hào Cửu ngũ là chồng.

*Hào Lục nhị là vợ.

*Hào Cửu ngũ, Cửu tam là 2 anh em.

*Hào Lục tứ, Lục nhị là 2 vợ của chúng.

Như vậy, mọi người trong gia đình đều được đề cập tới. Hào Thượng Cửu đây là một Hào Dương cương, tượng trưng rằng trong nhà quyền hành phải ở trong tay người cha.

I. Thoán.

Thoán từ.

家 人. 利 女 貞.

Gia nhân. Lợi nữ trinh.

Dịch.

Muốn cho gia đạo được hay,

Đàn bà cần phải chính ngay mới là.

Quẻ Gia Nhân, cho ta thấy định luật chi phối đời sống gia đình. Nếu chuyển những đinh luật này ra ngoài xã hội, quốc gia, và thế giới, chúng cũng có thể làm cho nước trị, thiên hạ bình.

Quẻ Gia Nhân, toát lược lại quan niệm của Đại Học, và của Nho Giáo. Tức là;

-Thân có tu, gia mới tề. Gia có tề, quốc mới trị, và thiên hạ mới bình.

-Nền tảng gia đình, chính là tình nghĩa vợ chồng. Vợ có chính đính, thủy chung, gia đình mới vững vàng, bền bỉ. Vì thế *Thoán t*ừ mới nói: **Gia nhân. Lợi nữ trinh.**

Thoán Truyện.

彖 曰. 家 人. 女 正 位 乎 內. 男 正 位 乎 外. 男 女 正. 天 地 之 大 義 也.

家 人 有 嚴 君 焉. 父 母 之 謂 也 . 父 父 . 子 子. 兄 兄. 弟 弟 . 夫 夫.

婦 婦. 而 家 道 正. 正 家 而 天 下 定 矣.

Thoán viết:

Gia nhân. Nữ chính vị hồ nội. Nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính.

Thiên địa chi đại nghĩa dã. Gia nhân hữu nghiêm quân yên.

Phụ mẫu chi vị dã. Phụ phụ. Tử tử. Huynh huynh. Đệ đệ. Phu phu.

Phụ phụ. Nhi gia đạo chính. Chính gia nhi thiên hạ định hỹ.

Dịch. Thoán rằng:

Gia nhân, gia đạo trong đời,

Vợ trong chính đáng, chồng ngoài hẳn hoi.

Vợ chồng ngay chính hợp đôi,

Thế là đạt lẽ đất trời xưa nay.

Cần người chủ chốt cho hay,

Mẹ cha chính đáng, cơ ngơi vững vàng.

Cha con, ai nấy đường hoàng,

Anh em, chồng vợ, chững chàng, hẳn hoi.

Moị người đúng vị, đúng ngôi,

Thế là gia đạo rạch ròi, ngắn ngay.

Toàn dân gia đạo đều hay,

Rồi ra thiên hạ đắp xây hòa bình.

Trong gia đình, người vợ phải lo việc nội trợ, phải lo săn sóc, dạy dỗ con cái, trong khi người chồng có bổn phận phải đi ra ngoài, để lo sinh kế. Vì thế, trong quẻ Gia Nhân, Hào Lục nhị là người vợ, thời ở **Nội quái**; còn Hào Cửu ngũ là người chồng thời ở **Ngoại quái**.

Phân công như vậy là đúng đường lối của trời đất, vì thế *Thoán Truyện* viết: **Gia nhân. Nữ chính vị hồ nội. Nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính. Thiên địa chi đại nghĩa dã.** Ở trong gia đình, cha mẹ phải có uy quyền đối với con cái. Con cái phải hiếu thuận đối với cha mẹ.

Nước thời có vua cai trị, mà gia đinh thời có cha mẹ cai trị. **Gia**

nhân hữu nghiêm quân yên. Phụ mẫu chi vị đã. Trong gia đình, ai nấy đều biết bổn phận mình; phải biết cách ăn ở đối với người khác.

-Cha, phải ra cha.

-Con, phải ra con.

-Chồng, phải ra chồng.

-Vợ, phải ra vợ.

-Anh, phải ra anh.

-Em, phải ra em.

Có được như vậy, thì gia đạo mới chính, mà gia đạo có chính, thời thiên hạ mới an bình. Tại sao vậy?

-Vì gia đình, chính là một quốc gia thu hẹp.

-Một người con hiếu thảo, sẽ trở thành một bầy tôi trung nghĩa.

-Anh em trong nhà, biết xử sự với nhau, trên kính, dưới nhường, thời ra đến ngoài xã hội, sẽ biết tôn trọng những bậc trưởng thượng, bảo vệ những người còn ấu trĩ.

Gia đình chính là một trường học dạy nhân luân tốt nhất. Nếu mọi gia đình, đều đua nhau phát huy luân lý, đạo đức, thì làm sao nước còn loạn lạc, xã hội còn đảo điên được. Ngược lại, nếu gia đình mà suy vi, hỗn loạn, tình gia đình mà trở nên lạnh nhạt, thì xã hội tất nhiên cũng sẽ bị xáo trộn. Vì thế *Thoán Truyện viết:* **Phụ phụ. Tử tử. Huynh huynh. Đệ đệ. Phu phu. Phụ phụ. Nhi gia đạo chính. Chính gia đạo nhi thiên hạ định hỹ.**

Đại Học cũng viết: Nhất gia nhân. Nhất quốc hưng nhân. Nhất gia nhượng. Nhất quốc hưng nhượng. (Nếu trong một nhà, mà mọi người đều nhân hậu, lần ra cả nước đều có lòng nhân hậu. Nếu trong một nhà, mà mọi người đều lễ nhượng, lần ra cả nước đều ăn ở lễ nhượng) *(Đại Học. IX).*

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰. 風 自 火 出. 家 人. 君 子 以 言 有 物. 而 行 有 恆.

Tượng viết:

Phong tự Hỏa xuất. Gia Nh**ân. Quân tử dĩ ngôn hữu vật.**

Nhi hạnh hữu hằng.

Dịch. Tượng rằng:

Gió từ trong lửa gió ra,

Gió sinh từ lửa, quẻ là Gia Nhân.

Vậy nên quân tử nói năng,

Có bằng, có chứng, nói năng rạch ròi.

Đại phàm hành xử trên đời,

Phải luôn theo đúng lẽ trời mới nên.

(Gió tự Lửa xuất là Gia Nhân. Quân tử nói lời phải cho có mấu cớ. Hành động phải cho có phép tắc bền bỉ).

Gió tự Lửa sinh. Đó là tượng trưng ảnh hưởng từ phía trong lan ra bên ngoài. Trong gia đình cũng vậy, muốn ảnh hưởng đến người, ta cần phải có sức mạnh nội tâm, giá trị nội tại. Muốn ảnh hưởng đến người khác, những lời lẽ của ta phải có một nội dung thiết thực, một giá trị thực tiễn, hợp với hoàn cảnh. Hơn nữa, lời nói của ta phải phù hợp với hành vi, với lề lối sống của ta. Nếu lời nói không đi đôi với việc làm, sẽ không có ảnh hưởng. Chu Hi tóm tắt Đại Tượng Truyện bằng mấy chữ: Thân mình có tu, thời gia đình mới trị vậy. Thật là sâu sắc và chí lý vậy.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九.　閑 有 家. 悔 亡.

　　象 曰.　閑 有 家. 志 未 變 也.

Sơ Cửu.

Nhàn hữu gia. Hối vong.

Tượng viết:

Nhàn hữu gia. Chí vị biến dã.

Dịch. Sơ Cửu.

Trị gia cốt biết đề phòng,

Ngăn ngừa kỹ lưỡng, sẽ không phàn nàn.

Tượng rằng: *Trị gia phải biết phòng ngừa,*

Từ khi tâm trí người chưa đổi rời.

Phép trị gia cốt là biết ngăn ngừa, biết đề phòng; đề phòng sao cho mọi người trong gia đình không bước vào con đường biếng lười, bê tha, tội lỗi, lăng loàn, ngang ngược

Người khôn ngoan là phải biết đề phòng. Một chủ gia đình khôn ngoan, cũng như một vị quốc quân khôn ngoan, là người biết đề phòng. Biết đề phòng sẽ tránh được nhiều tai họa. Dịch Kinh không ngớt dạy, phải Phòng nguy lự hiểm *và* Phòng vi đỗ tiệm.

Đọc **Hào Sơ Lục quẻ Khôn,** đọc **Hệ Từ** bình về **Hào Cửu ngũ quẻ Bĩ,** đọc **Hào Lục tứ quẻ Đại Súc,** với **Hào Sơ quẻ Gia Nhân,** ta thấy đều nói lên một định luật: đó là muốn ngăn cấm điều ác, muốn bế tắc điều tà, tất phải gấp lo ở lúc mới manh nha. Nếu chờ khi tà ác đã phát hiện, măng đã thành tre, lúc đó mới ra tay cấm chỉ, thời tuy có Thánh nhân dạy nó, cũng khó cho nó thành tâm, biến chất được. Cũng vì thế mà phương ngôn ta có câu: Dạy con từ thủa còn thơ; dạy vợ từ thủa bơ vơ mới về.

Có biết lo từ đầu như vậy, sẽ hết hối hận, phàn nàn về sau, vì thế Dịch Kinh mới nói: **Hối vong.**

Tượng Truyện giải thêm: Có gia đình thời phải biết đề phòng, từ

khi ý chí con người chưa kịp biến động. *Tượng viết:* **Nhàn hữu gia. Chí vị biến dã.**

2. Hào Lục nhị.

六 二.　　無 攸 遂. 在 中 饋. 貞 吉.

象 曰.　　六 二 之 吉. 順 以 巽 也.

Lục nhị. **Vô du toại. Tại trung quĩ. Trinh cát.**

Tượng viết:

Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tốn dã.

Dịch.

Chẳng cần thỏa ý riêng tây,

Lo bề gia chánh cho hay, tốt rồi.

Trung trinh, tốt biết mấy mươi.

Tượng rằng: *Hào hai sở dĩ tốt lành,*

Là vì nhu thuận, trung trinh, dịu dàng.

Hào Lục nhị đề cập đến bổn phận người đàn bà trong gia đình. Trong gia đình người đàn bà không được tự chuyên, tự quyết **(Vô du toại).** Chỉ cần lo săn sóc cửa nhà, lo vấn đề cơm nước, **(Tại trung quĩ),** thế là quí lắm rồi **(Trinh cát).** *Lục nhị :* **Vô du toại. Tại trung quĩ. Trinh cát.** Tượng Truyệnbình thêm rằng cái hay, cái khéo của người đàn bà trong gia đình, chính là sự nhu thuận, từ tốn.

Tượng viết: **Lục nhị chi cát. Thuận dĩ tốn dã.**

Muốn cho người vợ trong gia đình thuận tòng, dĩ nhiên người gia chủ phải tài ba, đức độ, khiến được cho người vợ kính phục mình.

3. Hào Cửu tam.

九 三.　家 人 嗃 嗃. 悔 厲 . 吉. 婦 子 嘻 嘻 . 終 吝.

象 曰.　家 人 嗃 嗃. 未 失 也. 婦 子 嘻 嘻 . 失 家 節 也.

Cửu tam. **Gia nhân hác hác. Hối lệ. Cát. Phụ tử hi hi. Chung lận.**

Tượng viết:

Gia nhân hác hác. Vị thất dã. Phụ tử hi hi. Thất gia tiết dã.

Dịch.

Trong nhà nem nép sợ oai,

Quá nghiêm e cũng một hai phàn nàn.

Quá nghiêm mà vững gia cang,

Quá nghiêm mà được chững chàng cũng hay.

Vợ con hi hí tối ngày,

Phàn nàn hối hận, rồi đây có lần.

Tượng rằng:

Trong nhà nem nép sợ oai,

Cũng chưa đến nỗi là sai là lầm.

Vợ con hi hí lố lăng,

Thế là hỏng hết gia phong mất rồi.

Hào Cửu tam đặt câu hỏi: Trị gia nên nghiêm hay khoan? và cho rằng: Nên nghiêm thì hơn.

Trị gia dẫu quá nghiêm, làm cho mọi người nem nép sợ uy, tuy có hơi quá, nhưng kết quả vẫn là hay, vì gia đạo nhờ đó mà có kỷ cương nề nếp. Còn trị gia, mà nhu nhược quá, thả lỏng mặc cho ai muốn làm gì thì làm, thì lễ tiết trong gia đình sẽ suy bại hết. Vì thế Dịch mới nói: **Cửu tam: Gia Nhân hác hác. Hối lệ. Cát. Phụ tử hi hi. Chung lận.**

Tượng Truyện bình thêm. *Tượng viết:* **Gia nhân hác hác vị thất dã. Phụ tử hi hi. Thất gia tiết dã.** (người nhà mà nem nép, thì cũng chưa đến nỗi mất mát gì. Vợ con mà hơn hớn, thời gia phong dám mất lắm.)

Thời xưa, phép trị gia nghiêm cẩn, nên đạo đức, luân lý, nhờ đó mà được phát huy. Ngày nay, phép trị gia hời hợt, nên mọi người đều phóng túng, dễ sa đoạ.

Thật đúng như sự tiên đoán của Dịch Kinh vậy.

4. Hào Lục tứ.

六 四. 富 家. 大 吉.

象 曰. 富 家 大 吉. 順 在 位 也 .

Lục tứ. **Phú gia. Đại cát.**

Tượng viết:

Phú gia đại cát. Thuận tại vị dã.

Dịch.

Làm giàu gia đạo rất may.

Tượng rằng:*Làm giàu gia đạo rất may,*

Vợ nhà hiền thục, xứng tày vị ngôi.

Hào Lục tứ dạy thêm: Phải làm sao cho gia đình trở nên phú

thịnh? Dĩ nhiên mỗi người phải có nghề, có nghiệp, phải sản xuất, đồng thời cũng phải biết dè sẻn, tiết kiệm trong sự chi dùng. Một yếu tố khác để cho gia đình trở nên giàu có là mọi người phải đồng lao, cộng tác cùng nhau.

Cũng có thể cắt nghĩa rằng: Sự phú thịnh trong gia đình, phần lớn là nhờ ở người nội trợ.Thực vậy, nếu người nội trợ biết thu vén, biết tùy nghi, biết tiêu pha, biết tiết kiệm, thì gia đình mới trở nên giầu có được.

Tượng viết: **Phú gia đại cát. Thuận tại vị dã.** *Tượng Truyện* cho rằng: Làm giầu cho gia đình, mà hay, mà tốt, chính là vì mọi người trong gia đình, đều biết phận sự mình, biết ăn ở xứng với địa vị mình. Nếu vậy sự giầu có ở đây, còn được hiểu là sự giầu có về tinh thần, sự đầm ấm hòa lạc của mọi người trong gia đình nữa.

5. Hào Cửu ngũ.

九五．王假有家．勿恤．吉

象曰．王假有家．交相愛也

Cửu ngũ. **Vương cách hữu gia. Vật tuất. Cát.**

Tượng viết:

Vương cách hữu gia. Giao tương ái dã.

Dịch.

Như vua đến với gia đình,

Hết còn lo lắng, tốt lành hẳn hoi.

Tượng rằng: *Như vua đến với gia đình,*

Dưới trên đầm ấm, tận tình thương yêu.

Người gia chủ đối với gia đình, cũng như một vì vua trong một

nước. Như vậy phải ăn ở sao cho xứng đáng, phải lo sao cho tài đức xứng kỳ vị, phải ý thức được trọng trách của mình, là đem lại trật tự, hoà lạc, thái thịnh và tiến bộ cho gia đình, cũng như bảo vệ, phù trì cho những người dưới quyền mình. Nếu làm được như vậy, thì chẳng việc gì phải lo, phải sợ, vì mọi sự sẽ được tốt đẹp cả. **Dịch viết: Cửu ngũ: Vương cách hữu gia. Vật tuất. Cát.**

Tượng Truyện bình thêm: **Vương cách hữu gia. Giao tương ái dã.** Người cha trong gia đình, tuy uy nghi như một vì vua, nhưng phải làm sao gây được niềm tương thân, tương ái trong gia đình. Vậy mới thật là hoàn hảo.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九.　　有 孚 威 如. 終 吉.

象 曰.　　威 如 之 吉. 反 身 之 謂 也.

Thượng Cửu. **Hữu phu uy như. Chung cát.**

Tượng viết:

Uy như chi cát. Phản thân chi vị dã.

Dịch:

Chững chàng, thành khẩn, uy nghi,

Rồi ra sẽ được thỏa thuê, tốt lành.

Tượng rằng: *Uy nghi mà được tốt lành,*

Vì mình đã có tinh thành bản thân.

Hào Thượng Cửu bàn thêm rằng: Người chủ gia đình, muốn gây được uy tín, muốn khiến mọi người kính phục, phải là con người thành tín, có đức độ thật (**Hữu phu. Uy như chi cát).** Tượng Truyện bàn rằng: Muốn gây được uy tín, trước hết mình phải biết

tự tu, tự luyện. Tượng viết: Uy **như chi cát. Phản thân chi vị dã.** Đó cũng là chủ trương của sách **Đại Học: Thân tu nhi hậu gia tề.**

ÁP DỤNG QUẺ GIA NHÂN VÀO THỜI ĐẠI

Đâu có củi, có lửa thì đấy có nhà (Phong Hỏa Gia Nhân). Gia Nhân dạy phải làm sao để tạo nên một gia đình hoàn hảo. Và cho rằng muốn được vậy, thì vợ phải ra vợ, chồng phải ra chồng, cha phải ra cha, con phải ra con, anh em phải ra anh em.

Gia đình theo Đông Phương, lấy chữ Hiếu làm đầu, lấy chữ Nghĩa làm trọng, và dạy mọi người trong gia đình, phải trọng nghĩa, khinh lợi. Gia đình Á Đông, là đại gia đình, gồm ông bà, cha mẹ, con cái. Xưa, đã có những gia đình Ngũ đại đồng đường, Tứ đại hay Tam đại đồng đường (tức 5 đời, 4 đời hay 3 đời cùng ở chung với nhau).

Ngày nay, người ta coi cá nhân là trọng, chứ không coi gia đình là trọng. Và Gia đình theo Âu Mỹ là Tiểu Gia đình chỉ gồm có vợ chồng, con cái. Chứ bố mẹ không còn ở chung với con cái. Ngày nay, người ta đề cao Tự Do cá nhân, Hạnh Phúc cá nhân, nên không còn nghĩ đến việc ở chung với cha mẹ. Cha mẹ khi già, thì vào nhà Dưỡng Lão mà ở. Hoạ hoằn thì con cái mới tới thăm nom.

Còn con cái trong nhà, thì khi đã 18 tuổi thường cũng muốn ra ngoài sinh sống, không muốn ở trong vòng kiềm tỏa của cha mẹ nữa. Vả lại, vì Nam nữ bình quyền, vì người đàn bà thường cũng đi làm lụng như đàn ông, nên công việc gia đình cũng đòi chia sẻ với đàn ông, và quyền người đàn ông trong gia đình cũng bị giảm thiểu. Người ta không chịu nhường nhịn lẫn nhau, nên hơi một tí là đòi ly dị. Và số vợ chồng ly dị ở Mỹ hiện nay không phải là nhỏ.

Thanh thiếu niên đi vào con đường tình ái quá sớm, nên những chuyện phá thai xảy ra thường xuyên, và làm cho các nhà cầm quyền điên đầu luôn. Chung qui chỉ vì Nam nữ bình quyền, Cá nhân chủ nghĩa, và Tự Do quá trớn, nên gia đình Âu Mỹ hiện nay đã bị lung lay và xao xuyến.

Thực tình mà nói, so sánh quan niệm về gia đình của Đông lẫn Tây như đã nói trên, ta thấy quan niệm Á Đông hay hơn, tuy là ngặt

nghèo hơn, còn gia đình Âu Mỹ thì càng ngày càng lỏng lẻo. Ta cũng không thể nói Âu Mỹ nên theo Á Châu, nhưng tìm cho ra một đường lối mới mẻ hay hơn, khác hơn cho Âu Mỹ ngày nay, thì quả thật là khó.

Tôi nghĩ dù sao, thì mỗi người trong gia đình đều nên nhịn nhục lẫn nhau đôi chút. Nếu ta nhìn vào bất cứ một vấn đề gì, thì ta sẽ thấy theo đà thời gian, cái gì cũng đổi thay, biến hóa. Có vậy, mới thấy mọi sự đều biến dịch. Mong sao, mọi sự sẽ đi đến chỗ đẹp đẽ, thành toàn.

38. 火 澤 睽 HỎA TRẠCH KHUÊ

睽序卦 Khuê tự Quái
家道窮必乖 Gia đạo cùng tất quai
故受之以睽 Cố thụ chi dĩ Khuê
睽者乖也 Khuê giả quai dã.

Khuê Tự Quái

Gia Nhân bàn chuyện nhân gia.

Nhà không khéo trị, hoá ra quải gàng.

Cho nên, Khuê mới ló dàng.

Khuê là gàng quải, xốn xang, chia lìa.

Khuê là chia rẽ, là chống đối nhau, là không hợp tác với nhau. Sự chia rẽ, sự bất hợp tác ấy đã được hình hiện trong quẻ Khuê. Quẻ Khuê, trên có Ly là Hỏa; dưới có Đoài là Trạch, là hồ. Lửa thời bay lên, nước hồ thì lắng xuống, như vậy có bao giờ hợp tác cùng nhau được.

Quẻ Khuê, trên có Ly là con gái giữa, dưới có Đoài là con gái út. Hai chị em, tuy sống bên nhau, mà tâm sự mỗi người gửi một phương, ước mơ của mỗi người đi một ngả, có bao giờ hợp với nhau đâu.

I. Thoán.

Thoán từ.

睽. 小 事 吉.

Khuê. Tiểu sự cát.

Dịch. Thoán từ.

Gặp thời Khuê quải chia ly.

Làm công chuyện nhỏ, dễ bề hanh thông.

Thoán từ nói: Khi mà nhân tâm đã ly tán, thì dĩ nhiên không thực hiện được đại công, đại sự. Lúc ấy chỉ nên làm những việc thường, việc nhỏ, mới nên công.

Thoán Truyện.

彖 曰. 睽. 火 動 而 上. 澤 動 而 下. 二 女 同 居. 其 志 不 同 行. 說 而 麗 乎 明. 柔 進 而 上 行. 得 中 而 應 乎 剛. 是 以 小 事 吉. 天 地 睽. 而 其 事 同 也. 男 女 睽.而 其 志 通 也. 萬 物 睽. 而 其 事 類 也. 睽 之 時 用 大 矣 哉.

Thoán viết:

Khuê. Hỏa động nhi thượng. Trạch động nhi hạ. Nhị nữ đồng cư. Kỳ chí bất đồng hành. Duyệt nhi lệ hồ minh. Nhu tấn nhi thượng hành. Đắc trung nhi ứng hồ cương. Thị dĩ tiểu sự cát. Thiên địa Khuê. Nhi kỳ sự đồng dã. Nam nữ Khuê. Nhi kỳ chí thông dã. Vạn vật Khuê. Nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thời dụng đại hỹ tai.

Dịch. Thoán Truyện.

Khuê là đôi ngả phân kỳ,

Lửa thì bay bốc, hồ thì lắng sâu.

Chị em tuy ở với nhau,

Nhưng mà chí hướng gót đầu chia phôi.

Vui nương ánh sáng cho vui,

Mềm mà thẳng tiến, để trồi lên cao.

Đắc trung, lại cứng ứng vào,

Cho nên tiểu sự thế nào cũng hay.

Đất trời, đôi ngả phân phôi,

Nhưng mà công việc, thời thôi một vành.

Gái trai, đôi ngả phân trình,

Nhưng mà ý chí, tâm tình cảm thông.

Muôn loài cách biệt giống giòng,

Nhưng mà công việc cũng không quải gàng

Sự đời ngang trái dở dang,

Mà dùng nên chuyện, ấy trang hiền tài.

Sở dĩ còn làm được những công trình nhỏ, là vì con người tuy chia rẽ, nhưng chưa đến nỗi xấu. Họ vẫn còn biết ưa chuộng, và còn thích bám víu vào những gì quang minh, đẹp đẽ **(Duyệt nhi lệ hồ minh).** Họ vẫn còn ao ước muốn vươn lên **(Nhu tiến nhi thượng hành).**

Lục ngũ vẫn còn đắc trung, và vẫn ứng được với *Cửu nh*ị là **Dương cương (Đắc trung nhi ứng hồ cương).**

Cũng như nói: thời Khuê quải, chia ly, tuy vẫn có minh quân, hiền thần, nhưng đôi đàng còn cách trở, chưa gặp gỡ được nhau. Vì thế nên tạm thời hãy thi hành những công chuyện nhỏ đã **(Thị dĩ tiểu sự cát).**

Thường ra, thì sự chia ly, chống đối sẽ sinh ra bế tắc. Nhưng trong trời đất này, nhiều khi sự chia ly, chỉ là một sự phân cực của toàn thể duy nhất. Như vậy chia ly, phải hiểu là phân công, để dễ bề tác thành một đại công, đại sự. Trời đất, nam nữ, vạn vật, tưởng chừng như chia rẽ, chống đối nhau, mà kỳ thực luôn hợp tác nhau để sáng tạo và biến hóa, để cho vũ trụ ngày thêm thành toàn. **(Duyệt nhi lệ hồ minh. Nhu tiến nhi thượng hành. Đắc trung nhi ứng hồ cương. Thị dĩ tiểu sự cát).**

Cho nên sống trong một thế giới tưởng chừng như bị gàng quải,

chia phôi, trong một vũ trụ mông mênh, muôn đường, muôn ngả, muôn nước, muôn nhà, mà tìm ra được mối manh hướng đạo, tìm ra được điểm tương đồng, mà có thể lợi dụng được mọi hoàn cảnh, mọi tình thế, để hoàn thiện mình, chẳng phải là cái hay sao? **(Thiên địa Khuê. Nhi kỳ sự đồng dã. Nam nữ Khuê. Nhi kỳ chí thông dã. Vạn vật Khuê. Nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thời dụng đại hỹ tai).**

Tóm lại, *Thoán Truyện* dạy ta hai bài học:

1. Gặp thời Khuê quải, phân kỳ, nhân tâm ly tán, người quân tử không nên sốt ruột, hãy thực hiện những công trình nhỏ đã, như vậy mới là biết thời.

2. Người quân tử phải biết lợi dụng mọi hoàn cảnh ngang trái, đối nghịch nhau để mà hoàn thiện mình. Như vậy mới tài, mới khéo.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰. 上 火 下 澤. 睽. 君 子 以 同 而 異.

Tượng viết:

Thượng hỏa hạ trạch. Khuê. Quân tử dĩ đồng nhi dị.

Dịch. Tượng rằng:

Lửa trên hồ nước là Khuê.

Ngoài đồng, trong dị, vốn lề hiền nhân.

Nước và lửa không hề pha trộn với nhau được; ngay khi kề cận nhau mà thể chất đôi bên cũng chẳng hề bao giờ chung lộn. Người quân tử cũng vậy, đừng bao giờ để cho trần ai, tục lụy làm hoen ố tâm can. Trong khi giao tiếp với những hạng phàm phu, tục tử, vẫn phải luôn luôn giữ cho tròn phẩm hạnh cao khiết của mình. Người quân tử tu đạo, tuy bề ngoài vẫn hòa đồng với người, nhưng kỳ thực, phẩm cách và chí hướng bên trong hết sức khác người. **(Thượng hỏa hạ trạch. Khuê. Quân tử dĩ đồng nhi dị.)**

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九.　悔 亡. 喪 馬 勿 逐 . 自 復 . 見 惡 人 . 無 咎.

象 曰.　見 惡 人 . 以 辟 咎 也 .

Sơ Củu:

Hối vong. Táng mã vật trục. Tự phục. Kiến ác nhân. Vô cữu.

Tượng viết:

Kiến ác nhân. Dĩ tỵ cữu dã.

Dịch. Sơ Cửu.

Khuê ly nhưng vẫn chẳng sao,

Ngựa đi mặc ngựa, sức nào săn ne?

Ngựa đi, rồi ngựa lại về,

Ác nhân dẫu gặp, ai chê được nào?

Tượng rằng: *Gặp cả ác nhân,*

Cốt sao tránh khỏi ăn năn, phàn nàn.

Trong thời **Khuê ly,** gàng quải, nhân tâm ly tán, mình vẫn tránh được lỗi lầm để khỏi phải phàn nàn về sau. Lúc ấy, bè bạn ta có thể bỏ ta, ta cũng không nên níu kéo họ lại mà chi. Cứ để họ tự do ra đi. Sau này thời thế đổi thay, họ sẽ tự ý trở lại. Cũng y như ngựa mình chạy đi, không cần đuổi theo, nó sẽ trở về **(Táng mã vật trục. Tự phục).** Lúc ấy quanh ta đầy kẻ ác nhân, ta không thể nào tránh né họ được. Vậy thì cứ đường hoàng mà gặp họ **(Kiến ác nhân. Vô cữu).** Chẳng những ta không có lỗi, mà đó còn là cách lánh được họa hoạn nữa. Vì thế *Tượng viết:* **Kiến ác nhân. Dĩ tị cữu dã.**

2. Hào Cửu nhị.

九 二.　遇 主 于 巷. 無 咎.

象 曰.　遇 主 于 巷. 未 失 道 也.

Cửu nhị.

Ngộ chủ vu hạng. Vô cữu.

Tượng viết:

Ngộ chủ vu hạng. Vị thất đạo dã.

Dịch.

Đường quê gặp chúa, không sao,

Tượng rằng: *Gặp chúa đường quê,*

Cũng chưa mất đạo, mất lề chúa tôi.

Gặp thời ly loạn như vậy, vua tôi nhiều khi lạc nhau. Nếu mà còn có thể liên lạc được cách này, cách kia được với nhau vẫn là nên. Lúc ấy cần phải quyền biến, không cần quá thủ lễ (**Ngộ chủ vu hạng. Vô cữu)** (Gặp chủ tại ngỏ hẹp, cũng chẳng có lỗi gì). Lúc ấy lòng thành khẩn hơn là lễ nghi bên ngoài **(Ngộ chủ vu hạng. Vị thất đạo dã).**

3. Hào Lục tam.

六 三.　見 輿 曳. 其 牛 掣. 其 人 天 且 劓. 無 初 有 終.

象 曰.　見 輿 曳. 位 不 當 也. 無 初 有 終. 遇 剛 也.

Lục tam.

Kiến dư duệ. Kỳ ngưu xiết. Kỳ nhân thiên thả tỵ. Vô sơ hữu chung.

Tượng viết:

Kiến dư duệ. Vị bất đáng dã. Vô sơ hữu chung. Ngộ cương dã.

Dịch.

Thấy xe bị kéo, bị giằng,

Thấy trâu bị cản, bị ngăn, bị cầm.

Người thời mũi lặc, trán xâm,

Dở dang buổi trước, êm dầm buổi sau.

Tượng rằng: *Thấy xe bị kéo, bị giằng,*

Là vì địa vị dở trăng, dở đèn.

Trước nguy, sau sẽ ấm êm,

Là vì sẽ gặp kẻ quyền oai phong.

Lục tam tương ứng với Thượng Cửu, muốn hội ngộ cùng Thượng Cửu. Nhưng Lục tam là một Hào Âm, lọt giữa hai Hào Dương là Nhị và Tứ. Nhị và Tứ hết sức tìm cách trù trì, lôi kéo, ngăn trở không cho Tam gặp Thượng Cửu. Như vậy có khác gì cái xe muốn tiến lên, mà đằng sau bị kéo, đằng trước bị ngăn đâu. Hơn nữa, Lục tam lại còn bị Thượng Cửu nghi ngờ là đã có lòng kia khác. Lục tam như vậy còn bị tổn thương đến cả danh dự nữa, có khác nào một người đã bị thích tự vào trán, lại còn bị cắt mũi nữa. Tuy nhiên, nếu Lục tam nhất quyết một lòng về với Thượng Cửu, thời sau sẽ được như nguyện. Vì thế Hào từ nói: **Lục tam. Kỳ ngưu xệ. Kỳ nhân thiên thả tỵ. Vô sở hữu chung.**

Tượng Truyện bình rằng: Sở dĩ có sự níu kéo ngăn trở như vậy, là vì Lục tam đang ở trong một hoàn cảnh dở dang. Tuy nhiên lúc đầu thì khó khăn, nhưng sau đắc ý, vì sẽ gặp được Thượng Cửu. Tượng viết: **Kiến dư duệ. Vị bất đáng dã. Vô sở hữu chung. Ngộ cương dã.**

Hào Lục tam này làm ta liên tưởng tới thời Tam Quốc, có Quan Vân Trường (Quan Công) muốn bỏ Tào, để tìm về Lưu Hoàng Thúc (Lưu Bị) mà đã gặp biết bao trắc trở. Nào là Tào Tháo dâng tiền tài, nữ sắc, công danh để mong làm chuyển lòng đấng anh hùng;

nào là khi ra đi phải đương đầu với 5 tướng giữ ải; thoát chết mấy phen, mới vượt được qua sông Hoàng Hà. Lúc gặp được Trương Phi, thời lại bị Trương Phi muốn giết, và xỉ vả cho là đã hàng Tào. Mãi sau, Ngài mới minh oan được, và phơi bầy ra được tấm lòng trung trinh tiết liệt... Cuối cùng, Ngài đã được như nguyện là gặp mặt Lưu Hoàng Thúc, để nối tiếp nghĩa đào viên.

4. Hào Cửu tứ.

九四.　睽孤．遇元夫．交孚．厲．無咎.

象曰.　交孚無咎．志行也.

Cửu tứ:

Khuê cô. Ngộ nguyên phu. Giao phu. Lệ. Vô cữu.

Tượng viết:

Giao phu vô cữu. Chí hành dã.

Dịch.

Thời Khuê một bóng, một mình,

Gặp người đồng chí tâm thành kết giao.

Tuy nguy, nhưng cũng không sao,

Sự tình như thế, ai nào trách ta.

Tượng rằng: *Chân thành, giao kết lỗi chi,*

Rồi ra ý nguyện có khi thành toàn.

Hào Cửu tứ nói: Trong thời Khuê quải, mình đang cô đơn mà gặp được người đồng tâm, đồng chí, thì dẫu nguy nan, vẫn không có gì đáng chê trách (**Khuê cô. Ngộ nguyên phu).** Gặp người đồng tâm, đồng chí với mình là đem lòng thành khẩn mà đối đãi với nhau. Mà có gặp được người đồng tâm, đồng chí, thì mới có thể thực hiện được chí lớn của mình **(Giao phu. Lệ. Vô cữu).**

Hào này làm chúng ta nhớ đến Lưu, Quan, Trương gặp gỡ nhau, trong buổi nhiễu nhương, gây nên bởi giặc Khăn Vàng. Ba người khởi nghĩa từ vườn đào nhà Trương Phi, mà sau đã thực hiện được chí cả, là cùng nhau hưởng lộc vương hầu, trong một giang sơn rộng lớn là Ba Thục. *Tượng viết:* **Giao phu vô cữu. Chí hành dã.**

5. Hào Lục ngũ.

六 五.　悔 亡. 厥 宗 噬 膚. 往 何 咎.

象 曰.　厥 宗 噬 膚. 往 有 慶 也.

Lục ngũ.

Hối vong. Quyết tông phệ phu. Vãng hà cữu.

Tượng viết:

Quyết tông phệ phu. Vãng hữu khánh dã.

Dịch.

Ăn năn thôi hết từ đây,

Cùng người tông tộc từ nay kết đoàn.

Nghi ngờ, chia rẽ dẹp tan,

Như cắn thịt mỏng, dễ dàng khó chi.

Cùng nhau cất bước lên đi,

Cùng nhau tiến bước, có gì lỗi đâu.

Tượng rằng: *Dẹp lòng nghi kỵ họ hàng,*

Như cắn thịt mỏng, dễ dàng khó chi.

Cùng nhau cất bước lên đi,

Rồi ra sẽ gặp mọi bề mắn may.

Hào Lục ngũ bàn về cảnh hợp trong thời ly. Lục ngũ là quân, Cửu nhị là thần. Thần một lòng tôn quân, cố đi tìm để gặp, vì thế Hào Cửu nhị nói: **Ngộ chủ vu hạng.** Còn quân thì một lòng thương mến thần; vì thế Hào Cửu ngũ dùng chữ **Quyết tông** là họ hàng của mình**;** dùng tiếng họ hàng để chỉ thần tử để tỏ tình thân.

Vua mà được thần tử cố bám víu lấy mình, một dạ trung thành với mình như vậy, thì sự tương hợp giữa vua tôi dễ dàng như cắn vào thịt mềm. Vì thế nói: **Quyết tông phệ phu.** Có được những người theo mình trung thành như vậy, thì còn gì mà phải phàn nàn, làm gì cũng chẳng lo lầm lỗi nữa. Vì thế Hào từ mới
nói: **Hối vong** và **Vãng hà cữu.**

Tiểu Tượng Truyện bình thêm rằng: được những người tâm phúc trung thành như vậy, mà đi dẹp loạn, phò nguy, cứu nước, thì còn lo gì không thành công. Tượng viết*:* **Quyết tông phệ phu. Vãng hữu khánh dã.**

Vào thời Khuê ly, mà có những người **quyết tông phệ phu,** ấy là trường hợp Lưu Bị có Quan Vân Trường, khi lưu lạc vẫn quyết tâm; một khi đã biết Hoàng Thúc ở nơi nào, thì không kể ngàn dậm, vạn dậm, phải cho ông tới theo ngay. Có Khổng Minh, nguyện đem hết sức khuyển mã, báo đáp ân tình. Có Triệu Tử Long, một thương, một ngựa mà dám xông vào chỗ trăm vạn quân Tào để cứu vợ con của chủ... Chính nhờ những người như vậy, mà sau này Lưu Bị mới hưng bang, lập quốc được.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九.　睽 孤. 見 豕 負 涂. 載 鬼 一 車. 先 張 之 弧. 后 說 之 弧.

　　匪 寇 婚　媾. 往 遇 雨 則 吉.

象 曰.　遇 雨 之 吉. 群 疑 亡 也.

Thượng Cửu.

Khuê cô. Kiến thỉ phụ đồ. Tải quỉ nhất xa. Tiên trương chi hồ.

Hậu thoát chi hồ. Phỉ khấu hôn cấu. Vãng ngộ vũ tắc cát.

Tượng viết:

Ngộ vũ chi cát. Quần nghi vong dã.

Dịch.

Thời Khuê sống cảnh cô đơn,

Thấy người, tưởng lợn đội bùn nhớp nhơ.

Một xe chở quỉ, chở ma,

Dương cung toan giết oan gia cho rồi.

Nhưng rồi cung lại buông xuôi,

Tưởng đâu giặc cướp, hóa người tình thân.

Rồi ra kết ngãi Châu Trần.

Mưa rơi, tẩy sạch bụi trần hiềm nghi.

Cùng nhau cất gót ra đi,

Rồi ra muôn việc thỏa thuê, tốt lành,

Tượng rằng: *Gió mưa mà tốt, mà lành,*

Vì bao nghi kỵ, nay thành sạch không.

Hào Thượng Cửu: Vào thời Khuê, người ta hay nghi kỵ lẫn nhau, và trở nên cô đơn, không dám bắt tay thân thiện với người. Thấy người nghi muôn điều xấu, trông người bằng cặp mắt nghi kỵ, thù địch, tưởng người như con lợn đội bùn, như một xe chở toàn ma quỉ, muốn mang cung lên bắn chết quách cho rồi. Sau mới biết mình lầm, nên mới hạ cung xuống. Người mà khi nãy tưởng là giặc cướp, lại là người thân tình của mình, lúc ấy mới hể hả, bắt tay đoàn kết, và tình thế trở nên êm ả, như trời đang oi bức mà đổ trận mưa rào. Vì thế *Hào Thượng Cửu* mới nói: **Khuê cô. Kiến thỉ**

phụ đồ. Tải quỉ nhất xa. Tiên trương chi hồ. Hậu thoát chi hồ. Phỉ khấu hôn cấu. Vãng ngộ vũ tắc cát.

Đó chính là trường hợp Trương Phi khi thấy Quan Công, tìm về cùng Lưu Bị, lại ngỡ Quan Công đã hàng Tào, về để bắt mình, đã lớn tiếng xỉ mạ, và đòi đâm chết Quan Công. Sau này, khi nghe Quan Công kể lại đầu đuôi, tình cảnh, mới oà lên khóc, và cúi lạy Quan Công... Lúc ấy thì mọi hiềm nghi đã hết. *Tượng viết:* **Ngộ vũ chi cát. Quần nghi vong dã.**

ÁP DỤNG QUẺ KHUÊ VÀO THỜI ĐẠI

Ta có thể gọi sự **nghi ngờ hay nghi kỵ** là một chứng bệnh rất nguy hiểm, mà phần đông chúng ta không nhiều thì ít đều mắc phải. Nơi đây, ta phân tích nó dưới vài khía cạnh thông thường mà ta hay gặp.

Trong gia đình, sự nghi ngờ thường hay xảy ra giữa những cặp vợ chồng trẻ, nhất là nếu người vợ duyên dáng, hấp dẫn, hoặc người chồng có địa vị, đẹp trai, ăn nói bạt thiệp, vui vẻ. Chỉ cần bắt gặp người vợ, hay chồng của mình trò chuyện thân mật với người khác phái, là lòng đã thấy khó chịu, nổi cơn ghen, và bắt đầu nghi ngờ chồng hay vợ mình có tình ý gì với người kia không? mà chính thực ra người vợ hay người chồng đó không hề có chút tình ý gì với người kia cả.

Tôi có biết một cặp vơ chồng, khoảng trên 40 tuổi. Cách đây khoảng 10 năm, đó là một cặp vợ chồng rất lý tưởng. Người vợ trông duyên dáng, ăn nói dễ thương, ai trông thấy cô ấy cũng phải có cảm tình; còn người chồng thì cao lớn, hoạt bát. Người chồng rất yêu và chiều vợ. Nhưng một hôm, người vợ thật thà kể cho chồng nghe là trong sở cô hiện đang làm, có một người rất mê cô ấy. Thế là bắt đầu từ ngày đó, người chồng bắt đầu nghi ngờ vợ mình, bắt đầu kiểm soát giờ giấc đi làm, đi chợ vv... của vợ, khiến người vợ không còn một chút tự do nào. Cô này cũng rất yêu chồng, nên hết sức nhịn nhục. Nhưng ngày qua, tháng lại, bệnh ghen quái đản này cứ theo đà tăng lên, đến nỗi bất kỳ ai khen cô ấy, cũng là cái cớ để người chồng nghi ngờ mà dằn vặt, hành hạ vợ mình. Bây giờ, tình trạng chắc không còn cơ cứu vãn được nữa. Hỏi lỗi tại ai? Theo tôi, quí vị nào chót bị mắc chứng bệnh này, thì:

1) Đừng nên lấy vợ vội vàng, nếu chưa hiểu rõ người bạn gái ấy, có phải là người mà mình có thể tin tưởng được không?

2) Đừng nên lấy vợ đẹp, trong lúc mình không đủ khả năng để làm vừa lòng họ.

3) Hãy tìm một người nhan sắc trung bình, nhưng có nhiều đức tính, cần nhất mình yêu họ, và họ cũng phải thành thật yêu mình.

4) Luôn luôn phải sáng suốt, không nên ghen bừa bãi, chỉ tổ làm mất phẩm giá mình.

Ngoài xã hội, bệnh hay nghi ngờ cũng cản trở ta rất nhiều trong công cuộc làm ăn. Đã có bệnh này, thì dù mua bán gì cũng sợ người ta gạt mình rồi, thì làm sao có thể làm ăn đại qui mô được.

Bên cạnh nhà tôi, là nhà của một bà Mỹ già. Khi xưa khu vực chỗ tôi ở, chỉ có mình gia đình chúng tôi là người Việt Nam, nhưng nay đã có nhiều gia đình Việt Nam khác tới ở. Bà Mỹ này, ít âu nay trở nên khó tính, lúc nào bà cũng nghĩ là bà bị những người Việt Nam mới tới, phá bà, cho trẻ con gọi điện thoại phá giấc ngủ của bà, hoặc ném đá vào nhà bà. Mà sự thật, họ đều thương hại bà, vì bà sống cô đơn. Tôi đã giải thích cho bà nghe nhiều lần là dân tộc tôi có truyền thống là coi người xóm giềng như anh, chị em, và những cú điện thoại phá phách đó là do trẻ con ở ngoài phá mà thôi. Nhưng bà không chịu nghe tôi, bà đi đập cửa những nhà bà nghi rồi la ó om sòm. Tội nghiệp bà đã tự phá những tình cảm mà người chung quanh đã dành cho bà.

Bệnh này thật không thuốc chữa, nó làm cho người có bệnh, không bao giờ cảm thấy mình là người có hạnh phúc, nhẹ thì ta chỉ cảm thấy phiền não ngay lúc đó, nặng thì nó hành hạ, đeo đẳng ta, khiến ta khổ sở, chẳng để ta yên.

Tóm lại, muốn trừ nó, ta phải có lòng khoan dung đại độ, chớ nên nhìn bề ngoài mà xét đoán người khác, và nên nhìn người khác qua cặp kính mầu hồng, chứ đừng nhìn họ qua cặp kính mầu đen.

39. 水 山 蹇 THỦY SƠN KIỂN

蹇序卦 Quái
蹇者 Khuê giả quai dã.
乖必有難 Quải tất hữu nạn.
故受之以蹇 Cố thụ chi dĩ Kiển.
蹇者難也 Kiển giả nạn dã.

Kiển Tự Quái

Khuê là gàng quải, xốn xang, chia lìa

Quải gàng, hoạn nạn sẽ kề.

Cho nên, Kiển mới theo Khuê xen vào.

< =”” p = “” style = "text-align: center; text-indent: 0px; word-spacing: 0px; line-height: 24px; font-family: "Arial Unicode MS"; font-size: medium; font-style: italic; margin: 6px 0px 0px; color: rgb(0, 0, 0); font-variant-ligatures: normal; font-variant-caps: normal; font-weight: 400; letter-spacing: normal; orphans: 2; text-transform: none; white-space: normal; widows: 2; -webkit-text-stroke-width: 0px; background-color: rgb(255, 255, 255); text-decoration-style: initial; text-decoration-color: initial;" >

Tất cả những sự chia ly, bế tắc trên đời này, thường sinh ra là do sự chia ly, gàng quải. Vì thế sau quẻ Khuê, tiếp đến quẻ Kiển. Kiển là bế tắc, gian nan, cho nên ở chữ, thì Kiển là khập khiễng; ở quẻ thì trên là Khảm, là nguy hiểm; dưới là Cấn, là núi, là dừng lại. Sự bế tắc của quẻ Kiển do đó mà suy ra, chẳng khác nào một người kẹt ở giữa gian nan, phía trước là nước sâu, là vực thẳm; phía sau là núi cao chót vót, khó vượt, khó trèo. Vì nguy nan như vậy, nên còn tắc nghẽn chưa thoát ra được. Sự đình trệ được tượng trưng

bằng quẻ Cấn; sự hiểm nguy được bày vẽ bằng quẻ Khảm.

Trong Kinh Dịch có 4 quẻ nói về nguy hiểm:

- Khảm là nguy hiểm nói chung

- Truân là nguy hiểm còn ít, còn đang thời sơ khởi.

- Khốn là nguy hiểm đến cùng cực, không có cơ cứu vãn

- Kiển là nguy hiểm, là tạm thời bế tắc trong nguy hiểm, nhưng vẫn có cách thoát hiểm được.

Quẻ Kiển đại ý dạy rằng:

- Gặp nguy hiểm chớ nên liều lĩnh mà tiến lên.

- Phải biết nén lòng, chờ đợi cơ hội thuận tiện.

- Gặp nguy, đừng mua thêm cái khó vào người.

- Phải tìm người lãnh đạo có tài, đức mà cộng tác.

I. Thoán.

Thoán từ.

蹇. 利 西 南. 不 利 東 北. 利 見 大 人. 貞 吉.

Kiển. Lợi Tây Nam. Bất lợi Đông Bắc. Lợi kiến đại nhân. Trinh cát.

Dịch.

Kiển là gian hiểm, nguy nàn,

Đông Bắc bất lợi, Tây Nam hữu tình.

Gặp người tài đức, công minh,

Một niềm trinh chính, mới rành, mới hay.

Thoán từ cho rằng: thời kiển nạn hãy đi đường quang, chớ quàng đường rậm. Kiển. Lợi Tây Nam. Bất lợi Đông Bắc. Tây Nam là

phương Khôn, là nơi bình địa, Đông Bắc là phương Cấn là nơi núi non chập chùng. Thoán từ lại khuyên nên gặp đại nhân, nên theo chính đạo mới may, mới tốt. Lợi kiến đại nhân. Trinh cát.

Thoán Truyện.

彖 曰. 蹇. 難 也 . 險 在 前 也 . 見 險 而 能 止. 知 矣 哉 . 蹇 利 西 南. 往 得 中 也. 不 利 東 北. 其 道 窮也 . 利 見 大 人 . 往 有 功 也. 當 位 貞 吉. 以 正 邦 也. 蹇 之 時 用 大 矣 哉.

Thoán viết:

Kiển. Nạn dã. Hiểm tại tiền dã. Kiến hiểm nhi năng chỉ. Trí hỹ tai. Kiển lợi Tây Nam. Vãng đắc trung dã. Bất lợi Đông Bắc. Kỳ đạo cùng dã. Lợi kiến đại nhân. Vãng hữu công dã. Đáng vị trinh cát. Dĩ chính bang dã. Kiến chi thời dụng đại hỹ tai.

Dịch.

Kiển là gian hiểm, nguy nàn,

Trước mắt hiểm hóc, gian nan tơi bời.

Thấy nguy, dừng lại đi thôi,

Mới là sáng suốt, thức thời tri cơ.

Cơn nguy, đường dễ mới vô,

Tránh điều rắc rối, mới là thời trung.

Gặp đường hiểm trở, cũng xông,

Âu đành bế tắc, khốn cùng chẳng sai.

Nếu may, gặp được hiền tài,

Ra tay tế độ, có bài nên công.

Hợp ngôi, mà lại chính trung,

Theo đường minh chính, mới mong tốt lành.

Nước non sẽ bớt điêu linh,

Phù nguy, cứu nạn, mới tình, mới hay.

Thời nguy, dùng được mới tài.

Thoán Truyện trước hết định nghĩa Kiển là nguy nan, trắc trở, và cho biết lý do: nguy nan, trắc trở vì hiểm nguy đang ở trước mắt (Kiển nạn dã. Hiểm tại tiền dã). Thoán Truyện cũng dạy cách sử xự trong thời kỳ kiển nạn: làm sao cư xử cho hay, cho khéo, tránh được cho mình phiền lụy, đừng có nhảy vào nguy hiểm, vào những đường núi, đường cùng, trắc trở, gian nan (Kiển. Lợi Tây Nam. Vãng đắc trung dã. Bất lợi Đông Bắc. Kỳ đạo cùng dã). Gặp thời loạn ly, phải như con chim, biết tìm cây mà đậu; phải như con người, biết tìm chúa mà thờ.

Trong những thời nhiễu nhương, có rất nhiều người nhẩy ra để phiêu lưu, mưu đồ đại sự, nhưng chỉ có bậc đại nhân, có tài, có đức, có đạo lý, có chủ trương, mới có thể hoạch định ra được một đường lối hẳn hoi, để đem lại an bình cho đất nước. Vì thế đoán ra được anh hùng giữa trần ai, mới là hay, là lợi (Lợi kiến đại nhân. Vãng hữu công dã. Đáng vị trinh cát. Dĩ chính bang dã).

Trong thời kiển nạn, mà biết sử xự cho hay, cho khéo, mà biết đường lối phò nguy, tế kiển thì thực là cao siêu vậy. (Kiển chi thời dụng đại hỹ tai).

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰. 山 上 有 水. 蹇. 君 子 以 反 身 修 德.

Tượng viết:

Sơn thượng hữu thủy. Kiển. Quân tử dĩ phản thân tu đức.

Dịch.

Tượng rằng: Nước ở trên non,

Thế là kiển nạn, gian nan, cơ cầu.

Hiền nhân, quân tử, trước sau,

Quay về tu đức cho sâu, cho dầy.

Đại Tượng dạy chúng ta một bài học luân lý, một bài học xử thế. Khi bế tắc, khi bất đắc chí, phải làm gì?

- Than thân, trách phận ư? Không!

- Thất vọng, chán chường ư? Không!

- Làm liều, làm bậy ư? Không!

Trái lại, phải phản tỉnh, tu đức, lập thân. Tượng viết: Sơn thượng hữu thủy. Kiển. Quân tử dĩ lập thân tu đức.

Đó là một cách xử thế của Nho gia. Mạnh Tử viết: Người quân tử lúc đắc chí ra làm quan, thì chung sức cùng dân mà thi hành những đức nhân, nghĩa, lễ. Khi chẳng đắc chí thì ẩn dật mà tu thân hành đạo. (Mạnh Tử, Đằng văn Công chương cú hạ, tiết 2)

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初 六.　往 蹇. 來 譽.

象 曰.　往 蹇 來 譽. 宜 待 也.

Sơ lục:

Vãng Kiển. Lai dự.

Tượng viết:

Vãng Kiển lai dự. Nghi đãi dã.

Dịch.

Tiến lên sẽ gặp nguy tai,

Lui đi âu sẽ được đời khen lao.

Tượng rằng: Tiến lên sẽ gặp nguy nan,

Khen vì đã biết tính toan, chờ thời.

Hào Sơ Lục nói: Phàm sinh ra ở đời, cần phải biết:

- Tự lượng sức mình.

- Biết ước đạc được thời thế thuận, nghịch; hoàn cảnh dở, hay.

- Phải biết hành động cho hợp thời, hợp lý.

Ở đây Sơ Lục là một người âm nhu chi tài, tức là cũng chẳng giỏi giang là bao lăm, mà lại ở Hào Sơ, tức là ở địa vị thấp kém, và cũng không thích hợp với mình, hơn nữa lại gặp thời buổi nhiễu nhương, kiển nạn. Vậy thời phải làm gì? Dịch dạy, nên ở yên mà chờ thời, mới bảo toàn được danh tiết của mình, còn nếu múa may bừa phứa, thì chỉ tổ chiêu tai, rước hoạ vào mình. Vì thế mới nói: Vãng kiển. Lai dự. Tượng Truyện khuyên rõ hơn: Nghi đãi dã, là nên chờ đợi. Đó chính là thời mà Lã Vọng buông câu nơi Vị Thủy, chờ đợi một ngày mai tươi sáng.

2. Hào Lục nhị.

六二.　王臣蹇蹇.匪躬之故.

象曰.　王臣蹇蹇.終無尤也.

Lục nhị.

Vương thần kiển kiển. Phỉ cung chi cố.

Tượng viết:

Vương thần kiển kiển. Chung vô vưu dã.

Dịch.

Công thần nguy thậm, nguy tai,

Quên mình vì nghĩa, bao nài tấm thân.

Tượng rằng: Thần tử lâm nguy,

Quên mình vì nước, lỗi gì nữa đâu.

Hào Lục nhị ở trong một hoàn cảnh khác. Đây chính là một công thần nắm trọng trách trong tay. Vậy một vương thần phải làm gì? khi gặp thời buổi nhiễu nhương, chập chùng, nguy hiểm chập chùng. Dịch dạy: Lúc ấy phải biết quên mình, vì dân, vì nước.

-Nguy cơ chập chùng, nên gọi là Vương thần kiển kiển. Vì nước quên mình, nên nói Phỉ cung chi cố. Không phải lúc ấy mình phải đội đá vá trời, phải làm những việc quá sức, quá trí mình. Trái lại, cứ lo cho tròn nhiệm vụ, còn thành, hay bại, chẳng khá quan tâm; mà cuối cùng cũng chẳng có ai đem thành, bại, mà luận anh hùng bao giờ. Vì thế Tiểu Tượng mới giải thích thêm: Vương thần kiển kiển. Chung vô vưu dã. Đó chính là Khổng Minh, chỉ biết cúc cung tận tụy, phục vụ cho tới mãn phần, còn thành, bại, dở, hay, không biết đâu mà dám nói trước.

3. Hào Cửu tam.

九 三.　往 蹇 來 反.

象 曰.　往 蹇 來 反. 內 喜 之 也.

Cửu tam:

Vãng kiển lai phản.

Tượng viết:

Vãng kiển lai phản. Nội hỉ chi dã.

Dịch.

Ra đi sẽ bị nguy nan,

Thời thôi, nên hãy lo toan quay về.

Tượng rằng: Đi sẽ nguy nan,

Thời thôi, nên hãy lo toan quay về.

Người thân âu sẽ thỏa thuê.

Cửu tam tuy là một người Dương cương chi tài, nhưng ở trong một hoàn cảnh nguy hiểm hết sức, vì Cửu tam ở sát ngay ngoại quái là quẻ Khảm. Cửu tam lại còn là Hào trên cùng của nội quái, thống lĩnh quần Âm ở dưới, như một người lãnh đạo, có trách nhiệm đối với những người thân thuộc mình.

Vậy lúc nguy nan, chưa thể nào vượt qua được, dầu mình có tài cũng chẳng nên ra đi, để nhẩy vào chỗ dầu sôi, lửa bỏng, hãy trở về với những người thân yêu của mình. Vì thế Dịch nói:Vãng kiển. Lai phản. Về cùng những người thân yêu mình, sẽ làm cho họ được hết băn khoăn, lo sợ và được vui sướng. Vì thế Tượng viết: Vãng kiển lai phản. Nội hỉ chi dã.

4. Hào Lục tứ.

六 四.　往 蹇 來 連.

象 曰.　往 蹇 來 連. 當 位 實 也.

Lục tứ.

Vãng kiển lai liên.

Tượng viết:

Vãng kiển lai liên. Đáng vị thật dã.

Dịch.

Ra đi sẽ bị nguy nan,

Thời nên quay lại kết đoàn với nhau.

Tượng rằng: Đi sẽ nguy nan,

Thời nên quay lại kết đoàn với nhau.

Thực tài xứng vị bảnh bao.

Hào Lục tứ nói: Trong thời nguy nan, đã đành không thể tiến liều, nhưng cũng không thể một thân, một mình mà giải quyết được thiên hạ sự. Cho nên phải liên kết với những người tài đức, rồi ra mới có hy vọng phò nguy, tế kiển được. Hào từ nói: Vãng kiển lai liên chính là vì vậy. Muốn liên kết với người tài đức, mình phải hết lòng thành khẩn, trung thực, lại cũng phải đáng vị, đáng ngôi. Vì thế Tiểu Tượng mới viết: Vãng kiển lai liên. Đáng vị thật dã.

5. Hào Cửu ngũ.

九 五.　大 蹇 朋 來.

象 曰.　大 蹇 朋 來. 以 中 節 也.

Cửu ngũ.

Đại kiển bằng lai.

Tượng viết:

Đại kiển bằng lai. Dĩ trung tiết dã.

Dịch.

Quốc quân gặp buổi đại nàn,

Bạn bè kéo đến lo toan, phù trì.

Tượng rằng: Bạn bè kéo đến phò nguy,

Là vì tiết liệt, đoan nghi mọi bề.

Hào Cửu ngũ: Một vị quốc quân, dầu gặp bước kiển nan, nguy cơ, cũng không thể nào trốn tránh trách nhiệm được. Phải đem thân đứng mũi, chịu sào, ra tay liệu lý, không quản khó nhọc với gian nguy.

Nếu mình có tài, có đức, lại một lòng vì dân, vì nước, làm chi mà chẳng tìm ra được người phụ bật. Thành Thang đã gặp Y Doãn; Võ vương đã gặp Lã Vọng; Lưu Bị đã gặp Khổng Minh; Đường Túc Tôn đã gặp Quách Tử Nghi chả hạn. Làm sao có được hiền tài phụ bật? Tượng viết: Phải cư xử cho phải đạo. Đại kiển. Bằng lai dĩ trung tiết dã.

Trong Kinh Dịch, các Hào tương ứng với nhau, quan trọng nhất là Nhị và Ngũ, cho nên Hào hai nói Vương thần là chỉ Vương thần của Ngũ; Hào năm nói Bằng Lai là chỉ Hào Lục nhị...

Chỉ có nhị và ngũ là tương ứng, là vua tôi san sẻ hoạn nạn; còn 4 Hào khác đều không có trách nhiệm trực tiếp. Bằng lai là bạn, đến hợp với nhị để cứu nạn, như vậy mọi Hào đều đồng lao cộng tác mà phò nguy.

Từ dưới lên trên, gọi là vãng; từ trên xuống dưới gọi là lai. Nói Bằng lai, phải hiểu là Hào Lục tứ, Cửu tam đều đến để hợp sức với nhị để tiếp ứng cho ngũ...

Xem như vậy, ta thấy khi bình giải Dịch được tự do phát biểu ý kiến mình, miễn sao cho nó hợp lý.

6. Hào Thượng Lục.

上 六.　往 蹇 來 碩. 吉. 利 見 大 人.

象 曰.　往 蹇 來 碩. 志 在 內 也. 利 見 大 人. 以 從 貴 也.

Thượng Lục.

Vãng kiển lai thạc. Cát. Lợi kiến đại nhân.

Tượng viết:

Vãng kiển lai thạc. Chí tại nội dã. Lợi kiến đại nhân. Dĩ tòng quí dã.

Dịch.

Ra đi sẽ gặp nguy nan,

Về cùng hiền đức kết đoàn, mới may.

Đại nhân gặp được thời hay.

Tượng rằng: Đi sẽ nguy nan,

Về cùng hiền đức hiệp đoàn, mới may.

Vì lòng mến chuộng hiền tài,

Vì lòng vẫn hướng về người trong đây.

Đại nhân gặp được thời hay,

Quí nhân những muốn có ngày được theo.

Hào Thượng Lục ví như một người ẩn sĩ, đã đứng ngoài cuộc phong trần, thế sự. Tuy nhiên gặp lúc quốc gia đại nạn, quân vương lâm nguy, không thể nhắm mắt, làm ngơ. Thượng Lục tuy không đủ tài mà thay đổi thời cuộc, nhưng Thượng Lục có thể cầu viện được với những bậc anh tài, (Lai thạc), để cùng nhau đến gặp vị quân vương (Lợi kiến đại nhân), giải quyết những khó khăn đang mắc phải.

Chỉ duy có Hào Thượng Lục này được chữ Cát, vì lúc này vận kiển nạn đã đến hồi kết cuộc, sắp có thể được giải nạn. Hán Quang Võ, đang khi hưng binh phục quốc, có lần đã bị vây ở Côn Dương. Quang Võ đương đầu với một tương giặc có kỳ tài là Cự Vô Bá, có Tụ thú Bài có thể hóa ra hùm beo, voi, gấu, để đánh quân Hán. May Quang Võ gặp được Nghiêm tử Lăng. Nghiêm tử Lăng khuyên được đồ đệ mình là Mã Viện, là tướng duy nhất phá được Tụ thú Bài.

Nhờ Nghiêm tử Lăng và Mã Viện mà Quang Võ giết được Cự Vô Bá chiếm được Côn Dương, và nhờ đó khôi phục được nghiệp nhà Hán.

Nghiêm tử Lăng tức là Hào Thượng Lục ở đây. Đến cầu Mã Viện

tức là Lai thạc, cùng nhau đi cầu Quang Võ, tức là Lợi kiến đại nhân. Giải toả được thành Côn Dương cho nên là Cát. Thế là Thượng Lục, tuy lánh trần, mà chí vẫn tại nội, vẫn biết kính hiền, trọng hiền, và vẫn biết theo người sang cả, giúp người có chân thiên mạng để phò nguy, cứu hiểm. Vì thế Tiểu Tượng viết: Vãng kiển lai thạc. Chí tại nội dã. Lợi kiến đại nhân. Dĩ tòng quí dã.

ÁP DỤNG QUẺ KIỂN VÀO THỜI ĐẠI

Đại Tượng quẻ Kiển đưa ra một bài toán rất ly kỳ. Dịch hỏi: Khi mình gặp nguy, kẹt giữa núi và sông, lại bị què đôi chân, thì phải giải quyết sao? Dịch trả lời: Phải quay về nội tâm tu đức. Thực là một cái nhìn siêu việt, cho đến nay, chúng ta cũng không giải quyết được như vậy.

Hán Chung Ly tiên ông kể là lúc còn sinh thời ngài từng làm nguyên soái, nhưng đã bại trận. Vì xấu hổ, nên không dám về triều, vào núi tu tiên, nên đã thành tiên. Thực ra Hán Trung Ly đã làm theo lời khuyên của quẻ Kiển trong Kinh Dịch

Ngày Nay, áp dụng theo thời đại, ta phải làm sao?

- Nếu ta bị thất bại về vấn đề vợ con, thì ta phải cố tìm hiểu do đâu mà ra. Nếu vì lỗi lầm của ta, thì ta phải cố gắng sửa đổi lại, đừng đổ tại vợ con, nghề nghiệp làm ta chán nản nên sinh ra như vậy.

-Nếu ta bị thất bại vì công việc làm ăn, thì phải biết dừng chân lại, phải biết tìm người giỏi, người tốt mà cộng tác với họ, hoặc tìm phương tiện để hoá giải nó như quảng cáo, sửa chữa những lỗi mình mắc phải: Ví dụ như hàng xấu mà bán giá cao, ăn nói thô lỗ với khách hàng vv... Như vậy, mọi sự hiểm nguy sẽ được hoá giải. Còn như khi muốn tạo dựng một cơ sở kinh doanh mới, phải tìm người giỏi để cộng tác với mình, ta cũng nên suy xét cẩn thận.

* Cơ sở kinh doanh về Mậu Dịch, thì phải tìm những người ngoại giao giỏi, có thành tín, khiêm nhường, vui vẻ, luôn tươi cười với khách hàng. Hàng hóa luôn phải kiểm soát, phẩm chất phải tốt, phải giữ uy tín với khách hàng. Lời nói phải đúng với việc làm, ngay thẳng, thật thà.

* Cơ sở kinh doanh về phát minh, sáng chế, thì nên tìm trong những mầm non ưu tú, mới tốt nghiệp, mà trau dồi cho họ theo đường lối sản xuất của mình, thì tốt hơn. Phải đối xử với họ một cách rộng rãi, bảo đảm cho họ một đời sống an toàn về mọi mặt. Luôn phải nhớ họ là

những người mang lợi đến cho mình, nên phải đối với họ như chân tay mình vậy. Phải có đạo đức trong việc dùng người, thì cơ nghiệp của mình mới vững bền.

- Nếu cá nhân mình, chẳng may bị tàn phế, vì bất cứ một lý do nào đó, thì đừng than oán làm gì. Vì khổ sở, oán than cũng chẳng mang lợi ích gì cho ta, mà trái lại nó còn mang lại sự đau đớn về tinh thần thêm cho ta mà thôi.

Hãy coi cái xác mình chỉ là hình thức bề ngoài, là giả tạo, là cái túi đựng phân và máu mủ. Hãy dốc hết tinh thần đi tìm đạo lý, sẽ thấy đời mình cao siêu hơn nhiều, ý nghĩa hơn nhiều. Đó là điều mà quẻ Kiển muốn dạy ta vậy.

40. 雷 水 解 LÔI THỦY GIẢI

解序卦 Quái
蹇者難也
物不可以終難
故受之以解
解者緩也

Giải Tự Quái

Kiển là hoạn nạn, gian lao.

Nhưng mà gian khổ nhẽ nào mãi đâu?

Cho nên Giải tiếp theo sau;

Giải là cởi mở, ngõ hầu chơi ngơi.

Trên đời việc gì cũng có lúc cùng; kiển nạn mãi, phải có kỳ được giải thoát. Vì thế sau quẻ Kiển là quẻ Giải.

Chữ Giải xét về **T**ừ **nguyên** là dao, là dùi bằng sừng trâu dùng để gỡ nút. Cho nên Giải là tháo gỡ, hóa giải tai nạn.

Quẻ Giải, trên có quẻ Chấn là sấm, là động; dưới có quẻ Khảm là nguy hiểm. Chấn ở trên Khảm, tức là gặp nguy mà có đủ sức mạnh hoạt động, nên đã thoát nguy. Vì thế, xét về mặt chữ, xét về ý nghĩa và hình tượng của quẻ Giải, đều gợi ra ý nghĩa Giải nạn, tế nguy, Giải tán hoạn nạn. Mà tiểu nhân là đầu mối sinh ra mọi sự hoạn nạn, bế tắc trong xã hội. Cho nên, sau khi đã giải được nguy cơ cho non sông, đất nước cần phải tiễu trừ tiểu nhân.

Trong suốt quẻ Giải, ta thấy hiện lên ý nghĩa Cần phải diệt trừ tiểu nhân. Nơi quẻ Kiển, là rối ren, nguy hiểm bế tắc, thời dạy cần phải

đoàn kết, cần phải tìm ra được nhân tài, được người lãnh đạo, để đối phó với tình hình. Nay tai qua, nạn khỏi, đã đi đến giải nạn rồi, thời lại khuyên nên trừ diệt tiểu nhân. Đường lối thật rõ ràng vậy.

I. Thoán.

Thoán từ.

解. 利 西 南. 無 所 往. 其 來 復 吉. 有 攸 往. 夙吉.

Giải. Lợi Tây Nam. Vô sở vãng. Kỳ lai phục cát. Hữu du vãng. Túc cát.

Dịch.

Giải là giải nạn, tế nguy,

Khuôn phù đại chúng, vậy thì mới hay.

Xin đừng dở dói, múa may,

Theo nề nếp cũ, dựng gầy cơ ngơi.

Tinh hoa xưa, chẳng bỏ rời,

Ấy là may mắn, ấy thôi tốt lành.

Nếu còn việc phải thi hành,

Thời nên làm gấp, cho nhanh, cho rồi.

Lúc đã hóa giải được cơn nguy biến rồi, cần phải theo con đường khoan hòa, dung dị, phải vỗ an bá tánh. Đó là đường lối của Thành Thang, sau khi đã diệt Kiệt; của Võ Vương, sau khi đã diệt Trụ. Vì thế nói **Lợi Tây Nam**. Tây Nam là phía quẻ Khôn, mà Khôn là bình dị. Vì thế Trình Tử mới giải nên theo đường lối bình dị, khoan quảng.

Khi đã hóa giải được hiểm nguy rồi, đừng nên nhiều chuyện, làm phiền hà dân chúng, mà phải lo trở về với những lề hay, thói đẹp

thuở trước. Như Võ Vương, khi đã diệt Trụ xong, lại trở về với nền hành chánh qui củ, đẹp đẽ của nhà Thương **(Vô sở vãng. Kỳ lai phục cát).**

Nhưng nếu còn việc gì cần phải giải quyết, phải giải quyết cho mau, cho lẹ mới tốt (**Hữu du vãng. Túc cát).**

Thoán Truyện.

彖 曰. 解. 險 以 動. 動 而 免 乎 險. 解. 解 利 西 南. 往 得 眾 也. 其 來 復 吉. 乃 得 中 也. 有 攸 往 .夙 吉. 往 有 功 也.天 地 解. 而 雷 雨 作. 雷 雨 作. 而 百 果 草 木 皆 甲 坼. 解 之 時 大 矣哉.

Thoán viết:

Giải. Hiểm dĩ động. Động nhi miễn hồ hiểm. Giải. Giải lợi Tây Nam. Vãng đắc chúng dã. Kỳ lai phục cát. Nãi đắc trung dã. Hữu du vãng. Túc cát. Vãng hữu công dã. Thiên địa giải. Nhi lôi vũ tác. Lôi vũ tác. Nhi bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thời đại hỹ tai.

Dịch. Thoán rằng:

Giải là thoát hiểm, thoát nguy,

Trong nguy, động để vượt kỳ nguy nan.

Giải hay về hướng Tây Nam,

Cứu nguy, sẽ được dân gian theo về.

Lối xưa, giữ lấy nếp nề,

Làm hay, làm phải, nên chi tốt lành.

Nếu còn việc phải thi hành,

Thời nên làm gấp, cho nhanh, cho rồi.

Đất trời, uất khí, thông xuôi,

Sấm vang rộn rã, mưa rơi rạt rào.

Cỏ cây đâu đấy đua nhau,

Nảy chồi, đâm mộng, mở mào, nứt nanh.

Thời cơ giải thoát quần sinh,

Cao siêu, mà lại tốt lành biết bao.

Giải là gặp hiểm mà hoạt động. Hoạt động nên thoát hiểm, vì thế nên gọi là Giải.

Thoán Truyện cũng cho rằng: sau khi hóa giải được hoạn nạn, nếu mình dùng đường lối bình dị, khoan quảng, ắt sẽ được lòng dân. **(Giải lợi Tây Nam. Vãng đắc chúng dã).** Ngoài ra, nếu mà biết trở về với những lề lối tốt đẹp của người xưa, thì như vậy mới là hành xử phải đạo **(Kỳ lai phục cát. Nãi đắc trung dã).** Tuy nhiên, nếu còn có việc phải làm, thời làm cho ngay, cho gấp, đừng chần chừ, giãi đãi. Như vậy ắt sẽ nên công **(Hữu du vãng. Túc cát. Vãng hữu công dã.)**

Kiến An Khâu thị bình rằng: Đại khái, lúc mà tình thế vừa bình trị, con người dễ đâm ra lười, trừ họa mà chưa tuyệt, nó dễ sinh lại. Khi họa hoạn vừa chấm dứt, Thánh nhân không muốn con người, có nhiều chuyện làm mệt cho mình, nhưng cũng không muốn con người ngồi yên biếng nhác. Thoán Truyện luận tiếp: khi mà trời đất muốn làm thông sự bế tắc, uất kết của bầu trời thì sấm động, mưa rơi. Khi mà khí trời, khí đất đã thông sướng rồi, ta sẽ thấy cây cỏ đâm chồi, nẩy mậm. Cho nên thời Giải là thời quan hệ lớn lao vậy **(Thiên địa giải. Nhi lôi vũ tác. Lôi vũ tác nhi. Bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thời đại hỹ tai).**

Đối với đời sống xã hội, thời Giải là một thời rất quan trọng. Thật vậy, khi mà binh lửa đa đoan, nguy hiểm chập chùng, thì mọi người đâm ngao ngán, chẳng còn muốn tính toán, làm lụng gì cho lắm nữa. Tầm hoạt động con người bị thu nhỏ lại, và những mưu đồ làm ăn, phát triển cũng bị dẹp bớt đi. Khi mà bình yên trở lại, mọi người như cây cối gặp trời mưa, sẽ đua nhau hoạt động trở

lại, và đất nước sẽ có cơ hưng phấn.

Ở bên Âu Châu trước năm 1000, ai cũng nghĩ sắp tận thế, nên không còn muốn làm ăn gì nữa. Sau năm 1000 biết chắc không tận thế, dân chúng mới sống động lại, và bắt đầu xây dựng vô số nhà thờ. Những nhà thờ lớn ở Âu Châu hiện nay, được bắt đầu xây cất từ thời đó.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰. 雷 雨 作. 解. 君 子 以 赦 過 宥 罪.

Tượng viết:

Lôi vũ tác. Giải. Quân tử dĩ xá quá hựu tội.

Dịch. Tượng rằng:

Giải là sấm động, mưa rơi,

Hiền nhân chẳng chấp tội người mới hay.

Lỗi lầm khoan xá, tha ngay,

Tội tình cũng cố liệu bài giảm khinh.

Sấm động, mưa rơi làm cho không khí hết oi ả. Quân tử cũng tha lỗi, xá tội, làm cho tình thế bớt căng thẳng. Tượng viết: **Lôi vũ tác. Giải. Quân tử dĩ xá quá hựu tội.** Chữ **xá** ở đây là tha hẳn.
Chữ **hựu** có nghĩa là giảm. Lỗi lầm thì tha hẳn, trọng tội thì giảm khinh, như vậy mới là hợp lý.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào đại khái chỉ nói lên mấy ý sau đây:

-Chớ nên nhiễu sự, làm khổ dân khi không cần.(Hào Sơ)

- Phải diệt tiểu nhân (Hào nhị)

- Không được cho tiểu nhân tham chính.(Hào 3)

- Phải xa lánh tiểu nhân. (Hào 4,5) -

- Muốn trừ tiểu nhân, nhiều khi phải tốn công phu, phải chuẩn bị, bố trí, có phương lược. (Hào 6)

1. Hào Sơ Lục.

初六.　　無咎。

象曰：　剛柔之際，義無咎也。

Sơ lục. Vô cữu.

Tượng viết:

Cương nhu chi tế. Nghĩa vô cữu dã.

Dịch.

Hào Sơ khoan quảng lỗi chi?

Tượng rằng:

Có cương vả lại có nhu,

Khởi cư hợp lý, khỏi lo lỗi lầm.

Hào Sơ Lục chỉ vẻn vẹn có hai chữ **vô cữu,** mà đã nói lên được đường lối phải theo khi mới bắt đầu thời kỳ Giải. Khi đại nạn vừa qua khỏi, dân chúng còn đang hoang mang, chớ nên nhiễu sự, như vậy mới được lòng dân. Thế tức là dung hoà cương nhu. Tượng viết*:* **Cương nhu chi tế. Nghĩa vô cữu dã.**

Bái công vào Quang Trung, sau khi đã cho Tam Thế là vua Tần hàng đầu, liền lập ra ba chương ước pháp hết sức giản dị, để trị dân. Không tơ hào của dân, không vi phạm cung thất nhà Tần, khiến dân thảy đều cảm phục.

Ngược lại, khi Hạng Võ vào đến Quang Trung đã:

- Giết 20 vạn quân Tần, mặc dầu họ đã hàng đầu.

- Giết dân chúng Hàm Dương vì họ đã thần phục Bái công.

- Giết Tam Thế.

- Quật lăng Tần Thủy Hoàng.

- Đốt cung A Phòng. v.v...

Thế là một đàng biết cư xử đúng luật Dịch, một đàng hành động quàng xiên, và như vậy hai đàng cát hung phân biệt rõ ràng.

2. Hào Cửu nhị.

九 二.　　田 獲 三 狐. 得 黃 矢. 貞 吉.

象 曰.　　九 二 貞 吉. 得 中 道 也.

Cửu nhị.

Điền hoạch tam hồ. Đắc hoàng thỉ. Trinh cát.

Tượng viết:

Cửu nhị trinh cát. Đắc trung đạo dã.

Dịch.

Đi săn bắt được ba chồn,

Rồi ra được thưởng tên vàng, may thay.

Một lòng chính trực mới hay

Tượng rằng: *Chín hai chính trực, mới hay.*

Thế là xử sự thẳng ngay, đàng hoàng.

Hào Cửu nhị: Lúc này thế nước đã vững vàng hơn; cho nên lúc này phải lo trừ khử kẻ tiểu nhân, và phải kén chọn người anh tài. Thế nào là kẻ tiểu nhân, về phương diện hành chánh, chính trị? Đó là những kẻ chỉ lo thủ lợi riêng, giỏi hãm hại người hiền, mà không biết gì về công chuyện tế thế, kinh bang, phò nguy, cứu khốn cho giang sơn, bờ cõi. Họ là những người gian manh, siểm

nịnh, quỉ quyệt như những con hồ ly, cần phải tiễu trừ cho tận tuyệt. Vì thế Hào Cửu nhị mới nói: **Điền hoạch tam hồ.** (Đi săn bắt được ba con cáo). Trừ tiểu nhân cũng chưa đủ, còn phải tuyển lựa những người trung trực ra giúp nước nữa. **Hoàng** là màu của trung; **Thỉ** là tên, tượng trưng cho sự ngay thẳng. **Đắc hoàng thỉ** chính là được những người trung trực. Làm được hai chuyện đó là theo đuợc chính đạo, và như vậy mới tốt. **(Trinh cát).** Vì thế Tiểu Tượng mới nói **Cửu nhị trinh cát. Đắc trung đạo dã.**

3. Hào Lục tam.

六 三.　　負 且 乘. 致 寇 至. 貞 吝.

象 曰.　　負 且 乘. 亦 可 丑 也. 自 我 致 戎. 又 誰 咎 也.

Lục tam.

Phụ thả thừa. Trí khấu chí. Trinh lận.

Tượng viết:

Phụ thả thừa. Diệc khả xú dã. Tự ngã trí nhung. Hựu thùy cữu dã.

Dịch.

Lục tam, đầu đội, vai mang,

Mà còn xe cộ nghênh ngang, phỡn phè.

Thế là gọi giặc cướp về,

Cứ như vậy, sẽ ê chề ăn năn.

Tượng rằng: *Đầu đội, vai mang,*

Nghênh ngang xe cộ, bẽ bàng ê hê!

Tự mình gọi giặc cướp về

Còn chê ai nữa, hãy chê chính mình.

Hào Lục tam: Ở xã hội, có người sang, người hèn; người hèn làm những việc như khuân vác. Người sang lo việc kinh quốc, an dân và đi ngựa, đi xe. Nay dùng những kẻ hèn, kẻ tiểu nhân mà đặt vào những chức vụ lãnh đạo, thì có khác gì một người đầu đội, vai mang, mà chễm chệ ngồi trên xe đâu. Vì thế Lục tam nói **Phụ thả thừa.** Những kẻ tiểu nhân một khi đã có quyền trong tay, sẽ luồn cúi, nịnh bợ người trên, hãm hại người ngay, tàn ác với lê thứ, cho nên sẽ gây ra nhiều chuyện bất bình, gieo mầm bất mãn, loạn lạc khắp nơi. Vì thế Dich nói: **Kỳ phụ thả thừa. Trí khấu chí. Trinh lận.** Tại sao lại **Trinh lận? Trinh** đây phải hiểu là cứ theo con đường ấy; **lận** là sẽ chuốc ô nhục vào người.

Dùng kẻ tiểu nhân, kẻ khuân vác, mà cho ngồi xe, thì thực đáng hổ thẹn, đó là mình tự chiêu giặc cướp vào mình, rồi còn oán trách ai được. Tiểu Tượng Truyện viết: **Phụ thả thừa. Diệc khả xú dã. Tự ngã trí nhung. Hựu thùy cữu dã.**

Vua Chánh Đức nhà Minh, dùng nội thị Lưu Cẩn chỉ có tài bày ra những cuộc chơi bời, luyện trâu, luyện chó, luyện ngựa, luyện chim, rồi phong cho Lưu Cẩn làm chức Thần cơ, cai quản ngự lâm quân, lại cho dự vào việc cơ phòng, xem xét, phê phán các sớ sách thay vua, nên sau mới sinh ra chuyện công thần bị hãm hại, binh cách can qua một thời gian.

Vua Huy Tôn nhà Tống, vì dùng Cao Cầu, một người chỉ có tài nghề đá cầu, cho làm đến chức thái úy, nên đã xô đẩy biết bao anh tài lên Lương Sơn Bạc. Thế mới hay, dùng kẻ tiểu nhân là chiêu giặc cướp đến vậy! (xem thêm Hệ Từ thượng, chươngVIII).

4. Hào Cửu tứ.

九 四. 解 而 拇. 朋 至 斯 孚.

象 曰. 解 而 拇. 未 當 位 也.

Cửu tứ.

Giải nhi mẫu. Bằng chí tư phu.

Tượng viết:

Giải nhi mẫu. Vị đáng vị dã.

Dịch.

Hi sinh cắt ngón cái đi,

Bạn bè tin cẩn sẽ về với ta.

Tượng rằng: *Ngón cái cắt đi,*

Vì mình chưa ở đúng kỳ vị ngôi.

Hào Cửu tứ: Làm người trên cần phải biết xua đuổi những chân tay gian nịnh, hại dân, hại nước. Có làm được như vậy, nhân tài trong nước mới tin, mới về cộng tác với mình **(Giải nhi mẫu. Bằng chí tư phu). Giải** là cắt bỏ, **Mẫu** là ngón chân cái, **nhi** là của mình. Ý nói phải giải trừ những kẻ tiểu nhân đang bám, đang dựa vào mình. Còn phải làm những chuyện như vậy, tức cũng chưa phải là người hoàn toàn. Vì vậy Tiểu Tượng bình thêm **Giải nhi mẫu. Vị đáng vị dã.**

5. Hào Lục ngũ.

六五.　君子維有解. 吉. 有孚于小人.

象曰.　君子有解. 小人退也.

Lục ngũ.

Quân tử duy hữu giải. Cát. Hữu phu vu tiểu nhân.

Tượng viết:

Quân tử hữu giải. Tiểu nhân thoái dã.

Dịch.

Giải trừ được bọn gian manh,

Thời người quân tử an lành biết bao.

Tiểu nhân rũ sạch, mới hào.

Ấy là bằng chứng đã vào đường ngay.

Tượng rằng: *Quân tử mà rũ tiểu nhân,*

Tiểu nhân bán xới, dám gần nữa đâu.

Hào Lục ngũ: Các quan chức ở dưới còn không nên thân cận với tiểu nhân, huống chi là các bậc vua chúa.

Cho nên đã là minh quân, là phải trừ khử tiểu nhân **(Quân tử duy hữu giải. Cát. Hữu phu vu tiểu nhân).** Lấy gì chứng nghiệm được rằng mình đã giải trừ được tiểu nhân? Cứ xem quanh mình, nếu tiểu nhân không còn dám bén mảng tới, mới thực là mình đã xua đuổi được hết phường du nịnh. Thời Đại Võ, có người tên Nghi Địch, cất được một thứ rượu rất thơm ngon, dâng lên Đại Võ. Vua nếm thử quả thấy ngon, liền đầy Nghi Địch đi, không bao giờ cho tới triều ca nữa. Nếu vua thực tình dùng người hay, bỏ kẻ dở, thì tiểu nhân sẽ rút lui hết. *Tượng viết:* **Quân tử hữu giải. Tiểu nhân thoái dã.**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 公用射隼. 于高墉之上. 獲之. 無不利.

象曰. 公用射隼. 以解悖也.

Thượng Lục.

Công dụng xạ chuẩn. Vu cao dung chi thượng. Hoạch chi vô bất lợi.

Tượng viết:

Công dụng xạ chuẩn. Dĩ giải bội dã.

Dịch.

Vương công bắn cắt tường cao,

Bắn trừ con cắt, lợi nào lợi hơn.

*T*ượng rằng:

Vương công bắn cắt tường cao,

Trừ mầm phản loạn, hại trào, hại dân.

Hào Thượng Lục: Tuy nhiên muốn trừ khử tiểu nhân không phải là chuyện dễ. Vì họ có thể là những quan lớn trong triều, có uy thế, có vây cánh lớn mạnh. Họ như những con chim chuẩn, chim cắt dữ tợn đậu trên bức tường cao. Muốn trừ diệt họ, mình phải có những phương kế, phải chuẩn bị cho hẳn hoi, phải đợi thời cơ thuận tiện mới ra tay, như vậy khi ra tay mới mong thắng lợi. *(***Công dụng xạ chuẩn vu cao dung chi thượng. Hoạch chi vô bất lợi.)**

Bắn được chim cắt đây, chính là tiễu trừ những kẻ bội loạn. *Tượng viết:* **Công dụng xạ chuẩn. Dĩ giải bội dã.** Đọc bài này ta liên tưởng đến chuyện vua Càn Long trừ Thiên Địa Hội.

ÁP DỤNG QUẺ GIẢI VÀO THỜI ĐẠI

Bàn về quẻ Giải, tôi nghĩ ngay tới thời kỳ 1975, khi còn bị kẹt ở Saigon (Việt Nam). Quẻ Giải khuyên nên làm 2 vấn đề chính:

1)- Khi dẹp đại loạn xong, không nên làm khó dân.

2)- Không cho tiểu nhân tham dự chính quyền.

Ta hãy nhìn dân tình Việt Nam, khi Cộng Sản vào SAIGON. Điều ta phải nhận định là quân đội Cộng Sản thật là có kỷ luật: không hề tơ hào, không hề sách nhiễu dân điều gì.

Nhưng đến khi trị dân, ta thấy Cộng Sản đã có nhiều khiếm khuyết. Tuy mới đầu họ tuyên bố: không ai thắng, không ai bại, và người trong một nước phải bao bọc lẫn nhau, nhưng chỉ ít ngày sau là kêu gọi quân đội, dân sự phải đi trình diện học tập. Mới đầu

úp úp, mở mở là học tập trong một tuần, rồi sau đó mới vỡ lẽ ra rằng Cộng Sản bắt đi học tập có khi trên 10 năm. Điều này đã gây xáo trộn và chia rẽ lớn trong nước.

Sau đó là vụ đánh Tư sản thương nghiệp. Đó là những lỗi lầm mà Chính quyền lúc đó đã phạm phải.

Còn về chuyện dùng người, thì phải công nhận lúc đầu không có đủ nhân viên, nên đã dùng bừa phứa, nên có những tiểu nhân len lỏi vào chính quyền cấp dưới như nơi **Phường, Khóm, Quận.** Những kẻ tiểu nhân này đã dùng quyền uy của họ để xách nhiễu dân, tham ô đủ thứ. Tuy nhiên sau đó, chính quyền cũng đã tìm đủ mọi cách trừ khử bọn tiểu nhân này.

Nhưng để bù lại, thì chính quyền Cộng Sản đã cho di tản chính thức những gia đình mà có thân nhân bị **đi cải tạo một cách rộng rãi,** do đó nhiều gia đình nay đã rất khá giả, con cái đã thành đạt. Họ đã thực hiện được những ước mơ là sao cho con cái họ được đi du học nước ngoài, mà trong suốt cuộc đời của nhiều người khó mà thực hiện nổi. Đó cũng là điểm đáng khen.

Nói cho công bằng, là khi thay đổi một chế độ, một triều đại, làm sao mà tránh được những sự bắt bớ, giam cầm, hay thủ tiêu những thành phần đối lập, và như vậy làm sao tránh khỏi được bao người bị hàm oan. **Hơn nữa, như Dịch nói: Làm sai, biết sửa, không có lỗi (Vô cữu).**

Tôi nói các vấn đề trên một cách trung thực, không phải để chỉ trích hay phê bình, mà cũng là thấy sao nói vậy, hay khen, hèn chê mà thôi, mong sao các Chính phủ sau, trước khi soạn thảo, ban bố, hoặc thi hành một đạo luật gì, thì phải nghĩ đến sự lợi ích cho dân, và bảo vệ dân trước đã.

41. 山 澤 損 SƠN TRẠCH TỔN

損序卦 Quái
解者緩也
緩必有所失
故受之以損

Tổn Tự Quái

Giải là cởi mở, ngõ hầu chơi ngơi;

Chơi ngơi mất mát hẳn rồi.

Cho nên Tổn mới có bài theo sau.

Tổn là hao tổn. Chữ Tổn theo **Từ nguyên,** một bên có chữ thủ là tay, một bên có chữ viên là tròn; cái gì đã viên mãn mà động tới, mà tiêu dùng, ắt sẽ hao tổn. Nhưng quẻ Tổn đây không có nghiã là hao tổn không, mà còn có nghĩa quan hệ khác nữa, đó là Tổn hạ, ích thượng; làm hao tổn dưới, mà có ích cho trên. Trong xã hội, ai là dưới? đó là dân. Ai là trên? đó là những người cầm quyền. Dân là gốc, là nền móng quốc gia; bới gốc, xới nền, để bù đắp cho ngọn, là một công việc tối ư nguy hiểm, nếu không biết cách mà hành động cho hay, cho khéo, thời quốc gia, xã hội sẽ lung lay, suy sụp. Quẻ Tổn cốt ý dạy ta phương cách tổn dân, mà không làm hại cho dân, mà không làm hại cho nền an ninh của quốc gia, xã hội.

Tại sao gọi là Tổn. Có bốn lý do:

1- Theo Tự Quái, gặp thời giải đãi, bình an, người ta nghỉ xả hơi quá nhiều, nên mới sinh ra tổn thất, vì thế sau Quẻ Giải mới đến Quẻ Tổn.

2- Tổn dưới là Đoài, là hồ, trên là Cấn, là Sơn; hồ sâu để cho núi cao; hồ bốc hơi lên để nhuận trạch cho cỏ cây trên núi; thế là tổn hạ, ích thượng.

3- Quẻ dưới là Đoài cũng là vui, vả lại ba Hào dưới đều ứng với ba Hào trên. Người dưới vui mà hưởng ứng, phục vụ người trên, đó là tổn hạ, ích thượng.

4- Quẻ Tổn do Quẻ Thái mà thành. Hào Cửu tam của Quẻ Thái vốn cương, lên đổi chỗ cho Hào Thượng Lục là ích thượng, nhu hạ cương hoán vị cho Thượng nhu, thế là tổn hạ. Đã phải tổn hạ, ích thượng thì sự thái thịnh cũng suy giảm đi phần nào. Cổ nhân cảnh cáo một cách thật tế nhị vậy.

I. Thoán.

Thoán từ:

損. 有 孚. 元 吉. 無 咎. 可 貞. 利 有 攸 往. 曷 之 用. 二 簋 可 用 享.

Tổn. Hữu phu. Nguyên cát. Vô cữu. Khả trinh. Lợi hữu du vãng.

Hạt chi dụng. Nhị quĩ khả dụng hưởng.

Dịch. Thoán từ.

Tổn là tỉnh giảm bớt đi,

Tổn mà thành khẩn, thôi thì rất hay.

Tổn mà hợp lẽ chính ngay,

Tổn sao cho khéo, khỏi sai, khỏi lầm.

Cứ đường lối ấy bền tâm,

Làm gì cũng được thập phần mắn may.

Tổn sao cho khéo léo đây?

Cơm xôi hai giỏ, lòng ngay dâng thần.

Tổn dân thực ra là một lẽ dĩ nhiên. Mạnh Tử nói: Có người làm việc bằng tâm trí, có kẻ làm việc bằng tay chân. Người làm việc bằng tâm trí thì cai trị dân chúng; kẻ làm việc bằng tay chân thì chịu quyền điều khiển. Kẻ chịu quyền điều khiển có phận sự cung cấp cho bề trên. Người cai trị dân chúng, cần được dân chúng phụng dưỡng. Đó là lẽ thông thường trong thiên hạ vậy. *(Mạnh Tử, Đằng Văn Công Thượng, 4)*.

Nhưng Tổn dân, bắt dân đóng góp tài nguyên, nhân lực, vật lực, xương máu khi cần thiết, người xưa vốn coi là một chuyện bất đắc dĩ. Mình phải hết sức thành khẩn, để cho dân tin tưởng được rằng mình không có ý sách nhiễu, hay đối xử tàn nhẫn với họ; phải giải thích cho dân biết sự đóng góp của họ là cần thiết cho sự tồn tại của quốc gia, như vậy sẽ hay, sẽ lợi, mà mọi sự sẽ tốt đẹp.

Thoán: **Tổn. Hữu phu. Nguyên cát. Vô cữu. Khả trinh. Lợi hữu du vãng.**

Hữu phu là có lòng thành khẩn. Đã thành khẩn rồi, mọi sự sẽ tốt đẹp **(Nguyên cát)**, sẽ không ai trách móc được mình **(Vô cữu)**; như vậy mới có thể thi hành lâu dài được **(Khả trinh)**, và công cuộc mới có cơ tiến triển được **(Lợi hữu du vãng).**

Làm thế nào mà chứng minh được lòng thành khẩn đó? Thưa, hãy tỉnh giảm mọi thứ sa hoa, phù phiếm bên ngoài, không được tiêu sài phí phạm. Ngay đến những khi hành lễ cũng phải tỉnh giảm chi phí đến mức tối đa. Vài giỏ cơm lúc ấy cũng đủ dâng thần. Đó là cách tùy thời xử thế. Khi nước nghèo, dân túng, nỡ nào bắt dân đóng góp nhiều để mà chi dùng phí phạm sao?

Hạt chi dụng. Nhị quĩ khả dụng hưởng? Hạt chi dụng là một câu hỏi như Làm thế nào?.**Nhị quĩ** là hai giỏ xôi. Hưởng là dâng cúng thần minh. Tóm lại lòng thành khẩn tối cần trong trường hợp này. Tử Hạ nói: Người quân tử (làm quan), trước phải được lòng dân tin phục, sau mới sai khiến họ làm lụng. Nếu họ chưa tin mình, mà mình vội khiến họ làm lụng, ắt họ ngỡ rằng mình khắc bạc đối với họ. *(Luận Ngữ, Tử Trương XIX,10)*

Thoán Truyện.

彖 曰. 損. 損 下 益 上. 其 道 上 行. 損 而 有 孚. 元 吉. 無 咎. 可 貞. 利 有 攸 往. 曷 之 用 . 二 簋 可 用 享 . 二 簋 應 有 時. 損 剛 益 柔 有 時. 損 益 盈 虛. 與 時 偕 行.

Thoán viết:

Tổn. Tổn hạ ích thượng. Kỳ đạo thượng hành. Tổn nhi hữu phu. Nguyên cát. Vô cữu. Khả trinh. Lợi hữu du vãng. Hạt chi dụng. Nhị quĩ khả dụng hưởng. Nhị quĩ ưng hữu thời. Tổn cương ích nhu hữu thời. Tổn ích doanh hư. Dữ thời giai hành.

Dịch.

Thoán rằng: *Tổn dưới, ích trên,*

Đó là chiều hướng đi lên ở đời.

Tổn mà hợp lẽ với trời,

Tổn mà thành khẩn, thôi thời rất may.

Tổn mà hợp lẽ chính ngay,

Tổn sao cho khéo, khỏi sai khỏi lầm.

Cứ đường lối ấy bền tâm,

Làm gì cũng được thập phần mắn may.

Tổn sao cho khéo léo đây?

Cơm xôi hai giỏ, lòng ngay dâng thần.

Cơm xôi hai giỏ hiến dâng,

Tùy thời tỉnh giảm, chước châm rạch ròi.

Bù mềm, bớt cứng tùy thời,

Tùy thời thêm bớt, đầy vơi nhịp nhàng.

Thoán Truyện định nghĩa Tổn là Tổn dưới, ích trên. Chu Hi giải là Bác dân, phụng quân, tức lấy của dân mà cung phụng quân vương. Đó là bổn phận người dưới đối với người trên **(Kỳ đạo thượng hành).**

Thoán Truyện tiếp đó chỉ nhắc lại những lời trong Thoán từ **Tổn nhi hữu phu... nhị quĩ khả dụng hưởng.** Tuy nhiên, Đức Khổng sợ người sau hiểu lầm rằng lễ nghi văn sức bên ngoài luôn luôn phải giảm thiểu cho đến mức tối đa, nên phải thêm Nhị quĩ ưng hữu thời. Tỉnh giảm lễ vật, cũng phải có thời. Sang thì dâng nhiều, túng thì dâng lễ ít; cái đó tùy sự giầu nghèo của gia đình, của đất nước mà thôi. Ngay đến chuyện bắt dân đóng góp, cũng phải có thời.

Tổn cương ích nhu hữu thời. Mạnh Tử viết: Nếu chính phủ chẳng đoạt mất thì giờ cấy gặt của những gia đình làm ruộng trăm mẫu, thì những nhân khẩu trong nhà ấy chẳng đến nỗi đói khổ. **(Bá mẫu chi điền. Vật đoạt kỳ thì. Sổ khẩu chi gia khả dĩ vô cơ hỹ.)** (Mạnh Tử, Lương Huệ Vương chương cú thượng, 3). Tóm lại, cái gì cũng phải tùy thời, phải biết đắp đổi. Khi đáng tổn dân thì tổn dân, khi đáng ích dân, thì ích dân. Khi doanh mới nên tổn, khi hư thời nên ích. **Tổn ích doanh hư. Dữ thời giai hành.**

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰.　山 下 有 澤. 損. 君 子 以 懲 忿 窒 欲.

Tượng viết:

Sơn hạ hữu trạch. Tổn. Quân tử dĩ trừng phẫn trất dục.

Dịch. Tượng rằng:

Tổn là dưới núi có hồ,

Giận lo đè nén, dục lo ngăn ngừa.

Hiền nhân, quân tử hãy lo...

Quẻ Tổn dạy người quân tử 1 bài học làm tổn. Trong người có thiên lý và nhân dục. Thiên lý không thể tổn, chỉ có nhân dục mới nên tổn. Núi thì cương, gợi nên sự cứng cỏi, nóng giận nơi con

người; hồ thì vui gợi nên dục tình nơi con người. Vậy người quân tử phải luôn luôn nén giận, diệt dục. Dục tình dẹp đi, tâm sẽ thanh; phẫn nộ diệt đi, trí sẽ tĩnh. Tâm thanh, trí tĩnh, thì thần sẽ phát lộ, và thiên lương sẽ triển dương.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Hào từ và Tiểu Tượng Truyện dạy người dưới cũng như người trên phải tổn kỷ ích nhân, tổn kỷ tòng nhân thế nào cho hay, cho lợi.

*Người dưới đã đành nên giúp đỡ người trên, nhưng chỉ giúp khi mình đã xong công việc, giúp mà không tổn hại cho mình (Hào Sơ).

*Giúp mà không mất phẩm giá của mình (Hào nhị).

*Tổn là Tổn hữu dư, giảm bất túc để đi đến chỗ đồng tâm nhất trí (Hào tam).

*Người trên phải giảm tổn nết hư, tật xấu của mình (Hào tứ).

*Phải giảm tổn sự cao ngạo của mình, để biết khuất kỷ hạ hiền, nghe theo đường hay, lối phải (Hào ngũ).

*Vả người trên nếu có phương sách hay đem dạy dân, đem áp dụng cho dân nhờ, thì đó là không làm tổn hại cho mình, mà vẫn làm ích cho người vậy (Hào Thượng Cửu**).**

1. Hào Sơ Cửu.

初 九.　已 事 遄 往. 無 咎. 酌 損 之.

象 曰.　已 事 遄 往. 尚 合 志 也.

Sơ Cửu.

Dĩ sự chuyên vãng. Vô cữu. Chước tổn chi.

Tượng viết:

Dĩ sự chuyên vãng. Thượng hợp chí dã.

Dịch. Tượng rằng:

Việc mình xuôi xắn cả rồi,

Nên đi mau mắn giúp người bên trên.

Muốn cho trong ấm, ngoài êm,

Thì nên tỉnh giảm tần phiền, tốn hao.

Tượng rằng: *Việc đã xong rồi,*

Ra đi mau mắn giúp người có sao.

Có chi lầm lỗi đâu nào,

Rồi ra trên dưới thấp, cao một lòng.

Người dưới khi đã làm xong công việc mình **(Dĩ sự)**, thời nên đi giúp người trên một cách mau lẹ **(thuyên vãng)**, như vậy không có lỗi gì (**Vô cữu).** Và người trên cũng nên châm chước, liệu lý sao cho khỏi tổn hại thái quá (**Chước tổn chi).** Chữ **Chước tổn chi** Wilhelm bình rằng: Người trên phải châm chước, đừng để thiệt hại cho người dưới. Mình giúp đỡ người trên, người trên sẽ biết ơn mình; thế là dưới trên thông cảm, dưới trên một lòng. Vì thế Tượng viết*:* **Dĩ sự thuyên vãng. Thượng hợp chí dã.**

Trong Kinh Thi (nơi Thiên Đại Nhã) có chép rằng: khi vua Văn Vương muốn cất lên toà Linh Đài, ngài phái người đến đo địa cuộc, và sắp đặt. Dân chúng đều đến giúp công, chẳng mấy ngày mà cất xong vậy. Lúc mới khởi sự cất, Văn Vương phán với dân chúng rằng: các ngươi chẳng cần làm gấp. Thế mà bá tánh kéo đến làm giúp, dường như bầy con phụng sự cha mẹ...Vua Văn Vương đã dùng sức dân mà cất đài, đào hồ, thế mà dân lấy làm vui sướng. Cho nên họ gọi đài của vua là Linh Đài, hồ của vua là Linh Chiểu. Họ lại vui vì trong vườn vua có cá, có rùa. Những vị vua đời xưa, hằng chia sớt sự vui của mình với dân, cho nên hưởng sự khoái lạc một cách đích đáng vậy.

2. Hào Cửu nhị.

九 二. 利 貞. 征 凶. 弗 損 益 之.

象 曰. 九 二 利 貞. 中 以 為 志 也.

Cửu nhị.

Lợi trinh. Chinh hung. Phất tổn ích chi.

Tượng viết:

Cửu nhị lợi trinh. Trung dĩ vi chí dã.

Dịch.

Một lòng ngay chính, mới hay,

Ra gì bợ đỡ, tối ngày xoăn xoe.

Mình không hao hớt, ê chề,

Mà người vẫn lợi, mọi bề mới hay.

Tượng rằng: *Cửu nhị chính hay,*

Là vì ghi tạc dạ này chữ trung.

Tượng viết: Người dưới là người cộng tác với người trên, chứ không phải làm tôi tớ người trên. Vậy phải giữ phẩm giá mình trong khi giúp đỡ người trên, như vậy mới hay, mới lợi **(Lợi trinh).** Bằng mình luồn cúi họ, để cho họ sai chi, làm nấy, không kể chi đến lương tâm, phẩm giá mình thì thực là một điều hung hoạ **(Chinh hung).** Mình làm ích cho người, mà không tổn hại đến phẩm giá mình mới phải **(Phất tổn ích chi).** Cho nên người dưới cố sao xử cho hay, cho phải, như vậy mới lợi, mới hay. Lợi, hay vì mình giữ được toàn phẩm cách, mà người trên vẫn được ích lợi.

Tượng viết: **Cửu nhị lợi trinh. Trung dĩ vi chí dã.** Nhờ có Vương Đức tiến cử, Lịch Sanh vào ra mắt Bái Công. Lúc ấy Bái Công ngồi trên giường, ngay hai chân ra, rồi khiến hai thị nữ rửa chân cho

mình. Lịch Sanh bước vào xá chớ không lạy, và hỏi Bái Công rằng: Túc hạ muốn giúp Tần mà đánh chư hầu, hay là giúp chư hầu mà đánh Tần?. Bái Công thấy Lịch Sanh đã già cả rồi mà lời ăn nói còn cứng cỏi, thì mắng rằng: Đồ học trò khốn, thiên hạ bị Tần hà khắc đã lâu, nên ta vâng mệnh Hoài Vương đi phía Tây lộ đánh Tần, đặng giết đứa vô đạo ấy, ta há trở lại giúp Tần sao?. Lịch Sanh nói: Túc hạ đã muốn đánh Tần, để diệt đứa vô đạo, ấy là muốn dấy nghĩa binh đặng phục thiên hạ đó, sao lại kiêu ngạo, lên mặt trưởng giả, vô lễ lắm vậy; nếu như vậy ắt người hiền sĩ đi hết, có ai lo chung với, thì có đủ chi mà thu phục thiên hạ đặng? Bái Công nghe nói bèn thôi rửa chân, vội vã gài giải áo, mời Lịch Sanh lên ngồi trên, rồi tạ rằng: Tôi chẳng dè tiên sinh đến thình lình, nên lỗi việc nghinh tiếp, xin tiên sanh chớ chấp. Sau Lịch Sanh giúp Bái Công dụ hàng Trần Đồng, để Trần Đồng dâng cho Bái Công quận Trần Lưu, và lương thảo, binh mã, lại tiến cử Trương Lương với Bái Công. Thế là Lịch Sanh giúp người trên mà vẫn giữ được phẩm giá mình vậy.

3. Hào Lục tam.

六三.　三人行.則損一人.一人行.則得其友.

象曰.　一人行.三則疑也.

Lục tam.

Tam nhân hành. Tắc tổn nhất nhân. Nhất nhân hành. Tắc đắc kỳ hữu.

Tượng viết:

Nhất nhân hành. Tam tắc nghi dã.

Dịch.

Ba người đi, bớt một người,

Một người đi, ắt có đôi bạn bè.

Tượng rằng: *Một đi sẽ có bạn bè,*

Ba đi sẽ có hiềm nghi xen vào.

Quẻ Tổn nguyên do quẻ Thái mà sinh. Quẻ Thái trên có tam Âm, dưới có tam Dương. Cửu tam quẻ Thái hoán vị với Thượng Lục quẻ Thái để thành quẻ Tổn, như vậy dưới chỉ còn hai Dương, trên chỉ còn hai Âm, thay vì ba Âm, ba Dương khi trước. Thế là **Tam nhân hành. Tắc tổn nhất nhân.** Hào tam, Hào Lục hoán vị với nhau, nhưng Âm, Dương tương ứng, cho nên y như một người đi thì lại gặp được bạn. Thế là **Nhất nhân hành. tắc đắc kỳ hữu.** Đó là lời giải thích của Trình Tử. James Legge cho rằng: Hào này quả là tối nghĩa quá chừng. Những lời giải đáp của Trình Tử cũng chẳng thỏa đáng là bao. Ta không nên đi sâu vào những khúc mắc của Hào này, ta chỉ đặt câu hỏi: **Hào này dạy ta bài học thực tế gì?** Ta thấy ngay rằng Hào này dạy ta nên tổn hữu dư, bổ bất túc.Hào Ba vốn tượng trưng cho nhà quyền quí, giầu có; những phú hào, trưởng giả trong dân, trong nước. Khi cần đòi hỏi dân đóng góp tiền tài, thóc gạo, phải nghĩ khai thác lớp người này, nhiều hơn là khai thác lớp người cùng đinh, lê thứ.

Tượng viết: **Nhất nhân hành. Tam tắc nghi dã. (**Một người đi được bè bạn, ba người đi sinh nghi ngờ). Trình Tử giải là nên **Tổn kỳ d**ư (Bớt chỗ thừa). Hệ Từ đưa ra ý tưởng phải làm sao đi đến chỗ hợp nhất, nhất trí. (Xem Hệ từ hạ, chương V).

Hội các ý lại, ta luận rằng: Chỉ nên giảm tổn cái hữu dư, chỉ nên đòi hỏi sự đóng góp của những người dư thừa, và cốt sao giữ cho trong nước được đồng tâm, nhất trí, khỏi nghi kỵ lẫn nhau.

4. Hào Lục tứ.

六四. 損其疾.使遄有喜.無咎.

象曰. 損其疾.亦可喜也.

Lục tứ.

Tổn kỳ tật. Sử thuyên hữu hỷ. Vô cữu.

Tượng viết:

Tổn kỳ tật. Diệc khả hỉ dã.

Dịch.

Giảm điều khiếm khuyết, lỗi lầm,

Càng nhanh, càng khiến đáng mầng, đáng vui.

Vậy thời chẳng lỗi, chẳng sai.

Tượng rằng: *Giảm bớt lỗi lầm,*

Khiến cho người dưới cũng mừng, cũng vui.

Lục tứ chính là địa vị của một vị quan lớn. Làm quan, ở ngôi trên mà biết lo, giảm bớt tật xấu mình **(Tổn kỳ tật),** sẽ khiến mọi người thích đến với mình **(Sử thuyên),** vui lòng cộng tác với mình **(hữu hỷ),** như vậy thời có lỗi chi đâu. **(Vô cữu).** Người trên mà biết hối quá, biết giảm thiểu tật hư, nết xấu của mình, thật là một điều đáng mừng vậy. *Tượng viết:* **Tổn kỳ tật. diệc khả hỷ dã.**

5. Hào Lục ngũ.

六 五 . 或 益 之 . 十 朋 之 龜 弗 克 違 . 元 吉 .

象 曰 . 六 五 元 吉 . 自 上 佑 也 .

Lục ngũ.

Hoặc ích chi. Thập bằng chi qui phất khắc vi. Nguyên cát.

Tượng viết:

Lục ngũ nguyên cát. Tự thượng hựu dã.

Dịch.

Khi cần tăng ích cho mình.

Bạn bè kéo đến, tận tình giúp cho.

Rùa thiêng bói chẳng ngược ta,

Trời người không ngược, hóa ra tốt lành.

Tượng rằng: *Lục ngũ tốt lành,*

Là vì đã được cao xanh hộ trì.

H**ào Lục ngũ** này các lời bình không giống nhau. Trình Tử cho rằng: Ở vào thời Tổn, Lục ngũ ở ngôi tôn, mà vẫn biết trung thuận, biết quên mình mà nghe những lời chỉ bảo của hiền nhân (Cửu nhị). Được như vậy, thì thiên hạ ai chẳng đem hết tâm lực (**tổn kỷ**) mà làm ích cho mình. Nếu mình muốn tăng ích về chuyện gì **(Hoặc ích chi),** thì chúng bạn sẽ kéo đến giúp **(Thập bằng chi qui phất khắc vi).** Khi mọi người đã giúp mình, khi công luận đã tán trợ mình, thời rùa bói cũng không đi ngược lại mình được **(**Chúng nhân chi công luận tất hợp hồ chính lý, tuy qui sách bất năng vi**).**Chữ **Bằng** theo **Từ nguyên t**ự **điển** là đơn vị tiền tệ khi xưa: 5 vỏ sò là một Bằng, Bối là vỏ sò (Ngũ Bối vi Bằng). Kinh Thi nói: Tích ngã bách bằng **(**Tạ ơn trăm bằng) **(**xem Kinh Thi, Tiểu Nhã, Thanh thanh giả nga, câu 3). Có người hiểu Bằng là đơn vị đo lường, và hiểu Thập bằng chi qui là con rùa nặng 10 bằng.

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 弗損益之.無咎.貞吉.利有攸往.得臣無家.

象曰. 弗損益之.大得志也.

Thượng Cửu.

Phất tổn ích chi. Vô cữu. Trinh cát. Lợi hữu du vãng. Đắc thần vô gia.

Tượng viết:

Phất tổn ích chi. Đại đắc chí dã.

Dịch.

Đã không giảm bớt, lại thêm.

Ích nhân âu sẽ ấm êm mọi vành.

Chính ngay, vả lại tốt lành,

Làm gì cũng được lợi hanh đủ điều.

Rồi ra dân phục, dân yêu,

Rộng dung khắp nước, nên kêu không nhà.

Tượng rằng: Không bớt, lại thêm,

Thế là đã được phỉ nguyền, thỏa thuê.

Hào Thượng Cửu: Chữ **Phất tổn ích chi** đây có thể hiểu 2 cách:

1. Không làm hao tổn cho dân, mà làm ích cho dân.

2. Không làm hao tổn cho mình, mà vẫn làm ích được cho dân. Giải cả 2 cách đều xuôi.

Người trên mà được như vậy, thời chẳng có lỗi chi, mà lại được ngay lành **(Vô cữu. Trinh cát).** Rồi ra làm gì cũng hay, cũng lợi; chúng dân sẽ qui phục mình **(đắc thần),** nhà ai cũng là nhà mình **(Vô gia).**

Tượng viết*:* **Phất tổn ích chi. Đại đắc chí dã.** Không làm dân hao tổn mà chỉ lo làm ích cho dân; làm ích cho dân mà riêng mình không thiệt hại gì, thì đó là sự thỏa thích lớn của người quân tử vậy.

Hào Thượng Cửu này có những chữ **Vô cữu. Trinh cát. Lợi hữu du vãng** giống như Thoán từ. Lại có chữ **Phất tổn ích chi** tức là muốn nhấn mạnh lại một lần nữa rằng: Tổn dân là một câu chuyện bắt đắc dĩ, cho nên người trên phải lo làm lợi cho dân, chứ

đừng nghĩ làm tổn hại cho dân; được như vậy mới là cách cai trị lý tưởng.

ÁP DỤNG QUẺ TỔN VÀO THỜI ĐẠI

Cai trị không phải lúc nào cũng mang lại được phúc lợi cho dân, mà có khi cũng phải làm thiệt hại cho dân, bắt dân đóng góp. Nhưng cái gì cũng phải thời thôi.

Ở Mỹ, vấn đề thuế má thật là chu đáo. Dân đóng thuế theo tỷ lệ của lương bổng, được minh định rõ ràng. Còn chuyện bắt dân làm tạp dịch, hầu như không xảy ra, trừ khi mình đã làm điều gì phạm pháp, khiến đến nỗi như vậy.

Mỗi khi xem TV, tôi thấy dân chúng xưa bị quân sĩ ùa vào nhà bắt dân đi làm tạp dịch như: xây cung điện, đắp đê điều, và dân bị đánh đập thật thảm thương. Thật sự khi xưa, có lúc họ đã coi dân như cỏ rác. Mạnh Tử nói với Tề Tuyên vương: Vua mà coi dân như tay, chân; thì dân sẽ coi vua như bụng dạ. Vua mà coi dân như chó ngựa, thì dân sẽ coi vua như kẻ qua đường. Vua mà coi dân như bùn rác, dân sẽ coi vua như người thù (Mạnh tử. Ly Lâu chương cú hạ, 3).

Cứ nhìn cách người trên đối xử với người dưới, sẽ biết mình trị dân hay, hay dở. Người dân không nên tìm cách trốn thuế, nhà nước nếu không trông vào thuế má của dân, thì lấy gì mà sống, mà lo an ninh cho dân vv...

Tất cả là sự công bằng và sự hòa hài.

42. 風 雷 益 PHONG LÔI ÍCH

益序卦 Ích Tự Quái
損而不已必益 Tổn nhi bất dĩ tất ích.
故受之以益 Cố thụ chi dĩ Ích.

Ích Tự Quái

Tổn mà tổn mãi, tổn lâu;

Rồi ra cũng lúc tới cầu gia tăng.

Cho nên Ích mới theo chân.

Quẻ Ích đưa ra một nguyên tắc hành chánh, chánh trị hết sức là quan trọng. Cai trị là làm ơn, làm ích cho dân Quẻ Ích trên có chữ Thủy là nước, dưới có chữ Mãnh là bát. Như vậy Ích chẳng khác nào bát nước đầy.

I. Thoán.

Thoán từ.

益 . 利 有 攸 往 . 利 涉 大 川 .

Ích. **Lợi hữu du vãng. Lợi thiệp đại xuyên.**

Dịch.

Ích là làm ích cho đời,

Việc gì âu cũng êm xuôi, chu toàn.

Dẫu rằng nguy hiểm, gian nan,

Sông sâu, nước cả, vượt sang khó gì.

Đối với dân như bát nước đầy, trị dân mà biết hy sinh để làm lợi cho dân, thì ích lợi biết bao. Còn có việc gì mà không thực hiện được **(Lợi hữu du vãng).** Còn có khó khăn gì mà chẳng giải quyết xong.

Thoán Truyện.

彖曰. 益.損上益下.民說無疆.自上下下.其道大光.
利有攸往.中正有慶.利涉大川.木道乃行.益
動而巽.日進無疆.天施地生.其益無方.凡益
之道.與時偕行.

Thoán viết:

Ích. Tổn thượng ích hạ. Dân duyệt vô cương. Tự thượng há hạ.

Kỳ đạo đại quang. Lợi hữu du vãng. Trung chính hữu khánh.

Lợi thiệp đại xuyên. Mộc đạo nãi hành. Ích động nhi tốn.

Nhật tiến vô cương. Thiên thi địa sinh. Kỳ ích vô phương.

Phàm ích chi đạo. Dữ thời giai hành.

Dịch. Thoán rằng:

Ích là thêm dưới, bớt trên,

Nhân dân vui vẻ, phỉ nguyền đòi nơi.

Hạ mình, để phục vụ người.

Lối đường thế ấy, rạng ngời quang minh.

Rồi ra muôn sự tốt lành,

Chính trung, nên khiến dân tình an vui.

Sông sâu vẫn vượt như chơi,

Thuyền dân, gỗ nước, thảnh thơi lái lèo.

Ích là hoạt động thuận chiều,

Mỗi ngày, mỗi tiến, khinh phiêu vô cùng.

Đất trời nối kết giải đồng,

Trời sinh, đất dưỡng, ích không bến bờ.

Tùy thời, rồi lại tùy cơ,

Làm ơn, làm ích khắp cho muôn loài.

Trước tiên, Thoán định nghĩa Ích là tổn thượng, ích hạ.Như vậy tức là muốn nói lên rằng: Người trên phải hy sinh cho kẻ dưới.

Trị dân là lo làm ích cho dân:

- Lo cho dân đông,

- Lo cho dân giầu,

- Lo cho dân ấm no.

(Luận Ngữ, Tử Lộ, XIII)

Thánh hiền xưa, những lo cho dân được giầu có, vuông tròn, đầy đặn, còn mình thì nhiều no, ít đủ, đạm bạc thế nào cũng xong. Đường Huyền Tông nói: Ta gầy, nhưng thiên hạ mập, là cũng nương theo ý đó.

Nhiễm Hữu nói với Lỗ Ai Công: Nếu dân no đủ, thì vị quốc quân sao thiếu thốn được; nếu dân không no đủ, thì vị quốc quân giàu có với ai.

Nền chính trị của Nho Giáo luôn luôn đề cao những công cuộc ích quốc, lợi dân. Trị dân là lo cho dân có ăn, có mặc, tư cấp ruộng

đất cho dân, dạy dân khai thác các tài nguyên của đất nước, khuyến khích bá công, để cho thương mại và công nghệ được phồn thịnh; lo cho dân có một hệ thống kiều lộ được hoàn bị; lo cho dân được an cư, lạc nghiệp, lo giáo hoá dân cho họ ngày một trở nên hoàn thiện.

Ngụy Hổ Thần đến Kiển Dương Trấn thay Vân Thiên Bưu. Vân Thiên Bưu giao hết binh phù, tướng ấn xong rồi, Ngụy Hổ Thần hỏi hết tình trong xứ, thì Vân Thiên Bưu tỏ bầy phong tục, cùng là phương lược của quân sĩ và bá tánh cho Ngụy Hổ Thần nghe. Ngụy hổ Thần lại hỏi nữa rằng: Ngài trấn chỗ này, mỗi năm thâu lợi bao nhiêu? Vân Thiên Bưu nghe hỏi, biến sắc đáp: Ngài hỏi như vậy, chẳng là quấy lắm. Vả tôi làm đại tướng, trấn giữ bờ cõi cho triều đình; lúc nào có giặc, tôi phải lo dẹp; lúc nào không có giặc, thì phải chăn dân; thủa nay không biết thâu lợi là gì. Nếu ngài muốn có lợi, sao không làm nghề thương mại, lại xuất sĩ làm gì? (Thủy Hử, 1053).Thật là một câu trả lời đích đáng. Trị dân mà biết hy sinh cho dân, thời dân sẽ vui thỏa vô cùng **(Dân duyệt vô cương).**

Người trên mà biết địa vị mình, hạ mình để phục vụ dân, hành xử như vậy thật là quang minh chính đại **(Tự thượng há hạ. Kỳ đạo đại quang).** Trong một nước, mà vua thời minh (Cửu ngũ), tôi thời hiền (Lục nhị), thảy đều theo đường trung chính mà trị dân, thì hạnh phúc cho dân biết bao nhiêu! Còn có việc gì mà chẳng làm được **(Lợi hữu du vãng. trung chính hữu khánh).**

Lịch sử đã cho ta thấy Minh Trị Thiên Hoàng và quần thần của ngài đã canh tân được nước Nhật, và đã nâng được nước Nhật lên hàng cường quốc thế giới. Như vậy dẫu có gian nan nguy hiểm mấy cũng lướt thắng được **(Lợi thiệp đại xuyên. mộc đạo nãi hành).** Vua quan mà làm lợi cho dân, thời khi gặp hoạn nạn ví như đi qua sông lớn, sẽ có dân làm gỗ, làm thuyền mà chở cho qua **(Mộc đạo nãi hành).**

Trình tử nói: đáng lý phải viết là: **Ích đạo nãi hành,** Trị dân, hành xử, hoạt động luôn luôn hợp với những định tắc của trời, đất, người **(Ích. Động dĩ tốn),** thì sẽ tiến mãi không có giới hạn nào cả **(Nhật tiến vô cương).**

Mình làm ơn, làm ích cho dân, cho đời, thì cũng theo đúng được

đường lối của trời đất; vì trời đất cũng luôn luôn hoà hài, cộng tác với nhau để thi ân, bá đức, để sinh dưỡng muôn loài **(Thiên thi địa sinh),** chẳng kể biên cương, bờ cõi, mầu da, sắc áo **(Kỳ ích vô phương).**

Thánh nhân tùy theo thời thế, tùy theo những định tắc của trời đất, mà làm ơn ích cho dân, như vậy là theo được nhịp điệu vũ trụ mà làm ơn ích cho dân vậy **(Phàm ích chi đạo. Dữ thời giai hành).**

II. Đại Tượng Truyện.

象曰. 風雷 益.君子以見善則遷.有過則改.

Tượng viết:

Phong Lôi Ích. Quân tử dĩ kiến thiện tắc thiên. Hữu quá tắc cải.

Dịch.

Ích là gió, sấm hợp đôi,

Hiền nhân, quân tử vậy thời y theo.

Gặp lành, ra sức chắt chiu,

Lầm sai, ra sức liệu chiều sửa sang.

Thấy gió sấm có thể giúp nhau thêm mạnh **(Phong Lôi Ích),** người quân tử học được cách tiến đức, tu thân.

Khi thấy người khác làm điều gì hay mình bắt chước **(Kiến thiện tắc thiện),** khi thấy mình có điều gì dở, mình bỏ đi, **(Hữu quá tắc cải)**; như vậy cả xã hội, nhân quần, cả lịch sử, cả vũ trụ, nhất nhất cái gì cũng làm ích lợi cho mình, như vậy sẽ tiến ích thực sự. Tiến ích về tinh thần, về nhân cách mới là hay.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào chỉ nói lên đại ý này là:

- Trị dân là phải quên mình vì dân (Hào 2).

- Lo lập nên đại công, đại nghiệp cho dân (Hào 1).

- Trợ cấp dân những khi dân lâm thiên tai, địa họa (Hào 3).

- Lo làm ơn, làm ích cho dân (Hào 5).

- Còn như lo làm ích cho mình thời sẽ bị dân ruồng rẫy, đả kích (Hào 6).

- Thành khẩn vì dân, vì nước (Hào 4).

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 .　　利 用 為 大 作 . 元 吉 . 無 咎 .

象 曰 .　　元 吉 無 咎 . 下 不 厚 事 也 .

Sơ Cửu.

Lợi dụng vi đại tác. Nguyên cát. Vô cữu.

Tượng viết:

Nguyên cát vô cữu. Hạ bất hậu sự dã.

Dịch.

Thừa cơ mà lập đại công,

Chu toàn xong xả, mới mong tốt lành.

Cố sao thành tựu công trình,

Mới không chuốc lấy cho mình thị phi.

Tượng rằng: *Chu toàn xong xả mới hay,*

Đại công phận dưới xưa nay ít làm.

Sơ Cửu là người có tài, nhưng chưa có địa vị trong xã hội. Tuy nhiên Sơ Cửu được cấp trên Lục tứ tin dùng. Nếu vậy, nên lợi dụng cơ hội mà lập nên đại công, đại nghiệp. Có như vậy mới là thiệt hay lành, không còn ai bắt lỗi mình được nữa. Bằng nếu vẽ hổ chẳng thành, thì sẽ mang hoạ vào thân, và bị người chê cười. Cho nên phải **Nguyên cát**, nghĩa là phải được thành tựu trong công trình, thời mới được **Vô cữu**

Tượng viết: **Nguyên cát. Vô cữu. Hạ bất hậu sự dã.** Tượng giải thích tại sao phải làm công chuyện cho chu toàn, mới khỏi lỗi **(nguyên cát**. **Vô cữu)**. Đó chính là người dưới không làm được những công việc trọng đại **(Hạ bất hậu sự dã). Hậu sự** tức là những công việc trọng đại.

2. Hào Lục nhị.

六二. 或益之.十朋之龜弗克違.永貞吉.王用享于帝.吉.

象曰. 或益之.自外來也.

Lục nhị.

Hoặc ích chi thập bằng chi qui. Phất khắc vi. Vĩnh trinh cát.

Vương dụng hưởng vu Đế. Cát.

Tượng viết:

Hoặc ích chi. Tự ngoại lai dã.

Dịch.

Khi cần tăng ích cho người,

Bạn bè kéo đến, tận tình giúp cho.

Rùa thiêng bói chẳng ngược ta,

Sắt son, trung chính mới ra tốt lành.

Chính trung thấu đến cao xanh,

Tế trời, vua cốt tâm thành mới hay.

Tượng rằng: *Có kẻ giúp ta,*

Ấy là ích tự ngoài mà tới nơi

Hào Lục nhị: Trình Tử giải đại khái rằng: Lục nhị đắc trung, đắc chính, biết hư kỳ trung dĩ cầu ích**,** lại biết thuận tòng, như vậy thiên hạ ai mà chẳng muốn đến giúp mình. Nên nếu có thể làm ích gì cho mình được **(Hoặc ích chi: hoặc hữu khả ích chi sự),** thì bè bạn mọi nơi sẽ kéo về giúp mình **(thập bằng chi: tắc chúng bằng trợ nhi ích chi).**

Như vậy thì thần minh cũng không thể đi ngược được đường lối **(qui bất khắc vi: qui phất năng vi dã).** Cứ theo đúng đường lối minh chính ấy sẽ được mọi sự may mắn **(Vĩnh trinh cát)**. Lòng thành khẩn của mình, dẫu Thượng đế cũng phải chứng giám **(Vương dụng hưởng vu Đế. Cát.)** như vậy làm sao mà không may, không lành được. Những người thành khẩn vì dân, vì nước như vậy có cần điều gì, thì chúng dân sẽ kéo đến giúp. *Tượng viết:* **Hoăc ích chi tự ngoại lai dã.**

3. Hào Lục tam.

六三. 益之用凶事.無咎. 有孚中行.告公用圭.

象曰. 益用凶事.固有之也.

Lục tam.

Ích chi dụng hung sự. Vô cữu. Hữu phu trung hành. Cáo công dụng khuê.

Tượng viết:

Ích dụng hung sự. Cố hữu chi dã.

Dịch. (Dịch theo Trình tử):

Thấy dân khốn khổ giúp cho,

Hành vi như vậy, chẳng lo lỗi lầm.

Một lòng thành khẩn, chính trung,

Vương công âu sẽ cảm thông với mình.

Cùng người báo cáo công trình,

Ngọc Khuê mượn tỏ tâm tình thẳng ngay.

Tượng rằng: *Dân khổ giúp cho,*

Ấy là công việc từ xưa vẫn làm.

Hào Lục tam: Trình tử giải đại khái rằng: Gặp thời hung hoạ bất kỳ, mà mình không đợi lệnh vua, cứ ra tay cứu vớt dân (**ích dân dụng hung sự),** thời cũng chẳng có lỗi gì **(vô cữu).** Nếu mà mình có lòng thành khẩn **(hữu phu),** nếu mình theo đường ngay, lối phải mà làm **(trung hành)**, thì vua sẽ cảm thông với mình **(cáo công dụng khuê**). Khuê là miếng ngọc để thông đạt lòng thành tín của mình, trong những khi tế tự, triều sính.

Chu Hi và Hồ vân Phong giải đại khái rằng: Họa hung chính ra cũng làm ích lợi cho con người **(ích dụng hung sự).** Người trên có thể dùng sự cảnh giới để làm chấn động mình, như vậy tức là làm ơn ích cho mình. Nếu mình cứ thành khẩn, hành xử cho phải, rồi ra cấp trên cũng thông cảm được lòng thành khẩn của mình. Các nhà bình giải sau này đều theo một trong hai cách bình giải trên.

Tượng viết: **Ích. Dụng hung sự. Cố hữu chi dã.** Trình tử giải đại khái rằng: Gặp những khi có hung họa, mình cần phải biết tự chuyên, tự quyết **(Cố hữu chi... vị chuyên cố tự nhiệm kỳ sự dã),** để mà cứu vãn dân khỏi cảnh đoạ đày. Cấp Ám xưa thấy dân Hà Nội bị đói khát, đã tự động mở kho lẫm để phân phát cho dân. Phùng Hoan đi đến huyện Triết để đòi nợ cho Mạnh

Thường Quân. Đến nơi thấy dân đói khổ quá, liền đốt hết văn tự và nói Mạnh Thường Quân vì thương dân, đã tha hết nợ cho dân. Đó là trường hợp người dưới tự chuyên, tự quyết để cứu dân khi họ gặp hoạ hung.

4. Hào Lục tứ.

六四. 中行.告公從. 利用為依遷國.

象曰. 告公從.以益志也.

Lục tứ.

Trung hành. Cáo công tùng. Lợi dụng vi y thiên quốc.

Tượng viết:

Cáo công tùng. Dĩ ích chí dã.

Dịch.

Một lòng thành khẩn, chính trung,

Vương công âu sẽ hết lòng nghe ta.

Đã khi trên thuận, dưới hòa,

Rồi ra có thể thiên đô, ngại gì.

Tượng rằng:

Một lòng thành khẩn, chính trung,

Vương công âu sẽ hết lòng nghe ta.

Vì ta những lắng, cùng lo,

Lo làm lợi ích khắp cho mọi người.

Nếu những người phụ bật quân vương mà theo đường trung chính, thời những lời lẽ của họ sẽ được bậc quân vương tin theo **(Trung hành. Cáo công tùng).** Được vậy, sẽ giúp vua thực hiện được những việc lớn như thiên đô. **Trung hành** đây là một lời khuyên hoặc là một ước vọng. **Thiên đô** là một việc ích quốc, lợi dân.

Người xưa thiên đô để tìm một địa điểm lợi thế hơn, an toàn hơn, dễ phòng thủ hơn, hoặc gần đồng minh hơn. Đó chính là cách làm lợi cho dân. Ví dụ: Vua Bàn Canh đã thiên đô từ Hình về Bạc vì địa điểm cũ không thuận lợi. Bình Vương đã bỏ Phong Cảo về Lạc Ấp, để gần những nước chư hầu là Tấn và Trịnh hơn, ngõ hầu tránh nạn Khuyển Nhung. Hán Cao Tổ thiên đô về Tràng An, Hán Quang Võ thiên đô về Lạc Dương, vì những nơi đó hiểm trở, dễ phòng ngự v.v...

Tống Thái tổ cũng muốn thiên đô về Trường An. Tấn Vương can, Tống Thái Tổ bèn than: Không đầy 100 năm nữa, dân sẽ kiệt lực vậy, vì bốn bề thụ địch, không nương dựa vào đâu được.

Tiểu Tượng cho rằng: Lục tứ sở dĩ được quân vương nghe theo vì đã trình bầy những điều ích quốc, lợi dân. *Tượng viết:* **Cáo công tùng. Dĩ ích chí dã.**

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 有孚惠心.勿問元吉. 有孚惠我德.

象曰. 有孚惠心.勿問之矣. 惠我德.大得志也.

Cửu ngũ:

Hữu phu huệ tâm. Vật vấn nguyên cát. Hữu phu huệ ngã đức.

Tượng viết:

Hữu phu huệ tâm. Vật vấn chi hĩ. Huệ ngã đức. Đại đắc chí dã.

Dịch.

Thành tâm mưu ích cho người,

Chẳng cần han hỏi, hay thôi vô cùng.

Dân gian cảm đức, cảm công,

Gần xa đâu đấy, một lòng ơn ta.

Tượng rằng:

Thành tâm mưu ích cho người,

Chẳng cần han hỏi, hay thôi vô cùng.

Dân gian cảm đức, cảm công,

Thế là thỏa chí, thỏa lòng biết bao.

Hào Cửu ngũ: Nếu bậc quân vương thành khẩn một lòng vì dân, vì nước **(hữu phu),** lo thi ân bá đức cho dân **(huệ tâm),** thì khỏi cần hỏi han gì, cũng biết thế là vẹn hảo **(vật vấn nguyên cát).** Như vậy người dưới cũng sẽ một lòng tín thành **(hữu phu),** mà tri ân đức của bậc quân vương. **(huệ ngã đức).** Cai trị mà được dân mến, dân thương; cai trị mà làm ơn ích được như vậy, thực là thoả chí vậy. **(đại đắc chí dã)**

Vì thế *Tượng viết:* **Hữu phu huệ tâm. Vật vấn chi hĩ. Huệ ngã đức. Đại đắc chí dã.**

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 莫益之.或擊之.立心勿恆.凶.

象曰. 莫益之.偏辭也. 或擊之.自外來也.

*Th*ượng Cửu:

Mạc ích chi. Hoặc kích chi. Lập tâm vật hằng. Hung.

Tượng viết:

Mạc ích chi. Thiên từ dã. Hoặc kích chi. Tự ngoại lai dã.

Dịch.

Chẳng ai giúp ích, đỡ đần,

Lại còn có kẻ muốn dần cho đau.

Lập tâm chẳng được bền lâu,

Lập tâm không vững, có đâu tốt lành

Tượng rằng: *Chẳng ai giúp ích, đỡ đần,*

Là vì lời nói có phần thiên tư.

Có người còn muốn đánh cho,

Ấy là những chuyện vạ vơ từ ngoài.

Hào Thượng Cửu: Trị dân mà không lo làm ích cho dân, mà chỉ lo vơ vét của dân, thì chắc sẽ không có ra gì, có ngày sẽ bị dân trả oán **(Mạc ích chi. Hoặc kích chi).**

Trị dân mà không có chương trình trường cửu, không có đường lối, không có chuẩn bị gì, chắc là sẽ chuốc lấy hoạ hung **(Lập tâm vật hằng. Hung.)**

Tượng viết: **Mạc ích chi. Thiên từ dã. Hoặc kích chi. Tự ngoại lai dã.** Ý nói không làm ơn ích cho ai, mà chỉ muốn nghiêng về mình, thủ lợi cho mình (Mạc ích chi. Thiên từ dã). Nói rằng: Có người đánh cho, tức là nói có người ngoài sẽ đánh mình. **(Hoặc kích chi. Tự ngoại lai dã).**

Thế tức là làm hay thì người ngoài ngàn dậm cũng hưởng ứng; làm dở thì người ngoài ngàn dậm cũng phản đối.

ÁP DỤNG QUẺ ÍCH VÀO THỜI ĐẠI

Trị dân theo đúng ý nghĩa là làm ích cho dân. Ngày nay, muốn trị dân, người ta đã chia nhà nước thành nhiều bộ: Như Lục quân,

Không quân, Hải quân, Thương mại, Quốc phòng, Bộ Lại, Lao Động, Hình, Canh nông, Giáo Dục, Y tế, Ngân khố vv...

Ở Hoa Kỳ, các Bộ đều trực thuộc phủ Tổng Thống. Mỗi Bộ lo về một vấn đề, miễn sao phát triển đời sống dân về mọi mặt.

-Sức khỏe, ăn uống, có Food & Drug Administra-tion, và Departement of Agriculture.

- Giáo Dục ở Mỹ này, trường công, tư, đại học, trung học mọc lên như nấm.

- Giao thông, đường xá, cầu cống ngày nay, thật không đâu bằng hệ thống đường xá ở Mỹ.

- Vấn đề nhà ở cho dân. Ta thấy ở Mỹ này có khu sang, khu hèn. nhưng hèn mà vẫn đẹp đẽ, không bẩn thỉu.

- Mua bán các vật dụng, nhà cửa đều được trả góp dễ dàng. Mua đồ mang về nhà, nếu không ưng ý, đều có thể trả về lại dễ dàng.

Chúng ta thấy ở nước này không có việc gì mà không được lưu ý tới, Núi, Rừng, Sông, Biển đâu đâu cũng được khai thác hẳn hoi. Không đâu còn có rừng thiêng, nước độc. Canh nông thì hoàn toàn được kỹ nghệ hóa, tân tiến hóa. Không có cảnh Chồng cầy, vợ cấy, con trâu đi bừa như ở nước ta.

- Binh bị, chiến tranh, cũng hoàn toàn thay đổi hẳn. Đánh nhau bằng hỏa tiễn, phóng cách địch quân hàng mấy ngàn dặm. Người ta còn lên cung trăng, thám hiểm Hỏa Tinh, Mộc Tinh vv... Trong nhà thì có TV, tủ lạnh, Téléphone, Computer, Internet. Thật là quang cảnh hết sức thần tiên. Như vậy, mới nói: Trị dân là làm ích cho dân.

Trái lại, ở các nước nhược tiểu, trị dân là vơ vét, tham nhũng, hối lộ. Ai làm chính trị mà không tơ hào của dân thì cho là dốt, kém. Do đó mới hay xảy ra nạn tham nhũng, nạn con ông, cháu cha làm càn, làm bậy, làm hủ hóa dân tộc, làm cho dân tộc suy yếu, khó bề canh tân để tiến bằng nước người.

Nhưng còn có Nhật Bản, là đáng cho ta noi gương về cách cai trị của họ. Nước Nhật, tuy nhỏ, nhưng từ thời Minh Trị Thiên Hoàng,

ngài là 1 vị vua anh quân, hết lòng lo cho nước, cho dân, do đó nước Nhật từ từ tiến lên, để từ 1 nước nhược tiểu mà đã làm cho các cường quốc kính nể. Khi ngài chết đi, đã khiến 1 số Tướng lãnh, và dân chúng vì thương xót Ngài quá độ nên đã mổ bụng tự tử theo ngài.

Mới hay trị dân là làm cho dân hay, dân tiến, tiến đến cùng cực mới là làm ích cho dân. Mong Thượng đế ban ơn cho nước Việt Nam của chúng ta một vị lãnh đạo anh minh, sáng suốt, đức độ như Minh Trị Thiên Hoàng, để cho dân Việt được sung sướng, an vui, sau những năm dài triền miên loạn lạc, chiến tranh, để cho dân Việt đoàn kết lại thành một khối, đừng có cảnh chia rẽ như bây giờ. Mong lắm thay!

43. 澤 天 夬 Trạch Thiên Quải

夬 決也
Quải Quyết dã
揚于王庭 孚號 有厲 告自邑 不利即戎 利有攸往
Dương vu vương đình, phu hiệu, hữu lệ, cáo tự ấp, bất lợi tức nhung, lợi hữu du vãng.
故受之以夬 夬者 決也
Cố thụ chi dĩ Quải. Quải giả, quyết dã.

Dịch: Quải Tự Quái

Tăng mà tăng mãi, có lần nứt thôi.

Cho nên Quải mới tiếp ngôi

Quải là nứt rạn, vỡ rời, tan hoang.

Tăng mãi có lúc rạn nứt, nước tức quá ắt phải vỡ bờ, nên sau quẻ Ích là quẻ Quải. Tự Quái giải nghĩa chữ Quải là quyết, mà quyết là khơi tháo, là vỡ bờ; theo **T**ừ **nguyên** Quyết có nghĩa là phân chia. Quẻ Quải trên là hồ, dưới là trời, nước hồ dâng chất ngất lưng trời, sẽ đưa đến cảnh tức nước vỡ bờ, vì thế Quải là vỡ lở.

Quẻ Quải trên có 1 Hào Âm, dưới có 5 Hào Dương. Một Hào Âm lộng quyền, đè nén quần Dương; quá quắt lắm, sẽ tức nước vỡ bờ, làm cho quần Dương nổi lên thanh toán Hào Âm. Áp dụng vào triền năm, **Quải tượng trưng cho tháng 3 ta,** lúc mà Dương khí đang thời kỳ thịnh, Âm khí đang thời kỳ suy. Tóm lại ý tứ quẻ Quải, ta kết luận:

-Quải là Dương thanh toán Âm.

-Quân tử thanh toán tiểu nhân.

-Trung thần thanh toán gian thần tại triều ca.

I. Thoán.

夬. 揚 于 王 庭 . 孚 號 . 有 厲 . 告 自 邑 . 不 利 即 戎 . 利 有 攸 往 .

Thoán từ.

Quải. Dương vu vương đình. Phu hiệu. Hữu lệ. Cáo tự ấp. Bất lợi tức nhung. Lợi hữu du vãng.

Dịch.

Quải là quyết diệt tiểu nhân,

Giãi bầy ủy khúc trước sân triều đình,

Hô Hào thanh thế cho mình,

Hô Hào bằng cách chân thành, chính trung.

Cũng nên lo sợ, đề phòng,

Báo cho trong ấp biết công việc mình.

Chẳng nên điều động đao binh,

Tính toan như vậy tốt lành biết bao.

Như trên đã nói, Quải là **trung thần muốn diệt trừ gian thần.** Muốn diệt trừ gian thần phải:

1. Hỏi tội nó trước triều đình **(Dương vu vương đình)**

2. Phải vận động, hô hào quần thần nổi lên, một lòng chống đối **(phu hiệu)**

3. Phải lo lắng, đề phòng vì gian thần có thể quật khởi, phản công. (**hữu lệ)**

4. Mình phải ngay chính để gian thần không bắt lỗi mình được. **(cáo tự ấp)**

5. Không nên dùng tới quân lực (**Bất lợi tức nhung).** Được như vậy tiến hành công chuyện mới tốt. **(lợi hữu du vãng.)**

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖 曰. 夬. 決 也 . 剛 決 柔 也 . 健 而 說 . 決 而 和 . 揚 于 王 庭 . 柔 乘 五 剛 也 .孚 號 有 厲 . 其 危 乃 光 也 . 告 自 邑 . 不 利 即 戎 . 所 尚 乃 窮 也 . 利 有 攸 往 . 剛 長 乃 終 也 .

Quải. Quyết dã. Cương quyết nhu dã. Kiện nhi duyệt. Quyết nhi hoà. Dương vu Vương đình. Nhu thừa ngũ cương dã. Phu hiệu hữu lệ. Kỳ nguy nãi quang dã. Cáo tự ấp. Bất lợi tức nhung. Sở thượng nãi cùng dã. Lợi hữu du vãng. Cương trưởng nãi chung dã.

Dịch. Thoán rằng:

Quải là quyết diệt tiểu nhân,

Dương cương quyết diệt nhu Âm bấy chầy.

Mạnh mà vui vẻ, mới hay,

Đã vừa cương quyết, vả nay ôn hòa.

Giãi bầy ở chốn triều ca,

Vì Nhu cưỡi cổ những là năm Dương.

Hô Hào vả lại lo lường,

Là vì nguy hiểm rõ ràng chẳng sai.

Báo cho dân ấp trong ngoài,

Vả đừng nên tính đến bài đao binh.

Thích dùng binh cách chiến tranh,

Sẽ gây bế tắc, tốt lành chi đâu?

Làm đi, lợi sẽ theo sau,

Thuần Dương vận ấy, đáo đầu chẳng sai.

Thoán Truyện định nghĩa: Quải là thanh toán. Cương thanh toán Nhu **(Quyết dã. Cương quyết Nhu dã).** Cương quyết như trung thần muốn thanh toán gian thần, phải mạnh bạo, nhưng vẫn tươi vui, cương quyết nhưng vẫn giữ được hòa khí (**Kiện nhi duyệt. Quyết nhi hòa).**

Gian thần là quan lớn trong triều ca, nhiều khi lại đứng đầu quần

thần, vì thế muốn thanh toán nó, cần phải hài rõ tội lỗi nó trước triều đình (**Dương vu Vương đình. Nhu thừa ngũ cương dã).** Làm công chuyện ấy chính là cỡi đầu voi dữ, nên phải viện vây cánh cho đông, phải lo lắng đề phòng, vì nguy hiểm quá rõ vậy (**Phu hiệu hữu lệ. Kỳ nguy nãi quang dã).** Muốn đàn hạch người, trước tiên mình phải trong trắng (**Cáo tự ấp).** Và cũng không nên dùng đến binh cách là con đường cùng vậy **(Bất lợi tức nhung. Sở thượng nãi cùng dã).** Thanh toán được gian thần, thì trung thần mới có thể tiến lên làm điều ích quốc, lợi dân lâu dài (**Lợi hữu du vãng. Cương trưởng nãi trung dã).**

Lịch sử đã cho ta nhiều ví dụ điển hình: Đời vua Tống Nhân Tông, Bao Công đã diệt Quách Hòe và Lưu Thái hậu về tội ly miêu hoán chúa.

Hoặc Bao Công thanh toán Bàng Hồng là Thái sư, và đồng thời là Quốc cữu, và Bàng phi là **sủng phi** của vua Nhân Tôn, về tội đã liên kết với Liêu chúa để hãm hại Địch Thanh, 1 danh tướng đương triều, và hưng binh xâm phạm Trung Quốc. Muốn thanh toán Bàng Hồng, Bao Công phải tìm ra bao chứng cớ để buộc tội Bàng Hồng đã dựa vào thế lực của Bàng Quí phi để làm bậy, như tư thông với ngoại quốc, ăn hối lộ của ngoại quốc, để bầy mưu giết Địch Thanh.

Vua Nhân Tôn vì quá yêu Bàng Quí phi, nên nhất định che chở cho Bàng Hồng và Bàng Quí phi; nên Bao Công đã phải vận động đến mấy bà Thái Hậu và cả triều thần, mới có thể xử giảo được Bàng Quí phi, chém Bàng Hồng và con rể là Tôn Tú.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 澤 上 于 天 . 夬. 君 子 以 施 祿 及 下 . 居 德 則 忌 .

Tượng viết:

Trạch thượng ư thiên. Quải. Quân tử dĩ thi lộc cập hạ. Cư đức tắc kỵ.

Dịch. Tượng rằng:

Hồ nước lưng trời,

Nước dâng, nước bốc lại rơi xuống trần.

Nên người quân tử thi ân,

Trau dồi đức độ, chẳng phân lơ là.

Nước hồ mà dâng cao lưng trời, sẽ đổ xuống trần gian. Người quân tử luôn bắt chước đó mà đổ ân trạch xuống cho muôn dân, có vậy mới vững ngôi. Lại nữa, trong vấn đề tu nhân, tích đức, người quân tử chẳng khi nào nên ngưng nghỉ. (**Trạch thượng ư thiên. Quải. Quân tử dĩ thi lộc cập hạ. Cư đức tắc kỵ).**

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Hào từ dạy đường lối phải theo, khi muốn diệt trừ gian thần.

1. 初 九 . 壯 于 前 趾 . 往 不 勝 為 吝 .

象 曰 . 不 勝 而 往 . 咎 也 .

Hào Sơ Cửu. Sơ Cửu.

Tráng vu tiền chỉ. Vãng bất thắng vi cữu.

Tượng *viết:* Bất thắng nhi vãng. Cữu dã.

Dịch.

Mạnh mà mạnh ở ngón chân,

Đi mà không thắng, nên lầm, nên sai.

*T*ượng rằng: *Không thắng mà đi,*

Đi không sửa soạn, nên chi lỗi lầm.

Hào Sơ Cửu là chỉ 1 người ở địa vị thấp thỏi. Mình đã thấp thỏi như vậy, mà lăm le muốn diệt một đại thần gian ác, thì có khác nào một người chỉ mạnh nơi ngón chân, đâu biết rằng không thắng mà vẫn làm, vẫn tiến, là lầm lỗi vậy **(Tráng vu tiền chỉ. Vãng bất thắng vi cữu).**

Đời vua Đường Túc Tông, có Mai Khôi vẫn là 1 vị khoa bảng. Sau

mười mấy năm làm tri huyện, mới được triệu về kinh làm chức Lại Bộ đô cấp sự; Mai Khôi là 1 vị quan hết sức thanh liêm. Thuở ấy Thừa Tướng trong triều là Lư Khởi, là 1 đại gian thần, được vua sủng ái, nên làm rất nhiều điều sằng bậy. Mai Khôi nhất định ra mặt chống đối. Về kinh có mấy ngày, ông đã ra mặt khinh khi phỉ báng Lư Khởi. Gặp ngày Lư Khởi ăn lễ hạ thọ, các quan văn võ đều đến khánh hạ và đem lễ mừng. Mai Khôi mang đến 3 cân bột khoai, và 1 cặp đèn. Khi vào bàn tiệc, Mai Khôi hết lời mắng nhiếc Lễ Bộ Thượng Thư Hoàng Tung là con nuôi Lư Khởi. Cũng vì sự dại dột đó, mà Lư Khởi và Hoàng Tung bầy mưu, khiến vua đem Mai Khôi ra xử tử , rồi lại truyền bắt hết cả gia quuyến. Đó thật là**: Bất thắng nhi vãng. Cữu dã.**

2. 九 二 . 惕 號 . 莫 夜 有 戎 . 勿 恤 .

象 曰 . 莫 夜 有 戎 . 得 中 道 也 .

Hào Cửu nhị. Cửu nhị.

Dịch Hào. Mộ dạ hữu nhung. Vật tuất.

Tượng viết: **Hữu nhung vật tuất. Đắc trung đạo dã.**

Dịch.

Những là lo lắng, hô hào,

Dẫu đêm có giặc, chi nào có lo.

Tượng rằng: *Có giặc chẳng lo,*

Là vì xử sự hợp như đạo trời.

Hào Cửu nhị: khuyên muốn diệt gian thần, phải biết lo sợ, biết vận dụng khéo léo cho mọi người theo mình **(Dịch Hào)** Được như vậy, mình không còn lo bất trắc, ví như 1 vị tướng quân, biết gia tâm phòng bị, nên dầu có giặc tấn công ban đêm cũng chẳng có lo (**Mộ dạ hữu nhung. Vật tuất.)** Tại sao không lo? Chính vì mình đã hành xử chu toàn, vẹn hảo *(***Hữu nhung vật tuất. Đắc trung đạo dã).**

3. 九 三 . 壯 于頄. 有 凶 . 君 子 夬夬. 獨 行 遇 雨 . 若 濡 有 慍 . 無

咎 .

象 曰 . 君 子 夬 夬. 終 無 咎 也 .

Hào Cửu tam. Cửu tam.

Tráng vu quỳ. Hữu hung. Quân tử quyết quyết. Độc hành ngộ vũ. Nhược nhu. Hữu uẩn. Vô cữu.

Tượng viết: **Quân tử quyết quyết. Chung vô cữu dã.**

Dịch.

Mạnh mà sắc mặt lộ ra,

Lộ ra sắc mặt, hẳn là chẳng hay.

Trừ *gian đã quyết dạ này,*

Nhưng ngoài mặt vẫn bắt tay với thù.

Y như đơn độc dầm mưa,

Ướt dầm, bè bạn đâm ra ghét mình.

Nhưng sau khi chuyện đã thành,

Mới hay ta vẫn anh minh, chẳng nhầm.

Tượng rằng: *Quân tử quyết lòng,*

Rồi ra âu cũng sẽ không lỗi lầm.

Hào Cửu tam: Muốn diệt trừ gian thần, cơ mưu phải kín đáo, không nên để lộ ra sắc diện. Ghét người mà để lộ ra sắc mặt là rất nguy, vì ắt sẽ bị gian thần phản công (**Tráng vu quì. Hữu hung.** Người quân tử trong dạ đã nhất quyết diệt gian thần (**Quân tử quyết quyết),** bề ngoài nhiều khi vẫn phải o bế gian thần, như vậy danh dự mình đôi khi cũng bị thương tổn, chẳng khác nào 1 người chịu dầm mưa một mình, đến nỗi bị ướt hết. (**Độc hành ngộ vũ. Nhược nhu).** Nhiều người không hiểu đường lối mình sẽ ghét mình (**Hữu uẩn),** dầu vậy cũng chẳng có lỗi (**Vô cữu)**. Mình mà quyết tâm diệt gian thần, cuối cùng mọi người sẽ biết, nên

chẳng lỗi gì.

Tượng viết: **Quân tử quyết quyết. Chung vô cữu dã.** Vương Doãn muốn dùng Lã Bố giết Đổng Trác, bèn ra sức o bế Lã Bố và đem Điêu Thuyền hứa gả cho Lã Bố, rồi lại đem gả cho Đổng Trác, dạy Điêu Thuyền bắt tình với cả 2 cha con Đổng Trác, Lã Bố để gây thâm thù giữa 2 người. Đến sau quả nhiên Lã Bố giết Đổng Trác.

4. 九四. 臀無膚. 其行次且. 牽羊悔亡. 聞言不信.

象曰. 其行次且. 位不當也. 聞言不信. 聰不明也.

Hào Cửu Tứ. Cửu tứ.

Đồn vô phu. Kỳ hành thứ thư. Khiên dương hối vong. Văn ngôn bất tín.

Tượng viết: **Kỳ hành thứ thư. Vị bất đáng dã. Văn ngôn bất tín. Thông bất minh dã.**

Dịch.

Như mông mà chẳng có da,

Cho nên đi lại vật vờ, lết lê.

Nếu làm được chuyện lùa dê,

Âu là tránh được kẻ chê, người cười.

Nghe lời, nhưng chẳng tin lời.

Tượng rằng: *Đi đứng lết lê,*

Là vì chẳng được xứng bề vị ngôi.

Nghe lời, mà chẳng tin lời,

Khôn thời đành có, ngoan thời đành không.

Lục tứ là một hạng người do dự, khi cả đình thần muốn diệt trừ gian thần; nhưng do dự không dám xử trí ra sao, ấm ớ không có thái độ rứt khoát. Họ như một người mà mông chẳng có thịt, nên

đứng ngồi chẳng yên **(Kỳ hành thứ thư).** Kỳ hành thứ thư là đi lại khó khăn. Giả sử, ho đóng được vai trò lùa dê thì cũng khả trợ. Theo đuôi, vì người chăn dê lùa dê đi trước, còn mình theo sau. Đàng này họ kém sáng suốt, có người giải cho nghe điều hơn, lẽ thiệt thì cũng không tin (**Văn ngôn bất tín).** Họ là những người không xứng ngôi, xứng vị, nên không biết xoay sở thế nào cho phải. Người khuyên hay cũng chẳng tin theo, như vậy có khôn mà chẳng có ngoan **(Kỳ hành thứ thư. Vị bất đáng dã. Văn ngôn bất tín. Thông bất minh dã).**

Hào Cửu tứ này làm ta liên tưởng tới Vương Bỉnh. Đời vua Tống Nhân Tông, Vương Bỉnh làm Hình Bộ Thượng Thư, vốn được tiếng là công bình, chính trực. Vương Bỉnh được triều đình giao phó cho việc tra án Quách Hoè.

Vương Bỉnh thấy vụ án động chạm đến Lưu Thái Hậu, nên sợ hãi , không dám xử công minh. Nhân lại nhận được mật chiếu và vàng bạc của Lưu Thái Hậu, nên Vương Bỉnh nhất định dấu tội cho Quách Hòe. Lúc đem Quách Hòe ra xử, thì lại xử ban đêm, không cho ai được vào chứng kiến. Quách Hòe thật thì đem dấu dưới gầm bàn, lại dùng một tử tội giả làm Quách Hòe, bắt quì trước công đường mà khảo đả, để che mắt thế gian. Hay đâu, Bao Công đi tuần tra, vào khám phá được mưu gian, liền bắt giam cả bọn và trình nội vụ lên thiên tử. Vương Bỉnh sau bị chết chém.

5. 九 五. 莧 陸 . 夬夬 .中 行 無 咎 .

象 曰 . 中 行 無 咎 . 中 未 光 也 .

Hào Cửu ngũ. Cửu ngũ.

Hiện lục. Quyết quyết. Trung hành vô cữu.

Tượng viết: **Trung hành vô cữu. Trung vị quang dã.**

Dịch.

Rau sam cương quyết diệt trừ,

Theo đường lối phải, chẳng lo lỗi lầm.

Tượng rằng: *Theo đường phải hết lỗi lầm,*

Nghĩa là chưa được thập phần quang minh.

Cửu ngũ dạy, đã diệt trừ gian thần, phải cho cương quyết, phải trảm thảo, trừ căn vì gian thần như loài rau sam, rất dễ sinh lại. Vì thế mình phải hành xử sao cho khéo, mới khỏi lỗi lầm. Cửu ngũ nơi đây cũng chưa được thập phần quang minh, vì thế phải khuyên hãy xử sao cho khéo léo *(***Trung hành vô cữu. Trung vị quang dã).**

Tiết Cương, sau khi bắt được Trương quân Tả, Trương quân Hữu và Võ Tam Tư liền đem ra pháp trường xử chém. Trình Giảo Kim xin tha cho Võ Tam Tư. Tiết Cương nghe lời, liền sai đánh Võ Tam Tư mấy chục hèo rồi tha. Sau Võ Tam Tư tư thông với Vi Hậu, đầu độc vua Trung Tôn,và định soán ngôi nhà Đường. Tiết Cương, Tiết Cường lại một phen huy động binh đao mới bắt, và giết được Võ Tam Tư và Vi Hậu.

6. 上 六. 無 號 . 終 有 凶 .

象 曰 . 無 號 之 凶 .終 不 可 長 也 .

Hào Thượng Lục. Thượng Lục.

Vô Hào. Chung hữu hung.

Tượng viết: **Vô Hào chi hung. Chung bất khả trường dã.**

Dịch.

Hô Hào mà chẳng ai theo,

Cuối cùng sẽ bị những điều họa hung.

Tiểu nhân cũng lúc phải dùng,

Làm sao trường thịnh, mà mong cửu trường.

Thượng Lục chỉ những gian thần khi đã hết thời, van xin lúc ấy cũng vô ích, chẳng còn có ai thương, ai nghe. Và cuối cùng sẽ gặp hung họa **(Vô Hào chi hung. Chung bất khả trường dã).**

ÁP DỤNG QUẺ QUẢI VÀO THỜI ĐẠI

Trong Chính quyền, cũng như trong bất kỳ đoàn thể nào cũng có những con chiên ghẻ, những người xấu. Những người này nhiều khi có thế lực rất mạnh, rất khó trừ. Kinh Dịch khuyên ta nên trừ khử những kẻ gian ác ấy.

Vào thời **Quải,** tức là thời đời sống gần như là đã Thuần Dương, chỉ còn sót lại có một Âm, y như khi ta mặc một chiếc áo trắng, mà lại có một vết đen lớn ở giữa ngực, thì trông sao được, do đó ta phải tẩy sạch nó đi.

Ta có thể lấy một thí dụ điển hình ngay ở Mỹ này. Gần đây, có vụ Thượng Nghị sĩ Jack Reeves, 56 tuổi, bị kết án 99 năm tù, tại Dallas (Texas), vì cách đây 18 năm đã giết bà vợ cả là Sharon. Trước kia cảnh sát đã cho rằng bà Sharon đã tự tử bằng súng. Tháng 1/1996, ông bị kết án 18 năm tù, và ngày 4 tháng 8/1996, ông lĩnh thêm một bản án mới 99 năm tù, vì đã giết thêm bà vợ thứ tư là Emilita. Ông Reeves khai là ông không hề giết vợ và đã chống án. Nếu sự việc trên mà đúng, thì theo tôi ông đáng bị tử hình.

Thời vua Càn Long (Trung Hoa), có đại thần là Hòa Thân, chuyên môn nhận hối lộ, hắn giầu có hơn cả triều đình. Phải đợi đến đời Gia Khánh (kế Càn Long), mới diệt được Hòa Thân.

Như vậy, ta thấy từ xưa tới nay, dân đều muốn rằng những người cầm đầu phải là những người trong sạch, hoàn hảo. Còn người trên thì bao giờ cũng che đậy cái xấu, cái dở của mình. Nên muốn trừ diệt họ, phải đợi thời cơ, và tìm bằng chứng tội ác của họ.

44. 天 風 姤 THIÊN PHONG CẤU

姤序卦 Quái
夬者決也
Quái giả quyết dã.
決必有所遇
Quyết tất hữu sở ngộ.
故受之以姤
Cố thụ chi dĩ Cấu
姤者遇也
Cấu giả ngộ dã.

Cấu Tự Quái

Quải là nứt rạn, vỡ rời, tan hoang.

Chia rồi lại gặp, mới ngoan.

Cho nên Cấu mới có đàng theo ngay.

Cấu là gặp gỡ duyên may.

Cấu là một Hào Âm gặp 5 Hào Dương. Vì thế Cấu nghĩa là gặp, ngẫu nhiên mà gặp, không cầu mà gặp. Xét thể quẻ, thì Cấu là gió thổi dưới trời; gió thổi muôn phương, không có vật gì mà không gặp.

Cấu là 1 **Âm** thoạt sinh để bắt đầu cho chu kỳ **Âm trưởng, Dương tiêu,** một **Âm** tự động tìm gặp 5 Dương, nên gọi là Cấu. Cấu, xét về triền năm, thì là tháng 5, sau ngày hạ chí. Cấu là thời kỳ nhân loại bắt đầu bước vào con đường hướng ngoại, ngược lại với Phục là bắt đầu thời kỳ mà nhân loại bước vào con đường hướng nội, để tìm hiểu nội tâm. Thiệu Khang Tiết có 2 câu thơ, để đánh dấu hai thời kỳ quan trọng ấy:

Kiền ngộ Tốn thời, quan nguyệt quật.

Địa phùng Lôi xứ, kiến thiên căn.

Dịch:

Trời nổi gió dông, thông động nguyệt,

Địa phùng Lôi xứ, kiến thiên căn.

(Kiền ngộ Tốn là Thiên Phong Cấu. Nguyệt quật là ngoại cảnh vật chất. Địa phùng Lôi là Địa Lôi Phục. Thiên căn là Thiên lương hay Thiên tính trong con người.)

Trong quẻ Cấu sẽ đề cập đến 2 ý chính:

1. Âm Dương tương ngộ.

2. Phải đề phòng, ngăn chặn không cho tiểu nhân len lỏi vào chính quyền.

I. Thoán.

Thoán từ.

姤 . 女 壯 . 勿 用 取 女 .

Cấu. Nữ tráng. Vật dụng thú nữ.

Dịch.

Cấu là tương ngộ, tương phùng,

Gặp cô gái dữ, thì đừng kết duyên

Thoán từ: Cấu gồm có 1 Hào Âm nằm dưới 5 Hào Dương. Một người đàn bà có đủ bản lãnh đương đầu với 5 người đàn ông, một người đàn bà mà tự ý đi tìm gặp đàn ông như vậy là thứ đàn bà dữ, không nên lấy hạng người ấy làm vợ. Hào Âm đây cũng tượng trưng cho kẻ tiểu nhân muốn len lỏi vào chính quyền, người quân tử phải thận trọng, đừng nên thân cận và cộng tác với họ.

Thoán Truyện.

彖曰.姤.遇也.柔遇剛也.勿用取女.不可與長也.天地相遇.品物咸章也.剛遇中正.天下大行也.姤之時義大矣哉.

Thoán viết:

Cấu. Ngộ dã. Nhu ngộ cương dã. Vật dụng thú nữ. Bất khả dữ trường dã. Thiên địa tương ngộ. Phẩm vật hàm chương dã. Cương ngộ trung chính. Thiên hạ đại hành dã. Cấu chi thời nghĩa đại hỹ tai.

Dịch.

Cấu là tương ngộ, tương phùng,

Cương nhu ngẫu nhĩ, duyên đằng gặp nhau.

Gái mà hung dữ, cơ cầu,

Làm sao phối hợp bền lâu cho đành.

Đất trời giải cấu liên minh,

Làm cho vạn vật trở thành tốt tươi,

Cương phùng trung chính, thời thôi,

Khắp cùng thiên hạ gặp thời vàng son,

Gặp mà nên chuyện vuông tròn,

Hợp thời đúng lúc, hỏi còn chi hơn?

Thoán Truyện: Cấu là gặp gỡ, Nhu gặp Cương, Âm gặp Dương. Trong chuyện Kiều có câu:

May thay giải cấu tương phùng,

Gặp tuần đố lá, thỏa lòng tìm hoa.

Một Âm khí thế đang lên, như gái dữ cần phải xa lánh, cần phải đề

phòng, thay vì cầu thân để tính kế lâu dài (**Cấu. Ngộ dã. Nhu ngộ cương dã. Vật dụng thú nữ. Bất khả dữ trường dã).** Sau khi dạy ta nên đề phòng ảnh hưởng của tiểu nhân, Thoán Truyện bàn đến ảnh hưởng tốt đẹp của sự gặp gỡ giữa khí Âm và khí Dương. Trời đất có hòa hài, có gặp gỡ, có cộng tác với nhau, thì vạn vật mới có thể trở nên tốt đẹp được (**Thiên địa tương ngộ. Phẩm vật hàm chương dã).**

*__Áp dụng vào nhân sự,__ thì gặp gỡ giữa người và người là một điều tối quan hệ. Người anh tài mà gặp người đức độ, thời có thể làm cho thiên hạ trở nên thịnh đạt. Hiểu được nghĩa chữ gặp gỡ, khai thác được sự gặp gỡ là một điều tối quan trọng vậy **(Cương ngộ trung chính. Thiên hạ đại hành dã. Cấu chi thời nghĩa đại hỹ tai).**

Thuấn gặp Nghiêu; Khương Tử Nha gặp Văn vương; Khổng Minh gặp Lưu Bị đó là những trường hợp điển hình chứng minh rằng anh tài gặp nhau có thể thay đổi được cục diện lịch sử.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 天 下 有 風 . 姤 . 后 以 施 命 誥 四 方 .

Tượng viết:

Thiên hạ hữu phong. Cấu. Hậu dĩ thi mệnh cáo tứ phương.

Dịch.

Tượng rằng:

Cấu là gió thổi dưới trời,

Quân vương truyền lệnh dạy người bốn phương.

Dưới trời có gió là Cấu. Đấng quân vương rao truyền mệnh lệnh ra khắp bốn phương. Trời cao xa không dễ gặp vạn vật, nên lấy gió để kích động vạn vật. Thế là không gặp mà gặp. Quân vương không dễ gặp chính nhân, lấy mệnh lệnh để cải hóa vạn dân. Thế là không gặp mà gặp.

Quẻ Quan thời gió thổi trên mặt đất. Đấng quân vương bắt chước

để đi quan sát dân tình trong nước.

Quẻ Cấu thì gió thổi dưới gầm trời. Đấng quân vương bắt chước, làm ra mệnh lệnh để phổ cập đến chúng dân.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện.

Như trên đã nói, quẻ Cấu bao gồm hai ý nghĩa:

- Cấu là gặp gỡ. Đó là nghĩa theo Từ nguyên.

- Cấu là đề phòng, là ngăn chặn ảnh hưởng mới ló dạng của tiểu nhân, đó là nghĩa theo Hào Quái.

Thành thử khi giải thích các Hào, ta thấy có 3 đường lối.

1. Giải Cấu là chế ngự tiểu nhân, đó là theo Ngự Án.

2. Giải Cấu là gặp gỡ, đó là đường lối của Trình Tử.

3. Giải lờ mờ, đó là đường lối của các nhà bình giải.

1. Hào Sơ Lục.

初六. 系于金.貞吉.有攸往.見凶.羸

象曰. 豕孚蹢躅.系于金.柔道牽也.

Sơ Lục.

Hệ vu kim nị. Trinh cát. Hữu du vãng. Kiến hung. Luy thỉ phu trịch trục.

Tượng viết:

Hệ vu kim nị, nhu đạo khiên dã.

Dịch.

Dùng cây thắng sắt hãm kìm,

Hãm kìm cho chắc, cho bền, mới hay.

Sanh ra Âm sẽ tiến ngay,

Để cho Âm tiến, có ngày họa hung.

Lợn con mà bỏ đi dông,

Rồi ra lợn sẽ lung tung chạy càn.

Tượng rằng:

Dùng cây thắng sắt hãm kìm,

Vì Âm dắt díu nhau lên dần dần.

Hào Sơ Lục: Ai cũng giải là phải kìm hãm tiểu nhân ngay từ buổi ban sơ. Kìm hãm cho chặt chẽ, phải buộc họ vào nhữmg thắng bằng kim khí **(Hệ vu kim nị),** như vậy mới mong được an lành **(Trinh cát),** bằng nếu để họ xổng ra, họ sẽ làm sằng, làm bậy, gây họa hung chẳng sai **(Kiến hung).**Tiểu nhân như con lợn con còn yếu ớt. Lợn tuy còn yếu thực đấy, nhưng nếu không sớm ngăn chặn đề phòng, chắc chắn nó sẽ có ngày chạy dông, phá phách (**Luy thỉ phu trịch trục).** Tại sao phải kìm hãm chặt chẽ như vậy? Thưa, nếu để cho Âm Nhu tự do hoạt động, nó sẽ dắt díu nhau cả bầy, cả bọn đến tác hại chẳng sai. Vì thế Tượng viết: **Hệ vu kim nị. Nhu đạo khiên dã.** (Khiên đây là dắt díu nhau).

Hào này không những dạy ta đề phòng tiểu nhân, mà còn dạy ta đề phòng đừng cho nhân dục manh động, nếu để nhân dục manh động; thì thiên lương kia chẳng mấy chốc là bị chúng khuất lấp.

2. Hào Cửu nhị.

九二.　包有魚.無咎.不利賓.

象曰.　包有魚.義不及賓也.

*Cửu nh*ị.

Bao hữu ngư. Vô cữu. Bất lợi tân.

Tượng viết:

Bao hữu ngư. Nghĩa bất cập tân dã.

Dịch.

Cá nằm trong bọc, lỗi chi,

Nhưng mà có khách, đừng chìa cho xem.

*T*ượng rằng: *Có cá trong bao,*

Thôi đừng cho khách ngó vào làm chi.

a). Muốn kiềm chế tiểu nhân, không nên dùng bạo lực, mà phải kiểm soát khéo léo. Hãy giữ cho nó đừng có ảnh hưởng lan rộng tới người khác.

b). Sơ đáng lý thì ứng với Tứ, nhưng Hào Nhị đây kề cận với Sơ nên như người câu cá, nhanh chân đến trước đã lượm được cá. Nhị gặp Sơ cũng không phải là đúng lý tự nhiên, nên Nhị không cho ai khác gặp Sơ. Gặp ai khác sẽ lắm chuyện rắc rối. (Trình tử) .
Tượng viết: **Bao hữu ngư. Nghĩa bất cập tân dã.**

3. Hào Cửu tam.

九 三 . 臀 無 膚 . 其 行 次 且 . 厲 . 無 大 咎 .

象 曰 . 其 行 次 且 . 行 未 牽 也 .

Cửu tam:

Đồn vô phu. Kỳ hành thứ thư. Lệ. Vô đại cữu.

Tượng viết:

Kỳ hành thứ thư. Hành vị khiên dã.

Dịch.

Mông mà đét thịt toàn da,

Thời âu đi lại vật vờ, lết lê,

Nếu mà biết được cơ nguy,

Làm sai, âu cũng bớt đi nhiều phần.

Tượng rằng: *Đi lại lết lê,*

Là vì chẳng được mọi bề thảnh thơi.

Hào Cửu Tam: muốn kiềm chế tiểu nhân **(Hào Sơ),** nhưng không có địa vị và nhiệm vụ để kiềm chế, vì thế nên ở trong một tình thế nguy hiểm (**Lệ).** Tuy nhiên xét theo nghĩa lý thì không có gì đáng trách **(Vô đại cữu).**

Không đúng ngôi vị, nên đứng ngồi không yên, như mông không thịt, đi đứng lết lê **(Đồn vô phu. Kỳ hành thứ thư** (Ngự Án**).**

*Tam muốn cầu gặp Sơ, nhưng lại bị Nhị ngăn cách, nên đứng ngồi không yên **(Đồn vô phu. Kỳ hành thứ thư).** Tuy nhiên sau này, Tam biết chuyện đó là chuyện chẳng hay, nên đâm sợ hãi, không dám làm càn, nên không vấp phải lỗi lớn **(Lệ. Vô đại cữu. Trinh cát).**

Tượng viết: **Bao hữu ngư. Nghĩa bất cập tân dã**

Ngự Án giải rằng: đứng ngồi không yên, đi lại khó khăn, vì chưa chế ngự được Sơ Lục.

4. Hào Cửu tứ.

九 四 . 包 無 魚 . 起 凶 .

象 曰 . 無 魚 之 凶 . 遠 民 也 .

Cửu tứ.

Bao vô ngư. Khởi hung.

Tượng viết:

Vô ngư chi hung. Viễn dân dã.

Dịch.

Có bao, mà cá thời không,

Rồi ra phát khởi họa hung có ngày.

Tượng rằng: *Không cá mà hung,*

Nghĩa là đã ở xa dân mất rồi.

a). Ngự Án giải rằng: Cửu tứ muốn kiềm chế tiểu nhân, mà không có dạ bao dung, lại không biết phương pháp kiềm chế, thì nhẽ nào mà không gặp họa hung được.

b). Trình tử cho Cửu tứ ở ngôi trên, không có đức **(Bất trung, bất chính),** nên mất lòng kẻ dưới. Người trên mất dân, như bao không cá (Có 1 con cá, Cửu nhị đã chiếm mất rồi). Đã mất dân, tức sẽ gặp họa hung.

Tượng Truyện bình rằng: Cái nguy cơ sở dĩ có, là vì mình đã xa dân vậy **(Vô ngư chi hung. Viễn dân dã).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五．　以杞包瓜.含章.有隕自天.

象曰．　九五含章.中正也.有隕自天.志不舍命也.

Cửu ngũ.

Dĩ kỷ bao qua. Hàm chương. Hữu vẫn tự thiên.

Tượng viết:

Cửu ngũ hàm chương. Trung chính dã. Hữu vẫn tự thiên. Chí bất xả mệnh dã.

Dịch.

Cây kỷ bao bọc cây dưa,

Đẹp mà kín đáo, có cơ tốt lành,

Y như rơi tự trời xanh.

Tượng rằng:

Hào năm có đức chẳng phô,

Thiệt là trung chính, đúng như lẽ đời.

Gặp may, âu cũng nhờ trời,

Mệnh trời, lòng há dám rời hôm mai.

a). Hào Cửu ngũ có đia vị lại có trách nhiệm chế ngự tiểu nhân. Vả Cửu ngũ có đức độ, cho nên tiểu nhân tự nhiên qui phục (Ngự Án, Wilhelm, R. G. H. Siu).

b). Người trên như cây kỷ, người dưới như cây dưa. Bậc quân vương biết khuất kỷ, hạ hiền, thì hiền tài tự nhiên sẽ quay về giúp mình; **Hữu vẫn tự thiên:** Y như tự trời rơi xuống. Ý nói cầu hiền, tất sẽ gặp hiền tài. (Trình tử).

Tượng Truyện cho rằng: Cửu ngũ hàm xúc vẻ đẹp đẽ, là vì đã theo được con đường trung chính **(Cửu ngũ hàm chương. Trung chính dã).** Mọi sự hay, sẽ như tự trời rơi xuống, là vì Cửu ngũ đã theo đúng thiên lý. **(Hữu vẫn tự thiên. Chí bất xả mệnh dã.)**

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 . 姤 其 角 . 吝 . 無 咎 .

象 曰. 姤 其 角 . 上 窮 吝 也 .

Thượng Cửu.

Cấu kỳ giác. Lận. Vô cữu.

Tượng viết:

Cấu kỳ giác. Thượng cùng lận dã.

Dịch.

Gặp mà vênh vác cái sừng,

Sẽ bề hối hận, đừng hòng trách ai.

Tượng rằng: *Gặp vểnh cái sừng,*

Cao kiêu cùng cực, liệu chừng ăn năn.

a). Thượng Cửu như 1 ẩn sĩ, xa vời với tiểu nhân, vì thế nên không kiềm chế được tiểu nhân, như vậy cũng đáng xấu hổ. Tuy nhiên, vì họ đã không còn dính líu chuyện đời, nên họ cũng chẳng có lỗi gì (Ngự Án).

b). Người trên mà cao ngạo, thì làm sao mà gặp được người cộng tác. Mình như vậy mà người ta xa mình, thì cái đó là lỗi tại mình, đừng nên trách cứ ai. **Sừng đây chỉ sự kiêu kỳ, cứng rắn.** Tượng Truyện bình rằng: Cư xử cao ngạo như vậy, thì đáng trách thật (**Cấu kỳ giác. Thượng cùng lận dã).**

- Giải thích Cấu là kiềm chế cũng có nghĩa của nó, vì nếu không ngăn chặn tiểu nhân, để họ len lỏi vào chính quyền, thì họ sẽ lũng loạn chính quyền.

- Giải thích Cấu là gặp gỡ, cũng có nghĩa là người trên gặp gỡ hạ dân, quân vương gặp gỡ hiền tài.

ÁP DỤNG QUẺ CẤU VÀO THỜI ĐẠI

Cấu là một quẻ quan trọng trong Kinh Dịch, vì nó là đầu đường đi vào chiều Âm, đi ra ngoại cảnh. Thiệu Khang Tiết cho rằng: **Cấu là thời kỳ mà ta bị đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lầm.** Đó là thời kỳ mà chúng ta bị thử thách.

Cuộc đời con người, thường bị chi phối bởi 3 vấn đề: đó là Tình,

Tiền, Danh vọng. Cho nên, khi ta còn nhỏ, ta chỉ nhìn thấy vật chất, tiền tài, ta chỉ bị cám dỗ bởi xác thịt, bởi ngoại cảnh. Ta sẽ thấy ta có nhiều môn học như: hát, vẽ, chạy, bơi lội, tập võ nghệ, thể thao, điền kinh, học chữ nghĩa, nghề nghiệp. Thật là thiên thu bất tận. Nghề nào cũng có thể chiếm gần hết đời ta. Càng đi sâu vào một nghề gì, hay vấn đề gì, ta càng thấy nó cao siêu, và dẫu ta dùng cả đời ta vào vấn đề đó, ta vẫn thấy không thỏa mãn, không vừa lòng.

Hơn nữa, nghề nghiệp ta học đều được định giá bằng tiền, và chúng ta thường hỏi nhau là có kiếm được nhiều tiền hay không? Như vậy có phải là đời ta đã bị chi phối bởi **Tình, Tiền** và **Danh vọng** hay không? Nhiều người đã vì 3 vấn đề trên, mà bán cả sinh mạng mình. Nhưng có nhiều người không may, làm ăn thất bại, chán nản rồi đâm ra xì ke, ma túy, nghiện ngập, rất là đáng thương hại.

Đi sâu vào cuộc đời, chúng ta phải hết sức thận trọng. Làm cái gì cũng phải tự lượng sức mình, đừng phao phí sức lực. Ta có mạnh khỏe, thì tinh thần ta mới được sung mãn**. Phải tránh xa những con đường rượu chè, cờ bạc, sì ke, ma túy.** Chúng sẽ dẫn ta vào cửa tử, vào vực thẳm.

Nếu sinh ra đời, mà ta làm được gì ích quốc, lợi dân, thì hay biết bao nhiêu. Đừng nói rằng chúng ta thua kém người, hoặc vô tài, bất tướng. Thực ra người ta thành công hơn ta, chỉ vì họ đã biết cố gắng, chịu thương, chịu khó hơn ta mà thôi. Do đó, chúng ta đừng bao giờ chán nản, khi đứng trước một sự việc gì khó khăn. Phải cố gắng tiến lên, đừng bao giờ lùi bước. Nhớ rằng: **Trời hại ta, thì còn cứu được, nếu ta tự hại ta thì không ai có thể cứu ta được.**

Tóm lại, quẻ Thiên Phong Cấu dạy ta: **Đừng để cho Vật Dục chi phối cuộc đời mình, đến nỗi tán tận lương tâm; và cần phải xa lánh những bè bạn xấu.**

45. 澤 地 萃 TRẠCH ĐỊA TỤY

萃序卦 Tụy Tự Quái
姤者遇也 Cấu giả ngộ dã
物相遇而後聚 Vật tương ngộ nhi hậu tụ
故受之以萃 Cố thụ chi dĩ Tụy
萃者聚也 Tụy giả tụ dã.

Tụy Tự Quái

Cấu là gặp gỡ duyên may,

Gặp rồi vạn vật có ngày kết duyên.

Cho nên Tụy tiếp theo liền,

Tụy là tụ tập, tương liên kim bằng.

Tụy nghĩa là tụ hợp. Tụ hợp nhỏ thì thành gia đình, đoàn thể; lớn thì thành quốc gia, xã hội. Có tụ hợp thì mới đi đến chỗ hanh thông, vì con người không thể như Robinson Crusoe cô thân, chích ảnh nơi hoang đảo, mà phải có bạn bè thân thích để giải quyết mọi chuyện đời.

I. Thoán.

萃 . 亨 . 王 假 有 廟 . 利 見 大 人 . 亨 . 利 貞 . 用 大 牲 吉 . 利 有 攸 往.

Thoán từ.

Tụy. Hanh. Vương cách hữu miếu. Lợi kiến đại nhân. Hanh.

Lợi trinh. Dụng đại sinh cát. Lợi hữu du vãng.

Dịch.

Tụy là tụ chúng hợp quần,

Rồi ra thế sự được phần hanh thông.

Vua ra tế tự miếu tông,

U minh nối kết giải đồng gần xa.

Gặp người đức độ, tài hoa,

Thời hay, thời lợi, biết là mấy mươi.

Lấy trung, lấy chính hợp người,

Mới mong sẽ được vẹn mười lợi hanh.

Chững chàng sửa lễ tam sanh,

Linh đình, trang trọng tốt lành mấy mươi.

Hãy nên tính chuyện ngược xuôi,

Công trình âu sẽ chẩy trôi, vẹn toàn.

Tụ hợp, hợp quần là điều hay, điều tốt (**Tụy hanh)**.

Nhưng tụ hợp phải tuân theo những qui luật, những đường lối nhất định.

1. Trước tiên, phải có tín ngưỡng, có chủ thuyết để nối kết lòng người. Vì thế vua phải ra nơi miếu tông làm việc tế tự **(Vương cách hữu miếu).** Tức là phải dùng tín ngưỡng làm chiêu bài qui dân, tụ chúng.

2. Muốn qui dân, tụ chúng, phải có người lãnh đạo cho hay, cho giỏi. Gặp được người lãnh đạo hay, dân nước sẽ bước vào con đường hanh thông, thái thịnh **(Lợi kiến đại nhân. Hanh).**

3. Phải có chính nghĩa, chính đạo, mới hay, mới lợi (**Lợi trinh)**.

Gian manh cũng có thể vì lợi lộc mà kết thành bầy bọn, nhưng họ sẽ làm hại thiên hạ. Anh hùng, Hào kiệt trên đời chiêu dân, lập quốc, ví dụ như Moise, vì có chính nghĩa, nên mới lưu danh muôn thuở.

4. Phải tổ chức những cuộc tế lễ linh đình **(Dụng đại sinh cát).** Đó là một cách xử thế để chinh phục lòng dân.

Những cuộc hội hè, rước sách lớn, những cuộc biểu tình lớn, đều có mục đích là gây một ảnh hưởng tâm lý mạnh mẽ nơi dân con, cho họ **trông thấy mà tin.**

5. Lại phải thi hành một công chuyện gì ích quốc, lợi dân, cho dân mục kích nhãn tiền, như vậy mới hay, mới lợi **(Lợi hữu du vãng).**

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖 曰 . 萃 . 聚 也 . 順 以 說 . 剛 中 而 應 . 故 聚 也 . 王 假 有 廟 . 致 孝 享 也 . 利 見 大 人 亨 . 聚 以 正 也 . 用 大 牲 吉 . 利 有 攸 往 . 順 天 命 也 . 觀 其 所 聚 . 而 天 地 萬 物 之 情 可 見 矣 .

Tụy. Tụ dã. Thuận dĩ duyệt. Cương trung nhi ứng. Cố tụ dã. Vương cách hữu miếu. Trí hiếu hưởng dã. Lợi kiến đại nhân hanh. Tụ dĩ chính dã. Dụng đại sinh cát. Lợi hữu du vãng. Thuận thiên mệnh dã. Quan kỳ sở tụ. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ.

Dịch. Thoán rằng:

Tụ là tụ chúng hợp quần,

Rồi ra thế sự được phần hanh thông.

Vua ra tế tự miếu tông,

U minh nối kết giải đồng gần xa.

Gặp người đức độ, tài hoa,

Thời hay, thời lợi, biết là mấy mươi.

Lấy trung, lấy chính họp người,

Mới mong sẽ được vẹn mười lợi hanh.

Chững chàng sửa lễ tam sanh,

Linh đình, trang trọng, tốt lành mấy mươi,

Hãy nên tính chuyện ngược xuôi,

Công trình âu sẽ chẩy trôi, vẹn toàn.

Thoán Truyện trước tiên định nghĩa **Tụy là Tụ họp**. (**Tụy tụ dã)**. Muốn qui dân, tụ chúng, người dưới phải thuận phục người trên, người trên phải sung sướng khi được dắt dìu kẻ dưới. Người trên thì giỏi giang minh chính, kẻ dưới thì hỗ trợ, tuân phục hết lòng. Có như vậy mới qui dân, tụ chúng được **(Thuận dĩ duyệt. Cương trung nhi ứng cố tụ dã.)**

Muốn qui tụ dân chúng, người lãnh đạo phải lấy tín ngưỡng làm keo sơn gắn bó lòng người. Phải đích thân đứng ra tế lễ, để dạy dân kính trời, và hiếu với tổ tiên **(Vương cách hữu miếu. Trí hiếu hưởng dã).**

Lại cũng phải khéo biết dùng những lễ nghi, hình thức bên ngoài, những công trình cụ thể, nhãn tiền để cho dân thấy mà tin phục **(Dụng đại sinh cát. Lợi hữu du vãng. Thuận thiên mệnh dã).** Làm như vậy tức là thuận theo những định luật tự nhiên vậy. Ngoài ra, Tụy còn cho ta thấy rõ tình đời. Chữ rằng: Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Có giống nhau mới tụ họp cùng nhau.

Cho nên cứ nhìn xem cách tụ hợp của muôn vật, chúng ta sẽ biết được tình ý chúng. Nơi con người, cứ xem họ hợp đoàn với ai, sẽ biết được tình ý họ. Nhà thơ tìm bạn họa thơ; người ăn chơi đánh bạn với kẻ ăn chơi; người đạo đức giao du với người đạo đức... Thế là xem cách hội họp, mà hiểu được tình người **(Quan kỳ sở tụ. Nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỹ).**

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 澤 上 於 地 . 萃 . 君 子 以 除 戎 器 . 戒 不 虞 .

Tượng viết:

Trạch thượng ư địa. Tụy. Quân tử dĩ trừ nhung khí. Giới bất ngu.

Dịch. Tượng rằng:

Tụy là trên đất có hồ,

Nên người quân tử phải lo đề phòng.

Sẵn sàng khí giới binh nhung.

Ngăn ngừa bất trắc, đề phòng rủi ro.

Hồ ở trên đất là Tụy. Người quân tử nhân đó sửa soạn khí giới, để đề phòng mọi bất trắc. Nước hồ mà dâng quá mặt đất sẽ tràn. Phải phòng bị sự tràn ngập ấy.

Người mà tụ tập đông đảo, cũng có thể nổi dậy gây phiến loạn, trộm cắp cũng thường xẩy ra nơi đám đông. Vì thế khi tụ tập đông đảo, cần phải sẵn sàng võ khí để đề phòng mọi bất trắc. Có vậy mới tránh mọi tai họa.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初 六 . 有 孚 不 終 . 乃 亂 乃 萃 . 若 號 . 一 握 為 笑 . 勿 恤 . 往 無 咎 .

象 曰 . 乃 亂 乃 萃 . 其 志 亂 也 .

Sơ Lục.

Hữu phu bất chung. Nãi loạn nãi tụy. Nhược Hào. Nhất ác vi tiếu.

Vật tuất. Vãng vô cữu.

Tượng viết:

Nãi loạn nãi tụy. Kỳ chí loạn dã.

Dịch.

Thành tâm muốn họp cùng người,

Nhưng mà chưa được xong xuôi chu toàn,

Cho nên tụ bậy, họp càn,

Hô Hào chính ứng, cả đoàn cười chê.

Đừng lo, cứ tiến lên đi,

Một lòng qui chính, lỗi gì nữa đâu.

Tượng rằng: *Tụ bậy, họp càn,*

Là vì chí loạn, thần hôn mất rồi.

Hào Sơ mô tả những người có lòng thành khẩn, muốn tìm người hay mà liên kết **(Hữu phu),**nhưng vì ý chí không bền vững **(bất chung),** nên có thể tụ họp sằng bậy với những người không xứng đáng **(Nãi loạn nãi tụy).** Nhưng khi đã nhận xét biết lỗi lầm mình, họ nhất định tìm về với những bậc chính nhân quân tử **(Nhược Hào).** Khi ấy, dĩ nhiên bị bầy bọn chê cười, chế riễu **(nhất ác vi tiếu).** Nếu họ can đảm, đừng có lo ngại, và cứ nhất quyết thi hành ý chí của mình (**Vật tuất vãng)**, thời sẽ không có lỗi chi cả **(Vô cữu).**

Tượng Truyện cho rằng: Sở dĩ có chuyện họp xằng, họp bậy, chính là vì ý chí đã rối loạn **(Nãi loạn nãi tụy. Kỳ chí loạn dã).** Trên đời không thiếu gì những trường hợp này. Xưa kia, biết bao người trung lương mà vì hoàn cảnh bắt buộc, phải sống nghề lục lâm, lạc thảo cho qua ngày, đợi thời kỳ sẽ được chiêu an. Hoặc biết bao kẻ lòng ngay, mà bị quyến rũ, nên đã đi vào những con đường tà ngụy, họp bầy cùng những kẻ bất chính, bất lương. Tuy nhiên, nếu họ nhận được lỗi lầm mình, bỏ tối tìm sáng thì nào có lỗi chi đâu.

2. Hào Lục nhị.

六二. 引吉.無咎.孚乃利用.

象曰. 引吉無咎.中未變也.

Lục nhị.

Dẫn cát. Vô cữu. Phu nãi lợi dụng thược.

Tượng viết:

Dẫn cát vô cữu. Trung vị biến dã.

Dịch.

Dắt nhau qui chính, thời hay,

Dắt nhau qui chính, cả bày lỗi chi.

Lòng thành đã quyết vẹn nghì,

Thành tâm là trọng, xá gì lễ dâng.

Tượng rằng: *Dắt nhau qui chính, thời hay,*

Dắt nhau qui chính, cả bầy lỗi chi.

Lòng trung chưa chút suy vi,

Lòng trung chưa có Hào ly biến rời.

Hào Lục nhị là những người có quyền hành, thế lực. Đã vậy mà còn biết minh chúa mà phù, đem cả bầy bọn, tùy tùng về theo cùng những người minh chính, thời rất hay, rất tốt, không có gì đáng chê trách **(Dẫn cát. Vô cữu).** Khi đã có lòng thành khẩn, thì không cần những lễ nghi, hình thức bên ngoài cho trang trọng làm chi, hiểu lòng nhau là đủ **(Phu nãi lợi dụng thược).** Phu là lòng thành khẩn, Thược là tế lễ mùa Xuân, tương đối nhỏ. Trở về cùng minh chúa, đem cả bầy bọn trở về cùng minh chúa, trỏ về mà lòng trung nghĩa vẫn chu toàn, như vậy mới hay.

Trần Hi Trân, một Hào kiệt thời Tống, lúc lâm nạn, bất đắc dĩ phải nhập lõa với bọn thảo khấu ở Viên Thúy trại. Nhưng khi có dịp thuận tiện, liền trở về qui phục triều đình. Lòng trung nghĩa trước

sau chẳng hề rời đổi. Thực đúng với trường hợp Hào Lục nhị này. (Xem Thủy Hử) **(Dẫn cát vô cữu. Trung vị biến dã).**

3. Hào Lục tam.

六三. 萃如 嗟如.無攸利.往無咎.小吝.

象曰. 往無咎.上巽也.

Lục tam.

Tụy như ta như. Vô du lợi. Vãng vô cữu. Tiểu lận.

Tượng viết:

Vãng vô cữu. Thượng tốn dã.

Dịch.

Lòng riêng muốn họp với người.

Mà người chẳng họp, vắn dài thở than.

Mặc dầu đôi chút quải gàng,

Hãy tìm đến kẻ tâm xoang như mình.

Lỗi chi mà lỗi cho đành...

Hào Lục tam ứng vào những hạng người bất trung, bất chính, địa vị dở dang, tài đức thấp thỏi, nên muốn liên kết với người, mà người chẳng chịu, tứ cố vô thân, trên dưới không ai hưởng ứng với mình, vì thế nên xót xa than thở **(Tụy như ta như).** Lúc ấy chẳng có thể làm gì cho hay **(Vô du lợi).** Thôi thì tìm nơi nào tá túc, để mà chờ thời. Như vậy chẳng danh giá gì, nhưng cũng không có lỗi **(Vãng vô cữu. Tiểu lận).** Vãng là tiến lên, cầu hợp với Thượng Lục. Thượng Lục đây chính là một người bè bạn, nhưng không thân thiết lắm. Cầu hợp với Thượng, không có lỗi, vì Thượng cũng vui lòng chấp nhận. *Tượng viết:* **Vãng vô cữu.**

Thượng tốn dã.

4. Hào Cửu tứ.

九四. 大吉.無咎.

象曰. 大吉無咎.位不當也.

Cửu tứ.

Đại cát. Vô **cữu.**

Tượng viết:

Đại cát vô cữu. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Qui mô cho rộng, cho to,

Hành vi tốt đẹp, hết lo lỗi lầm.

Tượng rằng: *Qui mô cho rộng, cho to.*

Hành vi tốt đẹp, hết lo lỗi lầm.

Tượng rằng: *Qui mô cho rộng, cho to,*

Hành vi tốt đẹp, hết lo lỗi lầm.

Tốt lành, rồi sẽ êm dầm,

Là vì ngôi vị có phần dở dang.

Hào Cửu tứ chính là một đại công thần, dưới thì được dân thuận theo, trên thì được vua tin cậy. Ngồi ngôi vị trọng thần, thật hết sức khó xử. Phải ăn ở sao cho vẹn chữ trung, thì mới được hay lành. Vì thế mới nói: **Đại cát. Vô cữu.** Phải Đại cát rồi mới Vô cữu. Cái khó xử của vị đại thần này là tuy tài đức siêu việt, nhưng

địa vị lại dưới vị quân vương. Thế là có tài lãnh đạo lại không ở ngôi lãnh đạo. Vì thế *Tượng viết*: **Đại cát vô cữu. Vị bất đáng dã.**

Hào Cửu tứ quẻ Tụy cũng tương tự như **Hào Cửu tứ quẻ Tùy,** Dịch kinh luôn khuyên những trọng thần phải bắt chước Châu Công, Y Doãn, chứ đừng theo thói Đổng Trác, Tào Tháo.

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 萃有位.無咎.匪孚.元永貞.悔亡.

象曰. 萃有位.志未光也.

Cửu ngũ.

Tụy hữu vị. Vô cữu. Phỉ phu. Nguyên vĩnh trinh. Hối vong.

Tượng viết:

Tụy hữu vị. Chí vị quang dã.

Dịch.

Tụ dân mà có vị ngôi,

Mới mong tránh được đơn sai, lỗi lầm.

Ví như dân chửa tin lòng,

Thì mình càng phải ra công tu trì,

Sao cho đáng mặt trị vì,

Tấc lòng minh chính, chẳng hề đơn sai.

Hay sao hay mãi mới hay,

Rồi ra sẽ chẳng còn ai phàn nàn.

Tượng rằng: *Tụ dân đã có vị ngôi,*

Thế mà còn có những người chửa tin.

Nếu người tin chẳng trọn niềm,

Chí mình chưa được vẹn tuyền quang minh.

Hào Cửu ngũ là bậc quân vương, ở ngôi vị lãnh đạo. Đức thịnh, Vị tôn, tất nhiên mọi người sẽ qui phục (**Tụy hữu vị. Vô cữu).** Nếu còn có người chưa phục, thì mình hãy chau dồi đức độ của đấng quân vương, hãy theo đúng đường lối của đấng quân vương, hãy thực thi ba tôn chỉ: **Nguyên, Vĩnh, Trinh**

- Nguyên là vị quân chủ có đức độ, tài ba

- Vĩnh là phải mưu đồ những công trình trường cửu cho dân.

- Trinh là thực thi chánh đạo.

Được như vậy, khỏi cần hối hận, phàn nàn **(Nguyên vĩnh trinh. Hối vong).** Tượng Truyện bình rằng: **Tuy mình có ngôi vị, nhưng ý chí, đức độ mình chưa lan tỏa khắp nơi, nên người chưa tin.**

Tượng viết: **Tụy hữu vị. Chí vị quang dã.** Đời vua Thuấn, có giặc Miêu không chịu thần phục, vua bèn truyền quảng thi văn đức, lại cho múa ca vũ hai bên sân rồng. Bảy tuần sau rợ Miêu qui phục. (Kinh Thư, Đại Vũ)

6. Hào Thượng Lục.

上六. 齎咨涕洟, 無咎.

象曰. 齎咨涕洟 .未安上也.

Thượng Lục.

Tế tư thế di. Vô cữu.

Tượng viết:

Tế tư thế di. Vị an thượng dã.

Dịch.

Thở than xùi xụt, vắn dài,

Thôi đừng tính chuyện trách người làm chi.

Tượng rằng: *Xùi xụt, thở than,*

Vì sao mà chẳng được an, được lành.

Hào Thượng Lục: Người trên mà không có tư cách, sẽ không qui tụ được người. Vì thế nên mới phải khóc lóc, than van. Sở dĩ Thượng Cửu phải than khóc như vậy là vì ở ngôi trên, mà chẳng được yên. *Tượng viết:* **Tế tư thế di. Vị an thượng dã.** Đầu đời nhà Đông Hán, giặc Xích Mi tôn Bồn Tử lên làm vua. Bồn Tử tuy là giòng tôn thất, nhưng mới 15 tuổi, lại đang đi chăn dê, nên chẳng hiểu gì quốc chính, được bá quan mang về tung hô vạn tuế, nhưng cũng chẳng biết cai trị ra sao. Làm vua chưa được 1 năm, thiên hạ càng ngày càng loạn, trong cung cấm cũng đói khát thiếu thốn. Bồn Tử ngày đêm khóc lóc, sau lại đem ngọc ấn trao trả các quan, để xin về làng lánh nạn. Các quan không chịu, ép phải tiếp tục làm vua. Sau này, vua Quang Võ đem quân về đánh dẹp, Bồn Tử và các quan thấy thế đánh không lại bèn xin hàng. Quang Võ thuận cho, và cũng không nỡ giết, lại còn phong vương tước cho Bồn Tử. Thật đúng là có vị ngôi, mà chẳng có tài đức, thời cũng chẳng nên cơm cháo gì.

ÁP DỤNG QUẺ TỤY VÀO THỜI ĐẠI

Muốn lập nước, lập đảng, ta phải có chủ thuyết chính đáng, phải có tài ba, đức độ, đường lối rõ rệt, và biết mưu đồ lợi ích trường cửu cho dân.

*Muốn tụ hợp một số người, để **phản đối chính quyền hay chủ nhân**, hoặc cấp lãnh đạo của họ, mà nay ta gọi là biểu tình, thì ta phải có lý do chính đáng; người cầm đầu phải là người có uy tín, có nhiệt tâm, và là người được nhiều người tin cậy. Hành động luôn phải ôn hoà, thì sự thành công có phần dễ dàng hơn.

Thấp hơn nữa là muốn gây dựng một xí nghiệp, chẳng những ta phải thành thạo về ngành chuyên môn của xí nghiệp, mà còn phải rành về cách quản trị xí nghiệp nữa.

*Phải là người trọng tín nghĩa, có thành tín, chứ không thể gặp ai cũng hứa hẹn đủ điều, rồi sau lại phủi tay rũ sạch. Có tín nghĩa, thành tín thì thiên hạ mới có thể tin cậy mình mà góp công, góp của, hợp tác với mình được.

*Phải biết xã giao giỏi, biết nhún nhường, tuy biết mình giỏi nhưng không kiêu ngạo, để đối nội thì thu phục được nhân tâm, khiến nhân viên dưới quyền mình sẽ hết lòng tận tụy hy sinh, chuyên cần trong mọi công việc với mình; như vậy sẽ có nhiều nhân tài đến giúp mình. **Khi đã phát đạt,** thì phải biết trọng thưởng, hậu đãi cho những người đã có công, đã góp sức và cộng tác với mình, chứ không nên vắt chanh bỏ vỏ, họ chưa già đã bắt về hưu non, để tuyển người mới, giá lương sẽ thấp hơn. Như vậy, không hợp thiên lý, khó vững bền.

Đối ngoại, giỏi mà nhún nhường, không kiêu ngạo, sẽ nhiều bạn, ít thù, và khi cần khuếch trương lớn, sự mời mọc người góp công, góp của, sẽ thành công dễ dàng hơn nhiều. Do vậy mà người Trung Hoa, một dân tộc nổi tiếng về thương mại, thường khi người cha là chủ 1 xí nghiệp lớn, nếu muốn truyền lại cho con, thường bắt người con phải chịu cực khổ, làm công việc từ dưới đi lên, để mai sau người con sẽ thành thạo mọi công chuyện, và để giảm bớt tính kiêu ngạo của loài người; và thành tín là bài học đầu của họ.

46. 地 風 升 ĐỊA PHONG THĂNG

升序卦 Thăng Tự Quái
萃者聚也 Tụy giả tụ dã.
聚而上者謂之升 Tụ nhi thượng giả vị chi thăng.
故受之以升 Cố thụ chi dĩ thăng.

Thăng Tự Quái

Tụy là tụ tập tương liên kim bằng,

Tụ mà thượng tiến là Thăng,

Cho nên Thăng mới theo chân tiếp vào.

Sau quẻ Tụy là quẻ Thăng. Sao gọi là Thăng? Tự quái cho rằng: Cái gì mà chồng chất sẽ hóa nên cao dần. Vì thế sau quẻ Tụy là quẻ Thăng. Xét theo thế quẻ, thì quẻ Thăng, trên có quẻ Khôn là Đất, dưới có quẻ Tốn là cây. Cây mọc từ đất vươn dần lên cao, vì thế nên gọi là Thăng. Toàn quẻ Thăng bàn về sự tiến bước của một hiền thần, leo dần các cấp bậc công danh, để mà tiến mãi lên ngôi cao. Thăng hàm ngụ ý nghĩa cố gắng vươn lên.

I. Thoán.

Thoán từ.

升 . 元 亨 . 用 見 大 人 . 勿 恤 . 南 征 吉 .

Thoán từ:

Thăng. Nguyên hanh. Dụng kiến đại nhân. Vật tuất. Nam chinh cát.

Dịch.

Thăng là tiến mãi, tiến lên.

Tiến trình thanh thản, chu tuyền hanh thông.

Được người tài đức giúp công,

Thời thôi khỏi phải nhọc lòng âu lo.

Tiến lên, đừng có chần chờ,

Rồi ra mọi sự êm ru, tốt lành.

Thoán từ: Thăng là thăng tiến, mà đã thăng tiến tất nhiên sẽ hanh thông **(Thăng. Nguyên hanh).** Muốn tiến lên cần có người trên phù trợ. Được như vậy, sẽ không còn phải lo lắng **(Dụng kiến đại nhân. Vật tuất).** Cố gắng tiến về phía quang minh, tiến tới một tiền trình cao đại, thời hay, thời tốt biết mấy mươi.

Nam là phía của ánh sáng, của văn minh, nên người Trung Hoa vốn trọng phía Nam. Vua chúa xưa thường quay về phía nam mà trị dân, ý muốn nói trị dân để đưa dân tới quang minh, thịnh trị **(Nam chinh cát).**

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖曰. 柔以時升. 巽而順. 剛中而應. 是以大亨. 用見大人. 勿恤. 有慶 也. 南征吉. 志行也.

Nhu dĩ thời thăng. Tốn nhi thuận. Cương trung nhi ứng. Thị dĩ đại hanh. Dụng kiến đại nhân. Vật tuất. Hữu khánh dã. Nam chinh cát. Chí hành dã.

Dịch.

Thoán rằng: *Nhu tiến theo thời,*

Khiêm cung, thuận thảo, thêm tài, thêm hay.

Dưới hay, trên lại liên tài,

Cho nên mọi sự êm xuôi, vẹn toàn.

Dùng người tài đức, mới ngoan,

Rồi ra phúc khánh, muôn vàn khỏi lo.

Tiến lên, đừng có chần chờ,

Đổi điều nguyện ước cho ra thành toàn.

Thoán Truyện: Người dưới muốn tiến lên, cần phải có thời cơ thuận tiện **(Nhu dĩ thời thăng).** Ví như có gặp loạn lạc, giặc giã, thì anh hùng, Hào kiệt mới có cơ tiến thân. Có gặp khoa thi, thì các anh tài, dân giả mới có cơ nhìn thấy bệ rồng. Muốn tiến lên, cần phải khiêm tốn, quyền biến **(Tốn nhi thuận),** phải có chân tài, chân đức, lại phải có người trên cố cập **(Cương trung nhi ứng),** có được như vậy thì đường công danh mới thanh thản, dễ dàng **(thị dĩ đại hanh).** Trên con đường tiến thân, mà được cấp trên hỗ trợ, thì khỏi còn lo khó khăn, trở ngại và sẽ được phúc khánh **(Dụng kiến đại nhân. Vật tuất hữu khánh dã).**

Như vậy sẽ thỏa chí tang bồng, vì đường mây đã rộng mở, công danh kia như đã đón chờ ai**(Nam chinh cát. Chí hành dã).** Mới hay ở đời hữu chí cánh thành, và miếng đỉnh chung trời chẳng riêng ai.

Đọc lịch sử, ta thấy biết bao hàn sĩ trở thành danh nhân, biết bao anh hùng đã xuất thân từ hang cùng, ngõ hẻm.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 地 中 生 木 . 升 . 君 子 以 順 德 . 積 小 以 高 大 .

Tượng viết:

Địa trung sinh mộc. Thăng. Quân tử dĩ thuận đức. Tích tiểu dĩ cao đại.

Dịch. Tượng rằng:

Cây từ lòng đất vươn lên,

Hiền nhân, quântử hãy nên theo đòi.

Theo đường nhân đức hôm mai,

Điều lành tuy nhỏ, tích hoài hóa to.

Chắt chiu kẽ tóc, chân tơ,

Vinh quang cao đại, đón chờ tương lai.

Cây mọc từ đất vươn mãi lên cao, chứng tỏ muôn vật đều hàm tàng khả năng tiến triển. Người quân tử cũng phải tuân theo định luật ấy của trời đất **(Quân tử dĩ thuận đức),** sẽ cố đi từ chỗ nhỏ, đến lớn, súc tích điều nhỏ nhặt để dần dần đi đến chỗ cao đại **(Tích tiểu dĩ cao đại).** Đó là một định luật nhân sinh phổ quát, mà Nho, Phật, Lão luôn luôn đề cao.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六. 允升.大吉.

象曰. 允升大吉.上合志也.

Sơ Lục.

Doãn thăng. Đại cát.

Tượng viết:

Doãn thăng đại cát. Thượng hợp chí dã.

Dịch.

Tiến lên mà được người tin,

Thế thời tốt đẹp, chu tuyền biết bao.

Tượng rằng: *Tiến lên mà được người tin,*

Thế thời tốt đẹp, chu tuyền biết bao.

Tiến mà được vậy, hay sao.

Thế là ý hiệp, tâm đầu dưới trên.

Hào Sơ Lục. Trình tử giải chữ Doãn là tin theo

Ngự Án (Vua Khang Hi) giải chữ Doãn là được người trên tin mình. Tin theo người trên mà tiến lên, chưa hẳn là đại cát.

Lưu Cẩn và Đại Dụng, muốn tâng công với vua Chánh Đức, để được vua tin dùng, bèn đi thuê một người nhà quê là Trình Bảo đem vào huê viên của vua, để giả làm thích khách. Lưu Cẩn và Đại Dụng nói đó là một màn kịch, nếu Trình Bảo đóng xong sẽ trọng thưởng. Trình Bảo tin thật. Sáng sớm giả làm thích khách, cầm gươm xông vào giết vua. Cốc Đại Dụng và Lưu Cẩn xông vào cứu giá. Trình Bảo trá bại, Lưu Cẩn dượt theo. Trình Bảo hỏi: Trốn đâu? Lưu Cẩn bảo: Xuống giếng. Trình Bảo trốn xuống giếng, bị Lưu Cẩn chém bay đầu... Như vậy tin người trên, chưa hẳn làĐại cát. Cho nên, nơi đây tôi (tác giả) giải theo Ngự Án, là trên con đường tiến thủ, mà được người trên tin yêu mình, sẽ được đại cát. Khảo lịch sử các triều đại, ta thấy có nhiều người vì được cấp trên tin dùng mà đã chóng được cất nhắc. Tượng Truyện giải: **Doãn thăng** là dưới trên ý hợp tâm đầu.

2. Hào Cửu nhị.

九二. 孚乃利用 .無咎.

象曰. 九二之孚.有喜也.

*Cửu nh*ị.

Phu nãi lợi dụng thược. Vô cữu.

Tượng viết:

Cửu nhị chi phu. Hữu hĩ dã.

Dịch.

Một lòng thành khẩn, chí trung,

Dầu cho lễ bạc, cũng không quản gì.

Lòng thành, lễ bạc, lỗi chi.

Tượng rằng: *Cửu nhị chí trung,*

Đó là một sự đáng mừng, đáng vui.

Hào Cửu nhị: đây tượng trưng cho một vị công thần. Công thần cốt có lòng trung thành với quân vương **(Phu)** còn những hình thức bên ngoài có đơn sơ, cũng không lỗi gì **(Lợi dụng thược. Vô cữu).**

Tống Thái Tổ xưa, phàm trào chính có việc chi quan hệ, lúc đương triều chưa quyết định được, thì ban đêm bất luận khuya sớm, thường mặc đồ tiểu phục , đến dinh các vị công thần mà đàm luận. Một ngày kia, nhằm ngày mồng một tháng giêng năm Cần Đức nguyên niên, Vua đội sương tuyết đến nhà Triệu Phổ, lúc canh ba. Triệu Phổ rước vào, sai gia nhân luộc thịt, rồi đem rượu bạch cúc ra hâm, dọn ra rất đơn sơ, rồi lại xin phép cho vợ ra rót rượu. Vua nói cùng Triệu Phổ rằng: Chỗ này chẳng nên kể việc quân thần, phải đãi nhau như tình huynh đệ mà thôi (Phi Long, trang 639). Đó là **Phu nãi lợi dụng thược. Vô cữu.**

Tiểu Tượng bình rằng: Công thần mà trung nghĩa là điều đáng mừng vậy. *Tượng viết:* **Cửu nhị chi phu. Hữu hỉ dã.** Khâu Kiến An bình rằng: Tuy Hào Cửu nhị không nói đến chuyện **Thăng ,** nhưng khi mà trên dưới đã tin lòng nhau, thì chẳng những là không lỗi gì, mà ắt còn có cái mừng vinh thăng nữa.

3. Hào Cửu tam.

九 三 .　　升 虛 邑 .

象 曰 .　　升 虛 邑 . 無 所 疑 也 .

Cửu tam.

Thăng hư ấp.

Tượng viết:

Thăng hư ấp. Vô sở nghi dã.

Dịch.

Tiến lên thanh thả, dễ dàng,

Y như vào ấp, vào làng bỏ không.

Hào Cửu tam: Đối với một người tài trí thông minh thao lược (Cửu tam là Dương Hào), chính đính (Dương Hào cư Dương vị), từ tốn (Cửu tam thuộc quẻ Tốn), vừa lòng cấp trên (ba Hào trên thuộc Khôn là thuận), được cấp trên nâng đỡ (ứng với Thượng Lục)., thời sự thăng tiến cũng dễ dàng như đi vào làng trống vậy **(thăng hư ấp).** Sở dĩ như vậy, là vì người trên không nghi kỵ mình. *Tượng viết:* **Thăng hư ấp. Vô sở nghi dã.**

4. Hào Lục tứ.

六 四 .　　王 用 亨 于 岐 山 . 吉 . 無 咎 .

象 曰 .　　王 用 亨 于 岐 山 . 順 事 也 .

Lục tứ.

Vương dụng hanh vu Kỳ Sơn. Cát. Vô cữu.

Tượng viết:

Vương dụng hanh vu kỳ Sơn. Thuận sự dã.

Dịch.

Khéo khuôn, khéo xử ở đời,

Văn vương hưng vượng ở nơi núi Kỳ.

Đã hay, còn khỏi tiếng chê.

Tượng rằng: *Khéo khuôn, khéo xử ở đời,*

Văn vương hưng vượng ở nơi núi Kỳ,

Thế là thuận sự, thuận thì.

Hào Lục tứ: Các nhà bình giải cắt nghĩa Hào này mỗi người một lối, duyên do là tại chữ **hanh**

- Trình tử đọc hanh là **hanh**, và giải là **hanh thông.**

- Chu Hi đọc **hanh** là **hưởng,** và giải là **tế tự thần minh**, phải dùng tâm thành, phải tập trung tinh thần mới cảm thông với thần minh được.

Trình tử giải Hào này đại khái như sau: Lục tứ là một trọng thần kế cận quân vương, chỉ nên giúp cho Vua, một ngày một trở nên tài đức, giúp cho hiền sĩ ở dưới được thăng tiến, còn mình đừng có mong tiến chức nữa. Bởi mong tiến nữa, sẽ bị nghi là bức tiếm quyền của quân vương. Văn Vương đã theo đường lối này khi ở Kỳ Sơn, và nhờ đường lối này mà đã làm mọi sự trở nên thông suốt, đẹp đẽ, tốt lành **(Vương dụng hanh vu Kỳ Sơn. Cát. Vô cữu).**

Trình tử giải **Dụng hanh** là **Dụng thử nhi hanh.** Như vậy trọng thần giúp cho vua tiến lên, cho người hiền sĩ ở dưới tiến lên về chức vị, còn mình tuy không tiến thêm về chức, nhưng tiến thêm về đạo đức. Trình tử sở dĩ giải Hào này như vậy, chắc là vì thấy trong lịch sử có nhiều trọng thần đã lăng bức quyền vua.

Đọc Tam Quốc, ta thấy Tư Mã Sư mỗi khi vào triều đều đeo gươm lên điện, và vua Ngụy là Tào Phương mỗi khi thấy Tư Mã Sư vào triều thì run bần bật như người bị kim châm sau lưng, có khi còn bước xuống khỏi ngai rồng đón tiếp. Khi các quan tâu trình mọi việc, Tư Mã Sư tự ý quyết đoán không hỏi qua ý vua một câu. Xong rồi Sư ra về, ngang nhiên bước xuống thềm điện, lên xe ra khỏi nội cung, tiền hô hậu ủng có tới vài ngàn người ngựa... (Tam

Quốc Chí Tử Vi Lang dịch trang 1921).

-Wilhelm giải đại khái rằng: vua Văn Vương đã giới thiệu những công thần của vua với thần núi Kỳ Sơn, và đã cho họ được dự khói hương nơi Thái Miếu, bên cạnh vua. Như vậy là công thần thăng tiến, đến mức độ cao nhất rồi, tiếng tăm lẫy lừng trước mặt cả thần minh, lẫn người, và đã lưu danh hậu thế. Giải như Wilhelm cũng có cái hay, vì thực ra các vua chúa xưa cũng thường hay vẽ hình các công thần để lưu lại hậu thế.

-Quang Võ nhà Hán, cho vẽ hình 28 tướng tá đã giúp vua hưng nghiệp, ở cung Vân Đài.

-Càn Đức nhà Đường, cho vẽ hình các công thần treo ở Lăng Yên Các.

-Triết Tông nhà Tống, vẽ hình 39 tướng tài có công dẹp Anh Hùng Lương Sơn Bạc, và treo ở Lầu Huy An.v.v...

. *Tượng viết:* **Vương dụng hanh vu Kỳ Sơn. Thuận sự dã.** Trình tử giải rằng: Đường lối mà vua Văn Vương đã áp dụng khi ở Kỳ Sơn đó là thuận thời, thuận đức mà cư xử vậy.

5. Hào Lục ngũ.

六 五 . 貞 吉 . 升 階 .

象 曰 . 貞 吉 升 階 . 大 得 志 也 .

Lục ngũ.

Trinh cát. Thăng giai.

Tượng viết:

Trinh cát thăng giai. Đại đắc chí dã.

Dịch.

Bền lòng, vững chí, mới hay,

Thềm đời nhẹ bước, một ngày một lên.

*T*ượng rằng:

Bền lòng, vững chí mới hay,

Thềm đời nhẹ bước, niềm tây phỉ nguyền.

Hào Lục ngũ: Trình tử giải rằng: Quân vương mà biết bền lòng tín dụng hiền tài, thời sẽ tốt đẹp, sẽ có cơ tiến phát mãi, như người có bậc, có thềm đá bước lên.

Tượng viết: **Trinh cát thăng giai. Đại đắc chí dã.** Trình tử giải rằng: Nếu biết bền lòng, vững chí ủy nhiệm hiền tài, để tuần tự tiến lên, thì có thể đi đến chỗ thiên hạ đại trị. Thế là đại đắc chí vậy.

6. Hào Thượng Lục.

上 六 . 冥 升 . 利 于 不 息 之 貞 .

象 曰 . 冥 升 在 上 . 消 不 富 也 .

Thượng Lục.

Minh thăng. Lợi vu bất tức chi trinh.

Tượng viết:

Minh thăng tại thượng. Tiêu bất phú dã.

Dịch:

Cực cao, nhắm mắt tiến bừa,

Ám hôn, chẳng có tri cơ chút nào.

Tượng rằng:

Tiến nhân, tiến đức, chẳng sao,

Chính, minh, thượng tiến, thì nào hại chi.

Hào Thượng Lục: Đã tiến đến cùng, mà còn muốn tiến nữa, tức là tiến mù quáng **(Minh thăng).** Vậy nên đổi cái lòng vụ lợi, tham cầu không ngơi ấy ra lòng ưa chuộng tiến đức, tiến đạo thì mới hay **(Lợi vu bất tức chi trinh).**

Tiểu Tượng cho rằng: Thượng Lục sở dĩ tiến một cách mù quáng, vì không biết lẽ tiêu tức của trời đất. Tiến cực dĩ nhiên sẽ tiêu, mà đã tiêu thì làm sao mà giầu có được. *Tượng viết:* **Minh thăng tại thượng. Tiêu bất phú dã.**

ÁP DỤNG QUẺ THĂNG VÀO THỜI ĐẠI

Sống trên đời, luôn phải cố gắng vươn lên. Khi còn trẻ, phải vươn lên về phía công danh, lợi lộc. Lúc ấy, nên có người trên phù trợ. Nhưng tất cả phải chính đáng, ngay thẳng. Khi tóc đã hoa râm, thì phải dùng nửa đời sau, để tiến về tinh hoa, đạo đức. Làm sao để được như 2 câu thơ sau:

Khi sinh bạn khóc, người cười,

Sống sao khi chết bạn vui, người sầu.

-Về công danh, ta phải kiên trì. Người thông minh học 5 năm, ta kém thông minh ta học 10 năm, miễn sao ta có chí ta sẽ bằng người, và ta luôn luôn tự hào về ý chí của ta.

-**Về lợi lộc**, ý nói về thương mại, ta phải chịu khó, thật thà, ngay thẳng và thành tín, và luôn phải học hỏi kinh nghiệm của người đã làm cùng nghề như mình lâu năm. Chớ tự phụ , kiêu ngạo, tự cho mình là giỏi, là không cần ai chỉ dẫn, thì mới thành công được.

-**Về đạo đức,** điều này nếu có thể được, cha mẹ nên trau giồi cho con từ khi còn nhỏ, làm lành, nghĩ lành, và xa lánh làm xấu, nghĩ xấu, dù việc đó là điều nhỏ nhặt, như nói dối, tham lam của người.v.v...Vì quen làm điều lành, nghĩ lành, sau đọc sách Thánh hiền, thì sẽ trở thành người đạo đức.

Còn quen làm ác, và gian tham ngay từ nhỏ, mà cha mẹ lại quá nuông chiều con, lại hay viện cớ con còn nhỏ dại nên chưa cần răn dạy ngay, đợi lúc trẻ khôn lớn thì đã quá muộn, chúng không còn

nghe lời người trên nữa. Do đó, chúng dễ dàng bị xa ngã, nếu lại giao du với bạn bè xấu thì hậu quả chúng là những tai hoạ cho xã hội, nếu chúng may mắn mà có công danh chăng nữa, thì chúng cũng chỉ là những viên chức tham ô, hại dân, hại nước mà thôi. Cổ nhân đã có câu:

Dạy con từ thuở còn thơ,

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.

Ngày nay, vì quá bận rộn vì công ăn, việc làm, vì sinh kế, nên không còn thời giờ để săn sóc, dạy dỗ con cái cẩn thận, nên biết bao bậc cha mẹ đã quá đau lòng vì con mình hư hỏng đến không thể ngờ, lúc đó đành đổ tại số phận, đành sống trong tủi nhục cho qua ngày.

47. 澤 水 困 TRẠCH THỦY KHỐN

困序卦 Khốn tự Quái
升而不已必困 Thăng nhi bất dĩ tất Khốn.
故受之以困 Cố thụ chi dĩ Khốn.

Khốn Tự Quái

Lên cao cao mãi, đành rằng tai ương,

Cho nên Khốn tả nhiễu nhương...

Tiếp sau quẻ Thăng, là quẻ Khốn. Tại sao gọi bằng Khốn? Theo **Tự Quái** thì Thăng quá sẽ bị khốn. Chữ Khốn có chữ Mộc nằm trong bộ Vi. Đó là 1 cây bị tù túng không vươn lên được.

Quẻ Khốn trên có Đoài, dưới có Khảm. Nơi quẻ Đoài, thì 1 Hào Âm khuất lấp 2 Hào Dương, nơi quẻ Khảm thì hai Hào Âm chèn ép một Hào Dương ở giữa. Vì thế nên gọi bằng Khốn. **Khốn tức là Quân tử bị tiểu nhân đè nén, khuất lấp.**

I. Thoán.

Thoán từ.

困 . 亨 . 貞 . 大 人 吉 . 無 咎 . 有 言 不 信 .

Khốn. Hanh. Trinh. Đại nhân cát. Vô cữu. Hữu ngôn bất tín.

Dịch.

Khốn cùng, nhưng vẫn hanh thông,

Trung trinh, quân tử khốn cùng vẫn hay.

Khốn cùng, mà vẫn thẳng ngay,

Tuyệt nhiên không có đơn sai, lỗi lầm.

Gặp thời điên đảo phong trần.

Hãy nên kín miệng, nói năng ích gì.

Thoán từ: Khốn là khốn đốn. Khốn đốn trước mắt phàm phu, thời là cùng cực lao lung, nhưng trước mắt Thánh hiền, thì khốn vẫn mang lại sự hanh thông. Thật vậy, thân tuy khốn, nhưng phẩm giá vẫn vẹn toàn. Đạo vẫn cao, đức vẫn trọng, vẫn để được tiếng thơm muôn thuở, đó là trường hợp Nguyễn Tri Phương, Võ Tánh vv...

Khốn mà vẫn Hanh, vì sự khốn khổ là một phương tiện để đào luyện tâm thần một cách hữu hiệu. Mạnh Tử viết: Hễ trời định phó thác trách nhiệm lớn lao cho người nào, trước hết làm cho người ấy phải khổ não tâm trí, lao nhọc gân cốt, đói khát, cầu bơ cầu bất, nghèo nàn, thiếu hụt trước sau, và làm cho rối loạn điên đảo các cuộc hành vi của người ấy. Như vậy đặng phát động lương tâm của người, kiên nhẫn tính tình của người, và gia tăng tài đức còn khiếm khuyết của người.

Thế thường, người ta trước có lầm lỗi, rồi sau mới có thể sửa đổi. Trước có khốn đốn, nơi tâm tư hoạnh nghịch mới mưu lự, rồi sau mới hưng thịnh**...**(Mạnh Tử Cáo Tử Chương cú hạ, 15). Tuy nhiên, chỉ có người quân tử khi gặp lúc cùng khốn, mới giữ được tròn khí tiết, mới xử sự đường hoàng, không ai chê trách được, còn tiểu nhân ắt là không như vậy. *Thoán Từ nói:* **Trinh. Đại nhân cát.** Cũng y như *Luận ngữ nói:* **Quân tử cố cùng, tiểu nhân cùng tư lạm hỹ** (Luận Ngữ XV, 1). Lúc cùng khốn, lúc thất thế, mình có nói gì cũng chẳng ai tin mình **(Hữu ngôn bất tín).** Như vậy, thà kín tiếng, xẻn lời thì hơn.

Thoán Truyện.

Thoán viết:

彖曰.困.剛掩也.險以說.困而不失其所.亨.其唯君子乎？貞大人吉.以剛中也.有言不信.尚口乃窮也.

Khốn. Cương yểm dã. Hiểm nhi duyệt. Khốn nhi bất thất kỳ sở hanh.

Kỳ duy quân tử hồ. Trinh đại nhân cát. Dĩ cương trung dã.

Hữu ngôn bất tín. Thượng khẩu nãi cùng dã.

Dịch.

Khốn là cứng bị mềm che,

Tuy trong gian hiểm, thỏa thuê khác nào.

Khốn cùng, mà vẫn thanh tao,

Trừ phi quân tử, nhẽ nào hanh thông.

Khốn cùng, mà vẫn trinh trung,

Phải là quân tử, mới mong tốt lành.

Gặp thời cùng khốn, điêu linh,

Sắt son, trung chính, thế tình mấy ai?

Chẳng nên cả tiếng, lắm lời,

Bạ mồm, có thể họa tai khôn cùng.

Thoán Truyện trước hết giải thích chữ **Khốn,** và cho rằng khốn là Dương cương bị khuất lấp. Dương cương là ánh sáng, là người quân tử, cũng y như nói ánh sáng bị che khuất, quân tử bị tiểu nhân đàn áp, bưng bít. **(Khốn cương yểm dã).** Gặp hiểm nguy, mà vẫn yên vui, vẫn giữ lòng an bình, thanh thản, thì chỉ có người quân tử mới làm được như vậy **(Hiểm nhi duyệt. Khốn nhi bất thất kỳ sở hanh. Kỳ duy quân tử hồ).** Đó là trường hợp đức Khổng bị vây 5,7 ngày ở Trần, Thái mà vẫn đàn ca, (Sử ký Tư Mã Thiên, Khổng tử thế gia), hoặc Nhan Hồi sống trong ngõ hẹp với 1

giỏ cơm, 1 bầu nước mà vẫn lấy làm ung dung, sung sướng (Luận Ngữ, VI, 9).

Người quân tử, gặp cảnh khốn cùng, vẫn giữ được lòng minh chính, vẫn giữ được lòng sắt son, như vậy mới hay **(Trinh. Đại nhân cát).** Họ tuy gặp cảnh khốn cùng, vẫn là đại nhân. Diogène, sống trong ống cống, với chiếc bát để ăn uống; được vua Alexandre đến thăm, ông xin vua một ân huệ là đứng lui ra, đừng lấp ánh mặt trời của ông.

Gặp nguy hiểm, khốn cùng, có nói cũng chẳng ai tin, nên dẫu có khua múa cũng chỉ chuốc lấy hoạ hại. Tiết Nhân Quí bị Lý Đạo Tông, là em vua Đường Thái Tôn bày mưu hại. Lý Đạo Tông giả chiếu chỉ triệu Tiết Nhân Quí về trào, mời về dinh dự tiệc, chuốc rượu mê cho say, và vu cho rằng định hãm hiếp và cố sát Quận Chúa. Đường Thái Tông nổi giận đòi chém, mà có đợi cho Tiết Nhân Quí biện bạch được lời nào đâu.

II. Đại Tượng Truyện

象 曰 . 澤 無 水 . 困 . 君 子 以 致 命 遂 志 .

Tượng viết:

Trạch vô thủy. Khốn. Quân tử dĩ trí mệnh toại chí.

Dịch. Tượng viết:

Khốn là nước rút khỏi chầm,

Khốn cùng, quân tử xả thân vẹn nghì.

Hồ mà không có nước, thì cá lấy đâu mà sống, người lấy nước đâu mà dùng nên ắt khốn. Người quân tử suy ra rằng, lúc cùng khốn phải biết coi thường sinh mạng, để bảo tồn đạo nghĩa **(Quân tử dĩ trí mệnh toại chí).** Trình tử cho rằng: Gặp nguy mà biết đó là Mệnh Trời, thời sẽ bình tĩnh tự thủ, không đến nỗi xao xuyến tâm thần, còn không thời sẽ mất tinh thần, và sẽ mắc kẹt trong tai ách. Giải như vậy cũng hay.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六. 臀困于株木.入于幽谷.三歲不 .

象曰. 入于幽谷.幽不明也.

Sơ Lục.

Đồn khốn vu chu mộc. Nhập vu u cốc. Tam tuế bất địch.

Tượng viết:

Nhập vu u cốc. U bất minh dã.

Dịch.

Mông trần, gốc trụi ngồi nhằm,

Vào trong hang tối ba năm thấy gì?

Tượng rằng: *Hang tối đi vào,*

Thế là dốt nát, chứ nào thông minh.

Hào Sơ Lục tượng trưng một người mắc khốn, mới đầu không hiểu vì đâu mà có tai bay, vạ gió như vậy, thực là như ngồi phải chông, phải cọc **(Đồn khốn vu chu mộc),** như lạc vào hang sâu **(Nhập vu u cốc),** đến 3 năm, mà cũng chẳng thấy được nẻo ra, chẳng thấy được người cứu **(Tam tuế bất địch).** Đó là trường hợp Tiết Nhân Quí bị Lý đạo Tông hãm hại như đã nói trên, và phải giam cầm nơi thiên lao 3 năm tròn. **(Nhập vu u cốc).** Nhiều khi mình mắc hoạ hoạn, chính là vì mình không sáng suốt **(U bất minh dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九二. 困于酒食.朱紱方來.利用亨祀.征凶.無咎.

象曰.　困于酒食.中有慶也

Cửu nhị:

Khốn vu tửu thực. Chu phất phương lai. Lợi dụng hưởng tự. Chinh hung. Vô cữu.

Tượng viết:

Khốn vu tửu thực. Trung hữu khánh dã.

Dịch.

Ngoài tuy ăn uống, rượu chè,

Nhưng mà lòng vẫn ủ ê, buồn phiền.

Rồi ra vua sẽ lưu liên,

Rồi ra tất đỏ có phen gặp mình,

Lòng thành cảm động thần minh,

Nhưng đừng vội vã tiến hành việc chi.

Vội làm hung họa có khi,

Mình làm, mình chịu, kêu gì được ai.

Tượng rằng:

Rượu chè, mà vẫn khốn nàn,

Một lòng trung liệt, chứa chan phước lành.

Hào Cửu nhị tượng trưng là 1 bậc công thần, tuy bên ngoài vẫn sống trong nhung lụa, vẫn ăn sung, mặc sướng, nhưng không vì thế mà vui được, trái lại nhiều khi vẫn buồn khổ **(Khốn vu tửu thực).** Buồn khổ, có khi vì vận nước điêu linh, nhân dân đồ thán, có khi vì thù nhà chưa báo. Những người như vậy, rồi ra sẽ được quân vương cố cập **(Chu phất phương lai). (**Chu phất là mảnh vải điều bao đầu gối của vua chúa). Trong khi chờ đợi, hãy tâm thành van vái thần minh **(Lợi dụng hưởng tự).** Nếu vội vàng hành động,

sẽ mang họa và không đổ lỗi cho ai được **(Chinh hung vô cữu).** Ví như Ngũ Tử Tư dẫu là mưu thần của Hạp Lư, nhưng bao lâu chưa đem quân về phá Sở được, để báo thù cho cha là Ngũ Xa, thì lòng vẫn rầu rĩ, khôn khuây. Thế là **Khốn vu tửu thực.** Sau này, Hạp Lư cũng phải chiều ý, mà cất quân đánh Sở, giúp cho Ngũ Tử Tư báo thù. Thế là **Chu phất phương lai.** Tuy nhiên, từ lúc lập chí báo thù, cho đến khi thực hiện được chí hướng ấy, cần 1 thời gian dài, nếu làm vội vã sẽ thất bại. Thế là **Vãng hung vô cữu.**

Tượng Truyện bình rằng: Cơm rượu ê hề, mà vẫn thấy lòng đau đớn, những người có lòng thành như vậy sẽ cảm động được đất trời, nên rồi ra cũng sẽ được phúc khánh **(Khốn vu tửu thực. Trung hữu khánh dã).**

3. Hào Lục tam.

六三. 困于石.據于蒺藜.入于其宮.不見其妻.凶.

象曰. 據于蒺藜.乘剛也.入于其宮.不見其妻.不祥也.

Lục tam.

Khốn vu thạch. Cứ vu tật lê. Nhập vu kỳ cung. Bất kiến kỳ thê. Hung.

Tượng viết:

Cứ vu tật lê. Thừa cương dã. Nhập vu kỳ cung. Bất kiến kỳ thê.

Bất tường dã.

Dịch.

Những là vấp đá, chạm gai,

Khốn sao khốn khổ, tơi bời tấm thân.

Về nhà thời vợ biệt tăm,

Tứ bề quạnh quẽ, thập phần hung tai.

Tượng rằng: *Dựa phải bụi gai,*

Mình nhu, mà dám cưỡi chòi trên cương,

Về nhà vợ biệt hà phương,

Thế là gặp chuyện bất tường còn chi.

Hào Lục tam tượng trưng một người Âm nhu chi tài, lại bất trung, bất chính. Gặp lúc cùng khốn, đã không có tài, mà lại làm liều, thì làm sao thoát nạn. Muốn tiến lên, thì Cửu tứ, Cửu ngũ như đá ngăn trước mặt **(Khốn vu thạch).** Muốn lùi, mà sau có Cửu nhị, như gai đâm sau lưng **(Cứ vu tật lê),** lại trên không ứng với Thượng Lục, có khác nào người gặp nguy khốn đã tiến thoái, lưỡng nan; mà tìm về nhà thì vợ đã biệt tăm tích **(Nhập vu kỳ cung. Bất kiến kỳ thê),** như vậy thì dĩ nhiên là hung hoạ rồi. Tượng Truyện bình rằng: Phàm Nhu mà cưỡi lên Cương, phàm những người bất tài, bất tướng mà chèo đèo, đòi ăn trên, ngồi chốc người anh tài, thế là dựa vào gai, đạp vào gai vậy **(Cứ vu tật lê. Thừa cương dã).** Thân đã bất an, mà còn đạp gai, đạp góc, thế là bất tường vậy, y như về nhà mà không thấy vợ **(Nhập vu kỳ cung. bất kiến kỳ thê. Bất tường dã).**

4. Hào Cửu tứ.

九四. 來徐徐. 困于金車. 吝. 有終.

象曰. 來徐徐. 志在下也. 雖不當位. 有與也.

Cửu tứ.

Lai từ từ. Khốn vu kim xa. Lận. Hữu chung.

Tượng viết:

Lai từ từ. Chí tại hạ dã. Tuy bất đáng vị. Hữu dữ dã.

Dịch.

Tới nhưng chậm chạp, dùng dằng.

Muốn đi, khốn nổi xe ngăn mất đường.

Tuy là đáng phải phàn nàn,

Cuối cùng âu cũng sẽ làm nên công.

Tượng rằng:

Tới nhưng chậm chạp, dùng dằng,

Xót tình kẻ dưới, dạ hằng vấn vương.

Tuy là ngôi vị dở dang,

Nhưng mà vẫn kẻ lo toan cùng mình.

Hào Cửu tứ: Nhiều khi thấy những người chân tay mình mắc nàn, mà muốn giúp cũng khó lòng, phải tuần tự nhi tiến **(Lai từ từ),** phải tránh né cho khỏi vấp váp sự chống đối của đối phương**(Khốn vu kim xa),** tuy làm vậy cũng đáng hổ ngươi, nhưng không đáng trách **(Lận. Hữu chung).** Cửu tứ muốn cứu Sơ Lục, mà phải đi chầm chậm **(Lai từ từ). Khốn vu kim xa** là bị Cửu nhị như chiếc xe sắt cản trở.

Y như bè bạn Tiết Nhân Quý, có Trình Giảo Kim, Uất Trì Cung, Từ Mậu Công từng làm quan lớn trong triều, mà muốn cứu Tiết Nhân Quí khỏi tội, khỏi bị hại cũng mất mấy năm trời.

Tượng Truyện bình rằng: Tuy là hoạt động chậm chạp, nhưng mà ý chí vẫn gởi gấm nơi người dưới **(Lai từ từ. Chí tại hạ dã).** Tuy rằng ngôi vị không được chính đáng, nhưng sau cùng cũng vẫn tới được mà cứu vớt được Sơ **(Tuy bất đáng vị. Hữu dữ dã).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 劓刖.困于赤紱.乃徐有說.利用祭祀.

象曰. 劓刖.志未得也.乃徐有說.以中直也.

利 用 祭 祀 . 受 福 也 .

Cửu ngũ.

Tị nguyệt. Khốn vu xích phất. Nãi từ hữu duyệt. Lợi dụng tế tự.

Tượng viết:

Tị nguyệt. Chí vị đắc dã. Nãi từ hữu duyệt. Dĩ trung trực dã.

Lợi dụng tế tự. Thụ phúc dã.

Dịch.

Ra uy cắt mũi, chặt chân.

Quân thần xui khiến, ra thân khốn nàn.

Từ từ, lòng sẽ rảnh rang,

Hãy nên tế lễ, vái van ơn trời.

Tượng rằng:

Ra uy cắt mũi, chặt chân.

Ý nguyền chưa được thập phần thỏa thuê.

Từ từ âu sẽ đẹp bề,

Một niềm trung trực, lo gì chẳng hay.

Tế thần sẽ được phúc dầy,

Chân thành cầu đảo, tràn đầy ơn trên.

Hào Cửu ngũ: có nhiều cách bình giải:

Trình tử giải đại khái rằng: Bậc quân vương mà bị khốn, là vì trên, dưới đều bỏ mình (**Tị nguyệt**: Tị là bị thương ở mũi, ở trên: Nguyệt là bị thương ở chân, ở dưới; trên dưới đều bị thương. Bậc

quân vương mà bị khốn là vì thiên hạ bỏ mình **(Khốn vu xích phất).** Tuy nhiên Cửu ngũ đồng đức với cửu nhị, rồi ra sẽ được Cửu nhị cứu khốn phò nguy. Phàm Quân vương bị khốn, phải lo cầu hiền tài, với tất cả lòng thành như là tế tự thần minh vậy, âu sẽ gặp may lành **(Nãi từ hữu duyệt. Lợi dụng tế tự)**

Lai Trí Đức giải đại khái như sau:

Tị nguyệt là vua bị khốn.

Khốn vu xích phất là tôi bị khốn.

Nãi từ hữu duyệt là rồi ra cũng sẽ thoát nạn.

Lợi dụng tế tự là thành khẩn cầu xin sẽ được phúc.

Dưới đây xin dẫn sự tích lịch sử, để giúp ta hiểu rõ Hào này: Vua Tống Thái Tổ đi chinh phạt Nam Đường, bị yêu đạo Dư Hồng vây khốn tại thành Thọ Châu, bị bắt mất 12 tướng, lại gần hết lương thực. Vua rưng rưng nước mắt mà than rằng: Binh tướng bị vây, vua rầu, tôi nhục, uổng công xây dựng 18 năm trời, lại nỗi mẹ già buồn bực đêm ngày, 80 tuổi trông con dựa cửa. Nói tới đó, cầm lòng không đậu, lụy ngọc chan hòa. Miêu Quang Vũ và bá quan xúm nhau lại khuyên giải. Miêu Quang Vũ khuyên vua nên đặt hương án, cầu trời, khấn phật, họa may trời phật sai thần tiên xuống trừ nó mới xong. Đêm ấy vua tôi ăn chay, tắm gội, mặc đồ mới, đồng quì trước hương án mà cầu trời...Hứa nếu thoát nạn, khi về nước rồi, sẽ giảm thuế, tha tù, làm phúc mà chuộc tội. Rạng sáng, trời sai Phi thử đem tha vào kho cho vua ba mươi vạn hộc lúa, và mấy ngày sau Hoàng Thạch Công sai Trịnh Ân xuống phá vòng vây để đi cầu viện cho vua.

6. Hào Thượng Lục.

上 六 . 困 于 葛 . 于 . 曰 動 悔 . 有 悔 . 征 吉 .

象 曰. 困 于 葛. 未 當 也 . 動 悔 . 有 悔 . 吉 行 也 .

Thượng Lục.

Khốn vu cát lũy. Vu nghiệt ngột. Viết động hối. Hữu hối . Chinh cát.

Tượng viết:

Khốn vu cát lũy. Vị đáng dã. Động hối hữu hối. Cát hành dã.

Dịch.

Sắn bìm quấn quít, nhiễu nhương,

Khó bề dở dói, nên vương khốn nàn.

Khốn nàn mà biết lo toan,

Lỗi lầm mà biết phàn nàn thời hay.

*T*ượng rằng:

Sắn bìm quấn quít, vấn vương,

Hãy còn khốn đốn, chưa đường thoát ra.

Tránh điều ân hận, phiền hà.

Liệu cơ thoát khốn, mới là mắn may.

Hào Thượng Lục: Lúc này, là thời khốn đã tới cùng, cùng tất biến. Tuy nhiên Thượng Lục còn bị khốn khó như dây dợ sắn bìm, vướng mắc chưa thoát được **(Khốn vu cát lũy),** hoạt động còn có mòi nguy hiểm lắm **(Vu nghiệt ngột).** Nhưng nếu biết tự nhủ rằng: Hoạt động sẽ gặp điều đáng phàn nàn **(Viết động hối).** Nếu làm sai, mà biết phàn nàn, sang sửa **(Hữu hối),** được như vậy mà tiến hành công chuyện, sẽ thoát khốn **(Chinh cát).**

Tượng viết: **Khốn vu cát lũy. Vị đáng dã. Động hối. Hữu hối. Cát hành dã.** Bị khốn khó buộc ràng, chưa biến đổi hoàn cảnh, thế là chưa biết xử sự cho hay, hành động cho khéo **(Khốn vu cát lũy. Vị đáng dã).** Biết lo trước những trắc trở khi hoạt động, làm sai biết hối quá, như vậy có thể thoát khốn, thế là tiến hành sẽ gặp

may **(Động hối. Hữu hối. Cát hành dã).**

ÁP DỤNG QUẺ KHỐN VÀO THỜI ĐẠI

Nhìn vào đời sống xã hội, nhân quần, ta thấy xưa nay không biết là bao người đã bị giông tố xã hội, gia đình, thời gian, hoàn cảnh cuốn lôi, đã lâm vào những cảnh cùng khốn hết sức.

Cách đây 50 năm, ở Đức, Hitler đã ra lệnh thiêu sống 6 triệu người Do Thái, mà Thế giới chịu không can thiệp nổi.

Lại gần đây, ở Việt Nam, biết bao người đi vượt biên đã bị hải tặc Thái Lan hãm hiếp, giết chóc khiến gia đình ly tán, người còn, người chết, tình cảnh thật thê lương.

Xưa kia, biết bao công thần đã bị nhà vua cố tình giết chết, hoặc bị đồng liêu giá họa và đã đi đến chỗ tử vong. Họ tỏ ra ung dung, thư thái trước cái chết, như Nhạc Phi,vv...

Dịch kinh, khuyên ta nếu gặp hoàn cảnh trên, phải bình tĩnh mà tìm cách thoát khỏi cảnh nguy khốn đó.

Theo tôi (tác giả viết bài này), nếu dân Do Thái lúc ấy cùng đoàn kết nổi lên chống lại, thì làm sao Đức quốc xã thiêu sống nổi 6 triệu người. Nếu trước khi vượt biên, mà ta hoạch định sẵn chương trình, tất cả đều mang gậy gộc, hoặc dấu vài khẩu súng theo. Khi trông thấy thuyền cướp Thái Lan từ xa tiến lại, ta nhất tề đứng lên, với tư thế sẵn sàng ứng chiến, thì tôi nghĩ với vài tên cướp biển chắc chắn không dám xâm phạm ta. Nhà tôi có người bạn, cũng ở trong trường hợp này, ông ta cùng với những người nam trong thuyền, mang theo gậy gộc và khi trông thấy bọn cướp có vài ba đứa tiến đến, là nhất tề cầm gậy ứng chiến. Bọn cướp thấy khó ăn, nên đã không dám làm gì.

Còn trường hợp Nhạc Phi, hồi nhỏ lúc đọc Truyện, tôi đã không tán thành hành động của Người, vì theo tôi đó là Ngu trung, thật vậy Người đã không đặt Quốc Gia, Dân tộc trên hết, mà đã vì chữ trung, sẵn sàng chịu chết bởi tay gian thần Tần Cối, và một vị vua hôn ám. Thật là một cái chết không đáng vậy. **Tóm lại, Học Dịch cốt để phòng những tai họa, khó khăn có thể xẩy ra, ta sẽ giải quyết được nó dễ dàng hơn, và xa hơn nữa ta sẽ bớt đi**

được nhiều lỗi lầm trong đời ta.

48. 水 風 井 THỦY PHONG TỈNH

井序卦 Tỉnh Tự Quái
困乎上者 Khốn hồ thượng giả
必反下 Tất phản hạ.
故受之以井 Cố thụ chi dĩ Tỉnh.

Tỉnh Tự Quái

Cao mà khốn nạn, sẽ thường xuống sâu.

Cho nên Tỉnh tiếp theo sau.

Khi người bị khốn ở bên trên, sẽ quay xuống phía dưới, cho nên, sau quẻ Khốn là quẻ Tỉnh. Tỉnh là giếng. Nói đến giếng nước, tức là nói đến cung cấp nước uống cho dân chúng từ ngàn xưa tới nay.

Thường làng nào cũng có giếng. Giếng đào sâu xuống cho tới các mạch nước ngầm, nên có thể cung cấp nước ăn uống cho cả dân làng.

Quẻ Tỉnh, trên là quẻ Khảm là nước, dưới là quẻ Tốn là gỗ. Xưa người ta dùng gầu tre, gỗ hoặc những cần cây để múc nước giếng lên. Lại cũng dùng giây thòng gầu xuống để múc nước lên. Ca dao ta có câu: Tưởng giếng sâu, em nối sợi dây dài, ngờ đâu giếng cạn, em tiếc hoài sợi dây.

I. Thoán.

Thoán từ.

井 . 改 邑 不 改 井 . 無 喪 無 得 . 往 來 井 井 . 汔 至 . 亦 未 繘

井 . 羸 其 瓶 . 凶.

Tỉnh. Cải ấp bất cải tỉnh. Vô táng vô đắc. Vãng lai tỉnh tỉnh.

Ngật chí. Diệc vị duật tỉnh. Luy kỳ bình. Hung.

Dịch.

Tỉnh là nước giếng nuôi người,

Rời làng, rời ấp, chẳng rời giếng đi.

Dùng nhiều, nước chẳng suy vi,

Không dùng, nước vẫn cứ y chẳng tràn.

Người qua, kẻ lại rộn ràng,

Tha hồ đến giếng, kín mang nước về.

Thòng dây chưa tới, ích chi?

Giây chưa tới nước, cách gì múc lên.

Dùng gầu nứt rạn, chẳng bền,

Dùng gầu nứt rạn, thảo hèn nào hung.

Thoán từ: Giếng là 1 cơ cấu cần thiết nhất trong làng mạc. Xưa, ông Công Lưu, tổ phụ nhà Chu, muốn lập cơ ngơi ở đất Bân, cũng đã đến nghiên cứu phương hướng, chỗ nắng, chỗ râm, cùng là nơi có mạch nước chẩy, thế là đào giếng, rồi mới lập ấp. Vì vậy, sau này dẫu hình dạng làng mạc có đổi thay, kiến trúc nhà cửa có biến đổi, thời cái giếng vẫn y nguyên cùng tuế nguyệt **(Tỉnh. Cải ấp bất cải Tỉnh).** Đã có giếng tốt, thời dầu nhiều người ăn nước, giếng cũng không hao kiệt, mà thảng hoặc giếng không có ai dùng, thời giếng cũng không tràn đầy **(Vô táng vô đắc)**

Giếng chỉ làm việc của giếng là cung cấp nước ăn, còn ai đến cũng không mời, ai đi cũng không giữ **(Vãng lai tỉnh tỉnh).** Nhưng muốn kín nước giếng, phải có dây đủ dài, có gầu lành lặn mới

được. Nếu chưa tới mực nước, mà dây đã hết, hoặc gầu múc nước mà vỡ chẩy, thì cũng chẳng được ích lợi gì **(Ngật chí. Diệc vị duật tỉnh. Luy kỳ bình. Hung).**

Ngật chí là chưa tới nơi. **Duật** là giây để kéo nước.

Luy kỳ bình là gầu vỡ, gầu chẩy.

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖曰: 巽乎水而上水，井;井養而不窮也。改邑不改井，乃以剛中也。汔至亦未繘井，未有功也。羸其瓶，是以凶也。

Tồn hồ thủy nhi thượng thủy. Tỉnh. Tỉnh dưỡng nhi bất cùng dã. Cải ấp bất cải tỉnh. Nãi dĩ cương trung dã. Ngật chí. Diệc vị duật tỉnh. Vị hữu công dã. Luy kỳ bình. Thị dĩ hung dã.

Dịch.

Ném gầu vào múc nước lên,

Tỉnh *là* Tồn *dưới, thủy trên rõ rành.*

Giếng là nguồn mạch dưỡng sinh,

Dưỡng nuôi mãi mãi, công trình dài lâu.

Rời làng, giếng chẳng rời đâu,

Cương cường, trung chính, trước sau vững bền.

Hụt dây, nên nước không lên,

*N*ghĩa là dang dở, không nên công trình,

Dùng gầu rạn nứt, chẳng lành.

Không lành, không lặn, đã đành là hung.

Thoán Truyện giải thích **Tỉnh l**à ném gầu vào nước để múc nước lên. Thoán viết: **Tồn hồ thủy nhi thượng thủy. Tỉnh.** Thoán Truyện cũng cho biết đặc tính của giếng là cung cấp nước nuôi dân mãi mãi chẳng cùng **(Tỉnh dưỡng nhi bất cùng dã).** Kế đó Thoán Truyện giải thích Thoán từ: **Cải ấp bất cải tỉnh. Nãi dĩ cương trung dã** là thay đổi ấp, mà không thay đổi giếng, vì giếng là cái gì thiên nhiên, còn làng mạc là cái gì nhân tạo. **Cương trung** tức là cái gì lý tưởng, thiên nhiên. Muốn kín nước, phải giòng dây xuống cho tới mực nước, chưa tới nước thì chưa đi tới đâu **(Ngật chí. Diệc vị duật tỉnh. Vị hữu công dã).** Muốn kín nước, mà gầu lại thủng, lại vỡ, thì thật là hỏng chuyện **(Luy kỳ bình. thị dĩ hung dã).**

- Giếng tượng trưng cho cái gì hằng cửu, còn các tổ chức xã hội khác như làng mạc, thôn xóm, tượng trưng cho cái gì biến thiên. Nơi xã hội, giếng cũng tượng trưng cho nhân luân. Dẫu hình thức chính trị đổi thay, dẫu triều đại luân chuyển, nhưng nhân luân sau trước vẫn y nguyên.

-Giếng cũng tượng trưng cho nguồn sống, cho thiên tính nơi con người. Đó là tầng lớp sâu xa nhất trong con người. Nếu một tổ chức xã hội nào, một nền văn minh, giáo dục nào mà sao lãng nguồn sống ấy, thiên tính ấy, thì chỉ là cơ cấu nhân tạo tạm bợ, không có ích lợi gì lâu dài; y như đi múc nước giếng, mà dây không đủ dài, gầu không đủ kín, thời sao múc được nước ăn.

Nói cách khác, trong cuộc tu thân của chúng ta, điều cốt yếu là phải đạt tới nguồn mạch siêu nhiên, sống động trong con người. Nếu trạng thái siêu nhiên ấy chưa đạt được, thời con người chỉ sống trong tình trạng giả tạo, y thức như người muốn uống nước giếng trong mát, mà dây không đủ dài, gầu không đủ kín, nên đành phải chịu khát.

Tào Thăng giải Tỉnh là cái gì bất biến tượng trưng cho Đạo. Tỉnh cũng tượng trưng cho đời sống chính trị, cũng y như giếng cần phải có nước luôn luôn, để cung cấp nhu cầu cho nhân loại.

Vương đạo hay một nền hành chánh hoàn hảo, cũng là nguồn mạch sống động của đời sống quốc gia. Không gian, thời gian có thể đổi thay, nhưng một nền cai trị hoàn hảo bao giờ cũng là lý tưởng của nhân loại.

Tóm lại, Thoán của quẻ Tỉnh dạy ta hai bài học chính yếu:

1- Phải cố gắng đạt tới nguồn mạch sống động, siêu nhiên nơi con người, phải đạt tới Trời, tới Đạo, nơi tầng sâu con người, để thoả mãn nguyện vọng sâu xa, huyền bí nơi con người.

2- Phải có 1 nền hành chánh hoàn hảo, để thoả mãn nhu cầu muôn dân.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 木 上 有 水 . 井 . 君 子 以 勞 民 勸 相 .

Tượng viết:

Mộc thượng hữu thủy. Tỉnh. Quân tử dĩ lao dân khuyến tướng.

Dịch. Tượng rằng:

Tỉnh là nước có trên cây,

Khuyên dân lao tác, dở hay đỡ đần.

Mới hay quân tử thương dân,

Nuôi dân, lại dạy tương thân, tương phù.

Giải là : Trên gỗ, trên cây có nước là giếng. Người quân tử nhân đó khuyến khích dân lao tác, và giúp đỡ lẫn nhau. Nói là nước trên gỗ, trên cây, vì xưa dùng cần cây, dùng gầu mà múc nước lên. Vua chúa xưa đã tổ chức phương pháp **Tỉnh Điền** để chúng đân đồng lao, cộng tác với nhau. Phép Tỉnh Điền được gói ghém trong chữ Tỉnh. Chữ Tỉnh gồm có 9 ô:

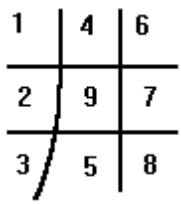

-Tám ô chung quanh là ruộng đất chia cho 8 gia đình, gọi là tư

điền. Ô thứ 9, ở giữa có cái giếng, gọi là công điền. 8 gia đình chung quanh, cùng ăn nước ở cái giếng chung ấy, lại cùng khai thác thửa ruộng công điền ấy để nộp lợi tức cho triều đình. Còn phần tư điền bên ngoài, làm được bao nhiêu thời giữ lấy mà ăn.

Thế là nhờ phép Tỉnh điền, vua chúa vừa khiến dân lao tác, vừa khuyến khích họ tương trợ lẫn nhau.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Hào từ & Tiểu Tượng Truyện, nói lên các điều kiện mà một giếng nước cần phải có.

-Nước giếng không được dơ bẩn (Hào Sơ).

-Giếng không được nứt rạn, có hang hốc chung quanh (Hào nhị).

-Giếng tốt, nhưng cần phải được người dùng (Hào 3)

-Giếng cũng có khi cần sang sửa lại (Hào 4).

-Khi giếng có nước ngon, cần phải để cho mọi người dùng (Hào 5, 6).

1. Hào Sơ Lục.

初六. 井泥不食.舊井無禽.

象曰. 井泥不食.下也.舊井無禽.時舍也.

Sơ Lục.

Tỉnh nê bất thực. Cựu tỉnh vô cầm.

Tượng Truyện.

Tỉnh nê bất thực. Hạ dã. Cựu tỉnh vô cầm. Thời xả dã.

Dịch.

Giếng bùn, chẳng thể uống ăn,

Giếng xưa quạnh quẽ, biệt tăm chim trời.

Tượng rằng:

Giếng bùn, chẳng thể uống ăn.

Nghĩa là đáy đục, chỉ thuần bùn dơ.

Giếng xưa chim chóc hững hờ,

Người đời ruồng rẫy, nên ra hoang tàn.

Giếng cần phải tinh khiết. Nước giếng mà bùn, đục, thời sẽ chẳng ai ăn **(Tỉnh nê bất thực).** Chẳng những thế chim muông cũng bỏ rơi, không thèm lai vãng nữa, **(Cựu tỉnh vô cầm).**

Tiểu Tượng giải rằng: Giếng bùn đục không ai ăn, là vì giếng cạn quá **(Tỉnh nê bất thực hạ đã).** Giếng xưa hoang phế, chim muông không còn lai vãng tới nữa, là vì giếng đã bị người đời bỏ không dùng **(Cựu tỉnh vô cầm. thời xã dã).** Cũng một lẽ, những người hạ tiện, dơ bẩn, hèn hạ trong xã hội, cũng sẽ bị đời ruồng bỏ không dùng.

2. Hào Cửu nhị.

九二. 井谷射鮒. 瓮敝漏.

象曰. 井谷射鮒. 無與也.

Cửu nhị.

Tỉnh cốc xạ phụ. Ửng tệ lậu.

Tượng viết:

Tỉnh cốc xạ phụ. Vô dữ dã.

Dịch.

Giếng mà có ngách rỉ xuôi,

Nước rò rỉ xuống, nuôi loài ốc sên.

Giếng mà gáo lại chẳng bền,

Giếng mà gáo thủng, nước lên cách nào?

Tượng rằng:

Nước mà có ngách rỉ xuôi,

Nước rò rỉ xuống, nuôi loài ốc sên.

Giếng mà chẳng có nước lên,

Tại vì chẳng được bên trên khuông phò.

Hào Cửu nhị: Một cái giếng, mà có hang, có hốc chung quanh **(Tỉnh cốc),** thời nước giếng sẽ rò rỉ ra bên ngoài **(Xạ),** bất quá là nuôi được các loài sên, loài ốc **(Phụ**), chứ còn nước đâu nữa mà cung cấp cho người. Hoặc đi kín nước, lại dùng gầu rách, gầu thủng thì làm sao mà có nước? (Ử**ng tệ lậu).**

Đó là trường hợp những người có tài, mà vì không có lý tưởng cao đại, chí hướng vững chắc, nên đã để cho tài năng mình phao phí, mai một. Chẳng những thế, lại hạ mình theo vật dục, bầu bạn với tiểu nhân, hạ cấp, thì làm sao có thể làm ích cho đời?. *Tiểu tượng bình rằng:* Giếng có hang hốc, nước rò rĩ ra ngoài để nuôi sên ốc, là có ý nói rằng: Không còn được cấp trên đoái tưởng nữa.

Tượng viết: **Tỉnh cốc xạ phụ. Vô dữ dã.** Một người thiếu tư cách, không còn được cấp trên ngó ngàng tới, thì cũng vô dụng như cái giếng, mà nước rò rỉ hết ra ngoài, hay cái gầu múc nước bể, thủng không còn kín nước được nữa.

3. Hào Cửu tam.

九三．　井渫不食．為我民惻．可用汲．王明．并受其福．

象曰．　井渫不食．行惻也．求王明．受福也．

Cửu tam.

Tỉnh tiết bất thực. Vi ngã tâm trắc. Khả dụng cấp.

Vương minh. Tỉnh thụ kỳ phúc.

Tượng viết:

Tỉnh tiết bất thực. Hành trắc dã. Cầu vương minh. Thụ phúc dã.

Dịch.

Giếng trong, mà chẳng ai ăn,

Làm ta luống những băn khoăn tấc lòng.

Băn khoăn vì nước giếng trong,

Thời nên kín nước mà dùng, mà ăn.

Nếu như có được minh quân,

Toàn dân phúc trạch, hồng ân tràn đầy.

Tượng rằng:

Giếng trong mà chẳng ai ăn,

Bộ hành luống những băn khoăn tấc lòng.

Cầu cho có đấng minh quân,

Toàn dân phúc trạch, hồng ân tràn đầy.

Hào Cửu tam: Khi đã có nước giếng tốt, nước đã lắng trong **(Tỉnh tiết),** mà vẫn bị người đời quên không dùng **(Bất thực);** thấy tình cảnh ấy, ai cũng phải bùi ngùi tấc dạ **(Dĩ ngã tâm trắc).** Đây là một thứ nước giếng có thể cung cấp nước ngon **(Khả dụng cấp).** Nếu gặp được minh quân dùng, thời cả đôi bên đều được

phúc khánh **(Vương minh tịnh thụ kỳ phúc).**

Tượng Truyện bàn thêm rằng: Nước giếng trong mát mà không được ăn, nên người bộ hành thấy bùi ngùi tấc dạ, ước mong gặp được đấng minh quân, có gặp thì cả hai đàng đều được phúc khánh.

Tượng viết: **Tỉnh tiết bất thực. Hành trắc dã. Cầu vương minh thụ phúc dã.** (Tiết là trong; hành là người đi đường) Dương Mưu Trai bình rằng: Nước ngon có thể ăn là phần của giếng, không ăn nước giếng là quyền của người. Không được ăn, giếng không than thở, nhưng người đi đường phải than thở. Đây không phải than thở cho giếng, mà than thở cho người quân tử có tài, có đức màkhông được trọng dụng. Giếng một khi được dùng , thời cả thôn ấp được phúc. Có giếng ngon mà không được dùng, thời cũng như không có giếng. Có hiền nhân mà không có minh vương, thời cũng như không có hiền nhân. Đức Khổng nói: Không có minh vương ra đời, thời thiên hạ ai là người biết trọng dụng ta (Lễ ký) (**Minh vương bất hưng. Thiên hạ thục năng tông dư).**

Hào Cửu tam tuy nói về giếng, mà thực ra nói về người quân tử. Nếu không có bậc minh quân như vua Nghiêu, thời vua Thuấn âu chỉ là một ngư phủ nơi điền trạch. Nếu không có một minh vương như Cao Tông, thời Phó Duyệt chỉ là một dung phu nơi núi rừng...

4. Hào Lục tứ.

六 四 . 井無 咎 .

象 曰 . 井無 咎 . 修 井 也 .

Lục tứ.

Tỉnh trứu vô cữu.

*Tượng viết***:**

Tỉnh trứu vô cữu. **Tu tỉnh dã**.

Dịch.

Giếng xây, sửa lại lỗi chi

Tượng rằng:

Giếng xây, sửa lại lỗi chi.

Sử*a sang cho giếng có bề khang trang.*

Hào Lục tứ: (Trứu là lát gạch, sang sửa lại phía bên trong giếng). Giếng đôi khi cần ngưng cung cấp nước, để sửa chữa lại phía bên trong cho hẳn hoi. Như vậy có gì là đáng trách đâu.

Tượng Truyện giải: **Tỉnh trứu** là chữa giếng.

Tượng viết**: Tỉnh trứu vô cữu**. **Tu tỉnh dã**. Các công bộc quốc gia, nhiều khi cũng phải có thời gian để tu bổ lại:

-Tu bổ lại nghề nghiệp

-Chấn chỉnh lại lề lối làm việc.

-Tu sửa lại đức hạnh.

Như vậy, tuy mất ít ngày không làm ích cho đời, như giếng đang sửa phải ngưng cung cấp nước, nhưng sau đó sẽ trở nên mới, nên hay, và sẽ giúp ích nhiều hơn.

Sửa giếng cho giếng trở nên tốt, tức là **Nhật tân kỳ đức.** Xây giếng cho hết mọi lỗ hổng tức là Nhàn tà, Tồn thành, là ngăn chặn mọi điều tà ác, để giữ gìn lấy cái tinh thành. Hào 4 này dạy ta những bài học tu thân chí lý vậy.

5. Hào Cửu ngũ.

九 五 .　　井 冽 . 寒 泉 食.

象 曰 .　　寒 泉 之 食 . 中 正 也 .

Cửu ngũ.

Tỉnh liệt. Hàn tuyền thực.

Tượng viết:

Hàn tuyền chi thực. Trung chính dã.

Dịch.

Giếng mà trong vắt, trong veo,

Nước tuôn mát lạnh cho nhiều người ăn.

Tượng rằng:

Nước tuôn mát lạnh, người ăn,

Là đem trung chính trị dân, trị đời.

Hào Cửu ngũ đây vì Dương cương trung chính, lại ở ngôi trên, nên tài đức đều tận thiện, tận mỹ. Đối với giếng, thì đó là một giếng nước trong **(Tỉnh liệt),** do 1 mạch nước mát mẻ cung cấp **(Hàn tuyền),** như vậy có thể dùng để ăn được **(Thực).** Tượng Truyện bình rằng: Nước giếng trong mát, có thể ăn được, là chí thiện, là hoàn hảo vậy.

Một giếng nước chỉ trở nên hữu ích, khi nào được uống, được ăn. Một nhà lãnh đạo hoàn hảo, chỉ trở nên hữu ích thực sự, khi làm cho dân được theo phương châm mình, tôn chỉ mình mà hành động. Như vậy, ích lợi mới trở nên vô tận **(Hàn tuyền chi thực. Trung chính dã).**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 井收勿幕. 有孚無吉.

象曰. 元吉在上. 大成也.

Thượng Lục.

Tỉnh thu vật mạc. Hữu phu nguyên cát.

Tượng viết:

Nguyên cát tại thượng. Đại thành dã.

Dịch.

Giếng ngon, người múc tha hồ,

Chẳng nên đậy điệm, để cho người dùng.

Nước tuôn mãi mãi chẳng cùng,

Thế là mỹ mãn, thành công tốt lành.

Hào Thượng Lục: Giếng nước ngon, đã được mọi người đến múc **(Tỉnh thu)** thời hãy để mặc tình cho đời dùng, chẳng nên đậy nó làm chi **(Vật mạc).** Nếu cứ được như vậy mãi, **(Hữu phu),** sẽ được muôn phần tốt đẹp **(Nguyên cát).**

Các quẻ khác, thì khi nói đến Hào 6, là nói đến biến, đến cực, đến bất dụng. Riêng quẻ **Tỉnh,** quẻ **Đỉnh** thời cung cấp vật thực, nên cái hay nhất là nước được đem ra dùng, đồ ăn được đem ra ăn. Vì thế Tượng Truyện mới bình rằng: Quẻ Tỉnh này, Hào trên hết mới thật là hay (**Nguyên cát tại thượng),** vì lúc này nói là lúc thành công mỹ mãn.**(Đại thành dã).** Xét về phương diện nhân sự, thì người quân tử ở cao ngôi, làm ích cho đời càng nhiều, càng hay, càng lâu, càng tốt, như vậy mới là thành công mỹ mãn, như vậy mới là đại thành.

ÁP DỤNG QUẺ TỈNH VÀO THỜI ĐẠI

Ta phải biết khai thác những khả năng còn tiềm ẩn trong ta, từ lúc còn ở học đường, nếu có thể, để giáo sư chú ý đến ta, mà tiến dẫn ta mai sau.

Khi làm việc trong một hãng xưởng nào, nếu ta thấy ta có tài gì đặc biệt, mà chưa được cấp trên biết tới, thì ta phải tìm cách thi thố tài năng đó, bằng cách nhờ người đề bạt, hay tự mình đề bạt lên cấp trên. Không nên ù lì, nhút nhát, chịu yên phận một chỗ, để mai một tài năng mình. Một khi đã lên cao rồi, thì phải hết sức mang tài ra, mà làm những công việc ích nước, lợi dân. Phải luôn luôn học hỏi nghiên cứu, để tiến thêm, chớ đừng tự mãn, cho thế

là đủ, rồi đâm ra lười biếng, quay ra hưởng lạc, thì uổng phí tài năng. Và như vậy, thì cũng như giếng tốt mà không có người dùng.

49. 澤 火 革 TRẠCH HỎA CÁCH

革序卦曰 Cách tự Quái
井道不可不革 Tỉnh đạo bất khả bất cách
故受之以革 Cố thụ chi dĩ Cách.

Cách Tự Quái

Giếng thời chẳng thể gót đầu chẳng thay.

Cho nên Cách tiếp theo ngay.

Giếng đã để lâu ngày, bùn đất sẽ ứ đọng, nên cần phải vét, phải khơi cho sạch. Chính quyền lâu ngày cũng có lắm điều hủ hoại, cần đổi thay. Vì thế sau quẻ Tỉnh là quẻ Cách.

Cách là cách mạng, là đổi thay những gì cũ kỹ, hủ bại. Chữ Cách theo nguyên nghĩa là da, là thay da, lột xác. Loài vật còn có lúc thay da, lột xác, thì chính quyền, thì xã hội loài người cũng có lúc phải thay da, lột xác, phải đổi mới hoàn toàn. Đổi mới để cho hết ù lì, để trở nên sống động, đổi mới để tiến tới một đời sống hoàn hảo hơn.

Quẻ Cách, trên là Đoài, là hồ, là nước; dưới là Ly là lửa. Nước đổ xuống, lửa bốc lên, thời sự xung đột, khủng hoảng đã đến tột độ, thế là đôi bên đã ở vào thế một mất, một còn. Đã khủng hoảng tột độ, ắt phải có sự đổi thay.

Quẻ Cách, trên là Đoài, là thiếu nữ, dưới là Ly là trung nữ. Hai chị em gái ở chung nhau một nhà, đã lắm chuyện xích mích rồi, nay em nhỏ chơi chèo lấn át chị, thời làm sao tránh khỏi sự xung đột. Vì thế nên sẽ có cuộc cách mạng.

I. Thoán.

Thoán từ.

革 . 己 日 乃 孚 . 元 亨 利 貞 . 悔 亡 .

Cách. Dĩ nhật nãi phu. Nguyên hanh lợi trinh. Hối vong.

Dịch.

Cách là đổi lốt, đổi đời,

Đổi thay xong xả, rồi đời mới tin.

Đổi thay tốt đẹp mới nên,

Hợp thời, hợp lý, chu tuyền hanh thông.

Hợp tình, hợp lý nên công,

Mới không hối hận, mới không phàn nàn.

Thoán từ: Cách là đả phá những gì lạc hậu, lỗi thời, hủ hoá, để thay đổi những gì thích hợp hơn, hữu ích hơn. Tuy nhiên, làm cách mạng bất kỳ ở trong lãnh vực nào, cũng không được dân tin ngay, vì con người thường ù lì, không muốn thay đổi lề lối sống đã quen, lại không muốn phiêu lưu. Cho nên, cuộc cách mạng nào cũng đòi hỏi một thời gian, mới được dân chúng tin **(Cách dĩ nhật nãi phu). Dĩ nhật** là trải nhiều ngày; **nãi phu** là mới được tin cậy. Cuộc Cách mạng nào cũng đưa đến binh cách, đến đổ máu không ít, thì nhiều. Lịch sử đã chứng minh điều đó. Ví dụ: Cuộc Cách mạng Pháp năm 1879 lật đổ chế độ quân chủ, thiết lập chế độ dân chủ. Cuộc Cách mạng Nga năm 1917, lật đổ Nga Hoàng, thiết lập chế độ Cộng sản. Ở nước ta, thì những cuộc Cách mạng 1945 (Việt Minh cướp chính quyền), 1955 Ngô Đình Diệm lật đổ Bảo Đại, 1963 Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm.v.v... Cho nên làm cách mạng, muốn cho khỏi hối hận, phàn nàn về sau, thời phải thực hiện được những tôn chỉ sau:

Cách mạng phải đưa đến một chế độ đẹp đẽ hơn (**Nguyên).** Cách mạng phải làm cho đời sống dân chúng sung sướng hơn **(Hanh).** Cách mạng phải mang lại lợi ích thực sự **(Lợi).** Cách

mạng phải có chính nghĩa **(Trinh).**

Vì thế Thoán từ nói: **Nguyên hanh lợi trinh. Hối vong.**

Thoán Truyện.

Thoán viết:

彖 曰 . 革 . 水 火 相 息 . 二 女 同 居 . 其 志 不 相 得 . 曰 革 . 己 日 乃 孚 . 革 而 信 之 . 文 明 以 說 . 大 亨 以 正 . 革 而 當 . 其 悔 乃 亡 . 天 地 革 而 四 時 成 . 湯 武 革 命 . 順 乎 天 而 應 乎 人 . 革 之 時 大 矣 哉 .

Cách. Thủy hoả tương tức. Nhị nữ đồng cư. Kỳ chí bất tương đắc. Viết cách. Dĩ nhật nãi phu. Cách nhi tín chi. Văn minh dĩ duyệt. Đại hanh dĩ chính. Cách nhi đáng. Kỳ hối nãi vong. Thiên địa cách nhi tứ thời thành. Thang Võ cách mạng. Thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân. Cách chi thời đại hỹ tai.

Dịch.

Cách là nước lửa đương đầu,

Là hai cô gái chung nhau một nhà.

Đôi bên chí hướng khác xa,

Nên là chống đối, nên là đổi thay.

Đổi thay ròng rã nhiều ngày,

Rồi ra mới được đó đây tin lòng.

Trong thời sáng láng, tinh thông,

Ngoài thời vui vẻ, bao dong mọi người.

Y theo trung chính, đạo trời,

Thế nên mọi sự xong xuôi thành toàn,

Cách mà chính đáng, mới ngoan,

Cách mà chính đáng, phàn nàn nỗi chi.

Đất trời thay đổi suy di,

Bốn mùa nhờ thế đúng kỳ luân lưu.

Vua Thang, vua Vũ thay triều,

Thuận trời, vả cũng ứng theo lòng người,

Đổi thay, mà lại hợp thời,

Thật là vĩ đại, trên đời chi hơn.

Thoán Truyện: Cách sở dĩ sinh ra là vì có một sự xung khắc, mâu thuẫn, một cuộc khủng hoảng giữa hai phe đối lập, mâu thuẫn nhau như nước với lửa, như hai chị em gái ở chung một nhà, và bất đồng chí hướng với nhau **(Cách. Thủy hỏa tương tức. Nhị nữ đồng cư. Kỳ chí bất tương đắc).**

Tiếp theo *Thoán Truyện* giải những câu của Thoán từ. Thoán từ nói: **Dĩ nhật nãi phu,** nghĩa là làm sao? Thưa đó là làm cách mạng, rồi sẽ được người ta tin theo.

Dĩ nhật nãi phu. Cách nhi tín chi. Tại làm sao làm cách mạng mà không phải phàn nàn? Thưa vì người làm cách mạng, có một khối óc sáng suốt, nhìn xa, trông rộng, thấu hiểu được sự thể, quán triệt được tình hình, khéo lấy lòng người, lại hoạch định được một chương trình có thể khai thông được mọi bế tắc, hứa hẹn một ngày mai tươi sáng. Tóm lại, làm cách mạng một cách xứng đáng, sẽ không phải phàn nàn hối hận về sau **(Văn minh dĩ duyệt. Đại hạnh dĩ chính. Cách nhi đáng. Kỳ hối nãi vong).**

Vả lại sự canh cải trong trời đất, cũng như cuộc cách mạng trong lịch sử không thể không có. Trời đất nhờ canh cải, nên có bốn mùa. Vua Thành Thang, vua Vũ đã làm được những cuộc cách mạng, trên thuận lẽ trời, dưới hợp ý dân. Canh cải mà hợp thời, cách mạng mà đúng lúc, thực là cao cả vậy **(Thiên địa cách nhi tứ thời thành. Thang Vũ cách mạng. Thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân. Cách chi thời đại hỹ tai).**

Ta có thể trích một đoạn trong sách Mạnh Tử, mà giải Thoán từ, Thoán Truyện quẻ Cách như sau: Trong Kinh Thư có chép rằng: Vua Thành Thang (chết năm 1753 trước Dương Lịch), khi khởi cuộc chinh phục, trước hết đánh lấy nước Cát. Thiên hạ đều tin tưởng ngài. Ngài đương chinh phục miền Đông, thì những đoàn rợ Di miền Tây phiền trách, tới chừng ngài chinh phục miền Nam, thì những đoàn rợ Địch miền Bắc phiền trách. Họ trách rằng: Sao ngài chẳng sớm đến nước ta?Dân chúng khắp thiên hạ mong chờ ngài đến, như lúc trời hạn hán, người ta trông thấy mây và mống trời. Đến chừng ngài kéo binh vào xứ họ, họ vẫn tự nhiên chẳng sợ sệt gì cả. Người đi chợ vẫn đi, người đương cầy vẫn cầy. Ngài giết những vì vua hung bạo mà giải cứu cho nhân dân. Bá tánh đều mừng rỡ, dường như được mưa tuôn phải lúc. Kinh Thư chép: Chúng ta trông vua, ngài đến, chúng ta như sống lại. (Kinh Thư, Trọng Hủy chi cáo, tiết 6).

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 澤 中 有 火 . 革 . 君 子 以 治 歷 明 時 .

Tượng viết:

Trạch trung hữu hỏa. Cách. Quân tử dĩ trị lịch minh thời.

Dịch. Tượng rằng:

Cách là lửa ở trong hồ,

Hiền nhân làm lịch để cho biết thời.

Trong hồ có lửa là **Cách**, quân tử nhân đó làm lịch để biết rõ thời tiết. Lửa ở dưới, hồ ở trên, kình địch lẫn nhau, nên sinh biến hóa. Trong một năm, khí Âm, khí Dương kình địch lẫn nhau, nên sinh biến hóa. Con người có thể hiểu được sự biến hóa của trời đất ấy, vì thấy nó có tiết tấu, thứ tự, nên đã làm ra được lịch. Làm được lịch, tức là trông rõ được sự biến hoá của trời đất, tiên đoán được nó, để chuẩn bị trước được, mà sống theo đúng nhu cầu của mỗi thời tiết.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初九. 鞏用黃牛之革.

象曰. 鞏用黃牛.不可以有為也.

Sơ Cửu.

Củng dụng hoàng ngưu chi cách.

Tượng viết:

Củng dụng hoàng ngưu. Bất khả dĩ hữu vi dã.

Dịch.

Bò vàng mà lột lấy da,

Mà thắt, mà bó chắc là mấy mươi.

Tượng rằng:

Bò vàng da lấy thắt bao,

Nghĩa là đừng vội tầm phào ra tay.

Hào Sơ Cửu: Muốn làm cách mạng, không phải ai cũng làm được. Phải có tài, có vị, có thời, có thế, mới làm cách mạng được. Sơ Cửu đây tuy là người có tài, nhưng chưa có địa vị, lại ở buổi sơ khai của thời Cách, nên thời cơ chưa được thuận tiện, trên lại không có người giúp đỡ, như vậy dĩ nhiên Sơ không nên vọng động. Lúc ấy chỉ nên kiềm chế mình bằng đường lối trung thuận. Trung thuận tức là cư xử cho hợp lý, cho mềm dẻo.

Củng là ràng buộc. Hoàng là vàng, là Trung; Ngưu là trâu là Thuận. *Tượng Truyện bình rằng*: Lúc này là lúc chưa nên hành động, dở dói gì hết **(Củng dụng hoàng ngưu. Bất khả dĩ hữu vi dã).**

2. Hào Lục nhị.

六二. 己日乃革之.征吉.無咎.

象曰. 己日革之.行有嘉也.

Lục nhị.

Dĩ nhật nãi cách chi. Chinh cát. Vô cữu.

Tượng viết:

Dĩ nhật cách chi. Hành hữu gia dã.

Dịch.

Sửa sang, chuẩn bị nhiều ngày,

Bây giờ là lúc ra tay đổi đời.

Tiến hành sẽ tốt, sẽ xuôi,

Hết còn lo chuyện đơn sai, lỗi lầm.

*T*ượng rằng:

Sửa sang, chuẩn bị nhiều ngày,

Rồi ra mới dám ra tay đổi đời.

Tiến hành chuyện sẽ êm xuôi,

Thế thời là tốt, thế thời đáng khen.

Hào Lục nhị ám chỉ một người hội đủ điều kiện để làm cách mạng.

1. Có địa vị (Lục nhị là Hào của đại thần).

2. Nhu thuận, trung chính (Hào Lục nhị).

3. Sáng suốt, thông minh (Hào giữa quẻ Ly).

4. Trên có minh quân ủng hộ (Hào Cửu ngũ).

Tuy nhiên, muốn làm cách mạng, phải sửa soạn nhiều tháng, nhiều ngày, rồi mới có thể ra tay hành động **(Dĩ nhật nãi cách chi).**

Khi đã hội đủ các điều kiện rồi, mà hành động, thời chắc chắn kết quả sẽ đẹp đẽ, tốt lành. **(Chinh cát. Vô cữu).**

Tượng Truyện bình rằng: Chuẩn bị chày tháng, chày ngày, đợi đúng thời cơ mới ra tay cách mạng, thì chắc sẽ được như nguyện, chắc là đáng được khen lao vậy **(Dĩ nhật cách chi. Hành hữu gia dã).**

3. Hào Cửu tam.

九 三 .　征 凶 . 貞 厲 . 革 言 三 就 . 有 孚 .

象 曰 .　革 言 三 就 . 又 何 之 矣 .

Cửu tam.

Chinh hung. Trinh lệ. Cách ngôn tam tựu. Hữu phu.

Tượng viết:

Cách ngôn tam tựu. Hựu hà chi hỹ.

Dịch.

Tiến lên sẽ chẳng có hay,

Phải theo chính đạo, phải dày đắn đo.

Bao nhiêu kế hoạch, mưu cơ,

Phải cân, phải nhắc, ít là ba phen.

Mưu cơ, kế hoạch chu tuyền,

Thế thời chắc chắn sẽ nên công trình.

Tượng rằng:

Ba phen kế hoạch đắn đo,

Thời thôi thêm thắt vòng vo làm gì ?

H**ào Cửu tam** là một người cương trực, nên muốn tiến hành gấp công chuyện cách mạng. Tuy nhiên Dịch cho rằng: Làm gấp, làm vội, sẽ gặp tai ương **(Cửu tam. Chinh hung).** Muốn làm cách mạng, phải luôn theo chính nghĩa, phải biết lo lắng đề phòng. **(Trinh lệ).** Phàm là cơ mưu của mình, cũng như dư luận quần chúng, cần được duyệt, được khảo cho tường tận, kỹ càng **(Cách ngôn tam tựu).** Tức là phải duyệt xét ba lần. Có cẩn trọng như vậy, mới chắc chắn nên công **(Hữu phu).** Nhưng cẩn trọng, không phải là do dự. Một khi kế hoạch đã được thảo luận kỹ càng rồi, phải được đem ra thi hành, chứ đừng nên do dự, tìm đường lối khác mà chi. Vì thế Tượng Truyện mới nói:**Cách ngôn tam tựu. Hựu hà chi hỹ.** Hựu hà chi hỹ là: còn đi đâu nữa, còn thêm gì nữa.

4. Hào Cửu tứ.

九 四 .　悔 亡 . 有 孚 . 改 命 . 吉 .

象 曰 .　改 命 之 吉 . 信 志 也 .

Cửu tứ.

Hối vong. Hữu phu. Cải mệnh. Cát.

Tượng viết:

Cải mệnh chi cát. Tín chí dã.

Dịch.

Hết điều hối hận, phàn nàn,

Mọi người tin tưởng hoàn toàn từ nay.

Cho nên cứ việc đổi thay,

Công trình Cách mệnh hẳn hay, hẳn lành.

Tượng rằng: *Cách mệnh là hay,*

Là vì trên dưới, đó đây tin lòng.

Hào Cửu tứ ám chỉ một người:

1. Có tài làm cách mạng (Hào Dương).

2. Gặp thời cơ thuận tiện (vượt Hạ quái, lên Thượng quái)

3. Có thế (Ở giữa Thủy và Hỏa, Đoài và Ly).

4. Được tín nhiệm (Kề Hào Cửu ngũ là Quân vương).

5. Có chí lớn, không bị ràng buộc (Hào Cửu tứ không ứng với Sơ).

6. Mình lại thành khẩn, được mọi người tin cậy. (**Hữu phu).** Như vậy mà ra tay làm cách mạng, chắc là được mọi sự may mắn, tốt lành **(Cải mệnh. Cát).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 大人虎變.未占有孚.

象曰. 大人虎變.其文炳也.

Cửu ngũ.

Đại nhân hổ biến. Vị chiếm hữu phu.

Tượng viết:

Đại nhân hổ biến. Kỳ văn bính dã.

Dịch.

Đại nhân như hổ thay lông,

Không cần bói toán, muôn lòng đều tin.

Tượng rằng:

Đại nhân như hổ thay lông,

Là vì sự nghiệp thành công rỡ ràng.

Hào Cửu ngũ: Đại nhân như hổ thay lông, thực thi được những công trình cải cách vĩ đại nhãn tiền **(Đại nhân hổ biến).** Vì thế, ảnh hưởng của vị quân vương, sau khi đã hoàn thành được công cuộc cách mạng, thật là lớn lao.

Để bình giải Hào này, Nho gia thường trích dẫn lời sách của Mạnh Tử: Người quân tử đi đến đâu, thì ở đó được cải hoá. Người ở đâu, thì ảnh hưởng như thần. Ảnh hưởng người phổ cập khắp nơi, từ trên chí dưới, lưu thông dung hiệp với trời đất... Như vậy sao có thể nói được rằng: Người chỉ làm lợi ích nhỏ cho xã hội? (Mạnh Tử, Tận Tâm thượng tiết 13). Đại nhân mà cách mạng bản thân thiệt tình, mà gây được một ảnh hưởng mạnh mẽ đối với dân, thì chẳng cần bói toán, cũng biết rằng người ta vẫn tin mình **(Vị chiếm hữu phu).** Tượng Truyện cho rằng*:* Công trình và ảnh hưởng của bậc quân vương như hổ thay lông, rỡ ràng, hiển hiện. **(Đại nhân hổ biến. Kỳ văn bính dã).**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 君子豹變. 小人革面. 征凶. 居貞吉.

象曰. 君子豹變. 其文蔚也. 小人革面. 順以從君也.

Thượng Lục.

Quân tử báo biến. Tiểu nhân cách diện. Chinh hung. Cư chinh cát.

Tượng viết:

Quân tử báo biến. Kỳ văn úy dã. Tiểu nhân cách diện.

Thuận dĩ tòng quân dã.

Dịch.

Quân tử như báo thay da,

Tiểu nhân sắc diện, nay đà khác xưa.

Đừng nên dở dói quá đa,

Miễn sao minh chính, thế là đã hay.

Tượng rằng:

Quân tử như báo thay da,

Phong quang văn vẻ, mặn mà dễ ưa.

Tiểu nhân sắc diện khác xưa,

Thuận tình vâng lệnh nhà vua từ rầy.

Hào Thượng Lục: Khi cuộc Cách mạng đã thành rồi, thì người quân tử cũng thành khẩn mà thay đổi lề lối sống, như báo thay lông. Còn tiểu nhân thì chỉ thay đổi phía bên ngoài **(Quân tử báo biến. Tiểu nhân cách diện).** Lúc ấy làm gì thêm nữa cũng chẳng hay, cứ giữ được đường lối cách mạng đã hoạch định là tốt **(Chinh hung. Cư trinh cát).** Tào Tham được cử làm Thừa tướng thay Tiêu Hà, thời cứ tuân theo pháp độ của Tiêu Hà mà trị, không nhiều chuyện bày vẽ thêm. Vua Huệ Đế hỏi: Khanh làm thừa tướng, là chỗ đại nhiệm trong thiên hạ, sao cả ngày ngồi không, lẳng lặng chẳng thấy trị việc chi hết vậy? Tào Tham tâu rằng: Bệ hạ xét mình thánh minh thần võ, sánh với Cao Đế ai hơn? Vua nói: Trẫm đâu dám sánh với tiên đế. Tào Tham lại hỏi: Bệ hạ xem tài năng tôi và Tiêu Hà ai hơn? Vua nói: Tài khanh có khi chẳng bằng Tiêu Hà. Tào Tham nói: Bệ hạ thánh minh đã chẳng bằng Cao đế, còn tôi cũng chẳng bằng Tiêu Hà. Cao Đế đã định pháp, thì Bệ hạ phải tuân giữ, còn Tiêu Hà đã lập thiện chánh, thì tôi phải vâng theo mà làm. Chúa tôi đồng lòng noi theo mà trị, thì bốn biển thanh bình, muôn dân an nghiệp, thiên hạ thái bình, có phải là bệ hạ đặng ngồi an, chẳng tốt hơn sao, lựa phải canh cải cho sanh ra nhiều việc làm chi ! Vua khen phải (Tây Hán diễn nghĩa, 615). Thế đúng là **Chinh hung. Cư trinh cát** vậy.

Tượng viết: **Quân tử báo biến. Kỳ văn úy dã. Tiểu nhân cách diện. Thuận dĩ tòng quân dã.**Người quân tử, lúc này đã biến đổi lề lối cũ, sống theo đường lối mới như báo thay da, chững chàng

rực rỡ **(Quân tử báo biến. Kỳ văn uý dã).** Còn tiểu nhân thì mới có sự thay đổi ngoài mặt, để thuận theo nhà vua. Như vậy cũng không nên đòi hỏi hơn nữa **(Tiểu nhân cách diện. Thuận dĩ tòng quân dã).**

ÁP DỤNG QUẺ CÁCH VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay, thế giới đã Cách mạng hoá, nên đã thay đổi tất cả, từ quốc gia, xã hội, văn hóa, gia đình v.v.. Sự thay đổi, dĩ nhiên là mang lại sự tốt đẹp hơn, nhưng đôi lúc đã đi quá trớn, nên đã mang lại nhiều lỗi lầm tai hại. Ví dụ: Cách mạng đã mang lại chế độ Cộng Sản, tuy đã lật đổ được nền quân chủ độc tài, phong kiến, nhưng vì những người cầm đầu đã đi quá trớn, nên khiến cho dân chúng lầm than, kinh tế kiệt quệ.v.v.

*__Ngoài xã hội__, người phụ nữ được bình đẳng, bình quyền, nên từ công sở đến học đường, người phụ nữ cũng tham gia đông đảo. Trong gia đình, người vợ có nghề hoặc có công ăn việc làm, thì người chồng cũng bớt được gánh nặng, và đời sống gia đình sẽ thoải mái, vững vàng hơn. Nhưng cũng có những trường hợp, vì có nghề và có thể tự túc được, nhiều khi còn có tài năng, hoặc làm ra nhiều tiền hơn chồng, mà người vợ đâm ra tự kiêu, coi thường chồng, hoặc không còn chịu nhịn nhục như xưa, nên gia đình trở thành địa ngục, rồi mạnh ai nấy tìm người thích hợp với mình hơn, và dễ dàng chia tay nhau, mặc dù lũ con còn nhỏ dại.

Tóm lại, ta thấy Cách mạng chưa hẳn là hay hoàn toàn, mà là phải tùy ta có biết xử dụng nó hay không? Muốn được như ý, ta phải có một nền giáo dục, một nền đạo đức vững chắc làm căn bản. Những người cầm đầu nước phải biết thương dân, lo lợi ích trường cửu cho dân. **Trong gia đình,** vợ chồng phải biết lo lắng, cộng tác với nhau, phải có trách nhiệm bảo vệ gia đình, và giáo dục con cái. Vả tự ngàn xưa, ai cũng biết: Gia đình có vững, thì dân mới giầu. Dân có giầu, thì nước mới mạnh vậy.

50. 火 風 鼎 HỎA PHONG ĐỈNH ䷱

鼎序卦 Quái
革物者莫如鼎 nhược Đỉnh.
故受之以 dĩ Đỉnh.

Đỉnh Tự Quái

Đổi thay mọi vật, Đỉnh nay nhất rồi.

Cho nên, Đỉnh mới tiếp ngôi.

Sau quẻ Cách, tiếp đến quẻ Đỉnh. Cách là thay đổi cái cũ, Đỉnh là gây dựng cái mới. Từ thời Đại Võ, Đỉnh là tượng trưng cho sự bền vững của quốc gia. Vì thế Đại Võ đã đúc chín đỉnh. Đến đời Thành Vương nhà Chu, để cửu đỉnh ở Giáp Nhạc. Bói thấy nhà Chu làm vua được 30 đời, và làm 700 năm. Đến năm 23 đời Chu Liệt Vương, Cửu đỉnh tự nhiên giao động, đó là điềm nhà Chu bất an vậy. Đến sau, quả nhiên Tần Thủy Hoàng diệt nhà Chu và đoạt cửu đỉnh.

Quẻ Đỉnh gợi hình ảnh cái Đỉnh.

- Hào Sơ là chân đỉnh

- Hào 2, 3, 4, là lòng đỉnh (để đựng đồ ăn).

- Hào 5 là tai đỉnh.

- Hào 6 là khoen đỉnh

Đỉnh dùng để đựng đồ ăn, trong những dịp tế lễ, yến ẩm, vì thế đỉnh còn gợi lên ý nghĩa dưỡng hiền. Với tất cả ý nghĩa và hình

ảnh trên, quẻ Đỉnh bàn về mấy vấn đề chính yếu sau đây:

1. Sau cuộc Cách mạng, cần phải kiến thiết quốc gia, xây dựng một đời sống mới cho dân.

2. Muốn xây dựng một đời sống mới cho dân, nhà vua cần phải anh minh, phải biết trọng dụng nhân tài.

I. Thoán.

Thoán từ.

鼎 . 元 吉 . 亨

Đỉnh. Nguyên cát. Hanh.

Dịch.

Đỉnh dùng nấu nướng, dưỡng nuôi,

Thành toàn tốt đẹp, êm xuôi mọi bề.

Sau cuộc cách mạng, nếu an định được quốc gia, kiến thiết được quốc gia, mới thực là tốt lành. **(Đỉnh. Nguyên cát).** Như vậy, đời sống quốc gia sẽ được thông suốt **(Hanh).**

Thoán Truyện.

Thoán viết:

彖 曰 . 鼎 . 象 也 . 以 木 巽 火 . 亨 飪 也 . 聖 人 亨 以 享 上 帝 . 而 大 亨 以 養 聖 賢 . 巽 而 耳 目 聰 明 . 柔 進 而 上 行 . 得 中 而 應 乎 剛 . 是 以 元 亨 .

Đỉnh. Tượng dã. Dĩ mộc tốn hỏa. Phanh nhậm dã. Thánh nhân phanh dĩ hưởng Thượng Đế. Nhi đại phanh dĩ dưỡng Thánh hiền. Tốn nhi nhĩ mục thông minh. Nhu tiến nhi thượng hành. Đắc trung nhi ứng hồ cương. Thị dĩ nguyên hanh.

Dịch. Thoán rằng:

Đỉnh dùng nấu nướng nuôi thân.

Củi đun, lửa nấu, đồ ăn chín mùi.

Thánh nhân dùng vạc tế trời,

Cỗ bàn, yến ẩm dưỡng nuôi Thánh hiền.

Khiêm cung, tai mắt sáng thêm,

Nhu từ phía dưới, tiến lên trên dần.

Xứng ngôi, lại được hiền thần,

Cho nên mới được mọi phần hanh thông.

Thoán Truyện cho rằng: Đỉnh chính là hình ảnh cái đỉnh, cái vạc **(Đỉnh tượng dã).** Quẻ Đỉnh, trên là Ly, là Hỏa; dưới là Tốn, là gỗ, là cho vào. Vì thế quẻ Đỉnh gợi lên ý nghĩa chụm củi để đốt lửa, để nấu nướng **(Dĩ mộc tốn hỏa phanh nhậm dã).** Thánh nhân dùng vạc nấu đồ ăn để:

1. Tế lễ Thượng Đế.

2. Khoản đãi Thánh hiền. **(Thánh nhân phanh dĩ hưởng Thượng Đế. Nhi đại phanh dĩ dưỡng Thánh hiền.)** Thượng Đế cần lòng, không cần của lễ, nên dùng chữ **Phanh,** Hiền Thánh cần được thù tiếp, nuôi dưỡng cho trịnh trọng, nên dùng chữ **Đại phanh.**

Muốn cho nước nhà hưng vượng, công trình kiến thiết được hanh thông, nhà vua cần phải minh mẫn, thông tuệ, từ tốn **(Tốn nhi nhĩ mục thông minh),** mềm dẻo mà tiến bước, ăn ở cho phải đạo, lại được hiền thần giúp đỡ **(Nhu tiến nhi thượng hành. Đắc trung nhi ứng hồ cương. Thị dĩ nguyên hanh).**

Xưa nay, biết bao nhiêu người có thể lật đổ một chế độ, nhưng đến lúc lên cầm vận mệnh quốc gia, thời không biết lèo lái con thuyền quốc gia ra sao, không biết phải làm gì nữa. Thế là chỉ biết **Cách cố**, mà không biết **Đỉnh tân.** Như vậy chỉ tổ làm loạn dân, loạn nước mà thôi. Cái bí quyết thành công trong chương trình kiến thiết quốc gia là nhà vua phải là vị anh quân, hơn nữa là phải biết dùng hiền tài phụ bật.

III. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 木 上 有 火 . 鼎 . 君 子 以 正 位 凝 命 .

Tượng viết:

Mộc thượng hữu hỏa. Đỉnh. Quân tử dĩ chính vị ngưng mệnh.

Dịch. Tượng rằng:

Đỉnh là gỗ có lửa trên,

Hiền nhân chính vị làm nên cuộc đời.

Vị cho cao trọng, mới thôi,

Hoàng trung chính vị, mệnh trời mới ngưng.

Các lời giải thích về Đại Tượng quẻ Đỉnh này rất khác nhau. Người thì giải Mệnh là Mệnhlệnh, người thì giải Mệnh là Mệnh Trời (Chu Hi). Ta chỉ chọn hai cách Dịch, và hai cách Bình.

A. Dịch.

1. Theo Nho: Trên gỗ có lửa là Đỉnh, quân tử phải xếp đặt vị thứ cho hẳn hoi, xác định luật lệ cho nghiêm chỉnh. (Tống Bản Thập Tam Kinh).

2. Theo Lão: Trên gỗ có lửa là Đỉnh, quân tử phải tìm ra địa vị chính đáng của mình, thực hiện cho được định mạng của mình.

B. Bình

1. Bình theo Nho: Khi cuộc Cách mạng đã xong, một cục diện mới đã sinh, thời phải lo chính vị an mệnh. **Chính vị** là phân tôn ti, cho xã hội có trên, có dưới, phân minh. **Ngưng mệnh** là xác định luật lệ cho nghiêm chỉnh, xác định đường lối cho rõ ràng, để mọi người cứ đấy mà theo (Tống Bản Thập Tam Kinh). Ví dụ như khi Nasser đã lật đổ Farouk, và lên làm Tổng Thống Ai Cập, liền vạch ra 6 mục tiêu:

1. Phản đế.

2. Đả phong.

3. Bãi bỏ các độc quyền.

4. Thành lập một quân đội mạnh mẽ.

5. Thành lập một chế độ xã hội công bằng.

6. Thành lập một thể chế dân chủ lành mạnh.

Hoặc Tôn Dật Tiên, sau khi lật đổ nhà Mãn Thanh năm 1911, đã lập nên Trung Hoa Dân Quốc với:

*Chủ **nghĩa tam dân:**

- Dân tộc. Dân sinh. Dân quyền.

* Ngũ Quyền:

- Lập pháp. Hành chánh. Tư pháp. Khảo thí. Giám sát vv...

2. Bình theo Lão. Hiền nhân, quân tử, phải biết lấy cái hữu hình là hoàn cảnh xác thân, tâm tình để dưỡng nuôi cái vô hình là tâm linh. Biến cái hữu thể thành vô thể, vượt tầm kích con người lên tới địa vị thần minh, đó mới là chính vị, là ngôi vị chính đáng của mình, mới là thực hiện được định mệnh cao sang của mình. (Lưu nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân)

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六.　鼎顛趾.利出否.得妾以其子.無咎.

象曰.　鼎顛趾.未悖也.利出否.以從貴也.

Sơ Lục.

Đỉnh điên chỉ. Lợi xuất bĩ. Đắc thiếp dĩ kỳ tử. Vô cữu.

Tượng viết:

Đỉnh điên chỉ. Vị bội dã. Lợi xuất bĩ. Dĩ tòng qui dã.

Dịch.

Đỉnh mà chân chổng lên trời,

Lợi là bụi bậm sẽ rơi ra ngoài.

Cát đẳng chút phận nhỏ nhoi,

Nếu mà sinh được mụn trai, lỗi gì.

*T*ượng rằng:

Đỉnh tuy chân chổng lên trời,

Cũng chưa đến nỗi là sai, là lầm.

Lợi là bụi bậm sạch không,

Rồi ra có thể theo dòng thanh tao.

Hào Sơ Lục: Như ta đã thấy, quẻ Đỉnh nói về trọng dụng hiền tài, để kiến thiết quốc gia.Hào Sơ này đại ý nói: Dụng nhân như dụng mộc. Người dở mà biết dùng cũng hóa hay, chẳng khác nào Đỉnh chổng chân, giúp ta vét được bụi bậm bám trong lòng đỉnh **(Đỉnh điên chỉ. Lợi xuất bĩ),** hoặc như có vợ lẽ cũng có thể sinh quí tử cho chồng **(Đắc thiếp dĩ kỳ tử).** Tóm lại, biết dùng thời dở cũng hóa hay, cho nên không gì đáng trách **(Vô cữu).**

Nên, thấy người dùng kẻ dở, vị tất đã là người quấy, cũng như thấy Đỉnh chổng chân lên trời, vị tất đã là điều nghịch lý **(Đỉnh điên chỉ. Vị bội dã).** Điều phải xét, là người được dùng có làm nên việc hay chăng, cũng như xét xem Đỉnh chổng chân, có phải là để vét bụi ra không? Cái quí là ở chỗ hợp thời, hợp cảnh.**(Lợi xuất bĩ. Dĩ tòng quí dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九二. 鼎有實.我仇有疾.不我能即.吉.

象曰. 鼎有實.愼所之也.我仇有疾.終無尤也.

Cửu nhị.

Đỉnh hữu thực. Ngã cừu hữu tật. Bất ngã năng tức. Cát.

Tượng viết:

Đỉnh hữu thực. Thận sở chi dã. Ngã cừu hữu tật. Chung vô vưu dã.

Dịch.

Vạc đầy ăm ắp thức ăn,

Ta đây có kẻ để tâm giận hờn.

Giận ta, nhưng chẳng dám nhờn,

Chẳng điều gần gũi, bờm sơm tốt rồi.

Tượng rằng: *Vạc có thức ăn,*

Đường đi nước bước, để tâm lo lường,

Với ta có kẻ chẳng thương,

Nhưng mà họ chẳng có đường trách ta.

Hào Cửu nhị: Quân tử ra giúp đời, gánh vác trách nhiệm xây dựng đất nước, cũng như cái Đỉnh có nhiều đồ ăn **(Đỉnh hữu thực).** Khi Đỉnh có chức, có quyền, thường bị tiểu nhân ghen ghét, tật đố **(Ngã cừu hữu tật). Ngã cừu** nghĩa là thù oán với ta, **Hữu tật** nghĩa là có lòng ghen ghét. Trong trường hợp này, ta phải lập nghiêm, đừng cho họ bén mảng đến gần **(Bất ngã năng tức),** được vậy sẽ tốt lành **(Cát). Tức** đây nghĩa là đến gần. Mới hay, những người có tài, có đức, y như Đỉnh đầy đồ ăn **(Đỉnh hữu thực),** có lo chi không được đời trọng dụng. Tuy nhiên, cũng phải cẩn trọng trong đường đi, nước bước của mình **(Thận sở chi dã).** Như vậy, nếu thù địch mình có ghen ghét mình **(Ngã cừu hữu tật),** cuối cùng cũng chẳng làm gì được mình **(Chung vô vưu dã).**

3. Hào Cửu tam.

九三．　鼎耳革．其行塞．雉膏不食．方雨虧悔．終吉．

象曰．　鼎耳革．失其義也．

Củu tam.

Đỉnh nhĩ cách. Kỳ hành tắc. Trĩ cao bất thực.

Phương vũ khuy hối. Chung cát.

Tượng viết:

Đỉnh nhĩ cách. Thất kỳ nghĩa dã.

Dịch.

Vạc mà đang đổi thay tai,

Thế là bế tắc, khó rời chân đi.

Quí như mỡ trĩ còn chê,

Mưa rơi, mới hết ủ ê, phàn nàn.

Cuối cùng, cũng sẽ chu toàn,

Rồi ra cũng sẽ được an, được lành.

Tượng rằng: *Vạc đổi thay tai,*

Thế là nghĩa lý, mất rồi còn đâu.

Cửu tam tượng trưng một người anh hùng hữu tài, hữu đức, mà chưa đạt thời, đạt vận, chưa được bậc quân vương biết đến, như vậy có khác nào một chiếc đỉnh đựng đầy của ngon, vật lạ như mỡ trĩ, mà vì đỉnh đang thay tai, không thể khiêng đi được, nên chẳng được ai ăn **(Đỉnh nhĩ cách. Kỳ hành tắc. Trĩ cao bất thực).** Nhưng chẳng lẽ Tử Nha cứ ngồi câu nơi sông Vị mãi, chẳng sớm chày âu cũng gặp Văn Vương, và chung cuộc sẽ tốt lành **(Phương vũ khuy hối. Chung cát).**

Tượng viết: **Đỉnh nhĩ cách. Thất kỳ nghĩa dã.** Cho nên, nếu ta có tài, thì phải tin rằng:

Thân hệ bang gia chung hữu dụng.

Thiên sinh hào kiệt mạc ưng hư

(Cao Bá Quát, Cuộc Phong trần)

4. Hào Cửu tứ.

九 四 . 鼎 折 足 . 覆 公 餗 . 其 形 渥 . 凶.

象 曰 . 覆 公 餗 . 信 如 何 也 .

Cửu tứ.

Đỉnh triết túc. Phúc công tốc. Kỳ hình ốc. Hung.

Tượng viết:

Phúc công tốc. Tín như hà dã.

Dịch.

Đỉnh mà gẫy rụi cả chân,

Lung tung, đổ hết thức ăn ông Hoàng.

Tía tai, đỏ mặt, bẽ bàng.

Rồi ra âu sẽ nhỡ nhàng, rủi ro.

Tượng rằng:

Đổ đồ ăn uống ông Hoàng,

Thế thời tin cậy được làm sao đây.

Cửu tứ tượng trưng một người không đủ tài đức, mà phải gánh một trách nhiệm quá sức mình, nên làm hỏng hết công việc đã được giao phó. Y như cái đỉnh đã bị gẫy chân **(Đỉnh triết túc),** làm

đổ hết thức ăn của vua chúa ra ngoài **(Phúc công tốc).** Như vậy đáng thẹn thay **(Kỳ hình ốc. Hung).** Tượng viết: **Phúc công tốc. Tín như hà dã.** Đã đánh đổ thức ăn của vua chúa, thì làm sao còn tin được nữa.

5. Hào Lục ngũ.

六五. 鼎黃耳.金鉉.利貞.

象曰. 鼎黃耳.中以為實也.

Lục ngũ.

Đỉnh hoàng nhĩ. Kim huyền . Lợi trinh.

Tượng viết:

Đỉnh hoàng nhĩ. Trung dĩ vi thực dã.

Dịch.

Quai vàng, khoen cũng bằng vàng,

Sao cho minh chính, vững vàng, thời hay.

Tượng rằng: *Đỉnh có quai vàng,*

Chính trung, lòng vẫn tiềm tàng, chắt chiu.

Lục ngũ tượng trưng cho quai đỉnh. Đỉnh không quai, thời không di chuyển được, thành thử có thức ăn, cũng chẳng được dùng, như ta đã thấy trong Hào Ba. Như vậy, đỉnh nhờ có quai mới trở nên linh động. **(Đỉnh hoàng nhĩ. Kim huyền. Lợi trinh).** Cũng một lẽ, đấng quân vương mà biết cầu hiền, sẽ làm cho đời sống chính trị trong nước trở nên linh động. Vua thời như quai đỉnh **(Hoàng nhĩ),** hiền thần thời như khoen đỉnh **(Kim huyền),** đôi đàng hợp tác với nhau, để mưu đại công, đại sự. Đỉnh có tai vàng **(Đỉnh hoàng nhĩ),** cũng như nước có vua tốt. Vua tốt chính vì đã biết xử theo lẽ phải **(Trung dĩ vi thực dã).**

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 . 鼎 玉 鉉 . 大 吉 . 無 不 利 .

象 曰 . 玉 鉉 在 上 . 剛 柔 節 也 .

Thượng Cửu.

Đỉnh ngọc huyền. Đại cát. Vô bất lợi.

Tượng viết:

Ngọc huyền tại thượng. Cương nhu tiết dã.

Dịch.

Đỉnh đồng, khoen ngọc quá xinh,

Bề nào cũng tốt, cũng lành, cũng hay.

Tượng rằng: *Khoen ngọc bên trên,*

Cương nhu tiết tấu, ấm êm, hiệp hòa.

Thượng Cửu: Hiền tài trong nước ví như khoen đỉnh **(Đỉnh ngọc huyền).** Đỉnh có tai, nhưng phải có khoen nữa, mới có thể di chuyển được. Nước có minh quân, nhưng phải có hiền thần phụ bật, thời mới làm nên công chuyện, thời mới hay, mới tốt **(Đại cát. Vô bất lợi).** Tượng viết: **Ngọc huyền tại thượng. Cương nhu tiết dã.** Hiền tài như là khoen ngọc bổ túc cho đỉnh trở nên hoàn mỹ. Khoen ngọc thì vừa cương, vừa nhu, trúng tiết. Hiền tài cũng quí ở chỗ biết dung hoà cả cương lẫn nhu.

ÁP DỤNG QUẺ ĐỈNH VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Đỉnh tiếp sau quẻ Cách. Người xưa nói: Cách cố, đỉnh tân. Nghĩa là thay cũ, đổi mới. Ta lấy ví dụ những việc chính quyền Cộng Sản đã làm từ năm 1946 trở đi.

Trước hết là Cách cố là Thay cũ. Họ đã thay những cái gì mà họ cho là hủ bại, thối nát. Khẩu hiệu đưa ra là **Bài phong, đả thực**

(Bài trừ phong kiến, đả đảo thực dân), mà bài trừ phong kiến là đánh phá các giai cấp Trí, Phú, Địa, Hào (Đánh trí thức, người giầu, điền chủ, cường Hào, ác bá). Còn Đỉnh Tân là xây dựng chủ nghĩa Cộng Sản. Đó là truất bỏ tư điền, tư hữu, nhân dân sẽ lao tác (lao động là vinh quang), không được sống xa xỉ, hưởng thụ, còn Đảng sẽ nắm mọi quyền hành như buôn bán, kinh doanh, nắm trọn quyền chính trị vv...

Đảng Cộng Sản được xây dựng lên từ học thuyết Mác Lê (Karl Mark và Lénine). Và Cộng Sản đã tung hoành từ 1917 cho đến 1989 mới xụp đổ. Hiện nay chỉ còn 4 nước theo Cộng Sản. Đó là Cuba, Trung Hoa, Việt nam, và Bắc Triều Tiên. Tuy nhiên ở những nước này Cộng Sản đã biến dạng, không còn cứng rắn như xưa.

Quẻ Đỉnh còn dạy người cầm quyền phải biết Dụng nhân như dụng mộc, nghĩa là phải biết dùng người. Ai ai cũng có cái hay, cái dở. Cái khéo là biết dùng họ cho đúng chỗ, đúng lúc, đúng nơi. Sinh ra đời, ta không nên cố chấp. Chế độ nào cũng có cái hay, cái dở. Cái dở là những gì hủ lậu, lỗi thời, làm cho con người khổ sở và không thể tiến lên được. Chúng ta cần phải biết gạn đục, khơi trong, giữ cái hay, bỏ cái dở, chính là vì vậy. Những người cầm quyền còn phải biết nhìn xa, trông rộng, để theo kịp đà tiến hóa của thế giới. Phải biết nhận những lỗi lầm của mình, phải biết sửa sai, chớ đừng thần thánh hóa mình và coi dân như cỏ rác, mới mong dân cộng tác với mình.Phải thương dân, lo cho dân được no ấm, và dạy dân tiến hóa về mọi mặt : Tinh thần, Vật chất, và đạo đức, như vậy mới mong sự nghiệp được vững vàng.

Nước Pháp năm 1789 đã lật chế độ Quân chủ độc tài, đã đề cao Tự Do, Bình quyền và Huynh đệ. Abraham Lincoln (1861-1864), đã hủy bỏ chế độ nô lệ tại Mỹ. Đó là những bước tiến khả quan của nhân loại. Nhờ vậy, mà nay người ta không còn đánh giá con người theo mầu da, sắc áo, mà bằng phẩm giá con người.

Càng đi sâu vào lẽ Dịch, ta càng thấy mọi sự đều biến thiên, tiến hóa để đi dần đến những gì là tốt lành, đẹp đẽ. Trong đời ta, ta đã chứng kiến máy bay, tầu hỏa, tầu thủy, điện khí, xe hơi, ta đã thấy những nhà chọc trời, những đường hầm đáy biển, tất cả đều nói lên rằng chúng ta sinh ra đời này cốt là để biến thiên, tiến hóa, để càng ngày càng đi vào chỗ hoàn mỹ, thành toàn.

51. 震 為 雷 CHẤN VI LÔI

BÁT THUẦN CHẤN

震 為 主 Chấn vi chủ
出 器 者 莫 若 長 子 Xuất khí giả mạc nhược trưởng tử.
故 受 之 以 震 Cố thụ chi dĩ Chấn.
震 者 動 也 Chấn giả động dã.

Chấn Tự Quái

Giữ gìn chủ khí, duy người trưởng nam.

Cho nên Chấn tiếp mối giường,

Chấn là chấn động, cương cường vần xoay.

Chấn có nhiều nghĩa: Chấn là sấm, oai trời, trưởng nam, Đông cung Thái tử, là chấn động, phấn động, kinh sợ. Tất cả nghĩa này, đều được dùng trong quẻ Chấn.

Quẻ Chấn tiếp theo quẻ Đỉnh do một sự liên tưởng. Đỉnh là một dụng cu khi tế tự. Chấn là trưởng nam, có thể thay mặt cha tế tự. Vì thế sau quẻ Đỉnh là quẻ Chấn.

I. Thoán.

Thoán từ.

震 . 亨 . 震 來 . 笑 言 啞 啞 . 震 驚 百 里 . 不 喪 匕 鬯 .

Chấn. Hanh. Chấn lai khích khích. Tiếu ngôn hách hách.

Chấn kinh bách lý. Bất táng chủy sưởng.

Dịch.

Chấn là chấn động lôi đình,

Làm cho vạn vật phỉ tình hanh xương.

Sấm vang sợ hãi, lo lường,

Rồi ra khúc khích, rộn ràng cười vui.

Sấm vang, trăm dặm sợ oai,

Vẫn thường bình tĩnh, chẳng rơi chén thìa.

Sấm trời cốt là để kích thích vạn vật, cho nên theo Trung Hoa, thì ngày xuân phân thường có sấm, để đánh thức côn trùng tỉnh giấc đông miên, để giáo đầu cho ngày Xuân mới tưng bừng trong hoa lá. Vì thế nói: **Chấn hanh. Đối với con người**, thì những sự kinh mang, chấn động trên đời đều có mục đích thức tỉnh con người biết đề phòng, úy cụ, biết trở lại đường ngay, nẻo chính. Biết sợ oai trời, biết hồi tâm, thuận phục những định luật của đất trời, sẽ đem lại hạnh phúc cho con người. Vì thế *Thoán nói:* **Chấn lai khích khích. Tiếu ngôn hách hách.** Đại khái rằng có biết úy cụ, đề phòng, thời sau mới được hanh thông hoan lạc. Thánh Kinh Công giáo cũng viết: **Kính sợ Trời là khởi điểm của sự khôn ngoan** (Ps. 110, 10.)

Nhưng sợ để biết đề phòng, để biết tu tỉnh, chứ không phải sợ để tiêu hồn, lạc phách. Cho nên Thoán lại dạy tiếp: **Cần phải bình tĩnh.** Những người bình tĩnh khi gặp biến cố, mới đáng mặt trị dân. Ví dụ như: Khi tiếng sấm lớn, vang động, kinh chuyển đến 100 dặm, mà mình vẫn trấn tĩnh được tinh thần, vẫn tiếp tục hành lễ, không bị kinh tâm, đến nỗi đánh rơi mất đồ tế khí **(Chấn kinh bách lý. Bất táng chủy sưởng).**

Thoán Truyện.

彖 曰 . 震 . 亨 . 震 來 虩 虩 . 恐 致 福 也 .笑 言 啞 啞 . 後 有 則

也.震驚百 里. 驚遠而懼邇也.出可以守宗廟社稷.以為祭主也.

Chấn hanh. Chấn lai khích khích. Khủng trí phúc dã. Tiếu ngôn hách hách. Hậu hữu tắc dã. Chấn kinh bách lý. Kinh viễn nhi cụ nhĩ dã. Bất táng chủy sưởng. Xuất khả dĩ thủ tông miếu xã tắc dĩ vi tế chủ dã.

Dịch. Thoán rằng:

Chấn là chấn động lôi đình,

Khai thông tắc uất, phỉ tình hanh xương.

Sấm vang, sợ hãi, lo lường,

Biết lo, phúc mới có đường sinh sôi.

Rộn ràng, khúc khích, nói cười,

Rồi ra phép tắc, cơ ngơi đàng hoàng.

Lôi đình, trăm dặm kinh mang,

Xa kinh, gần sợ, bàng hoàng đôi nơi.

Ung dung, thìa chén chẳng rơi.

Miếu tông, xã tắc âu tài đảm đang.

Đáng tài gìn giữ miếu đường,

Đáng ngôi chủ tể, chững chàng, uy nghi.

Thoán Truyện bình rằng: Trời làm sấm động ra oai, là cốt để cho con người biết khủng cụ, tu tỉnh, sau mới được hạnh phúc **(Chấn hanh khủng trí phúc dã).** Con người sau sẽ cười vui, vì hành động đúng theo qui tắc, định luật của trời đất **(Tiếu ngôn hách hách. Hậu hữu tắc dã).** Câu này thoạt xem ngỡ tầm thường, nhưng thực ra hàm chứa một ý nghĩa hết sức sâu xa, có hiệu quả vô cùng trọng đại. Thật vậy, vũ trụ này được chi phối bằng những

định luật nhất định. Có tìm ra được những định luật thiên nhiên, có theo đúng được những định luật thiên nhiên, nhiên hậu mới giải quyết được mọi căn do làm phiền sầu, khổ não con người, mới đem lại được cho con người một đời sống thực sự. Tiếp đến Thoán Truyện bình rằng: Gặp lúc kinh mang, mọi người đều hoảng hốt, riêng Đông cung Thái tử hành lễ thay vua, nếu vẫn giữ được bình tĩnh, thời đáng mặt giữ gìn tôn miếu, xã tắc **(Chấn kinh bách lý. Kinh viễn nhi cụ nhĩ dã. Bất táng chủy sưởng. Xuất khả dĩ thủ tông miếu xã tắc dĩ vi tế chủ dã).** Người lãnh đạo cần phải bình tĩnh, mới giải quyết công việc quốc gia được.

Một hôm, vua Đại Võ qua sông Giang, bị con rồng vàng đội thuyền lên, cả thuyền đều sợ. Nhà vua không thay đổi thần sắc, nói: Ta chịu mệnh Trời, một niềm tận tụy vì dân, sống chết của ta là do ý Trời, rồng này làm gì được ta. Thoát thôi, rồng cúi đầu, cúp đuôi lặn đi mất. (Wieger, Textes Historiques, tome 1, pp.38- 40)

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 洊 雷 . 震 . 君 子 以 恐 懼 修 省 .

Tượng viết:

Tấn Lôi. Chấn. Quân tử dĩ khủng cụ tu tỉnh.

Dịch. Tượng rằng:

Chấn là sấm động liên hồi,

Lo lường quân tử chau dồi tấm thân.

Người quân tử phải biết sợ oai trời, mỗi khi thấy sấm động, sét vang, phải biết sợ hãi và tu tỉnh. Tứ thư, Ngũ kinh chuyên dạy người:

1. Kính sợ trời.

2. Tu tỉnh.

Đức Khổng cũng đã làm gương sự úy cụ oai trời. Khi có sấm dậy, gió to thì mặt ngài biến sắc **(Tấn lôi. Phong liệt. Tất biến** (Hương đảng X, câu 16). Kính sợ là cốt để tu sửa tâm hồn,

tâm hồn được tu sửa sẽ trở nên quang minh chính đại.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào bàn về ý nghĩa của sự kinh cụ, và thái độ nên có, khi gặp trường hợp kinh mang. Đại khái:

1. Sự kinh cụ có mục đích chuyển hóa con người (Hào Sơ).

2. Lúc gặp kinh mang, phải biết thủ thân vi đại (Hào nhị).

3. Lúc gặp kinh mang, nên lo cải tà qui chánh (Hào tam)

4 . Lúc gặp kinh mang, phải chấn tĩnh tinh thần, chứ đừng để tiêu ma hào khí (Hào 4).

5. Gặp lúc kinh mang, phải hành xử cho phải, cho khéo (Hào 5).

6. Lâm nguy, phải biết đề phòng, phải biết cải thiện đường lối (Hào 6)

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 .　震 來 虩 虩. 後 笑 言 啞 啞 . 吉 .

象 曰 .　震 來 虩 虩. 恐 致 福 也 . 笑 言 啞 啞 . 後 有 則 也 .

Sơ Cửu.

Chấn lai khích khích. Hậu tiếu ngôn hách hách. Cát.

Tượng viết:

Chấn lai khích khích. Khủng trí phúc dã.

Tiếu ngôn hách hách. Hậu hữu tắc dã.

Dịch. Sơ Cửu.

Sấm vang, sợ hãi, lo lường,

Rồi ra khúc khích, rộn ràng cười vui.

Khúc kha, khúc khích, nói cười,

Rồi ra, mọi sự xong xuôi, tốt lành.

Tượng rằng:

Sấm vang, sợ hãi, lo lường,

Biết lo, phúc mới có đường sinh sôi.

Rộn ràng, khúc khích, nói cười.

Rồi ra, phép tắc, cơ ngơi đàng hoàng.

Hào Sơ này hoàn toàn nhắc lại lời của Thoán từ. Để nhấn mạnh lại một lần nữa ý nghiã của sự sợ hãi:

1. Có biết sợ hãi, mới biết đề phòng, mới biết ăn ở cho phải đạo

2. Ăn ở phải đạo, xử sự hợp lý sẽ được hạnh phúc.

3. Như vậy, sự sợ hãi, sự kinh mang trên đời là cái hay, chứ không phải cái dở. Con người, nếu cứ sống mãi trong hoan lạc, sẽ trở nên ù lì, ủy mị, cho nên thỉnh thoảng cũng phải cho họ kinh mang, như vậy họ mới biết lo lắng đề phòng, mới biết phấn tâm cầu tiến.

2. Hào Lục nhị.

六 二 . 震 來 厲 . 億 喪 貝 . 躋 于 九 陵 . 勿 逐 . 七 日 得 .

象 曰 . 震 來 厲 . 乘 剛 也 .

*Lục nh*ị.

Chấn lai lệ. Ức táng bối. Tê vu cửu lăng. Vật trục. Thất nhật đắc.

Tượng viết:

Chấn lai lệ. Thừa cương dã.

Dịch.

Sấm vang nguy hiểm mấy mươi,

Bao đồ tế nhuyễn, đi đời nhà ma.

Gò cao trốn chạy cho xa,

Chẳng tìm của mất, rồi ra cũng về.

Bảy ngày, của lại được y.

Tượng rằng:

Sấm vang, nguy hiểm mấy mươi.

Nguy vì đã cưỡi lên người Dương cương.

Hào Lục nhị đặt câu hỏi: Gặp lúc kinh mang, nên giữ của hay nên giữ mạng sống? Trả lời: tất nhiên sẽ phải bỏ của cải *(Ức* **táng bối),** để mà cao chạy xa bay **(Tê vu cửu lăng),** thủ thân vi đại. Người mà còn, thì của cũng sẽ còn, vì người làm ra của, chứ của chẳng làm ra người.**(Vật trục. Thất nhật đắc).**

Tượng viết: **Chấn lai lệ. Thừa cương dã.** Theo Tượng Truyện, thì sự kinh mang xẩy ra thường là vì mình vô tài, mà lại ăn trên, ngồi chốc người có tài. Theo Dịch, thì **Thừa cương** chẳng có bao giờ hay. Xin xem các quẻ, các Hào sau đây để so sánh: **Truân** Lục nhị, **Dự** Lục ngũ**, Phệ hạp**Lục nhị, **Khốn** Lục tam.

3. Hào Lục tam.

六三. 震蘇蘇. 震行無眚.

象曰. 震蘇蘇. 位不當也.

Lục tam.

Chấn tô tô. Chấn hành vô sảnh.

Tượng viết:

Chấn tô tô. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Sấm vang, ngơ ngác, ngác ngơ,

Sợ run, bỏ ác quay ra làm lành.

Làm lành, tai hại hết sinh.

Tượng rằng:

Sấm vang, ngơ ngác, ngác ngơ,

Bởi vì ngôi vị đang là dở dang.

Hào Lục tam mô tả hạng người gặp nguy cơ, thời thất thần, hốt hoa hốt hoảng **(Chấn tô tô).** Thất thần, hốt hoảng dĩ nhiên là không hay. Nhưng nếu biết nhân dịp này mà cải tà qui chính, thì chẳng có gì đáng trách **(Chấn hành vô sảnh).** *Tượng viết:* **Chấn tô tô vị bất đáng dã.** Không có tài đức xứng ngôi vị, gặp lúc kinh mang, sẽ hốt hoảng không biết lui tới ra sao.

4. Hào Cửu tứ.

九 四 . 震 遂 泥 .

象 曰 . 震 遂 泥 . 未 光 也 .

Cửu tứ.

Chấn toại nê.

Tượng viết:

Chấn toại nê. Vị quang dã.

Dịch.

Chấn không động, lại đắm chìm,

Tượng rằng:

Chấn không động, lại đắm chìm,

Chưa thông sáng đủ, cho nên sa lầy.

Hào Cửu tứ. Có những người gặp lúc kinh mang, muốn phấn động để làm chủ tình thế, nhưng vì tinh thần chưa đủ mạnh, nên không sao thoát khỏi thế kẹt, y như người chìm đắm giữa gian nguy, chưa có kế thoát thân. Tượng Truyện bình rằng: Bê bết, mắc kẹt, là vì chưa đủ sáng suốt **(Chấn toại nê. Vị quang dã).**

5. Hào Lục ngũ:

六 五 . 震 往 來 厲 . 億 無 喪 . 有 事 .

象 曰 . 震 往 來 厲 . 危 行 也 . 其 事 在 中 . 大 無 喪 也 .

Lục ngũ.

Chấn vãng lai lệ. Ức vô táng hữu sự.

Tượng viết:

Chấn vãng lai lệ. Nguy hành dã. Kỳ hung vô cữu. Úy lân giới dã.

Dịch.

Sấm vang, đi lại hiểm nghèo,

Nhưng không mất mát, vẫn điều nên công.

Tượng rằng:

Sấm vang, đi lại hiểm nghèo,

Nghĩa là đi đứng cheo leo, nguy nàn.

Chữ trung, ghi tạc tâm xoang,

Sẽ không mất mát, chu toàn trước sau.

Hào Lục ngũ. Gặp lúc kinh mang, tiến lui đều nguy hiểm, nếu biết xử sự cho hay, cho khéo, thời cũng chẳng mất mát gì, mà còn có thể nên công. Tượng viết: **Chấn vãng lai lệ. Nguy hành dã. Kỳ sự tại trung. Đại vô táng dã.** Lục ngũ tuy gặp nguy, nhưng vì đắc trung, tức là biết xử cho hay, cho phải, cho nên chẳng mất mát, thiệt hại gì.

6. Hào Thượng Lục.

上六. 震索索. 視矍矍. 征凶. 震不于其躬.

于其鄰. 無咎. 婚媾 有言.

象曰. 震索索. 未得中也. 雖凶無咎. 畏鄰 戒也.

Thượng Lục.

Chấn tác tác. Thị quắc quắc. Chinh hung. Chấn bất vu kỳ cung. Vu kỳ lân. Vô cữu. Hôn cấu hữu ngôn.

Tượng viết:

Chấn tác tác. Trung vị đắc dã. Tuy hung vô cữu. Úy lân giới dã.

Dịch.

Sấm vang từng trận ầm ầm,

Nhớn nha nhớn nhác, thất thần nhìn quanh.

Ra đi, âu sẽ chẳng lành,

Mình đâu bị sấm, sấm hành lân bang.

Phòng xa, âu sẽ chu toàn,

Mặc lời đàm tiếu, họ hàng nhỏ to.

Tượng rằng: *Sấm động* ầ*m* ầ*m,*

Sợ vì xử sự chưa nhằm, chưa hay,

Tuy rằng: Chẳng được mắn may,

Nhưng mà cũng chẳng đơn sai, lỗi lầm.

Gương người, nên lấy làm răn.

Hào Thượng Lục. Gặp lúc kinh mang đến cực độ, tinh thần có thể bị thất tán, dung mạo có thể bị phờ phạc, lúc ấy làm gì cũng dở **(Chấn tác tác. Thị quắc quắc. Chinh hung).** Hay hơn hết là phải biết liệu lý, khi họa chưa cập thân, thấy người mắc nạn, phải lấy đó làm bài học, sửa sang lề lối cho kịp thời, tránh họa hoạn cho đúng lúc, mới là biết xử, còn chuyện người ta phê bình chỉ trích, chẳng nên quan tâm **(Chấn bất vu kỳ cung. Vu kỳ lân. Vô cữu. Hôn cấu hữu ngôn).**

Tượng viết: **Chấn tác tác. Trung vị đắc dã. Tuy hung vô cữu. Úy lân giới dã.** Lúc gặp kinh mang, mà mất tinh thần, thời dĩ nhiên là chưa có một thái độ lý tưởng. Nhưng nếu biết trông gương người mà tự răn, tự nhủ, thì cũng chẳng có gì là đáng trách.

ÁP DỤNG QUẺ CHẤN VÀO THỜI ĐẠI

Phải biết kính sợ trời. Mỗi lần nghe thấy sấm sét, thì là Trời muốn thức tỉnh vạn vật nói chung, và loài người nói riêng, để họ phải tự xét mình mà sửa đổi những lỗi lầm đang mắc.

Nói gần hơn, là dạy ta phải biết kính trọng cha mẹ, và phải biết nghe lời cha mẹ. Trên đời này, chỉ có tình của cha mẹ đối với con cái là chân thật hơn cả. Vợ, chồng, anh, em, con, cháu, bè bạn, kẻ ăn người ở trong nhà, đều có thể phản ta, lừa gạt ta; **chỉ có cha mẹ ta là không bao giờ lừa gạt ta, hại ta.** Khi ta lầm lỗi, cha mẹ trách mắng ta, đó là chỉ muốn cho ta hay, và khi đó cha mẹ rất đau lòng vì những lỗi lầm của ta. Cha mẹ phải vất vả, bôn ba trong cuộc sống, phần lớn là lo cho con có một đời sống đầy đủ và vững chắc hơn. Nhưng phận làm con đã lo được gì cho cha mẹ? Chẳng những thế có nhiều người con đã chẳng kể gì những lời khuyên

răn của cha mẹ, mà còn coi những lời dạy bảo đó là lỗi thời, lạc hậu, mà chỉ nghe những lời của bè bạn xấu xúi bẩy, để rồi đưa cuộc đời mình vào chỗ không lối thoát.

Tóm lại, như khi Trời nổi sấm là có ý cảnh tỉnh ta. Vậy khi cha mẹ dạy bảo ta, là cảnh tỉnh ta, do đó có la mắng ta, thì ta đừng cãi lại, làm cho cha mẹ đau lòng. Có đôi lúc lời răn dạy đó cũng nóng nẩy, vội vã, nhưng dù sao cũng phát ra tự lòng thương con, sợ con bị nguy hại, nên phải cản ngăn con đó thôi. Vậy bổn phận làm con, mỗi khi bị cha mẹ rầy la, phải bình tâm xem lời răn dạy đó có đúng không? Bậc cha mẹ là những người từng trải hơn ta, lẽ dĩ nhiên có kinh nghiệm trong cuộc sống hơn ta, nên những lời dạy dỗ đó không nhiều thì ít cũng có lợi ích cho ta. Vì vậy, ta phải kịp thời sửa đổi những lỗi lầm của ta nếu có, để cho cha mẹ vui lòng, và để ta khỏi hối hận, phàn nàn về sau.

52. 艮 為 山 CẤN VI SƠN

BÁT THUẦN CẤN

艮序卦 Cấn Tự Quái
物不可以終動 Vật bất khả dĩ chung động.
止之 Chỉ chi.
故受之以艮 Cố thụ chi dĩ Cấn.
艮者止也 Cấn giả chỉ dã.

Cấn Tự Quái

Vật nào chuyển động mãi đây.

Động rồi cũng sẽ có ngày dừng chân.

Cho nên lấy Cấn mà ngăn.

Cấn là ngưng nghỉ, là dừng chẳng đi.

Cấn là núi, là ngưng nghỉ, là dừng lại. Sau quẻ Chấn tiếp theo quẻ Cấn, vì sự đời động mãi, cũng có lúc phải ngưng, biến dịch mãi cũng có lúc phải kết thúc.

Quẻ Cấn này nếu hiểu theo nghĩa đen, thì ngớ ngẩn hết sức, nhưng nếu chúng ta dùng cái nhìn toàn bích để nhìn vào quẻ, nếu chúng ta hiểu Huyền nghĩa của quẻ, thì quẻ Cấn trở thành một quẻ rất cao siêu.

Trước hết, nếu ta có cái nhìn toàn bích, ta sẽ nhận ra rằng: Dịch Trung Hoa có 2 vòng Dịch Tiên Thiên (Phục Hi), và Dịch Hậu thiên (Văn Vương). **Khoa chiêm tinh** học Âu Châu cũng có 2 cách nhận định về vòng Hoàng Đạo. Đem đối chiếu, ta sẽ thấy tương quan như sau:

1. Vòng Dịch Tiên Thiên gồm 8 quẻ của Phục Hi, là Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn, sau biến thành 64 quẻ, và vòng Hoàng Đạo 1 (Tiên Thiên) của Tây phương. Ở 2 bản đồ phía dưới, ta thấy chu kỳ biến dịch chia làm 2 chặng:

a. Chặng 1 từ **C**ấu đến Khôn (hay Tốn đến Khôn), hoặc từ Cự giải đến Nhân mã. Đó là giai đoạn tán của vũ trụ và thoái hóa của con người. Thiệu tử cho rằng Cấu là đầu chặng đường, để con người ra đi, thăm thú Động nguyệt (ngoại cảnh vật chất). Macrobe thì cho rằng Cự giải là cửa người(La porte des hommes).

b. Chặng 2 từ Phục đến Kiền, hay từ cung Ma Yết đến cung Song tử. Đó là giai đoạn tụ của vũ trụ, giai đoạn tiến hóa của con người (évolution).

Thiệu tử cho rằng Phục là khi con người thấy được Thiên địa chi tâm, tức là khởi đầu chặng đường qui căn, phản bản. Macrobe cho rằng Ma Yết là cửa Thần minh (La porte des Dieux)

Vòng **Dịch Hậu Thiên** của Văn Vương, gồm 8 quẻ: **Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài,** và **Vòng Hoàng Đạo 2** của Tây Phương.

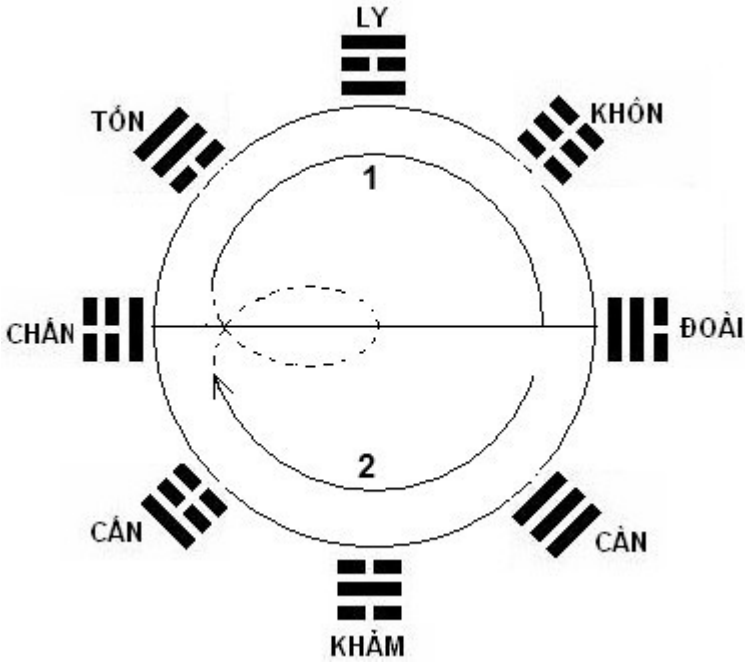

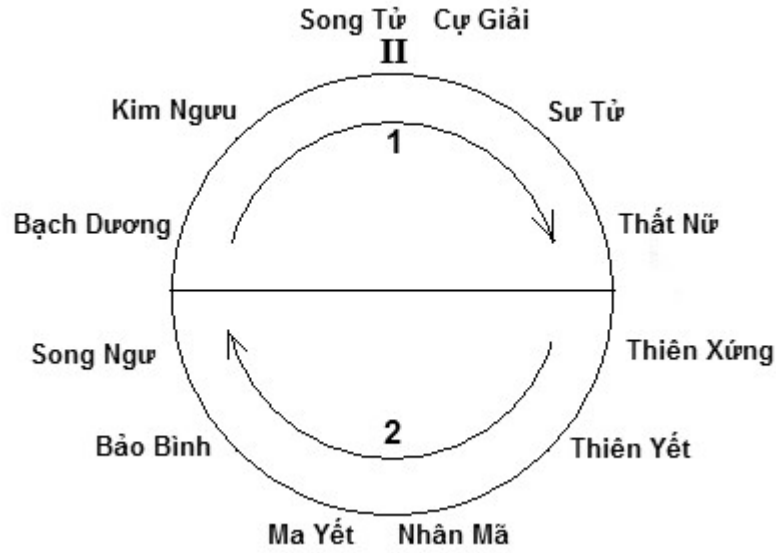

Văn Vương cho rằng con người phải biến thiên theo hướng đi của mặt trời. Cuộc biến thiên bắt đầu từ quẻ Chấn, tức là bắt đầu từ lúc sơ sinh, và kết thúc bằng quẻ Cấn, tức là ngưng nghỉ nơi chí thiện. Vì thế Thuyết Quái Truyện nói: Vạn vật xuất hồ Chấn...

Cấn. Vạn vật chi sở thành chung nhi sở thành thủy dã. Như vậy, con người có khác nào 1 vì vương tử, cùng với mặt trời đi tuần thú muôn phương, rồi lại trở về cung điện cũ.

Theo vòng Hoàng Đạo, thì sự tiến hóa sẽ đi từ cung Bạch Dương, và kết thúc bằng cung Song ngư. Ông Sénard viết: Song ngư là cung thứ 12, và là cung sau chót của vòng Hoàng đạo.Đó là Thiên đỉnh, tức là giao điểm của cuộc sống phù sinh và đời sống hằng cửu (M. Sénard, Le Zodiaque. p. 446).

Đó là giai đoạn chót của đời sống huyền đồng. Delacroix viết: Tiểu ngã bị hủy diệt... và được thay thế bằng 1 nhân cách mới, với một lối cảm nghĩ và hành động mới... Tâm thần con người bị thay đổi, ngã chấp khởi thủy bị tiêu diệt; thay vào đó thấy thể hiện một tâm thức mới, quảng đại hơn; phàm cách được tan biến trong thiên thể. Thiên thể thay thế cho phàm thể cũ.

II. Thoán.

Thoán từ:

艮 . 艮 其 背 . 不 獲 其 身 . 行 其 庭 . 不 見 其 人 . 無 咎 .

Cấn. Cấn kỳ bối. Bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình.

Bất kiến kỳ nhân. Vô cữu.

Dịch.

Cấn là dừng lại sau lưng,

Dừng nơi chí thiện, quên thân, quên người.

Bản thân mà đã quên rồi,

Trong sân đi lại, quên người lỗi chi.

Trong con người, mọi bộ phận đều động, duy cái lưng thường bất động. Động thường hay làm ác. Tĩnh thì mới chí thiện; cho nên nói: **Cấn kỳ bối,** là muốn nói: **Chỉ** ư **chí thiện**. Do lòng tư dục, con người mới phân nhân, ngã. Dẹp được lòng tư dục rồi, thời chỉ **thấy thiên lý**, **thấy đạo lý**, không còn phân nhân, ngã nữa.

Thế chính là **Bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình. Bất kiến kỳ nhân** vậy.

Thoán Truyện:

彖 曰 . 艮 . 止 也 . 時 止 則 止 . 時 行 則 行 . 動 靜 不 失 其 時 . 其 道 光 明 . 艮 其 止 . 止 其 所 也 . 上 下 敵 應 . 不 相 與 也 . 是 以 不 獲 其 身 . 行 其 庭 不 見 其 人 . 無 咎 也 .

Cấn. Chỉ dã. Thì chỉ tắc chỉ. Thì hành tắc hành. Động tĩnh bất thất kỳ thì. Kỳ đạo quang minh. Cấn kỳ chỉ. Chỉ kỳ sở dã. Thượng hạ địch ứng. Bất tương dữ dã. Thị dĩ bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình. Bất kiến kỳ nhân. Vô cữu dã.

Dịch. Thoán rằng:

Cấn là ngừng nghỉ, thôi đi,

Nghỉ khi nên nghỉ, làm khi nên làm.

Tùy thời động tĩnh, mới ngoan,

Thế thời đạo mới huy quang, rạng ngời.

Cấn là dừng lại nghỉ ngơi.

Dừng chân đứng lại, đúng nơi mới tình.

Dưới, trên, ứng đối phân minh,

Nhưng mà không có tương tranh, tương thừa.

Thế nên, thân cũng như sơ,

Mình, người, ta vẫn hững hờ như không.

Thân mình coi nhẹ lông hồng.

Ngoài sân đi lại, chẳng trông thấy người.

Mình, người, quên lãng cả đôi,

Thế nên mới được êm xuôi, vẹn toàn.

Thoán giải thích: Cấn là ngưng lại. Biết ngưng, khi đáng ngưng, biết hành động khi đáng hành động. Động, Tĩnh không lỗi thời, như vậy mới là sáng suốt. Khi chưa tới mức chí thiện, thời phải cố gắng tiến tới, và chỉ ngưng nghỉ khi đã tới mức chí thành, chí thiện. Cấn là ngưng. Ngưng đúng nơi, đúng chỗ, là lý tưởng nhất.

Như Văn Vương, khi làm vua thời nhân; lúc làm bầy tôi thì kính, lúc làm cha thời từ, lúc làm con thời hiếu, khi giao tiếp với người thì giữ tín nghĩa (Xem Đại học, chương III). Như vậy, quẻ Cấn dạy ta phải cố sống một cuộc đời lý tưởng, xử sự sao cho lý tưởng, và chỉ ngưng nghỉ khi đạt tới lý tưởng. Mà lý tưởng con người là phối Thiên, là đạt Thiên đức, Thiên vị. Quẻ Cấn, quẻ trong, quẻ ngoài đều giống nhau, các Hào đều không có ứng dữ, như vậy đã đạt thế trung hòa. Thế là nhị thể giống in nhất thể, trong ngoài là một, không còn phân biệt mình và người, không còn tương đối, tương đãi. Áp dụng vào nơi con người, thời đó là tình trạng thuần nhất đại đồng, phổ quát, nhĩ ngã bất phân.

Vì thế *Thoán viết:* **Thượng hạ địch ứng. Bất tương dữ dã. Thị dĩ bất hoạch kỳ thân. Hành kỳ đình. Bất kiến kỳ nhân. Vô cữu dã.**

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 兼 山 . 艮 . 君 子 以 思 不 出 其 位 .

Tượng viết.

Kiêm sơn. Cấn. Quân tử dĩ tư bất xuất kỳ vị.

Dịch.

Cấn là núi mọc chập chùng,

Quântử cư vị, chứ không ra ngoài.

Tượng Truyện dạy người quân tử không nên mua việc, chuốc lấy

tần phiền vào người. Ngược lại, phải lo sao cho đức xứng kỳ vị, và bao giờ cũng cư xử đúng với nghĩa lý, với lý tưởng, và hợp với hoàn cảnh mình đang sống. Như vậy lòng mới bình thản, và mới có thì giờ, mới có khả năng suy tư và tu đạo.

Con người phải luôn hành xử theo đúng nhân cách, phải dừng lại nơi thiên chân, nơi lương năng, lương tri, nơi bản thể tuyệt đối. Lo gì, nghĩ gì, cũng không nên ra ngoài vấn đề ấy. Con người phải luôn bảo toàn Đạo tâm, Thiên tâm, Thiên tính. Đừng có rời khỏi địa vị cao quí ấy, thế là biết nơi Chí thiện để dừng chân lại (Phỏng theo Lưu nhất Minh, Chu Dịch Xiển Chân).

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六. 艮其趾. 無咎. 利永貞.

象曰. 艮其趾. 未失正也.

Sơ Lục.

Cấn kỳ chỉ. Vô cữu. Lợi vĩnh trinh.

Tượng viết:

Cấn kỳ chỉ. Vị thất chính dã.

Dịch.

Ngón chân vừa đụng, đã ngừng,

Một lòng minh chính, chưa từng đơn sai,

Ai người bắt bẻ, chê bai,

Luôn luôn minh chính, vậy thời lỗi chi.

Tượng rằng:

Ngón chân vừa đụng, đã ngừng,

Một lòng minh chính, chưa từng đơn sai.

Hào Sơ Lục. Vừa động ngón chân đã biết ngưng **(Cấn kỳ chỉ),** tức như nói dục tình vừa máy động, đã biết dừng lại, như vậy thời chẳng lỗi. Đây tức là trạng thái một tâm hồn không xa lìa Thiên chân. Nhưng trạng thái này cần được kéo dài, mới hay, mới lợi **(Lợi vĩnh trinh).** Tượng giải rằng:Dừng nơi ngón chân là chưa mất sự chính đính vậy **(Cấn kỳ chỉ. Vị thất chính dã).**

2. Hào Lục nhị.

六二. 艮其腓.不拯其隨.其心不快.

象曰. 不拯其隨.未退聽也.

Lục nhị.

Cấn kỳ phỉ. Bất chủng kỳ tùy. Kỳ tâm bất duyệt.

Tượng viết:

Bất chửng kỳ tùy. Vị thoái thính dã..

Dịch.

Ngừng mà ngừng mỗi bắp chân,

Ngăn trên không được, nên tâm còn phiền.

Tượng rằng:

Ngăn trên không được, buồn sao,

Vì trên, đâu có dễ nào chịu nghe.

Hào Lục nhị. Cấn kỳ phỉ là ngưng nơi bắp chân, nghĩa là mình chỉ kiềm chế được mình. **Bất chửng** nghĩa là mình chưa kiềm chế được người trên. **Kỳ tùy** nghĩa là mình còn là kẻ tùy tòng, chưa phải là cấp lãnh đạo, chỉ huy, vì thế nên **Kỳ tâm bất duyệt,** tức là

lòng chẳng sung sướng. *Tượng Truyện bình rằng:* Mình không kiềm chế được người trên vì người trên đâu chịu nhượng bộ để nghe lời mình **(Bất chửng kỳ tùy. Vị thoái thính dã)**. Đức Khổng lúc làm quan, tuy là đức độ, nhưng cũng không ngăn nổi Lỗ Định Công và Quí Hoàn Tử mê đắm nữ sắc.

Mạnh Tử khi thuyết lý với Tề Tuyên Vương, cũng phải tùy hứng của Tề tuyên Vương. Tề tuyên Vương nói: Ta có tật ưa của cải, Mạnh Tử cũng nhân đó mà nói: Xưa ông Công Lưu cũng ưa của cải vv... Tề tuyên Vương nói: Ta có tật ưa sắc đẹp, Mạnh tử cũng phải nhân đó mà nói: Xưa ông Thái Công cũng hiếu sắc, ông yêu vợ mình vv...(Mạnh Tử Lương huệ Vương Hạ, 5). Rút cục, Mạnh Tử cũng không cảm hóa được Tề Tuyên Vương, và phải bỏ nước Tề mà đi.

Khổng Tử cũng gặp trường hợp tương tự . Ngài bỏ Lỗ sang Vệ, tưởng sẽ cảm hóa được Vệ Linh Công. Nhưng thay vì hỏi ngài về đạo lý, Vệ Linh Công lại hỏi ngài về trận mạc (LN. 15, 1). Rồi khi đức Khổng nói về đạo lý, thì Vệ Linh Công lại lơ đãng, ngó lên trời xem nhạn bay. (Xem Khổng tử thế gia, năm đức Khổng 59 tuổi).

3. Hào Cửu tam.

九 三 . 艮 其 限 . 列 其 夤 . 厲 薰 心 .

象 曰 . 艮 其 限 . 危 薰 心 也 .

Cửu tam.

Cấn kỳ hạn. Liệt kỳ dần. Lệ huân tâm.

Tượng viết :

Cấn kỳ hạn. Nguy huân tâm dã.

Dịch.

Ngừng mà ngừng chỗ ngang hông,

Ngang hông như đứt, nóng lòng, nóng gan.

Sự tĩnh lãng tâm hồn phải đến một cách tự nhiên, chứ không phải một cách gượng gạo, gò ép. Không phải ngồi thộn người ra **(Cấn kỳ hạn.),** mà tâm hồn trở nên tĩnh lãng. Trái lại, những phương pháp tập luyện quá đáng, chỉ làm hỏng xương sống, làm cháy tâm can. Thật là nguy hiểm **(Liệt kỳ dần. Lệ huân tâm).** Hạn là ngang lưng, Liệt là làm đứt, Dần là xương sống, Huân là thiêu đốt, Tâm là tâm can. Tượng cũng bình rằng: Bức bách cơ thể để cho tâm hồn được tĩnh lãng, là việc nguy hiểm, nó sẽ thiêu đốt tâm can **(Cấn kỳ hạn. Nguy huân tâm dã).**

Hào này làm ta liên tưởng đến những người luyện võ công không đúng phương pháp, nên đã bị Tẩu hỏa nhập ma, hay những người cố gắng dồn ép dục tình, nên đã sinh bệnh tật.

4. Hào Lục tứ .

六四 .　艮其身.無咎.

象曰 .　艮其身.止諸躬也.

Lục tứ.

Cấn kỳ thân. Vô cữu.

Tượng viết:

Cấn kỳ thân. Chỉ chư cung dã.

Dịch:

Ngừng mà ngừng được cái mình,

Thế thời lầm lỗi, còn sinh đường nào.

Tượng rằng:

Ngừng được cái mình,

Tức là giữ được tâm tình hẳn hoi.

Nơi trên đầu quẻ, Thoán từ nói: **Cấn kỳ bối. Bất hoạch kỳ thân.** Đó là giai đoạn vong thân, vong ngã. Hào lục tứ đây chưa đạt tới tình trạng siêu việt ấy, vì hãy còn biết có Thân, có Mình. Tuy nhiên, Lục tứ đã kiềm chế được mình, kiềm chế được dục tình. Như vậy, cũng đã hay rồi **(Cấn kỳ thân. vô cữu).**

Tượng viết: **Cấn kỳ thân. Chỉ chư cung dã.** Tượng cho rằng: Lục tứ đã kiềm chế được mình, đã điều khiển được mình.

5. Hào Lục ngũ.

六五. 艮其輔.言有序.悔亡.

象曰. 艮其輔.以中正也.

Lục ngũ.

Cấn kỳ phụ. Ngôn hữu tự. Hối vong.

Tượng viết:

Cấn kỳ phụ. Dĩ trung chính dã.

Dịch.

Ngừng mà ngừng được cái hàm,

Nói năng chừng mực, phàn nàn, khỏi lo.

Tượng rằng: *Ngừng được cái hàm,*

Con đường trung chính vẹn toàn, mới hay.

Lục ngũ khuyên nên giữ mồm miệng **(Cấn kỳ phụ).** Khuyên nên ăn nói cho đường hoàng, nghĩa lý **(Ngôn hữu tự).** Như vậy, mới tránh được lỗi lầm (**Hối vong).**

Người xưa, rất cẩn trọng trong lời ăn, tiếng nói. Khi đức Khổng vào thăm miếu của tổ tiên nhà Châu là Hậu Tắc, Ngài thấy ở trước thềm bên phải, có một người vàng, trên mình có khắc mấy lời đại

khái như sau:

Đây là tượng một người xưa.

Lời ăn, tiếng nói, đắn đo, giữ gìn.

Gương xưa, ta cũng nên xem,

Nói năng cẩn trọng, hãy nên lo lường.

Rườm lời, sẽ lắm nhiễu nhương.

Ôm đồm nhiều việc, lòng thường xuyến xao.

Tượng viết: **Cấn kỳ phụ. Dĩ trung chính dã.** Giữ được mồm miệng, thế là đã theo được đường trung chính vậy.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 . 敦 艮 . 吉 .

象 曰 . 敦 艮 之 吉 . 以 厚 終 也 .

Thượng Cửu.

Đôn Cấn. Cát.

Tượng viết:

Đôn Cấn chi cát. Dĩ trung chính dã.

Dịch.

Ngừng mà ngừng nghỉ đàng hoàng,

Thời hay, thời tốt muôn vàn còn chi.

Tượng rằng: *Ngừng nghỉ đàng hoàng,*

Cuối cùng, đầy đặn, chững chàng mới hay.

Ngưng nghỉ, mà ở chỗ đầy đặn, hẳn hoi mới tốt. Cấn là sự thành tựu của vạn vật, dĩ nhiên là phải hay, phải tốt. Cho nên Hào Thượng Cửu của quẻ Cấn cũng phải hay, phải đẹp.

Theo sự nhận xét của Hồ văn Phong, Hào thượng Lục của quẻ Cấn, đem lại cho chúng ta một nguồn hy vọng lớn lao: Là tới lúc chung cuộc lịch sử, con người sẽ đạt tới hoàn mỹ, và sự biến thiên của vũ trụ cũng kết thúc trong sự hoàn mỹ. Lúc ấy mọi người sẽ được thỏa thuê, mãn nguyện (**Bí, Tổn).** Đạo trời sẽ phổ quát khắp nơi **(Đại Súc).** Mọi người sẽ được phúc khánh **(Di).** Thật đúng như lời Tượng Truyện: Lúc nào cũng đầy đặn, chững chàng **(Đôn Cấn chi cát. Dĩ hậu chung dã).**

ÁP DỤNG QUẺ CẤN VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Cấn dạy ta phải biết dừng chân cho đúng lúc, tức là có ý muốn nói: Con người sinh ra ở đời phải biết tiến hóa về mọi mặt. Chẳng những Tiến hóa cho bản thân mình, mà còn tiến hóa để làm lợi ích cho nhân quần xã hội nữa. Nhưng tới đúng lúc nào đó, thì phải ngưng.

A-Trước tiên, vì ta là người, nên ta bị vật chất chi phối, nên ta phải tranh đấu để có lợi danh. Từ nhỏ, còn ở học đường, ta đã phải chăm chỉ học hành, để khỏi thua sút chúng bạn, để cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng. Cha mẹ ta luôn ở cạnh ta, để giáo dục ta về mọi mặt, mong sao cho ta nên người tốt và hữu dụng mai sau. Lớn lên, vì nhu cầu vật chất gia tăng, rồi theo thiên nhiên, ta phải tạo dựng gia đình của riêng ta, nên ta cần phải có tiền để chi dụng, do đó ta phải cố gắng tranh đua để sao cho có danh và lợi. Nhưng điều quan trọng là: Cách tạo ra danh, lợi đó phải cho minh chính, dù ở địa vị, hoàn cảnh nào cũng vậy. Một người thợ ngay thẳng, đáng kính trọng hơn một ông quan tòa tham nhũng. Một người làm thương mại ngay thẳng, thì dù nhỏ bé đến đâu, cũng có giá trị hơn một người đầu cơ, tích trữ hoặc gian thương, làm hại dân, hại nước.

Trên đường Lợi Danh, ta phải biết dừng chân đúng lúc. Ví dụ: khi thấy muốn thành công trong một công việc nào đó, mà phải làm người khác thiệt hại, thì ta phải dừng ngay. Nếu ta là người biết suy tư, thì ta sẽ nhận thấy: Cuộc đời là sân khấu, mà ta là diễn viên. Lên sân khấu, mà không đóng nổi vai trò của mình, thì quả

thật là diễn viên dở vậy. Mỗi vai trò mình đóng, đó là 1 kiếp luân hồi, nay nếu mình làm sai, hoặc quá đáng, chắc chắn sẽ bị quả báo, không sớm thì muộn vậy. Ví dụ: Một người làm con bất hiếu, làm sao mong sinh được con cái hiếu để. Một người chuyên đi lừa đảo người khác, làm sao giữ được của ấy làm giầu, làm sao tránh khỏi bị thiên hạ chê cười.

Tóm lại, những công việc ta làm, những lợi danh ta có, không những hữu ích cho cá nhân, gia đình ta, mà phải lợi ích cho nhân quần, xã hội nữa.

B- Sau này, khi tóc đã hoa râm, tức đã quá nửa cuộc đời, thì ta phải biết tiếnhóa chính bản thân ta. Ta phải tiến về bản thể thần minh của ta. Bản thể thần minh này, ai cũng có. Nếu ở nơi người quá tham vật dục, thì nó bị sẽ lu mờ. Nhưng, nếu biết tỉnh ngộ, mà dừng chân lại kịp thời, rồi tu trì, ăn năn, làm việc thiện, để bù đắp lại, may ra còn kịp. **Để tâm suy tư,** ta sẽ nhận thấy đời sống hiện đại của ta đang tiến về phía thần minh. Ví dụ:

Nhờ sự tiếnhóa của khoa học, ta có thể dùng điện thoại mà nói với ngưởi khác, dù xa cách trùng dương, một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn là ta muốn giao tiếp với thần minh. Một cuốn băng VIDEO nhỏ bé. cũng thâu được hết sự việc của một triều đại, chiếu lên hình ảnh to nhỏ được như ý muốn. Máy bay giúp con người vượt qua muôn dặm, v.v... Nhưng đồng thời, khoa học đã chế tạo ra khí cụ chiến tranh ghê gớm như bom nguyên tử, khinh khí, hơi ngạt, vi trùng, v.v... như vậy còn tai hại hơn Trời giáng bệnh dịch xuống cho nhân loại. Tiếc rằng, Khoa Học tiến quá nhanh, mà Đạo đức lại thụt lùi, tạo ra biết bao gia đình khổ não, dở khóc, dở cười.

Chúng ta, là những người đọc Dịch, nếu để tâm suy tư thì sẽ hiểu Dịch dễ dàng, và nếu tất cả mọi người, trong hành động nhiều ít đều có Dịch, thì Đạo đức sẽ theo kịp Khoa Học vậy. Và theo tôi, (tác giả viết bài này), **NGÀY TẬN THẾ KHÔNG PHẢI LÀ NGÀY NHÂN LOẠI BỊ TIÊU DIỆT, MÀ LÀ NHÂN LOẠI ĐÃ TIẾN HÓA VỀ MỌI MẶT ĐỂ LÊN BẰNG THẦN MINH.**

Sự tận thế đó, theo tôi chỉ là ám chỉ con người của vật dục, xấu xa, tội lỗi, ngu dốt, không còn duy trì, bành trướng được nữa, vì con người của khôn ngoan, tài giỏi, đạo đức, đã dần dần lấn át, thay thế nó. Khoa học tiến nhanh, là để đáp ứng nhu cầu cho con

người, vì con người sinh sản quá nhanh, nhưng đến một lúc nào đó con người sẽ sinh sản có chừng mực, hoặc sinh sản tùy theo ý mình muốn, và tuổi thọ sẽ tăng lên (vì khôn ngoan hơn, nên biết giữ gìn hơn). Lúc ấy hạt giống Đạo Đức trong con người sẽ nẩy mầm và phát triển nhanh chóng để theo kịp với Khoa Học.

53. 風 山 漸 PHONG SƠN TIỆM

漸序卦 Tiệm Tự Quái
艮者止也
物不可以終止
故受之以漸
漸者進也

Tiệm Tự Quái

Cấn là ngưng nghỉ, là dừng chẳng đi.

Vật ngưng, rồi lại suy di.

Cho nên quẻ Tiệm hẹn kỳ tiến lên.

Tiệm là tiến mãi, tiến lên.

Tiệm là tiến, nhưng mà tiến có tuần tiết, thứ đệ, lớp lang, trật tự. Quẻ Tiệm đến sau quẻ Cấn, vì lẽ Trời, ngưng lại động, lại tiến. Tiệm là tiến từ từ, có tuần, có tiết, chứ không đốt giai đoạn. Trong quẻ này, Thánh nhân đã đề cao nguyên lý ấy bằng nhiều cách:

1. Tiệm là cây mọc trên núi, cây mọc trên núi dĩ nhiên là mọc chậm hơn cây mọc dưới đồng bằng.

2. *Thoán T*ừ đề cập tới chuyện cô gái về nhà chồng.

Người Trung Hoa xưa nay rất thận trọng về việc cưới xin. Muốn cưới vợ phải có đủ sáu lễ sau đây:

1. Nạp thái. 2. Vấn danh. 3. Nạp cát. 4. Nạp trưng. 5. Thỉnh kỳ. 6. Thân nghinh.

Thế là muốn cưới vợ, phải có kỳ, có hạn, có lễ nghi đường hoàng, phải tuần tự nhi tiến, chứ không phải chuyện vơ bèo, gạt tép, đốt giai đoạn.

3. *Tượng* nói về công trình tích lũy nhân đức, cải thiện phong tục, đó cũng là một công trình lâu lai, trường cửu.

4. *Hào T*ừ lấy chim Hồng, để mô tả sự tiến có tuần tự, tuần tiết. Chim hồng là một loài chim viễn xứ, cứ mùa lá rụng thì bay về Nam, cứ lúc băng tan thì trở về Bắc. Thế là hành xử có tuần tiết.Lúc bay thì có thứ tự, con nhớn bay trước, con nhỏ theo sau, có lớp lang hẳn hoi, Thế là hành xử có thứ tự.

Sáu Hào lại mô tả con chim Hồng tiến từ thấp, lên cao nguyên. Như vậy bài học của quẻ này thật là rõ ràng.

- Ở đời muốn nên công, đừng có vội vàng, đừng có đốt giai đoạn.

- Cưới xin mà vội vàng, chồng vợ sẽ chẳng ra gì.

- Công danh mà mau được, thời là thứ công danh do sự luồn cúi, cầu cạnh, mua bán.

- Của cải mà mau được, là thứ của cải phi nhân, phi nghĩa. Tiến cho có tuần tiết, trật tự sẽ bảo toàn được lễ nghĩa, liêm sỉ.

I. Thoán.

漸 . 女 歸 吉 . 利 貞 .

Thoán từ.

Tiệm. Nữ qui cát. Lợi trinh.

Dịch.

Tiệm là tuần tự bước lên,

Dần dà như gái về bên nhà chồng.

Hợp thời, hợp lẽ thung dung,

Mới mong ích lợi, mới mong tốt lành.

Ở đời những công chuyện quan hệ, đều phải tuần tự nhi tiến, mới tránh được mọi tệ hại. Mà việc cần phải tiến cho tuần tự, cho cẩn thận, cho đúng lễ nghi nhất, là việc cưới xin, vì quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ. Cưới gả có đường hoàng, chững chạc, có đủ nạp thái, vấn danh, dạm hỏi, treo cưới, thì tình phu phụ sau này mới vững bền.

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖曰.漸之進也.女歸吉也.進得位.往有功也.進以正.可以正邦也.其位剛.得中也.止而巽.動不窮也.

Tiệm chi tiến dã. Nữ qui cát dã. Tiến đắc vị. Vãng hữu công dã. Tiến dĩ chính. Khả dĩ chính bang dã. Kỳ vị. Cương đắc trung dã. Chỉ nhi tốn. Động bất cùng dã.

Dịch. Thoán rằng:

Tiệm là tuần tự bước lên.

Hay, lành như gái về bên nhà chồng.

Tiệm mà ngôi vị thung dung,

Thế là làm đã nên công phỉ tình.

Tiến mà chính trực, liên minh,

Chính dân, chính nước, âu đành có phen.

Ở ngôi cao trọng bên trên,

Một niềm trung chính, cương kiên mới là.

Thung dung, thư thái, ôn hòa,

Tiến trình hoạt động bao la chẳng cùng.

Thoán Truyện một lần nữa lại nhấn mạnh đến chuyện tiến phải có

thứ bậc, tuần tiết y như gái về nhà chồng, phải có đủ dạm hỏi cưới xin mới tốt.**(Tiệm chi tiến dã. Nữ qui cát dã).** Trong công cuộc tuyển lựa nhân tài, để trị dân, trị nước, cũng phải có những sự thử thách, tuyển lựa cho hẳn hoi. Người sĩ phu phải leo dần lên các bậc thang danh vọng, mà điều cần nhất là tài đức phải xứng kỳ vị, như vậy xã hội mới tránh được mọi tệ đoan, nhũng loạn.

Kẻ sĩ tuần tự tiến lên như trên, sẽ tránh được nạn mua dân, bán nước, tránh được nạn đầu cơ chính trị, luồn lọt cửa trước, cửa sau, mất hết giá trị con người. Vì thế, nói tiến lên mà xứng ngôi, xứng vị, đã có đủ kinh nghiệm, đủ tài đức để giữ địa vị, để làm nhiệm vụ được giao phó, thời làm việc mới có hiệu năng **(Tiến đắc vị. Vãng hữu công dã).** Tiến lên, mà phải lẽ, phải đạo, nghĩa là người có tài, có đức, mới lên được những địa vị lãnh đạo, thì dĩ nhiên nước sẽ có kỷ cương trật tự, người trên sẽ là người xứng mặt, xứng ngôi **(Tiến dĩ chính. Khả dĩ chính bang dã).** Nếu cứ theo đường lối ấy mà tiến, thời khi lên đến cấp lãnh đạo, sẽ là những người hoàn hảo, và địa vị sẽ được vững chãi **(Kỳ vị. Cương đắc trung dã).** Tâm trí họ sẽ bình tĩnh, thái độ họ sẽ từ tốn, cho nên khi hành xử, họ sẽ không bị vấp vướng, bế tắc. **(Chỉ nhi tốn. Động bất cùng dã).**

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 山 上 有 木 . 漸 . 君 子 以 居 賢 德 . 善 俗 .

Tượng viết:

Sơn thượng hữu mộc. Tiệm. Quân tử dĩ cư hiền đức thiện tục.

Dịch. Tượng rằng:

Tiệm là trên núi có cây,

Cho nên quân tử ăn ngay, ở lành.

Mình mà nhân đức, tinh thành.

Rồi ra sẽ khiến nhân tình thuần lương.

Cây mọc trên núi, mọc chậm chạp, nhưng khi đã lên cao, thời ảnh hưởng đến phong cảnh cả vùng. Người quân tử cũng theo đó mà

bắt chước. Tu nhân, tích đức cho ngày một hoàn hảo hơn, và cải thiện cho phong hóa ngày một thuần mỹ hơn. Tục ngữ có câu: Kiến tha lâu cũng có ngày đầytổ, hoặc Nước chẩy đá mòn. Tất cả, đều nói lên được sự tiệm tăng, tiệm tiến.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào nhấn mạnh, cần phải tiến dần dà từ dưới mà lên

- Lúc ở địa vị thấp, đừng lo buồn (Hào Sơ).

- Khi có địa vị, đừng ăn không, ngồi rồi. (Hào 2).

- Đừng dùng những trò ma giáo mà tiến lên.(Hào3)

- Ở địa vị cao, phải từ tốn, nhũn nhặn, mới thoát hiểm. (Hào 4)

- Ở địa vị lãnh đạo quốc gia, phải có hiền tài phụ bật, mới giúp ích được cho đời. (Hào 5)

- Ở địa vị thánh hiền, nên treo gương cho đời (Hào 6)

Sáu Hào đều dùng chim Hồng thủ tượng, vì chim Hồng là loài chim đi về có tuần tiết, khi bay thì có đoàn ngũ, có thứ tự. Có người còn thêm rằng chim Hồng là loài chim có tình nghĩa, con trống mà chết đi, thời con mái ở vậy, cho nên hợp với đề tài.

1. Hào Sơ Lục.

初六. 鴻漸于干.小子厲.有言.無咎.

象曰. 小子之厲.義無咎也.

Sơ Lục.

Hồng tiệm vu can. Tiểu tử lệ. Hữu ngôn. Vô cữu.

Tượng viết:

Tiểu tử chi lệ. Nghĩa vô cữu dã.

Dịch.

Chim hồng dần tiến đến bờ.

T*iểu nhân sợ hải, xuýt xoa than phiền,*

Tuy là dang dở, chưa yên,

Nhưng không đến nỗi tội khiên, lỗi lầm.

Sơ Lục bản chất Âm nhu, ở dưới chót quẻ, trên lại không có người ứng dữ. Như vậy, chẳng tiến được là bao. Y như chim Hồng, vừa đáp xuống bến nước là chỗ thấp nhất của bờ biển **(Hồng tiệm vu can).** Người quân tử khi còn ở địa vị thấp, không than thở, nhưng tiểu nhân thì bồn chồn, phàn nàn. Tuy vậy cũng chẳng có gì đáng trách. **(Tiểu tử lệ. Hữu ngôn. Vô cữu.)**

Tượng Truyện bình rằng: Tiểu nhân ở cấp dưới, chưa tiến được thời lo buồn, lấy làm nguy hại, nhưng thực ra xét theo nghĩa lý thì chẳng có gì đáng trách **(Tiểu tử chi lệ. Nghĩa vô cữu dã).**

2. Hào Lục nhị.

六 二 . 鴻 漸 于 磐 . 飲 食 衎 衎 . 吉 .

象 曰 . 飲 食 衎 衎 . 不 素 飽 也 .

Lục nhị.

Hồng tiệm vu bàn. Ẩm thực khản khản. Cát.

Tượng viết:

Ẩm thực khản khản. Bất tố bão dã.

Dịch.

Chim Hồng dần tới thạch bàn,

Uống ăn vui vẻ, bình an tốt lành.

Tượng rằng: *Vui vẻ uống ăn,*

No nê, không phải một thân một mình.

Hào Lục nhị : ẩm đắc trung chính, tiến lại có Cửu ngũ ứng dữ, tượng như một vị công thần, ở vào một địa vị vững như bàn thạch, y thức như chim Hồng đã đậu trên bàn thạch **(Hồng tiệm vu bàn).**

Chim Hồng vui vẻ uống ăn, nhưng không ăn uống một mình, mà chia sẻ ngọt bùi cùng nhau **(Ẩm thực khản khản. Cát).** Người quân tử, khi ở địa vị công thần, há lại thua chim Hồng, há lại vinh thân, phì gia sao? Vì thế Tượng Truyện tiếp lời mà khuyên người quân tử, không nên vì không có bổng lộc nhà vua, mà không lo gì cho đất nước.**(Ẩm thực khản khản. Bất tố bảo dã).**

3. Hào Cửu tam.

九三. 鴻漸于陸.夫征不復.婦孕不育.凶.利御寇.

象曰. 夫征不復.離群丑也.婦孕不育.失其道也.

利用御寇.順 相保也.

Cửu tam.

Hồng tiệm vu lục. Phu chinh bất phục. Phu dựng bất dục.

Hung. Lợi ngự khấu.

Tượng viết:

Phu chinh bất phục. Ly quần xú dã. Phụ dựng bất dục.

Thất kỳ đạo dã. Lợi dụng ngự khấu. Thuận tương bảo dã.

Dịch.

Chim Hồng đến tới cao nguyên,

Chồng đi, đi mải nên quên cả về.

Vợ thời cũng chẳng ra gì.

Đẻ con, chẳng dám tính bề nuôi con,

Nếu mà sớm biết thiệt hơn,

Cải tà, qui chính, vẫn còn là hay.

Tượng rằng:

Chồng đi, đi mãi quên về,

Nghĩa là muối mặt, bỏ bê thân tình.

Vợ sinh, mà bỏ con mình,

Thế là trái với đạo hành nhân luân.

Biết điều cải quá, tự tân,

Thi hành chính nghĩa, thân nhân lưỡng toàn.

Chim Hồng (ngỗng trời) vốn là một loài chim nước, nay lại lên cao nguyên, như vậy là không phải **(Hồng tiệm vu lục).** Đó là tình cảnh một người có tài (dương Hào), nhưng bất trung (tam là bất trung), sốt ruột muốn đốt giai đoạn mà tiến lên. Tuy trên, không có người đường hoàng nâng đỡ (Thượng Cửu không ứng với Cửu tam), nhưng cố tình kết cấu với những người có quyền thế mình gặp (Lục tứ) một cách hết sức bừa bãi. Đó là những hạng người vì quyền thế, vì công danh, mà có thể quên họ hàng, bè bạn.

Họ vì lợi quên nghĩa, có mới nới cũ, chẳng theo đạo lý, cho nên vợ họ cũng là thứ vợ lang chạ, đẻ con ra mà chẳng dám nuôi **(Phu chinh bất phục. Phụ dựng bất dục).** Thế là một phường mèo mả gà đồng, làm sao mà hay, mà tốt được **(Hung).** Cho nên bài học của Hào này, là đừng vì lòng ham muốn tiến lên mà làm điều xằng bậy, phi lý, phi nghĩa, như vậy mới hay**(Lợi ngự khấu).**

Trình tử cho rằng: Cái gì đến một cách phi lý thì gọi là **khấu**, và ngự khấu là theo chính, lánh tà.

Tượng Truyện giải: Chồng đi chẳng về là bỏ bầy, bỏ bạn. **Phu chinh bất phục. Ly quần xú dã.** Vợ có mang mà chẳng dám nuôi, là làm điều sái với đạo lý **(Phụ dựng bất dục. Thất kỳ đạo dã).**Lợi dụng ngự khấu là phải theo chính đạo, mới bảo toàn được mình và người. Thế là Tượng Truyện cũng muốn nói lên rằng: Đừng vì lòng ham danh, cầu tiến mà bỏ đạo lý, bỏ tình nghĩa. Hãy theo chính đạo, mới bảo toàn được mình, được người **(Lợi dụng ngự khấu. Thuận tương bảo dã).**

4. Hào Lục tứ.

六四. 鴻漸于木.或得其桷.無咎.

象曰. 或得其桷.順以巽也.

Lục tứ.

Hồng tiệm vu mộc. Hoặc đắc kỳ giốc. Vô cữu.

Tượng viết:

Hoặc đắc kỳ giốc. Thuận dĩ tốn dã.

Dịch.

Chim Hồng dần tiến tới cây,

Nếu mà gặp được cành ngay, khỏi phiền.

Rồi ra mới hết tội khiên.

Tượng viết: *May gặp cành ngay,*

Thế là khéo xử, khéo xoay hợp thời.

Lục tứ là hoàn cảnh của chim Hồng đậu trên cành cây cao. Chân chim Hồng có màng như chân vịt, nên có tài bơi dưới nước, mà vụng đậu trên cây. Tuy nhiên, nếu đậu cành thẳng cũng không sao.

Ý nói rằng kẻ sĩ, được địa vị cao, nhưng nếu một lòng trung quân, tôn kính bề trên, thì cao mà vẫn không nguy (Ngự Án). Vì thế *Tượng viết:* **Hoặc đắc kỳ giốc. Thuận dĩ tốn dã.**

5. Hào Cửu ngũ.

九 五 .　鴻 漸 于 陵 . 婦 三 歲 不 孕 . 終 莫 之 勝 . 吉 .

象 曰 .　終 莫 之 勝 . 吉 . 得 所 愿 也 .

Cửu ngũ.

Hồng tiệm vu lăng. Phụ tam tuế bất dựng. Chung mạc chi thắng. Cát.

Tượng viết:

Chung mạc chi thắng cát. Đắc sở nguyện dã.

Dịch.

Chim Hồng dần tới non cao,

Ba năm, vợ chẳng lần nào sinh con.

Rồi ra cản trở sạch trơn,

Rồi ra sẽ được vuông tròn, hẳn hoi.

Tượng rằng: *Cản trở sạch trơn,*

Thế là tốt đẹp, nhơn nhơn phỉ tình.

Cửu ngũ là chim Hồng đã lên đậu trên đỉnh núi **(Hồng tiệm vu lăng).** Đó là một ông vua có đức (Dương cương), đắc trung, đắc chính, dưới lại có hiền thần phụ bật. Dẫu có kẻ dèm pha, gàng quải, thì cũng chỉ chia rẽ nhất thời, rồi ra quân thần cũng sẽ hoà hợp với nhau. Thế là Âm Dương hoà hợp, mọi điều phúc khánh sẽ do đấy phát sinh. Chẳng khác nào vợ từ ba năm nay không thai

nghén, kể từ nay sẽ tha hồ cưu mang, tha hồ cúc dục **(Phụ tam tuế bất dựng).** Mới hay, tà chẳng thể thắng chính, những lời dèm pha, ly gián rút cuộc cũng chẳng đi đến đâu **(Chung mạc chi thắng. Cát).** Thế là cuối cùng, thời đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thỏa thuê nguyện ước **(Đắc sở nguyện dã).**

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 鴻漸于逵.其羽可用為儀.吉.

象曰. 其羽可用為儀.吉.不可亂也.

Thượng Cửu.

Hồng tiệm vu quì. Kỳ vũ khả dụng vi nghi. Cát.

Tượng viết:

Kỳ vũ khả dụng vi nghi cát. Bất khả loạn dã.

Dịch.

Chim Hồng dẫn tới đường trời,

Lông Hồng có thể hành ngơi, trang hoàng

Tốt lành, đẹp đẽ mọi đàng.

Tượng rằng:

Lông Hồng có thể hành ngơi,

Hay vì trật tự, chẳng lơi, chẳng loàn.

Hào Thượng Cửu chính là: Cánh Hồng bay bổng tuyệt vời **(Hồng tiệm vu quì).** Chính bản viết là chữ Lục, nhưng thường đọc là Quì, nghĩa là đường mây. Đây ám chỉ một bậc Thánh Hiền bay vút trên chín tầng mây đạo đức, không còn dính líu sự duyên. Tuy nhiên, các ngài còn có chỗ sở dung, là vẫn có thể treo gương sáng

cho đời soi, như lông chim Hồng rớt xuống, vẫn có thể làm hành ngơi, trang điểm cho các loại cờ mao, cờ tinh, cờ đạo vv... Các vị Thánh Hiền có thể làm gương cho đời, vì các ngài khinh khoát, siêu nhiên, không gì làm loạn tâm, loạn trí được **(Kỳ vũ khả dụng vi nghi cát. Bất khả loạn dã).**

ÁP DỤNG QUẺ TIỆM VÀO THỜI ĐẠI

Vào đời, bất cứ làm chuyên gì cũng phải tiến hành một cách tuần tự, thì kết quả sẽ vững vàng hơn, kinh nghiệm sẽ rồi rào hơn. Ví như, một người học lái xe, nếu tay lái chưa vững, mà đã đỗ, thì dễ bị tai nạn.

Nếu ta thấy một người thợ sửa chữa một cái gì đó, mà làm quá nhanh, thì ta phải coi chừng, vì nó sẽ cẩu thả tạm bợ, lấy có, lấy rồi mà thôi. Nhưng phải biết phân biệt, sự làm cẩn thận, và sự làm chậm chạp vì lười biếng, hay vì bản tính chậm chạp.

Đi học, mà không chịu học cẩn thận, chăm chỉ, lại dùng thủ đoạn để lấy điểm cao, thì khi tốt nghiệp, mảnh bằng cũng không giúp ta được bao nhiêu.

Ra đời, mà ham làm giàu quá nhanh, sẽ dễ đi vào con đường bất chính. Nếu may mà thoát khỏi lưới pháp luật, thì tâm tư lúc nào cũng lo lắng, không yên.

Tóm lại, bất cứ làm việc gì, cũng nên làm cẩn thận, giải quyết việc gì cũng nên tuần tự xét suy, xem sự việc đó khởi đầu tự đâu mà ra, thì việc khó đến đâu ta cũng có thể giải quyết được.

54. 雷 澤 歸 妹 LÔI TRẠCH QUY MUỘI

歸妹 Quy Muội
漸者 進也
進必有所歸
故受之以歸妹

Quy Muội Tự Quái
Tiến dã.
Tiến tất hữu sở quy.
Cố thụ chi dĩ Quy Muội.

Quy Muội Tự Quái

Tiến là tiến mãi, tiến lên.

Tiến nhưng có chốn, có miền hồi quy

Cho nên, Quy Muội tiếp kỳ...

Quy muội là gả em gái, hay cô gái về nhà chồng, mà không đủ lễ nghi cheo cưới. Quẻ Quy Muội này còn đề cập đến một tục lệ tối sơ của Trung Hoa xưa. Đó là một người quí tộc, có thể lấy một lúc vừa vợ, vừa nàng hầu. Nàng hầu có thể là em, hoặc cháu người vợ chính. Vì thế mà khi nhà giai hỏi vợ, thì bên nhà gái, lúc con gái mình vu quy, phải cho ít nhất là người con gái út theo chị, và một người cháu gái theo cô để phù dâu, và cũng để làm hầu thiếp sau này.

Song song với tục lệ này, còn có một tục lệ khác, là nhà vua có quyền lấy nhiều vợ và phi tần hơn. Trong quẻ Quy Muội, ta sẽ chỉ lưu ý đến tục lệ một người quí phái, vương tôn có thể lấy một lúc hai chị em và người cháu.

I. Thoán.

Thoán từ.

歸 妹 . 征 凶 . 無 攸 利 .

Quy muội. Chinh hung. Vô du lợi.

Dịch.

Quy muội, gái nhỏ vu quy,

Lạ lùng, bỡ ngỡ, làm gì cho đây.

Quẻ Quy Muội, trên là Chấn, là trưởng nam, dưới là Đoài, là thiếu nữ. Như vậy về đôi tuổi cũng chênh lệch, lại Đoài là duyệt, Chấn là động; lấy sự thỏa thích làm động cơ cho công việc làm, thì vợ chồng sẽ đi đến chỗ phóng túng dục tình, cho nên sẽ chẳng ra gì. Nhưng cũng có thể giải cách khác là Phận em, phận lẽ, không nên chuyên quyền, không nên tự quyết, mà nhất nhất phải tùy thuộc vào người vợ cả, chẳng vậy sẽ không ra gì. Vì thế nói: **Chinh hung. Vô du lợi.**

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖 曰 . 歸 妹 . 天 地 之 大 義 也 . 天 地 不 交 . 而 萬 物 不 興 . 歸 妹 人 之 終 始 也 . 說 以 動 . 所 歸 妹 也 . 征 凶 . 位 不 當 也 . 無 攸 利 . 柔 乘 剛 也 .

Quy Muội. Thiên địa chi đại nghĩa dã. Thiên địa bất giao nhi vạn vật bất hưng. Quy muội. Nhân chi chung thủy dã. Duyệt dĩ động. Sở Quy muội dã. Chinh hung. Vị bất đáng dã. Vô du lợi. Nhu thừa cương dã.

Dịch.

Cảm tình Quy Muội, gái trai

Âm Dương phối ngẫu, luật trời xưa nay,

Đất trời gàng quải, đó đây,

Thế thời vạn vật, biết ngày nào sinh.

Gái trai, Quy muội chi tình,

Ấy là đầu cuối, mối manh con người.

Vui nên hành động buông xuôi,

Thế nên, gái mới theo trai ra về,

Làm gì, cũng sẽ ê chề,

Là vì chẳng được xứng bề, xứng ngôi.

Trăm điều, chẳng tốt, chẳng xuôi.

Là vì Nhu lại cưỡi chòi lên Cương.

Thoán Truyện đề cao sự phối ngẫu, và sánh cuộc hôn nhân giữa con người với sự hòa hài của trời đất **(Quy Muội. Thiên địa chi đại nghĩa dã. Thiên địa bất giao nhi vạn vật bất hưng).** Cho nên Hôn Lễ đối với con người hết sức là quan trọng. Vì thế Thoán viết tiếp **Quy Muội nhân chi chung thủy dã.**

Sách Quốc ngữ cũng viết: Hôn nhân họa phúc chi giai (Quốc ngữ, Chu Ngữ, đệ nhất). Hôn nhân là thềm, là bậc, là họa, phúc, vào nhà một vương tôn công tử.

Chu Hi giải quẻ Quy Muội, sở dĩ là chung thủy vì con người về nhà chồng là hết đời con gái, và bắt đầu đời của người mẹ **(**Quy giả nữ chi chung. Sinh dục giả nhân chi thủy). Chuyện vợ chồng dĩ nhiên là quan trọng. Nhưng vợ chồng lấy nhau cốt để sinh con đẻ cái, là cho giòng họ trở nên hùng tráng, vững bền, lại cũng cùng nhau tế tự tổ tiên, chứ không phải là để phóng túng dục tình. Trong gia đình, muốn ấm êm, phải có tôn ti, trật tự thì mọi sự mới êm đẹp.

Nếu mà vợ lấn át chồng, vợ lẽ đòi hơn vợ cả, thì chẳng làm gì nên chuyện. Cho nên:

- Vợ chồng phải tránh chuyện lấy thú vui làm hành động **(Động dĩ duyệt. Sở Quy muội dã).**

- Ngôi vị trong gia đình mà dang dở, sẽ sinh họa hoạn **(Chinh hung. Vị bất đáng dã).**

-Tất cả những chuyện lăng loàn, vượt quyền, vượt vị sẽ gây nên hậu quả không hay **(Vô du lợi. Nhu thừa cương dã).**

II. Tượng.

Tượng viết:

象 曰 . 澤 上 有 雷 . 歸 妹 . 君 子 以 永 終 知 敝 .

Trạch thượng hữu lôi. Quy muội. Quân tử dĩ vĩnh chung chi tệ.

Dịch. Tượng rằng:

Quy muội sấm động mặt hồ,

Nhìn xa để biết hay ho, hư hèn.

Nhìn xa, trông rộng, mới nên.

Muốn biết một việc hay, dở, phải nhìn cho xa. Ví như thấy sự phối hợp bất chính, thì sẽ đoán được chung cuộc sẽ chẳng hay. Suy ra thì muôn sự đều như vậy. Hễ không đường hoàng, chính đáng, cuối cùng sẽ sinh tệ hại. Như vậy Tượng dạy ta, phải xét việc đời trên phương diện vĩnh cửu, luôn luôn phải tự hỏi xem công việc mình làm có ích lợi cho mình mãi không? hay cuối cùng sẽ có hại.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 歸 妹 以 娣 . 跛 能 履 . 征 吉 .

象 曰 . 歸 妹 以 娣 . 以 恆 也 . 跛 能 履. 吉 . 相 承 也 .

Sơ Cửu.

Quy Muội dĩ đệ. Bả năng lý. Chinh cát.

Tượng viết:

Quy muội dĩ đệ. Dĩ hằng dã. Bả năng lý. Cát. Tương thừa dã.

Dịch.

Phận em, phận lẽ vu quy,

Kiên trinh, hiền thục, vẹn bề trước sau.

Què mà đi được, chẳng sao.

Biết điều, biết xử, biết theo tốt lành.

Sơ Cửu mô tả một người em cùng về nhà chồng với chị, để làm phận lẽ, nếu không dám tự chuyên, biết khuôn xử hợp ý người vợ cả, thì mọi sự đều hay, chẳng khác nào người thọt chân mà vẫn đi lại được.

Xưa, thiên tử, chư hầu cưới vợ, thì lúc về nhà chồng, người vợ đích (vợ cả) bao giờ cũng mang theo em, cháu về theo để làm hầu thiếp. Đó là cái vinh dự cho người em.

Tượng Truyện cho rằng: Về nhà chồng mà chị dẫn em theo là chuyện thông thường, thông lệ (**Quy Muội dĩ đệ. Dĩ hằng dã).** Người em mà biết thuận thảo với người chị, thì cũng hay **(Bả năng lý. Cát. Tương thừa dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九二. 眇能視. 利幽人之貞.

象曰. 利幽人之貞. 未變常也.

Cửu nhị.

Diếu năng thị. Lợi u nhân chi trinh.

Tượng viết:

Lợi u nhân chi trinh. Vị biến thường dã.

Dịch.

Chột mắt, mà vẫn trông nhìn.

Con người hiền đức, trinh bền, vẫn hay.

Tượng rằng:

Con người trinh chính vẫn hay,

Đạo thường lẽ phải, chẳng hay, chẳng rời.

Cửu nhị tượng trưng người vợ hiền. Lục ngũ tượng trưng người chồng dở. Vợ hay mà chồng dở, cũng khó dựng được nghiệp lớn, như người một mắt chỉ trông được gần, không tinh tường bằng người có đủ hai mắt **(Diếu năng thị).** Gặp tình cảnh ấy, nếu biết im hơi lặng tiếng, một lòng chung thủy với chồng là hay nhất **(Lợi u nhân chi trinh).** Hào từ này cũng có thể giải thích là, người vợ cả hiền thục, nhưng không được chồng yêu, mà lại đi yêu người vợ lẽ kém tài, kém đức hơn mình.*Tượng viết:* **Lợi u nhân chi trinh. Vị biến thường dã.**

Những người đàn bà hiền thục, thời dầu gặp hoàn cảnh nào cũng không thay lòng, đổi dạ. Trinh liệt như vậy, nên mới đẹp đẽ.

3. Hào Lục tam.

六 三 . 歸 妹 以 須 . 反 歸 以 娣 .

象 曰 . 歸 妹 以 須 . 未 當 也 .

Lục tam.

Quy Muội dĩ tu. phản quy dĩ đệ.

Tượng viết:

Quy muội dĩ tu. Vị đáng dã.

Dịch.

Vu quy, có lúc nên chờ,

Không chờ, lấy lẽ mới ra thân hèn.

Tượng rằng:

Vu quy có lúc nên chờ,

Dở dang, nên hãy đắn đo chờ thời.

Hào Lục tam, Âm nhu, bất trung, bất chính, không khéo xử, không biết chờ thời **(Quy muội dĩ tu),** nên không được làm vợ chính, mà phải cam phận làm vợ lẽ, nàng hầu **(Phản quy dĩ đệ).** Tu đây được hiểu là chờ đợi.

Kiến An Khâu thị giải đại khái rằng: Lục tam vốn hèn hơn Cửu nhị, mà lại ngạo nghễ muốn trèo đèo, đòi lấn át Cửu nhị, tức là người vợ cả, như vậy ắt sẽ bị ruồng rẫy, cứ nên cam phận lẽ mọn của mình thì hơn. Tu đây được hiểu là người con gái ti tiện.

Tượng viết: **Quy muội dĩ tu. Vị đáng dã.** Tượng Truyện cho rằng tất cả những chuyện éo le, dang dở của Lục tam, đều là do sự cư xử không thích đáng mà ra. Nên Kiến An Khâu thị cho rằng: Hào Sơ dưới, biết phận hầu thiếp của mình, ở ăn phải đạo, thế là cư xử đúng vị. Hào tam, Nhu mà đòi lướt Cương, Tiện mà đòi vượt Quí, thế là cư xử không chính đáng.

4. Hào Cửu tứ.

九四. 歸妹愆期.遲歸有時.

象曰. 愆期之志.有待而行也.

Cửu tứ.

Quy muội khiên kỳ. Trì quy hữu thì.

Tượng viết:

Khiên kỳ chi chí. Hữu đãi nhi hành dã.

Dịch.

Vu quy, phải hoãn, phải chờ,

Từ từ, cho hợp thời cơ mới là.

Tượng rằng:

Có gan, khoan dãn đợi chờ,

Đợi chờ, cho gặp thời cơ mới làm.

Cửu tứ là người con gái hiền đức, biết tự trọng, nhưng vì không có chính ứng, nên nói rằng **Khiên kỳ (**Chậm về nhà chồng). **Quy muội khiên kỳ.** Nhưng nếu mình biết chờ đợi, rồi ra cũng lấy được chồng hay, chậm về nhà chồng, nhưng rồi cũng về nhà chồng **(Trì quy hữu thì).**

Tượng Truyện cho rằng: Cửu tứ chậm đi lấy chồng, không phải vì ế chồng, mà là có ý kén chồng tốt mới chịu lấy **(Khiên kỳ chi chí. Hữu đãi nhi hành dã).** Thế là:

Lộc còn ẩn bóng cây tùng .

Thuyền quyên đợi bóng anh hùng vãng lai.

5. Hào Lục ngũ.

六五．　帝乙歸妹．其君之袂．不如其娣之袂良．月几望．吉．

象曰．　帝乙歸妹．不如其娣之袂良也．其位在中．以貴行也．

Lục ngũ.

Đế Ất quy muội. Kỳ quân chi duệ. Bất như kỳ đệ chi duệ lương.

Nguyệt cơ vọng. Cát.

Tượng viết:

Đế Ất quy muội. Bất như kỳ đệ chi duệ lương dã.

Kỳ vị tại trung. Dĩ quí hành dã.

Dịch.

Kìa vua Đế Ất gả em,

Nàng dâu, tay áo trông xem kém người,

Kém người lẽ mọn, tôi đòi.

Tôi đòi, lẽ mọn, trông ngoài sang hơn.

Vầng trăng xấp xỉ chưa tròn,

Vừa cao, vừa quí, vừa ngoan, vừa lành.

*T*ượng rằng: *Đế Ất gả em,*

Xuềnh xoàng áo xống, trông xem kém người.

Kém người phù tá, tôi đòi,

Xuềnh xoàng, dản dị, thế thời mới hay.

Vị cao, mà đức lại dày,

Trinh trung, nhu thuận ra người cao sang.

Lục ngũ bàn về chuyện vua Đế Ất gả em gái là Thái Tự cho vua Văn Vương. Đế Ất là vua giáp chót nhà Ân, trước vua Trụ. Đế Ất trị vì từ 1191 đến 1155 trước Công nguyên. Theo Trình Tử thì vua Đế Ất đã ra sắc chỉ quy định rằng công chúa mà lấy chồng, cũng phải vâng phục quyền chồng. Nàng dâu ở đây rất đức hạnh, không ưa trang điểm, nên phục sức có vẻ thua sút các nàng dâu đi theo phù dâu **(Kỳ quân chi duệ. Bất như kỳ đệ chi duệ lương).** Quân

đây là nàng dâu, là vợ cả. Xưa vợ cả được gọi là Nữ quân hay Quân mẫu. Nàng lại khiêm cung, không dám lấn át chồng. Như vậy mới là ngoan **(Nguyệt cơ vọng cát).**

Tượng Truyện khen nàng dâu nhã nhặn, không ưa phục sức lộng lẫy, và cho rằng sở dĩ được vậy là vì địa vị đã cao, xử xự lại đúng mức, hành vi lại thanh quí **(Đế Ất quy muội. Bất như kỳ đệ chi duệ lương dã. Kỳ vị tại trung. Dĩ quí hành dã).**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 女承筐無實. 士刲羊無血. 無攸利.

象曰. 上六無實. 承虛筐也.

Thượng Lục.

Nữ thừa khuông vô thực. Sĩ khuê dương vô huyết. Vô du lợi.

Tượng viết:

Thượng Lục vô thực. Thừa hư khuông dã.

Dịch.

Gái bưng một cái giỏ không,

Giai đem dê giết, máu hồng chẳng rơi.

Việc gì, cũng chẳng có lơi,

Việc gì cũng sẽ lôi thôi, chẳng toàn.

Tượng rằng: *Thượng Lục rỗng lòng,*

Thế là bưng cái giỏ không có đồ.

Xưa người vợ hiền, phải cộng tác với chồng để đồng tế lễ tiên tổ. Đó là một công chuyện hết sức hệ trọng, không thể làm hời hợt

được. Những bà vợ không làm tròn bổn phận tế lễ tiên tổ, có thể bị chồng trả về cha mẹ vợ. (Xem Li Ki, Couvreur II, 197).

Hào Thượng Lục đây đề cập đến trường hợp cả hai vợ chồng đều lỗi bổn phận trong khi tế lễ. Vợ thì dâng giỏ không **(Nữ thừa khuông vô thực),** chồng thì chọc tiết dê không ra máu, **(Sĩ khuê dương vô huyết).** Như vậy là cặp vợ chồng hỏng **(Vô du lợi),** không ăn đời, ở kiếp với nhau được, cho nên thay vì dùng chữ Phu Phụ, Hào từ dùng chữ Sĩ, Nữ. Người vợ mà không làm tròn phận sự tế lễ, dâng giỏ không, thời chắc chẳng phải là một người có thể cùng chồng tính kế bách niên, giai lão **(Thượng Lục vô thực. Thừa hư khuông dã).** Quẻ Quy Muội đã làm sống lại cả một dĩ vãng xa xăm, với những phong tục đặc biệt, mà nay khảo sát đến, ta không khỏi bỡ ngỡ một cách thích thú.

ÁP DỤNG QUẺ QUI MUỘI VÀO THỜI ĐẠI

Chế độ đa thê trong quẻ Quy Muội đã quá lỗi thời, không phù hợp hiện tại. Ngày nay ta ở trong chế độ **Một vợ, một chồng.** Nhưng sự lo lắng về hôn nhân cho con cái, thì quẻ Quy muội cũng khiến ta nên suy nghĩ, để rút tỉa những cái khôn ngoan của người xưa, mà áp dụng dung hòa cho ngày nay. Xưa, con gái mới 12, 13 tuổi, cha mẹ đã lo dựng vợ, gả chồng, con cái có yên bề gia thất, thì cha mẹ mới coi như đã làm tròn bổn phận. Nhưng ngày nay, tiêm nhiễm theo văn minh Âu Mỹ, những thanh thiếu niên ý thức được những cái hay của nước người là làm việc chuyên cần, chịu khó, thì đều thành công trong xã hội, còn những người chỉ trông thấy sự tự do của họ thì bắt chước theo, nhưng đã đi quá trớn như:

- **Tự do hôn nhân.** Thay vì được lựa chọn người yêu như ý mình, thì họ yêu đương bừa bãi, không cân nhắc, không suy nghĩ; thậm chí bất chấp lời khuyên can của cha mẹ, của các bậc bề trên, nhiều khi còn cho ra đời những đứa con không cha, và chính bản thân mình không có ai muốn cưới hỏi đàng hoàng. Vậy thử hỏi các bậc cha mẹ, có ai thoát khỏi nỗi đau lòng, khi trông thấy con cái mình như vậy? Quẻ Quy Muội giúp ta suy nghĩ và cân nhắc về sự suy tính của trí tuệ người xưa, và biến đổi nó lại, để áp dụng cho thời đại ngày nay. Trong bài này, ta chỉ đề cập đến vấn đề hôn nhân, và giáo dục con cái mà thôi..

Khi xưa, ở Trung Hoa, nhà có nhiều con gái, cháu gái, sợ có nhiều

người bị ế **chồng,** và khi đi lấy chồng là coi như phải xa nhà, mỗi khi muốn về thăm cha mẹ cũng khó khăn, phải được bố mẹ chồng hoặc chồng cho phép. Nếu gặp gia đình nhà chồng khắt khe, thì người nàng dâu đó rất cô đơn và khổ sở, nên xã hội phải đặt ra tục lệ như quẻ Quy Muội tả trên, cho em gái hoặc cháu gái cùng về nhà chồng, để làm hầu thiếp, để đỡ đần công việc, và chia xẻ ngọt bùi, cho cô dâu bớt cô đơn. Nhưng đồng thời, bậc cha mẹ cũng phải huấn luyện con gái mình, thành người hiền thục, khoan hồng, đại lượng, và các cô hầu thiếp đi theo cũng phải phục tùng, và thuận thảo, nếu ai làm trái ngược thì coi như mang tai họa đến cho nhà chồng. Do đó nhờ có sự giáo dục cẩn thận của cha mẹ, nên trên dưới một lòng.

Áp dụng vào ngày nay, thì cha mẹ nên để ý giáo dục con ngay từ lúc còn nhỏ, lo để ý tìm bạn cho con giao thiệp, trong đám con cháu của bè bạn mình, như vậy là mình phải dành chút thì giờ cuối tuần để lo giao thiệp, để dạy con làm công việc nội trợ, để đưa con đi chơi, để cho chúng thấy mình được cha mẹ thương yêu, lo lắng cho, chớ để cho con cái thấy mình bị cô đơn, không ai ngó ngàng tới, cả ngay bố mẹ chúng chỉ tối ngày lo làm tiền, mà không để ý gì đến chúng. Sự thật tiền thì ai cũng cần, nhưng con cái mình còn quan trọng hơn tiền. Như vậy con cái đã có tình yêu của cha mẹ đầy đủ, đã có bè bạn tốt, có giáo dục đầy đủ, thì sự sa đoạ cũng bớt đi nhiều, và như vậy việc **Hôn nhân** của chúng cũng làm ta bớt mệt óc, vì chúng có nhiều đối tượng tốt để so sánh, do đó cũng khó sa ngã. Và **Tự Do Hôn Nhân là tự do lựa chọn, với sự hướng dẫn của các bậc phụ huynh,** như vậy cũng làm cho ta yên trí và tin tưởng được phần nào.

55. 雷 火 豐 LÔI HỎA PHONG

豐序卦Phong Tự Quái
得其所歸者必大.
故受之以豐.
豐者大也.

Phong Tự Quái

Có nơi qui đáo, ắt thời lớn lao,

Cho nên, Phong mới tiếp vào,

Phong là phong đại, nhẽ nào chẳng to?

Có nơi qui tụ, sẽ đi đến chỗ thịnh đạt, phong doanh, nên sau quẻ Qui Muội là quẻ Phong.

I. Thoán.

Thoán từ.

豐 . 亨 . 王 假 之 . 勿 憂 . 宜 日 中 .

Phong. Hanh. Vương cách chi. Vật ưu. Nghi nhật trung.

Dịch.

Phong là phong thịnh, hanh thông,

Phong doanh, phi đấng cửu trùng, nào ai?

Đừng buồn, đừng sợ chuyện đời.

Hãy như mặt nhật, sáng soi giữa trời.

Khi đã đạt tới phong thịnh, mọi sự sẽ trở nên trôi chẩy **(Phong hanh).** Chỉ có các bậc vua chúa, mới đi đến chỗ phong đại được, vì chỉ có vua chúa, mới hội đủ điều kiện tinh thần, vật chất, nhân sự, để đi đến chỗ phong doanh, thái thịnh **(Vương cách chi).** Khi các bậc vương giả, đã đạt được tới giai đoạn thịnh đại, thì đừng có lo âu vì viễn ảnh suy vong trong tương lai, mà hãy nên như mặt trời giữa khung trời thẳm, chiếu soi cho thiên hạ

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖曰.豐.大也.明以動.故豐.王假之.尚大也.勿憂宜日中.宜照天下也.日中則昃.月盈則食.天地盈虛.與時消息.而況人於人乎？況於鬼神乎？

Phong. Đại dã. Minh dĩ động. Cố phong. Vương cách chi. Thượng đại dã. Vật ưu nghi nhật trung. Nghi chiếu thiên hạ dã. Nhật trung tắc trắc. Nguyệt doanh tắc thực. Thiên địa doanh hư. Dữ thời tiêu tức. Nhi huống ư nhân hồ? Huống ư quỉ thần hồ?

Dịch. Thoán rằng:

Phong là phong đại, lớn lao,

Thông minh, hoạt động lẽ nào chẳng phong.

Phong doanh, chỉ đấng cửu trùng,

Cửu trùng mới thích vẫy vùng, bao la.

Chuyện đời, đừng sợ đừng lo,

Hãy như mặt nhật, nhởn nhơ giữa trời.

Chiếu soi khắp chốn, khắp nơi,

Khắp cùng thiên hạ,chiếu soi rỡ ràng.

Vừng dương cao sẽ xế ngang,

Trăg tròn, rồi sẽ chuyển sang vơi, gầy.

Đất trời, lúc rỗng, lúc đầy,

Thăng trầm, tăng giảm, đổi thay theo thời.

Đất trời còn thế, nữa người.

Quỉ thần âu cũng một bài thịnh suy.

Thoán Truyện định nghĩa Phong là lớn lao.

Muốn đạt tới Phong đại phải:

1-Thông minh sáng suốt. 2- Có nghị lực để thực hiện các chương trình, ý định của mình. 3-Là bậc Vương giả, mới có mộng lớn lao, những đồ án vĩ đại, mới có những điều kiện tinh thần, vật chất, nhân sự, để thực hiện ý muốn của mình **(Minh dĩ động. Cố phong. Vương cách chi. Thượng đại dã).** Khi đạt tới mức phong doanh cao đại, bậc vương giả hãy cứ an tâm làm ơn ích, treo gương sáng cho đời, như mặt trời trên khung trời thẳm, tỏa quang huy cùng khắp chốn nơi. **(Vật ưu nghi nhật trung. Nghi chiếu thiên hạ dã).**

Tiếp theo, Thoán Truyện bàn về việc doanh hư của trời đất, và cho đó là một định luật phổ quát.

- Mặt trời lên đến tột đỉnh, rồi sẽ xế tà dần.

-Mặt trăng tròn rồi lại khuyết.

Trời đất theo đà thời gian, đầy rồi lại vơi, tăng rồi lại giảm, thì sự đời làm sao mà cứ thịnh mãi, mà chẳng có suy **(Nhật trung tắc trắc. Nguyệt doanh tắc thực. Thiên địa doanh hư. Dữ thời tiêu tức. Nhi huống ư nhân hồ. Huống ư quỷ thần hồ.)**

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

象 曰 . 雷 電 皆 至 . 豐 . 君 子 以 折 獄 致 刑 .

Lôi điện giai chí. Phong. Quân tử dĩ triết ngục trí hình.

Dịch. Tượng rằng:

Phong là sấm chớp song sinh,

Hiền nhân triết ngục, trí hình hẳn hoi.

Tội tình, xét xử cho đời,

Ngục hình áp dụng rạch ròi, phân minh.

Chớp tượng trưng cho sự sáng láng. Sấm tượng trưng cho sự uy nghi, mạnh mẽ. Cho nên, người quân tử nhân đó cũng phải dùng hết trí thông minh của mình, mà phán đoán các vụ hình án, dùng hết oai lực của mình, mà áp dụng các hình phạt. Trái lại Đại Tượng quẻ Phệ hạp, dạy người quân tử phải dùng trí thông minh của mình mà lập ra các luật pháp và các hình phạt.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 遇 其 配 主 . 雖 旬 無 咎 . 往 有 尚 .

象 曰 . 雖 旬 無 咎 . 過 旬 災 也 .

Sơ Cửu.

Ngộ kỳ phối chủ. Tuy tuần vô cữu. Vãng hữu thượng.

Tượng viết:

Tuy tuần vô cữu. Quá tuần tai dã.

Dịch.

Gặp người đồng đức kết đôi,

Ta, người cân xứng, vậy thời lỗi chi.

Tiến lên, sẽ được thỏa thuê.

Tượng rằng: Cân xứng lỗi chi,

Còn như chênh lệch, sẽ bề tai hung.

Quẻ Phong gồm có Chấn là động, mà quẻ Ly là lửa.

Ý nói muốn làm nên phong đại, cần phải phối hiệp sự quang minh với nghị lực để hành động.

Hào Sơ đây ứng với Hào tứ, chẳng khác nào gặp người cộng sự đồng cân, đồng lạng. Được vậy, chẳng những không có gì đáng trách **(Ngộ kỳ phối chủ. Tuy tuần vô cữu),** mà lại giúp mình lập được công nghiệp đáng khen **(Vãng hữu thượng).**

Tượng Truyện cho rằng, hai người cộng sự với nhau, mà không có óc tranh hơn, tranh thắng, mới hay, còn như nếu có óc tranh dành hơn thiệt, thì âu sẽ bị tai hoạ. (Tuần là cân xứng với nhau. Quá tuần là chênh lệch không cân xứng) **(Tuy tuần vô cữu. Quá tuần tai dã).**

2. Hào Lục nhị.

六二. 豐其蔀.日中見斗.往得疑疾.有孚 發若.吉.

象曰. 有孚發若.信以發志也.

Lục nhị.

Phong kỳ bộ. Nhật trung kiến đẩu. Vãng đắc nghi tật.

Hữu phu phát nhược. Cát.

Tượng viết:

Hữu phu phát nhược. Tín dĩ phát chí dã.

Dịch.

Dày mà dày bức màn che,

Trưa nhìn sao nhỏ lập lòe thinh không.

Tiến lên sẽ bị nghi lòng,

Chí thành tự thủ, mới mong cảm người.

Tượng rằng:

Chí thành tự thủ cảm người,

Tín thành là cách để khơi tâm tình.

Lục nhị cư trung, đắc chính, tượng trưng cho một hiền thần, lại ở giữa quẻ Ly, nên rất sáng suốt.

Nhưng Lục ngũ thì lại Âm nhu bất chính, hôn ám, nghe lời sàm tấu, không tin dùng Lục nhị, tình trạng này chẳng khác nào khi trời có Nhật thực, giữa ban ngày thấy chòm sao Bắc đẩu hiện ra trên trời **(Phong kỳ bộ. Nhật trung kiến đẩu). (**Bộ đây là dày đặc, đến nỗi làm mất hết ánh sáng mặt trời). Gặp trường hợp này, mà nếu Lục nhị cứ tiến lên, cứ muốn dở dói, hoạt động thì sẽ chuốc lấy sự nghi kỵ **(Vãng đắc nghi tật).** Hay nhất là dùng lòng chí thành của mình, mà cảmhóa, mà mở mang tâm trí quân vương. **(Hữu phu phát nhược. Cát).**

Tượng Truyện giải rằng: Dùng lòng chí thành của mình, cốt là để mở mang tâm tình, ý chí của vua vậy **(Hữu phu phát nhược. Tín dĩ phát chí dã).**

Hào này làm ta liên tưởng đến Chu Công. Khi Võ Vương mất (1114 trước Công Nguyên), con nối ngôi là Thành Vương còn nhỏ, mới 13 tuổi, Chu Công phải chấp chính. Bọn Quản Thúc, Thái Thúc và Hoắc Thúc, đều là anh em ruột của Chu Công, phao tiếng đồn là Chu Công muốn tranh ngôi vua Thành Vương, và bọn ấy còn mưu tính tiếp tay cho Vũ Oanh (con Trụ Vương) phản loạn. Chu Công phải bỏ triều chính một thời gian ngắn, rồi về phía Đông ở, để dẹp yên lòng nghi kỵ trong gia đình và dị nghị của thiên hạ. Đến khi biết lòng của chú, Thành Vương thân chinh đi đón Chu Công về (1112), và giao phó cho việc dẹp loạn Vũ Oanh. Chu Công bình định phản loạn, tổ chức trị yên bốn bể làm cho Trung Quốc trở

nên phú cường, thái thịnh.

3. Hào Cửu tam.

九三. 豐其沛.日中見昧.折其右肱. 無咎.

象曰. 豐其沛.不可大事也.折其右肱. 終不可用也.

Cửu tam.

Phong kỳ bái. Nhật trung kiến muội. Triết kỳ hữu quăng. Vô cữu.

Tượng viết :

Phong kỳ bái. Bất khả đại sự dã. Triết kỳ hữu quăng.

Chung bất khả dụng dã.

Dịch.

Phong mà cờ xí dày che,

Trưa nhìn sao nhỏ lập loè thinh không.

Như què tay mặt hết dùng,

Sự đời đến thế, còn hòng trách ai.

Tượng rằng:

Dày mà cờ xí dày che,

Phàm làm đại sự, khó bề nên công.

Đã què tay mặt, hết dùng,

Còn dùng chi nữa, mà mong mai này.

Tới Hào Cửu tam, thì sự khuất lấp của nhà vua lại còn tệ hại hơn nữa, chẳng khác nào mặt trời bị nhật thực hoàn toàn, đến nỗi giữa ban ngày thấy rõ cả những ngôi sao nhỏ. **(Phong kỳ bái. Nhật trung kiến muội). (**Bái là cái màn kín mít. Muội là sao nhỏ). Gặp trường hợp này, Cửu tam dẫu có tài, có đức mấy cũng như gẫy hẳn tay mặt, khó bề xoay trở **(Triết kỳ hữu quăng).** Nhưng như thế, đâu phải do lỗi của Cửu tam (**Vô cữu).**

Khi đã gặp trường hợp tiểu nhân bưng bít nhà vua như vậy, thì mình làm sao làm công chuyện lớn được **(Phong kỳ bái. Bất khả đại sự dã).** Chẳng khác nào tay phải đã bị gẫy, làm sao mà còn dùng được **(Triết kỳ hữu quăng. Chung bất khả dụng dã).**

4. Hào Cửu Tứ.

九四.　豐其蔀.日中見斗.遇其夷主.吉.

象曰.　豐其蔀.位不當也.日中見斗.幽不明也.

遇其夷主.吉.行也.

Cửu tứ.

Phong kỳ bộ. Nhật trung kiến đẩu. Ngộ kỳ di chủ. Cát.

Tượng viết:

Phong kỳ bộ. Vị bất đáng dã. Nhật trung kiến đẩu.

U bất minh dã. Ngộ kỳ di chủ. Cát hành dã.

Dịch.

Dày mà dày bức màn che,

Trưa nhìn sao đẩu lập lòe thinh không.

Dưới mình, nếu có bạn lòng,

Gặp người đồng đức, mới mong tốt lành.

Tượng rằng: *Dày bức màn che,*

Vị ngôi còn có lắm bề dở dang.

Trưa nhìn sao đẩu rõ ràng,

Tối tăm mù mịt, sang làm sao đây?

Gặp người đồng đức, mới hay,

Đi tìm gặp gỡ, mới may mới lành.

Khi nhà vua bị tiểu nhân bưng bít, như mặt trời bị khuất lấp, bị nhật thực, ban ngày trông rõ cả sao Bắc Đẩu, thì bậc Đại thần chỉ có cách kết liên với những người đông tâm, đồng đức, như vậy mới là hay.

Tượng Truyện giải thích thêm rằng: Cửu tứ vì ở vào địa vị không được hẳn hoi, nhưng chẳng khác nào như bị bưng bít **(Phong kỳ bộ. Vị bất đáng dã).** Đàng khác, thì nhà vua hôn ám, chẳng khác nào mặt trời bị nhật thực, đến nỗi ban ngày cũng thấy sao Bắc Đẩu **(Nhật trung kiến đẩu. U bất minh dã).** Trong trường hợp ấy, mà gặp được người đồng tâm, đồng đức, cộng tác với mình. Thì mọi sự mới là hay **(Ngộ kỳ di chủ. Cát hành dã).** Di chủ là người cộng tác với mình.

5. Hào Lục ngũ.

六五. 來章.有慶譽.吉.

象曰. 六五之吉.有慶也.

Lục ngũ.

Lai chương. Hữu khánh dự . Cát.

Tượng viết:

Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã.

Dịch.

Nếu mà chiêu mộ hiền tài,

Thế thời phúc khánh, thế thời vẻ vang.

Tượng rằng: *Lục ngũ mà hay,*

Thế thời phúc khánh, đó đây đã đành.

Lục ngũ là một bậc quân vương không lấy gì làm xuất sắc, cho nên cần phải biết hạ mình mà cầu người hiền**,** chiêu mộ những bậc hiền tài **(Lai chương).** Như vậy mới được phúc khánh **(Hữu khánh).** Dùng được hiền tài, thời phong doanh, thái thịnh mới có cơ thực hiện, và như vậy mới được vẻ vang, danh giá, còn gì tốt lành hơn nữa **(Dự cát).**

Cái hay của Lục ngũ chính là được phúc khánh vậy **(Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã).**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 豐其屋. 蔀其家. 窺其戶.闃其無人. 三歲不見. 凶.

象曰. 豐其屋. 天際翔也. 窺其戶. 闃 其無人. 自藏也.

Thượng Lục.

Phong kỳ ốc. Bộ kỳ gia. Khuy kỳ bộ. Huých kỳ vô nhân.

Tam tuế bất địch. Hung.

Tượng viết:

Phong kỳ ốc. Thiên tế tường dã. Khuy kỳ bộ.

Huých kỳ vô nhân. Tự tàng dã.

Dịch.

Tuy là gia thế phong doanh,

Màn che, trướng rủ bao quanh lấp nhà.

Từ trong cánh cửa nhìn ra,

Tứ bề quạnh quẽ, hỏi là còn ai ?

Ba năm chẳng thấy bóng người,

Sự tình đến thế, thế thời chẳng hay.

Tượng rằng: *Gia thế phong doanh,*

Một mình tung cánh tầng xanh, liệng vòng.

Từ trong khe cửa vời trông,

Mòn con mắt ngó, tuyệt không bóng người.

Mình che, mình dấu, mình vùi,

Mình xa chẳng phải tự người muốn xa.

Một kẻ chỉ mong vinh thân, phì gia, kiêu căng vô lối, sẽ mất nhân tâm, và sẽ sống một cuộc đời cô độc. Có khác nào một người bưng bít nhà mình, **(Phong kỳ ốc. Bộ kỳ gia),** rồi nhìn qua khe cửa, chung quanh chẳng thấy một ai **(Khuy kỳ bộ. Huých kỳ vô nhân).** Tứ bề quạnh quẽ, mấy năm trời cũng chẳng thấy ai lai vãng, thế là xấu, chẳng có ra gì **(Tam tuế bất địch. Hung)**.

Một người cao ngạo, sống cô độc, bưng bít, xa cách mọi người như vậy, chẳng khác nào như bay bổng lên trời, **(Phong kỳ ốc. Thiên tế tường dã).** Không thấy ai chung quanh mình, chính là vì mình đã có thái độ xa cách đối với mọi người vậy **(Huých kỳ vô nhân. Tự tàng dã).**

Tự tàng là tự mình che bít mình.

ÁP DỤNG QUẺ PHONG VÀO THỜI ĐẠI

Phong là giàu có, thái thịnh. Quẻ Phong trên là Lôi (Sấm), dưới là Ly (lửa, sáng). Ý nói muốn trở nên giàu có, con người cần phải cố gắng, nỗ lực (Lôi), phải thông minh, sáng suốt(Ly). Khi mình đã cố gắng, đã hết sức suy tư, thì dẫu sự đời có thăng trầm, biến hóa, ta cũng đừng có ngại.

Ở đời, chúng ta thấy nguyên kiếm được miếng cơm, manh áo, nhiều khi cũng rất là khó khăn. Ta có những câu như Hai sương, một nắng, nghĩa là làm việc từ tờ mờ sáng, lúc còn sương mù, cho đến đêm khi bắt đầu có sương. Ngay xứ Mỹ này, còn biết bao người chẳng những đi làm toàn thời gian, mà còn làm thêm nhiều giờ phụ trội để kiếm ăn nữa .

Nhưng bao giờ cũng như bao giờ, chúng ta vẫn cần những người lãnh đạo cho hay, cho giỏi, sống gần dân, chứ không bị bao che, bưng bít, sống không biết dân là gì

Ngày nay, tuy rằng Khoa học đã tiến bộ, nhưng Đạo đức lại thụt lùi, nên tệ đoan của xã hội không giảm được bao nhiêu, mà ở các nước nghèo, chậm tiến, lại càng tệ hơn nữa.

Vậy bổn phận làm người dân của nước nào chăng nữa (dù chính thức hay bán chính thức), nếu chúng ta muốn quốc gia, mà ta đang hiện cư ngụ, được phong thịnh, ta cũng phải có bổn phận cộng tác với chính quyền, giúp đỡ chính quyền trong mọi vấn đề, dù nhẹ nhàng hay nan giải, nếu một khi chính quyền cần đến sự cộng tác của ta.

Ta đừng nên đòi hỏi sự hoàn hảo, hoàn toàn nơi chính quyền, vì quyết nghị của một đạo luật nào, thì cũng là ý kiến của một số người mà thôi, mà đã là người thì không thể không có sai lầm,nên thấy điều gì sai lầm, ta phải mạnh dạn đứng lên vạch rõ sự sai lầm đó, và thành khẩn đưa ra những ý kiến xây dựng của mình, yêu cầu họ cứu xét lại.

Ta phải cộng tác với chính quyền trong việc bài trừ tham nhũng, lưu manh, du đãng, buôn xì ke, ma túy vv... để lành mạnhhóa xã hội.

Tóm lại, đừng bưng bít những gì xấu xa, tệ hại. Phải can đảm đứng lên cộng tác với chính quyền, dù kẻ xấu đó là nhân viên cao

cấp của chính quyền cũng đừng sợ hãi. Luôn luôn, phải nhớ rằng, sự thái thịnh của quốc gia, là sự thái thịnh của mình vậy. Nếu quốc gia mà nghèo nàn, công nợ, thì con dân trong nước làm sao được chính phủ lo lắng, hoặc chăm sóc chu toàn cho mình được. Hãy làm tròn bổn phận một người công dân có trách nhiệm với nước của mình, hay với nước mình đang cư ngụ. Như vậy mới xứng đáng là người quân tử, giúp đời, giúp nước.

56. 火 山 旅 HỎA SƠN LỮ

旅序卦Quái
豐者大也đại dã.
窮大者必失其Bất kỳ cư.
故受之以旅Lữ.

Lữ Tự Quái

Phong là phong đại, lẽ nào chẳng to.

Quá to sẽ mất sở cư,

Cho nên Quẻ Lữ bây chừ tiếp theo.

Phong doanh, thái thịnh quá sẽ mất sự an tĩnh, cho nên sau quẻ Phong là quẻ Lữ. Lữ là lữ thứ, lữ hành.

Lữ trên là Ly, là lửa; Dưới là Cấn, là núi,là ngưng nghỉ. Lửa bay đi, không ở yên một chỗ, nên gọi là Lữ.

I. Thoán.

Thoán từ.

旅 . 小 亨 . 旅 貞. 吉 .

Lữ. Tiểu hanh. Lữ trinh. Cát.

Dịch.

Lữ là lữ thứ, lữ hành,

Trông mong chút đỉnh thông hanh được rồi.

Chiếc thân lữ thứ quê người.

Sao cho chính đáng, âu thời mắn may.

Đã lữ thứ, tha phương, dĩ nhiên là chẳng được hanh thông cho lắm, nên phải minh chính, mới hay.

Thoán Truyện.

彖 曰 . 旅 . 小 亨 . 柔 得 中 乎 外 . 而 順 乎 剛 . 止 而 麗 乎 明 . 是 以 小 亨 . 旅 貞 吉 也 . 旅 之 時 義 大 矣 哉 .

Lữ. Tiểu hanh. Nhu đắc trung hồ ngoại. Nhi thuận hồ cương. Chỉ nhi lệ hồ minh. Thị dĩ tiểu hanh. Lữ trinh cát dã. Lữ chi thời nghĩa đại hỹ tai.

Dịch. Thoán rằng:

Lữ thứ, lữ hành,

Cầu mong chút đỉnh thông hanh được rồi,

Nhu mì, trung chính với ngoài,

Và còn thuận phục những người quyền uy,

Luôn luôn cư xử hợp nghì,

Luôn luôn sáng suốt, tế vi, tinh tường.

Cho nên khỏi chuyện nhỡ nhàng,

Lữ là minh chính, mới ngoan, mới lành.

Trong khi lữ thứ, phiêu linh,

Ở ăn đúng mức, tài đành lớn lao.

Thoán Truyện bàn về lối cư xử cần phải có khi tha hương lữ thứ. Thoán cho rằng: Lữ thứ giỏi lắm là được mát mặt, an thân, chứ không thể nào thỏa chí vẫy vùng như nguyện được. Đi ra ngoài, phải biết nhu thuận, từ tốn, xử sự cho khéo léo **(Nhu đắc trung hồ ngoại),** lại phải biết chiều ý người có quyền thế ở nơi mình cư

ngụ **(Nhi thuận hồ cương).** Phải xử sự cho sáng suốt **(Chỉ nhi lệ hồ minh),** như vậy mới được xong xả, hẳn hoi **(Thị dĩ tiểu hanh**).

Có xử sự cho hay, cho phải, thì mới được an lành khi lữ thứ **(Lữ trinh cát dã).** Biết xử sự khi lưu lạc nước người, thực là một chuyện lớn vậy **(Lữ chi thời nghĩa đại hỹ tai).**

Tha hương, lữ thứ khó sống, là vì hoàn cảnh hoàn toàn mới lạ, bạn bè thân thích hầu như không có, giá trị của mình ít người biết đến; ấy là chưa kể bị chèn ép, thiếu phương tiện sinh nhai v.v...

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết.

象 曰 . 山 上 有 火 . 旅 . 君 子 以 明 慎 用 刑 . 而 不 留 獄.

Sơn thượng hữu hỏa. Lữ. Quân tử dĩ minh thận dụng hình. Nhi bất lưu ngục.

Dịch. Tượng rằng:

Lữ là lửa cháy đầu non,

Ngục hình quân tử chăm nom tận tường,

Phân minh cẩn trọng đôi đường,

Ngục tù đâu phải nơi trường cửu đâu ?

Trên núi có lửa là Lữ, người quân tử theo đấy sẽ sáng suốt, thận trọng khi ra hình phạt, và không kéo dài các vụ hình án, giam cứu.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào dạy cách cư xử khi lữ thứ. Lưu lạc ở nước ngoài, phải mềm dẻo, chứ không được cứng cỏi. Nhưng không vì thế mà có những cử chỉ hèn hạ **(Hào Sơ).**

Khi tha hương, cần phải có nơi trú ngụ, có tiền tiêu dùng, có khí giới phòng thân, nếu được có tôi tớ hầu hạ càng hay, lại cần phải được lòng người trên, người dưới.

Thời Xuân Thu, tha hương, lữ thứ là chuyện thường xẩy ra. Điển hình nhất là trường hợp Tấn Văn Công khi còn hàn vi, và Khổng Tử khi chu du Liệt quốc.

1. Hào Sơ Lục.

初六. 旅瑣瑣.斯其所取災.

象曰. 旅瑣瑣.志窮災也.

Sơ Lục.

Lữ tỏa tỏa. Tư kỳ sở thủ tai.

Tượng viết:

Lữ tỏa tỏa. Chí cùng tai dã.

Dịch. Sơ Lục.

Lữ mà đốn mạt, hư hèn,

Thế thời tai họa chuốc liền vào thân.

Tượng rằng: *Lữ thứ hư hèn,*

Lo quanh, lo quẩn, mắc liền họa tai.

Sơ Lục Âm nhu, sống cuộc đời lữ thứ, mà lại ở địa vị quá thấp. Một người tha hương, mà tư cách lại hèn kém Tỏa tỏa là ti tiện, hèn kém **(Lữ tỏa tỏa),** thì chỉ có thể chuốc lấy tai ương **(Tư kỳ sở thủ tai).**

Hào Sơ tài hèn, vị kém, chí khí cũng ươn hèn, cho nên mới lo quanh, tính quẩn, và bị tai họa **(Lữ tỏa tỏa. Chí cùng tai dã).**

2. Hào Lục nhị.

六二. 旅即次.懷其資.得童仆貞.

象曰. 得童仆貞.終無尤也.

Lục nhị.

Lữ tức thứ. Hoài kỳ tư. Đắc đồng bộc trinh.

Tượng viết:

Đắc đồng bộc trinh. Chung vô vưu dã.

Dịch.

Lữ mà có chốn nghỉ ngơi,

Có tiền chi dụng, có người tớ trung.

Tượng rằng: *Có tớ trung cang,*

Rồi ra sẽ khỏi phàn nàn, kêu ca.

Lục nhị nhu thuận, đắc trung, đắc chính, nên tượng trưng cho một người lữ thứ. Người xưa lưu lạc, thường được nhờ những gia thần tốt. Loan Doanh, đại thần nước Tấn, bị hàm oan, phải trốn sang nước ngoài. Gia thần là Tân Du, liền thâu nhập gia tài mình, chở hai, ba xe ra ngoài thành để đi theo Loan Doanh. Vì có lệnh cấm không được cho ai theo Loan Doanh, nên Tân Du bị quân sĩ giải tới Tấn Vương.

Tân Du viện cớ đã ba đời làm tôi cho nhà họ Loan, nên nhất định xin đi theo Loan, để trọn tình chung thủy với chủ lúc hoạn nạn. Tấn vương thấy Tân Du là người trung nghĩa, nên muốn giữ lại làm quan với mình, nhưng Tân du một mực xin đi, Tấn Vương đành phải cho phép.

Lại như Tấn Văn Công, lưu lạc xứ người, đã được bọn Triệu Thôi, Tư Thần, Ngụy Thù, Hồ Mao, Hồ Yển, Giới Tử Thôi v.v... theo phò tá, nên sau đã lập nên nghiệp bá. (Xem Đông Chu Liệt quốc, trg, 366- 367)

Tượng Truyện không nhắc tới nhà cửa, tiền bạc, mà chỉ nhắc tới đầy tớ trung nghĩa. Mới hay, người trọng hơn của. Được đầy tớ trung kiên, cuối cùng cũng không ai trách móc mình được gì cả**(Đắc đồng bộc trinh. Chung vô vưu dã).**

3. Hào Cửu tam.

九三．　旅焚其次．喪其童仆．貞厲．

象曰．　旅焚其次．亦以傷矣．以旅與下．其義喪也．

Cửu tam.

Lữ phần kỳ thứ. Táng kỳ đồng bộc. Trinh lệ.

Tượng viết:

Lữ phần kỳ thứ. Diệc dĩ thương hĩ. Dĩ lữ dữ hạ. Kỳ nghĩa táng dã.

Dịch.

Lữ hành nhà trọ cháy tiêu,

Mà xem tôi tớ, có chiều ngãng ra.

Thế là lâm cảnh nguy cơ.

Tượng rằng: *Lữ quán cháy tiêu,*

Chiếc thân lữ thứ, lắm điều rủi ro.

Tôi đòi mình chẳng mặn mà,

Tình thày, nghĩa tớ, hỏi là còn chi.

Khi tha hương, lữ thứ, phải nhu thuận, khéo ăn, khéo ở mới hay. Đằng này Cửu tam lại cứng cỏi, vụng xử, cao ngạo (Vì Tam ở trên cùng quẻ Cấn. Cấn là núi, mà núi thì cao ngạo), vì thế nên mất lòng người trên, có khác nào như quán xá bị đốt, làm sao mà ở yên

được **(Lữ phần kỳ thứ).** Hơn nữa, lại cũng mất lòng kẻ dưới **(Táng kỳ đồng bộc)**. Như vậy, dẫu mình ngay thẳng mấy cũng lâm nguy **(Trinh lệ).**

Lúc lữ thứ mà không có nơi ăn, chốn ở, dĩ nhiên là bị khốn khổ, bị thương tổn **(Lữ phần kỳ thứ. Diệc dĩ thương hĩ).**

Trong khi tha hương, lữ thứ mà còn cao ngạo, còn đối với người dưới không ra gì **(Dĩ lữ dữ hạ),** thì làm sao mà chẳng mất lòng họ, làm sao mà tôi tớ chẳng bỏ mình **(Kỳ nghĩa táng dã).**

4. Hào Cửu tứ.

九四. 旅于處.得其資斧.我心不快.

象曰. 旅于處.未得位也.得其資斧.心未快也.

Cửu tứ.

Lữ vu xử. Đắc kỳ tư phủ. Ngã tâm bất khoái.

Tượng viết:

Lữ vu xử. Vị đắc vị dã. Đắc kỳ tư phủ. Tâm vị khoái dã.

Dịch.

Lữ mà có chốn ở ăn,

Tiền nong, khí giới phòng thân đàng hoàng.

Thế mà tâm vẫn chẳng an.

Tượng rằng:

Lữ tuy có chốn ở ăn,

Vị ngôi chưa được thập phần hẳn hoi.

Tiền nong, khí giới sẵn rồi,

Nhưng mà lòng vẫn bồi hồi chửa yên.

Cửu tứ tuy cương mà biết xử nhu (Cương Hào cư Âm vị), lại ở dưới cùng Thượng quái, như vậy là người biết khu xử **(Lữ vu xử).** Dưới ứng với Sơ Lục, trên thời kề cận với Lục ngũ là người quyền quí, như vậy có khác nào một người lữ thứ mà có tiền bạc tiêu xài **(Đắc kỳ tư),** có khí giới phòng thân **(Phủ)** đâu?

Tuy nhiên, Cửu tứ vì vị ngôi không chính đáng, nên chẳng bao giờ được vừa lòng; cũng như người lưu lạc quê người, dầu ăn sung, mặc sướng, nhưng vẫn cảm thương cho thân phận lạc loài, vẫn thờ ơ với hoàn cảnh, vẫn phải đóng vai bàng quan, đình đám người mẹ con ta, nên không baogiờ vui được **(Ngã tâm bất khoái).** Người lữ thứ buồn khổ chính là vì phải đóng vai trò bất đắc dĩ, và ở trong một hoàn cảnh giả tạo **(Lữ vu xử. Vị đắc vị dã. Đắc kỳ tư phủ. Tâm vị khoái dã).**

5. Hào Lục ngũ.

六五．　射雉一矢亡.終以譽命.

象曰．　終以譽命.上逮也.

Lục ngũ.

Xạ trĩ. Nhất thỉ vong. Chung dĩ dự dã.

Tượng viết:

Chung dĩ dự mệnh. thượng đãi dã.

Dịch.

Bắn chim trĩ, mất một tên,

Rồi ra danh giá, chức quyền ung dung.

Tượng rằng:

Rồi ra danh giá, chức quyền,

Thế là đã bước được lên trên rồi.

Lục ngũ văn minh, nhu thuận, mà lại đắc trung. **Minh** nên quán triệt nhân tình, **Nhu** nên xử sự hợp thời, hợp cảnh, cho nên trên, dưới đều bằng lòng. Mình khéo, mình hay nên sau sẽ được danh giá, phúc lộc **(Xạ trĩ nhất thỉ vong. chung dĩ dự mệnh).** Người xưa, đi đến đâu thường dùng một con chim trĩ để nạp lễ tương kiến. Mất một mũi tên, bắn được con chim trĩ, làm lễ vật tương kiến, mà được danh giá, may mắn, chẳng hay lắm sao?

Tượng cho rằng: Cửu ngũ được may mắn, là vì được cấp trên cố cập đến **(Thượng đãi)** (Trình tử giải).

Phan Bội Châu giải **Thượng đãi** là tiến lên ngôi tột bậc. Cửu ngũ đây không phải là ngôi vua, vì vua mà tha hương thì cũng mất chức vị. Trùng Nhĩ cùng tùng giả sang Tần. Tần Mục Công muốn gả Hoài Doanh là con mình cho Trùng Nhĩ. Hoài Doanh trước đã lấy Thế Tử Ngữ, nên Trùng Nhĩ ý không muốn lấy. Các gia thần bàn rằng nếu muốn trở về làm vua nước Tấn sau này, thì phải lấy Hoài Doanh; nếu cứ bo bo tiết nhỏ, ắt sẽ mất việc to, sau e ăn năn chẳng kịp. Trùng Nhĩ mới khứng chịu. Quả nhiên sau này, Tần Mục Công giúp Trùng Nhị trở về làm vua nước Tấn.

Thế thực là: **Nhất thỉ vong. Chung dĩ dự mệnh.** Mất một mũi tên, mà sau nên danh giá (Xem Đông Chu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, trg 457).

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 鳥焚其巢.旅人先笑后號啕.喪牛于易.凶.

象曰. 以旅在上.其義焚也.喪牛于易.終莫之聞也.

Thượng Cửu.

Điểu phần kỳ sào. Lữ nhân tiên tiếu hậu Hào đào. Táng ngưu vu dị.

Hung.

Tượng viết:

Dĩ lữ tại thượng. Kỳ nghĩa phần dã. Táng ngưu vu dị.

Chung mạc chi văn dã.

Dịch.

Chim mà đánh cháy tổ mình,

Lữ nhân cười trước, âu đành khóc sau,

Khinh tâm, để xổng mất trâu,

Thế thời hung họa, có đâu tốt lành.

Tượng rằng:

Lữ mà ăn chốc, ngồi trên,

Thế là nhen nhúm lửa ghen tức mình.

Mất trâu, vì tội coi khinh,

Chẳng còn nghe thấy lời lành, lời hay.

Thượng Cửu ở địa vị cao quí, lại cứng cỏi (Dương cương), cao ngạo, thì làm sao mà được lòng người, làm sao mà an thân được, có khác nào con chim bị cháy tổ đâu? **(Điểu phần kỳ sào).** Sống nơi đất khách mà cư xử như vậy, ắt sẽ trước vui, sau buồn, trước cười sau khóc **(Lữ nhân tiên tiếu hậu Hào đào).** Gặp lúc thư thái dễ chịu, mà bỏ mất cách cư xử nhu thuận của mình, thời chắc không hay **(Táng ngưu vu dị. Hung).** Ngưu là trâu, nghĩa bóng là nhu thuận.

Ở thời Lữ, mà tự tôn, tự đại, thì dĩ nhiên gặp tai hoạ, có khác nào con chim bị đốt tổ đâu? **(Dĩ lữ tại thượng. Kỳ nghĩa phần dã).** Khi đã cao ngạo, khi đã mất sự mềm dẻo, uyển chuyển, sẽ khăng khăng một mực, ai mà can ngăn được? **(Táng ngưu vu dị. Chung mạc chi văn dã).**

ÁP DỤNG QUẺ LỮ VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay, cả triệu người Việt đang sống trong cảnh lữ thứ tha hương. Sống nơi xứ người, đừng nên đòi hỏi cao quá, phải hòa mình với người bản xứ mà làm ăn, miễn sao gia đình được đầy đủ, con cái được ăn học là may lắm rồi. Đừng luyến tiếc dĩ vãng, đừng mơ mộng tương lai quá cao, mà phải biết sống với thực tại. Phải luôn luôn giữ nhân cách của mình, đừng làm gì quá đáng để người bản xứ khinh mình, do đó coi thường dân tộc mình.

Nếu may mắn, ta có một chút địa vị trong xã hội, thì ta đừng nên kiêu căng phách lối, vì dù ta có giầu sang đến đâu chăng nữa, thì ta cũng chỉ mới lo được cho vợ con ta, chưa chắc gì đã lo được cho cha mẹ, anh em, đừng nói chi đến quốc gia xã hội. Thế nhưng đã có những người chưa có danh vọng gì gọi là tiếng tăm, chưa có tiền bạc gì nhiều gọi là giầu có, chưa có đức độ gì gọi là vị vọng, thì đã lên mặt, ra oai với người đồng chủng. Lại có những người, lợi dụng những người trình độ còn thấp kém, buôn thần, bán thánh, lừa bịp thiên hạ. Hơn nữa có người lại luôn muốn trèo đầu, cưỡi cổ thiên hạ, tự coi mình như là nguyên thủ quốc gia của những người dân lữ thứ, để mưu lợi công danh, tài lộc cho cá nhân mình, mà họ không bao giờ tự hỏi họ đã có tài đức gì, và tương lai họ có thể mang lại gì cho dân.

Cho nên, tốt hơn hết chúng ta đừng bao giờ ở trong các loại người học vấn nửa mùa, văn dốt, vũ dát, mà lại kiêu căng, phách lối trên. Làm bậy bạ, hậu quả không chóng thì chầy, cũng bị tai hoạ mà thôi.

Lúc buổi đầu, ta sẽ gặp khó khăn khi mới lập nghiệp, vì xứ lạ quê người, tiếng nói bản xứ còn chưa quen, nhưng dần dà mỗi ngày mỗi hơn, cái quan trọng của đời ta không phải ở nơi đâu, mà ngay trong gia đình ta. Ta phải cố gắng tạo một mái gia đình ấm cúng, giáo dục con cái cho đàng hoàng, để họ trở nên những phần tử có ích cho nhà, cho nước mai sau. Còn như, nếu gia đình ta, ta còn không lo nổi, vợ con ta còn không kính trọng ta, con cái ta còn là những phần tử bụi đời, lưu manh, du đãng, bản thân ta còn chưa có nghề nghiệp vững vàng, còn phải trông vào sự trợ giúp của nước bạn, thì sao ta có thể đòi đứng lên xây dựng một quốc gia? Ai tin? Ai theo?. Phải chăng có phải đó là tự lừa người, lừa mình không? Tóm lại, người lữ thứ, tha hương nên biết **Tri túc, Tiện**

túc,cố gắng học hỏi, cầu tiến để không thua kém người dân bản xứ, đó là may mắn lắm rồi vậy.

57. 巽 為 風　TỐN VI PHONG

BÁT THUẦN TỐN

巽序卦　Tốn Tự Quái

旅而无所容.

故受之以巽.

巽者入也

Tốn Tự Quái

Lữ mà chẳng chốn đường vào.

Lữ mà chẳng có chốn nào dung thân.

Cho nên Tốn mới theo chân,

Tốn vào, vả lại có phần sướng vui.

Sau quẻ Lữ là quẻ Tốn, vì lẽ rằng khi cô thân, chích ảnh nơi quê người, khi lữ thứ, tha hương, mà không có chốn dung thân, thời phải từ tốn, mềm mỏng, khéo léo, mới có thể gây được cảm tình, mới chinh phục được lòng người.

Tốn có nhiều nghĩa: ***Cây, *Gió, *Mệnh lệnh, *Mềm mại, *Từ tốn, *Xâm nhập, *Lọt vào v.v ...**

Nơi quẻ Tốn này, ta thấy Kinh, Truyện, và các lời Bình Giải, đều đề cập đến các nghĩa trên; ngoại trừ nghĩa **Tốn là Cây.** Gió thổi ra muôn phương, làm cây cỏ rạp theo chiều. Mệnh lệnh truyền ra muôn phương, làm dân chúng phải hoạt động theo chiều hướng, và ý muốn của nhà vua. Vì thế **Tốn vừa là Gió, vừa là Mệnh Lệnh.**

Ta có thể ảnh hưởng đến người, bắt người theo ý mình, bằng những đường lối dã man, tàn bạo, nhưng ta có thể ảnh hưởng đến người, khiến người theo ý mình, bằng đường lối mềm mại, khéo léo, ngon ngọt, dỗ dành, bằng cách nói đi, nói lại một ý tưởng. Quẻ Tốn có ý dạy ta dùng cách thẩm thấu từ tốn này.

I. Thoán.

Thoán từ.

巽 . 小 亨 . 利 有 攸 往 . 利 見 大 人 .

Tốn. Tiểu hanh. Lợi hữu du vãng. Lợi kiến đại nhân.

Dịch.

Tốn là từ tốn nhẹ nhàng,

Nhỏ nhoi, nhưng vẫn có đàng hanh thông.

Làm gì cũng lợi, chẳng không,

Đại nhân gặp được, mới mong lợi nhiều.

Từ tốn mà hành sự, sẽ không thâu lượm được kết quả mạnh mẽ, nhãn tiền **(Tốn. Tiểu hanh),** nhưng sẽ giúp ta nên công lâu dài **(Lợi hữu du vãng).** Nhất là khi sự từ tốn, mềm dẻo, lại được một người giỏi giang đem áp dụng **(Lợi kiến đại nhân).** Nã Phá Luân cai trị nước Pháp, sau thời kỳ Cách Mạng 1789, một thời kỳ nổi tiếng là bài xích quân quyền và Đạo Giáo. Nã Phá Luân biết đó là nền móng chia rẽ, và loạn lạc trong nước, nên ông hết sức khéo léo để hàn gắn lại những sự rạn nứt, đổ vỡ ấy.

Ông chỉ trích những đạo luật Cách Mạng quá khích. Ông khen những người theo phái Cần Vương, vì đã dám chống lại một chính quyền hà hiếp, áp chế. Ông cho lập lại Công giáo ở Pháp, và ký thỏa ước với Giáo Hoàng. Nhờ cách xử trí khéo léo đó, mà ngày lễ Phục Sinh 18/4/1802, khi ông tới nhà thờ Notre Dame de Paris, Hồng Y Giáo chủ Belloy đã ra đón mừng ông, và các chuông trên nhà thờ đều được kéo vang lừng để đón chào ông, đánh dấu một

sự cộng tác thành thực giữa Đạo giáo và Chính quyền.

Ngự Án giải Tốn là xâm nhập. Tốn có hai Hào Dương trên một Hào Âm. Thế là Dương thâm nhập vào Âm để đánh tan ảnh hưởng xấu của Âm, có vậy Âm Dương mới hòa hợp với nhau được.

-Trên trời thì gió lùa vào mây để đánh tan mây mù.

-Nơi con người thì cố đi sâu vào lòng người, để cố tìm hiểu mọi nỗi uẩn khúc, tà vậy, mà sửa chữa.

-Trong xã hội, thì len lỏi vào các gian đảng, vào các tệ đoan để mà hoá giải, khử trừ v.v...

Ta ghi nhận ý kiến của Ngự Án, nhưng vẫn tiếp tục giải Tốn là Từ tốn. Tóm lại:

-Từ Tốn là phương pháp để lấy lòng người.

-Tốn cũng có nghĩa là Tiểu nhân phục tòng Quân tử.

-Tốn cũng có nghĩa là thâm nhập để chinh phục lòng người dần dà, để cải hoá dần dà phong tục xã hội.

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖曰. 重巽以申命.剛巽乎中正而志行.柔皆順乎剛.

是以小亨.利有攸往.利見大人.

Trùng Tốn dĩ thân mệnh. Cương Tốn hồ trung chính nhi chí hành. Nhu giai thuận hồ cương. Thị dĩ tiểu hanh. Lợi hữu du vãng. Lợi kiến đại nhân.

Dịch. Thoán rằng:

T*rên truyền mệnh lệnh, dưới theo,*

Đinh ninh, trân trọng đâu người dể duôi,

Cương, nhưng theo đúng lẽ trời,

Nhu, nhưng biết thuận theo người đức cương.

Thế thời hanh vận, có đường,

Làm gì, âu cũng có phương thành toàn.

Đại nhân gặp được mới ngoan,

Đại nhân gặp được, mới mang lợi nhiều.

Trên dưới đều Tốn **(Trùng Tốn).** Người trên khi ra mệnh lệnh cũng lắp đi lắp lại, để mệnh lệnh thực sự thâm nhập vào dân chúng **(Thân mệnh).** Chữ Thân có nghĩa là lắp đi, lắp lại. Càng nhắc đi, nhắc lại bao nhiêu, thì càng minh tâm, khắc cốt bấy nhiêu. Đạo giáo đã áp dụng định luật này, khi dạy dân tụng niệm, và chính trị ngày nay đã áp dụng định luật này, để tạo nên những phản ứng có điều kiện, mà như là phản ứng tự nhiên trong dân chúng.

Trong quẻ Tốn, Nhị, Ngũ, đều là Dương cương, lại đắc trung; Sơ, Tứ đều là Âm nhu. Xét bản chất quẻ, ta thấy trên thì thuận theo nghĩa lý, dưới thì tùng phục cấp trên **(Cương tốn hồ trung nhi chí hành. Nhu giai thuận hồ cương).** Dùng phương cách mềm dẻo để hoán cải dân tình kết quả sẽ chậm chạp **(Thị dĩ tiểu hanh),** nhưng hãy cứ đường lối ấy mà thi hành, sẽ thâu hoạch được lợi ích dài lâu **(Lợi hữu du vãng).** Nếu gặp được người hay, người giỏi để thực thi chính sách trên, thì lại càng hay, càng tốt nữa **(Lợi kiến đại nhân).**

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 .隨 風 . 巽 . 君 子 以 申 命 行 事 .

Tượng viết.

Tùy phong. Tốn. Quân tử dĩ thân mệnh hành sự.

Dịch. Tượng rằng:

Tốn là gió thổi theo nhau,

Lệnh truyền thấm thía, cho sâu mới tình.

Rồi ra lại phải thi hành,

Thi hành chính sự, hoàn thành mới thôi.

Gió theo nhau là Tốn. Quân tử theo gương đó, quảng bá mệnh lệnh bằng cách nhắc đi, nhắc lại để ghi tạc vào lòng dân, như vậy mới thực thi được chính sự.

Đọc Thoán và Truyện ta thấy Dịch chủ trương dùng phương pháp Tiệm tiến và thẩm thấuđể ảnh hưởng đến thiên hạ.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Hào từ giải thích thế nào là từ tốn:

-Từ tốn không phải là do dự (Hào Sơ).

-Từ tốn không phải là khúm núm (Hào Nhị)

-Từ tốn không phải là ba phải, vô lập trường (Hào 3).

-Từ tốn là khéo léo, được lòng cả trên, lẫn dưới, mà mình vẫn hay, vẫn lợi (Hào 4).

-Từ tốn nhưng vẫn theo chính lý, hoạt động vẫn có phương sách, có chủ trương, có chuẩn bị, có kiểm soát để đi đến thành công (Hào 5).

-Từ tốn thái quá sẽ trở nên hèn hạ, sẽ tai hại (Hào 6).

1. Hào Sơ lục.

初六. 進退.利武人之貞.

象曰. 進退.志疑也.利武人之貞.志治也.

Sơ Lục.

Tiến thoái. Lợi vũ nhân chi trinh.

Tượng viết:

Tiến thoái. Chí nghi dã. Lợi vũ nhân chi trinh. Chí trị dã.

Dịch.

Dùng dằng, chẳng biết tiến lui,

Võ biền, từ tốn vậy thời lại hay

Tượng rằng:

Dùng dằng, chẳng biết tiến lui,

Là vì tâm trí pha phôi, nghi nàn,

Võ biền cương trực, thời ngoan,

Là vì tâm trí vững vàng, bình an.

Sơ **Lục Âm nhu,** lại ở dưới hết quẻ Tốn, nên khiến ta liên tưởng đến một người nghi nan do dự. Nhưng từ tốn không phải là do dự, là tiến thoái lưỡng nan **(Tiến thoái).** Phải chi một người vũ biền thay vì quá hăng hái, bốp chát, sống sượng, mà biết pha một chút ít từ tốn, thời hay biết mấy **(Lợi vũ nhân chi trinh).**

Tóm lại từ tốn không phải là do dự, mà chính là quả quyết.

Đây Tượng giải thích rõ:

Tiến thoái là lòng nghi nan do dự.

Lợi vũ nhân chi trinh là lòng quả quyết chắc chắn. Từ tốn đây là Tiên lễ hậu binh của các nhà lãnh đạo.

Nã Phá Luân nói với Roederel: Khi lập một dự án quân sự, thì không ai nhát gan hơn tôi. Tôi thổi phồng tất cả những nguy hiểm. Nhưng khi đã quyết định, thì quên hết mọi sự, chỉ cốt làm sao thực hiện được dự án đó mà thôi.

2. Hào Cửu nhị.

九二. 巽在床下.用史巫紛若.吉.無咎.

象曰. 紛若之吉.得中也.

Cửu nhị.

Tốn tại sàng hạ. Dụng sử vu phân nhược. Cát. Vô cữu.

Tượng viết:

Phân nhược chi cát. Đắc trung dã.

Dịch.

Tốn mà nép xuống dưới giường,

Dùng đồng, dùng cốt mấy phường lăng nhăng.

Nếu vì cầu đảo thành tâm,

Thế thời cũng tốt, chẳng lầm lỗi chi

Tượng rằng:

Lăng xăng, mà vẫn gặp lành,

Là vì tâm chính, ý thành hẳn hoi.

Cửu nhị. Từ tốn không phải là khúm núm **(Tốn tại sàng hạ).** Sự khúm núm chỉ có thể chấp nhận được, là khi đem tâm thành van vái thần minh, hoặc dùng các thầy bùa, thầy cúng đông đảo để nhương tai, cầu phúc **(Dụng sử vu phân nhược).** Sử là thầy cúng, Vu là thầy bùa. Phân nhược là nhiều, là đông.

Cái hay ở đây là vì đã đem hết lòng thành khẩn để mà cảm động được thần minh **(Phân nhược chi cát. Đắc trung dã).**

Ngự Án giải Hào nhị như sau: **Sàng h**ạ nghĩa là Âm tà, Âm nấp phía dưới, nên **Nhập** ư **sàng h**ạ chính là tìm tòi, suy xét kỹ càng,

để tìm ra duyên do thầm kín của những chếch mác dở dang, hoạ hại bên ngoài. Khi đã tìm ra duyên do rồi sẽ dùng các thầy bùa, thầy pháp hoá giải.

Đại khái chủ trương của Ngự Án cũng giống như chủ trương của Freud: Các căn do thầm kín của hoạ hại, một khi đã tìm ra được, đã đem phơi bầy ra ánh sáng, thì nó không gây được ảnh hưởng nữa.

Wilhelm, R.G.H.Siu, Legge giải giống Ngự Án. Tôi (tác giả) chủ trương bình giải theo lối cũ, vì như vậy mới ăn khớp với toàn quẻ.

3. Hào Cửu tam.

九 三 . 頻 巽 . 吝 .

象 曰 . 頻 巽 之 吝 . 志 窮 也 .

Cửu tam.

Tần tốn. Lận.

Tượng viết:

Tần tốn chi lận. Chí cùng dã.

Dịch.

Thuận tòng lia lịa, chẳng hay.

Tượng rằng:

Thuận tòng lia lịa, chẳng hay,

Chí cùng, mới đến nỗi này mà thôi.

Cửu tam. Tần tốn là từ tốn nhiều lần, nhượng bộ nhiều lần, như vậy đáng xấu hổ. Từ tốn đâu phải là không có lập trường. Cái dở của Hào này, chính là mới đầu thì ngông nghênh tự thị, sau vì thất

bại liên miên, nên lại trở nên nhũn nhặn quá cỡ như vậy, chính là cùng đường chẳng biết xử trí ra sao **(Tần tốn chi lận. Chí cùng dã).**

4. Hào Lục tứ.

六四. 悔亡.田獲三品.

象曰. 田獲三品.有功也.

Lục tứ.

Hối vong. Điền hoạch tam phẩm.

Tượng viết:

Điền hoạch tam phẩm hữu công dã.

Dịch.

Việc gì mà phải phàn nàn,

Đi săn mà được, sẻ san ba phần.

Tượng rằng:

Đi săn mà được ba phần,

Công danh như vậy, tưng bừng còn chi.

Lục tứ là Âm Hào cư Âm vị, cho nên khéo xử, biết đường từ tốn, nhún nhường cho phải phép, vì thế nên khỏi mọi điều hối hận, phàn nàn **(Hối vong),** chẳng những thế mà còn nên công, nên việc nữa, chẳng khác nào người đi săn mà được cả ba phần muông chim, thế tức là hay, là lợi nhiều. Người xưa, chia muông chim săn được thành ba phần:

- 1 phần dùng để tế lễ.

- 1 phần dùng để thết đãi tân khách.

- 1 phần dùng để cung cấp cho bếp núc.

Tượng Truyện giải: Từ tốn phải phép như vậy mới nên công **(Điền hoạch tam phẩm hữu công dã).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 貞吉.悔亡.無不利.無初有終.

先庚三日.后庚三日.吉.

象曰. 九五之吉.位正中也.

Cửu ngũ.

Trinh cát. Hối vong. Vô bất lợi. Vô sơ hữu chung.

Tiên canh tam nhật. Hậu canh tam nhật. Cát.

Tượng viết:

Cửu ngũ chi cát. Vị chính trung dã.

Dịch.

Một lòng trung chính, mới hay

Phàn nàn, hối hận, từ nay chẳng còn.

Làm gì cũng được vuông tròn,

Rồi ra, lợi ích thành toàn, xong xuôi.

Không đầu, nhưng lại có đuôi,

Thủy thời vô thủy, chung thời hữu chung.

Lo lường, tính chuyện, tính công,

Ba ngày sau trước, mới mong tốt lành.

Tượng rằng: *Cửu ngũ mà hay,*

Là vì trung chính, thẳng ngay một lòng.

Cửu ngũ đắc trung, đắc chính, nên là người từ tốn, mềm mỏng một cách khéo léo nhất, vì thế nên được mọi sự may mắn, lợi lộc, không có gì phải phàn nàn.**(Trinh cát. Hối vong. Vô bất lợi).**

Cửu ngũ trong quẻ Tốn, không chủ trương Cách mạng, xoá bỏ mọi cơ cấu tiền chế, mà chỉ cải thiện lại một tình trạng đang suy đồi, là nối tiếp công trình của tiền nhân, bổ khuyết, cải thiện, chấn chỉnh, mong làm cho công trình ấy trở nên thành toàn, vì thế nói: **Vô sơ hữu chung.**

Vô sơ là không có khởi điểm, vì Cửu ngũ đây không phải người khai sơn, phá thạch, tạo dựng nên một cơ đồ, nhưng hữu chung là có chung điểm, vì với sự khéo léo, nhưng bền bỉ, Cửu ngũ đây hy vọng thành toàn được công trình còn dang dở. Nhưng trước khi bắt tay vào công trình cải thiện, và sau khi đã thực hiện công trình cải thiện, càng phải thận trọng. Trước khi muốn cải thiện, phải soạn thảo chương trình kế hoạch cho hẳn hoi, sau khi đã thực hiện công trình cải thiện, phải biết kiểm điểm, theo rõi **(Tiên canh tam nhật. Hậu canh tam nhật. Cát).**

Vậy, mọi sự được hẳn hoi, là vì Củu ngũ xử sự đàng hoàng, đứng đắn **(Cửu ngũ chi cát. Vị chính trung dã).**

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 巽在床下.喪 其資 斧.貞凶.

象曰. 巽在床下.上窮也.喪其資斧.正乎 凶 也.

Thượng Cửu.

Tốn tại sàng hạ. Táng kỳ tư phủ. Trinh hung.

Tượng viết:

Tốn tại sàng hạ. Thượng cùng dã. Táng kỳ tư phủ. Chính hồ hung dã.

Dịch.

Tốn mà nép xuống dưới giường,

Mất *rìu, mất của mọi đường chẳng hay,*

Thế mà chẳng đổi, chẳng thay.

Tượng rằng:

Tốn là nép xuống dưới giường,

Thế là ti tốn, cùng đường còn chi.

Cả rìu, lẫn của mất đi.

Dầu rằng trinh chính, vẫn thì là hung.

Từ tốn quá hóa hỏng **(Tốn tại sàng hạ).** Phán đoán không còn được sáng suốt, rành rẽ, và sẽ mất cả của cải. **(Táng kỳ tư phủ).** Tư là tiền nong, Phu là búa rìu, tượng trưng cho sự phán đoán, quả quyết. Như vậy, dầu có chính trực cũng chẳng ra gì. Từ tốn thái quá, đến nỗi mất cả sự nghiệp, thì chắc là hung rồi, còn gì nữa **(Tốn tại sàng hạ. Thượng cùng dã. Táng kỳ tư phủ. Chính hồ hung dã).**

Tóm lại, quẻ Tốn dạy ta phải Từ tốn để được lòng người, để ban bố mệnh lệnh, để thi hành chính sự, và chủ trương rằng **Từ tốn đúng mức, chính là xử sự tế nhị, khéo léo, vừa được lòng người, vừa được việc mình.**

Ngự Án (Vua Khang Hy) trong khi bình giải quẻ Tốn, đã đưa ra những ý kiến hết sức đáng lưu ý. Đó là:

1. Cần đi sâu vào tâm tư, để tìm cho ra những căn do thầm kín của

những ảnh hưởng xấu. Chủ trương này, làm ta liên tưởng tới phương pháp phân tâm học của Freud.

2. Cần len lỏi vào các gian đảng, và các tệ đoan xã hội, để biết cách khử trừ chúng. Chủ trương này làm ta liên tưởng đến những hoạt động của những phóng viên, của những tổ chức an ninh chìm nổi ngày nay.

3. Cần phải đi sâu vào các vấn đề, để khai thác và tìm hiểu. Nhưng nếu suy tư, và cân nhắc quá, sẽ đâm rối rít, nghi nan, không còn quyết tâm thực hiện được nữa.

Những lời bình của Ngự Án, có thể giúp ích cho ta hiểu thêm được chuyện đời, và tổ chức xã hội.

ÁP DỤNG QUẺ TỐN VÀO THỜI ĐẠI

Tốn là Gió, là Lọt vào, là Từ tốn. Nho giáo xưa sánh ảnh hưởng người quân tử, như là Gió, còn tiểu nhân như là Cỏ. Gió thổi thì cỏ phải lướt theo chiều (L. N. XII, 19)

1). Xưa, Vua Khang Hi ưa giải Tốn là Lọt vào, và ưa dùng quẻ Tốn như là cho người xâm nhập vào lòng các đảng phái, để biết lề lối làm việc của họ, và biết cách hoá giải họ.

2). Ngày nay, ta dùng phương pháp quảng cáo, tuyên truyền, nhắc đi nhắc lại trong dân chúng, để đi vào sự chú ý của họ, rất có hiệu lực, nhất là làm thương mại

3). Từ tốn để dung hòa trên dưới, rất cần trong mọi hoàn cảnh, cho các nhà chính trị, cho các cấp lãnh đạo trong chính quyền., để tránh độc tài chuyên chế áp bức dân chúng.

4). Dùng chính sách mềm dẻo, từ tốn để sửa sang lại những thói hư, tật xấu của xã hội. Sống từ tốn cho đúng cách cũng là một chuyện khó vậy.

Như vậy, ta thấy áp dụng Dịch có nhiều cách, càng rộng rãi, khéo léo, thời càng hay, càng tốt.

58. 兌 為 澤　ĐOÀI VI TRẠCH

BÁT THUẦN ĐOÀI

兌 序 卦 Đoài Tự Quái
巽者入也 Tốn giả nhập dã.
入而後說之 Nhập nhi hậu thuyết chi.
故受之以兌 Cố thụ chi dĩ Đoài.
兌者說也 Đoài giả thuyết dã.

Đoài Tự Quái

Tốn vào, vả lại có phần sướng vui,

Cho nên nối tiếp là Đoài,

Đoài là vui sướng, vui rồi ly tan.

Mình từ tốn đối với người, người sẽ đẹp lòng. Vì thế sau quẻ Tốn là quẻ Đoài.

I. Thoán.

Thoán từ.

兌 . 亨 . 利貞 .

Đoài. Hanh. Lợi trinh.

Dịch.

Đoài là vui vẻ, thỏa thuê,

Rồi ra mới được mọi bề hanh thông.

Chính trinh, mà trọn được lòng,

Thế thời ích lợi, mới mong chu toàn.

Làm cho người đẹp lòng, đẹp dạ, người sẽ vui lòng cộng tác với mình để làm nên đại sự, vì thế nói **Đoài hanh.** Nhưng làm đẹp lòng người đây, không phải bằng những thủ đoạn bất chính, mà phải bằng những đường lối chính đáng, những cách thức đường hoàng, như vậy mới hay, mới lợi **(Lợi trinh).** Trinh là minh chính, chính đáng.

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖 曰 . 兌 . 說 也 . 剛 中 而 柔 外 . 說 以 利 貞 . 是 以 順 乎 天 . 而 應 乎 人 . 說 以 先 民 . 民 忘 其 勞 . 說 以 犯 難 . 民 忘 其 死 . 說 之 大 . 民 勸 矣 哉 .

Đoài. Duyệt dã. Cương trung nhi nhu ngoại. Duyệt dĩ lợi trinh. Thị dĩ thuận hồ thiên. Nhi ứng hồ nhân. Duyệt dĩ tiên dân. Dân vong kỳ lao. Duyệt dĩ phạm nạn. Dân vong kỳ tử. Duyệt chi đại. Dân khuyến hỹ tai.

Dịch.

Đoài là vui vẻ, thỏa thuê,

Trong cương, ngoài lại thêm bề thuận nhu.

Vui mà chính đáng vui hòa,

Vui theo chính ý, lợi là mấy mươi.

Trên thời thuận với lòng trời,

Dưới thời ứng với lòng người gần xa.

Khiến dân đẹp ý, vui hòa,

Dẫu dân mệt nhọc, cũng là quên đi,

Dân vui, dân gặp hiểm nguy,

Băng chừng hiểm nạn, quản gì tử vong.

Làm cho dân được vui lòng.

Thời thôi, hậu quả vô cùng lớn lao.

Thoán Truyện quảng luận Thoán từ và cho rằng làm chính trị , phải cố sao cho được lòng dân **(Đoài duyệt dã).**

Bậc Quốc quân, bên trong thì minh chính, cương trực, quả quyết; nhưng bên ngoài thì mềm mỏng, khéo léo đối với mọi người **(Cương trung nhi nhu ngoại).** Nói thế, vì Đoài có hai Hào Dương cương bên trong, một Hào Âm nhu ở ngoài. Dùng những phương pháp chính đáng, để chinh phục lòng người, làm cho mọi người vừa lòng, đẹp ý, như thế sẽ thâu hoạch được nhiều ích lợi **(Duyệt dĩ lợi trinh).** Hành xử như vậy, sẽ thuận ý trời, vừa lòng người **(Thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân).**

Cai trị dân, hướng dẫn dân, mà làm cho dân vui đẹp, thì dẫu khiến dân làm lụng vất vả, dân cũng chẳng nề hà, dẫu bắt dân xông pha gian khổ, dân cũng liều chết hy sinh **(Duyệt dĩ tiên dân. Dân vong kỳ lao. Duyệt dĩ phạm nạn. Dân vong kỳ tử).** Vì thế, đắc nhân tâm, là một công trình vĩ đại, làm được cho dân chúng hứng khởi, nô nức hợp tác với chính quyền, trong mọi chương trình kiến quốc, thực là cao siêu vậy **(Duyệt chi đại dân khuyến hỹ tai). Đại Học chủ trương: Nhà cầm quyền, nếu được lòng dân chúng, ắt được đất nước. Nếu để mất lòng dân chúng, chẳng khỏi mất nước.**

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết.

象 曰 . 麗 澤 . 兌 . 君 子 以 朋 友 講 習 .

Lệ trạch. Đoài. Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập.

Đoài ở đây là quẻ Đoài kép **(Lệ Trạch Đoài).**

Dịch. Tượng rằng:

Hai hồ kế cận thông nhau,

Bạn bè giảng tập, cơ mầu mới tinh.

Tượng giảng là hai hồ nước ở kế cận nhau, nương tựa lẫn nhau, nên đỡ khô cạn. Như vậy, muốn vui phải có đôi, có bạn.

Dịch, nhân lẽ đó dậy người quân tử, nên cùng bằng hữu học hỏi cho ra nghĩa lý, và sau đó, đem thực thi những điều đã học hỏi được. Âu cũng là nói lên sự cần thiết phải có bầu bạn, để học hành cho có hứng thú.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 和 兌 . 吉 .

象 曰 . 和 兌 之 吉 . 行 未 疑 也 .

Sơ Cửu.

Hòa Đoài. Cát.

Tượng viết:

Hòa Đoài chi cát. Hành vị nghi dã.

Dịch.

Một niềm hòa duyệt, thời hay,

*T*ượng rằng: *Hòa duyệt mà hay,*

Là vì cư xử, chẳng ai nghi ngờ.

Hào Sơ **cửu** ở dưới cùng quẻ Đoài, Dương cương mà lại không ứng với Cửu tứ. Thế nghĩa là Sơ Cửu biết hạ mình, sống hòa thuận với mọi người, làm đẹp lòng mọi người, mà **chẳng thiên vị ai,**vì

thế nên tốt **(Hòa Đoài. Cát)**.

Tấn Vân Phùng Thị nói: Hào Sơ có Dương đức, mà biết hạ mình, không thèm muốn Tam, không hiềm khích Nhị. Đó là tượng trưng người quân tử biết sống giản dị, khiêm cung, hòa nhã vậy.

Cái hay của Hào Sơ Cửu chính là biết tùy thời thuận xử, chưa làm điều gì sai ngoa, thất thố**(Hòa Đoài chi cát. Hành vị nghi dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九 二 . 孚 兌 . 吉 . 悔 亡 .

象 曰 . 孚 兌 之 吉 . 信 志 也 .

Cửu nhị.

Phu Đoài. Cát. Hối vong.

Tượng viết:

Phu Đoài chi cát. Tín chí dã.

Dịch.

Sắt son một dạ, chẳng rời,

Hòa mà chẳng để cho người cuốn lôi,

Thế mới hay, thế mới tài.

Thế thời hết chuyện ỉ ôi, phàn nàn.

Tượng rằng:

Chính trung, hòa duyệt mà hay,

Là vì son sắt, dẫu lay chẳng rời.

Cửu nhị Dương cương, lại đắc trung, nên nói rằng: Dùng sự khảng khái mà được lòng người **(Phu Đoài),** vì thế nên hay, nên tốt, không có điều gì đáng phàn nàn **(Cát. Hối vong).** Thế là trong có chủ trương vững chắc, ngoài thì hòa duyệt, cảm thông với mọi người. Tượng cho rằng: Cửu nhị được lòng người mà vẫn hay, chính là vì có một niềm tin vững mạnh, nên chủ trương dứt khoát **(Phu Đoài chi cát. Tín chí dã).**

3. Hào Lục tam.

六三 . 來 兌 . 凶 .

象 曰 . 來 兌 之 凶 . 位 不 當 也 .

Lục tam.

Lai Đoài. Hung.

Tượng viết:

Lai Đoài chi hung. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Vui đâu, cũng vội xà vào,

Thế thời là xấu, phải nào hay đâu.

Tượng rằng:

Thấy vui xà tới, hay chi,

Là vì chẳng được xứng vì, xứng ngôi.

Lục tam. Ngự Án giải: Lai Đoài là một kẻ chuyên chú đi tìm thú vui, lấy hưởng thụ làm lẽ sống, chạy theo những thú vui bên ngoài, thấy đâu vui là sà đến. Như vậy làm sao mà hay được. **Lai Đoài chi hung. Vị bất đáng dã.** Tượng Truyện cho rằng cái dở của Lục tam, chính là tại vì không êm ngôi, xứng vị. Lấy tính cách

Âm nhu, mà cầu duyệt bá vơ. Thấy người sang, bắt quàng làm họ, rồi bợ đỡ, nịnh hót. Như vậy đâu có hay **(Lai Đoài chi hung. Vị bất đáng dã).**

4. Hào Cửu tứ.

九四. 商兌.未寧.介疾有喜.

象曰. 九四之喜.有慶也.

Cửu tứ.

Thương Đoài vị ninh. Giới tật hữu hỉ.

Tượng viết:

Cửu tứ chi hỉ. Hữu khánh dã.

Dịch.

Băn khoăn, lưỡng lự, chưa yên,

Bên tà, bên chính, vui bên phía nào?

Rạch ròi, rất khoái phân mao,

Bỏ tà, theo chính, thế nào cũng vui.

Tượng rằng:

Được như Cửu tứ mà vui.

Thế là phúc khánh cho đời, còn chi.

Cửu tứ là Dương cương cư Âm vị, nên chưa phải là một người quân tử hoàn toàn, lại tiếp giáp với Cửu ngũ, tượng trưng cho một người công chính, cho những thú vui tinh thần cao thượng; và với Lục tam tượng trưng cho một kẻ Âm tà, cho những thú vui vật chất hư hèn. Thành thử Cửu tứ lưỡng lự, **(Thương Đoài),** chưa

biết chọn bên nào, vì thế cho nên lòng còn sao xuyến chưa yên **(Vị ninh).** Nhưng rút cuộc, Cửu tứ đã có một thái độ rứt khoát. Đó là xa lánh tiểu nhân, khinh chê những thú vui hư hèn **(Giới tật),** vì thế nên đáng mừng vậy **(Hữu hỉ).** Cửu tứ là một trọng thần, mà cư xử được như vậy, thật là phúc lớn, chẳng những cho Cửu tứ, mà còn cho quốc gia nữa vậy **(Cửu tứ chi hỉ. Hữu khánh dã).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五．　孚于剝．有厲．

象曰．　孚于剝．位正當也．

Cửu ngũ.

Phu vu bác. Hữu lệ.

Tượng viết:

Phu vu bác. Vị chính đáng dã.

Dịch.

Nếu tin kẻ chực hại mình,

Thế thời nguy hiểm, chênh vênh quá chừng.

Tượng rằng:

Nếu tin vào kẻ hại mình,

Thế thời nguy hiểm, chênh vênh quá chừng.

Đã ngôi chính đáng cửu trùng.

Càng nên cẩn mật, đề phòng mới nên.

Cửu ngũ tuy là một ngôi vị quân vương, Dương cương đắc trung, đắc chính, nhưng nếu tin dùng kẻ tiểu nhân, ngoài mặt thì xu phụ

mình, còn trong lòng thì muốn hãm hại mình **(Phu vu bác),** như vậy rất nguy hiểm.

Tiểu tượng cho rằng: Dầu địa vị Cửu ngũ có chính đáng chăng nữa, nhưng vẫn phải đề phòng bọn tiểu nhân. **(Phu vu bác. Vị chính đáng dã).**

Quản Trọng trước khi chết, xin Tề Hoàn Công đuổi Diệt Nha, Thụ Điêu và Khai Phương, là những kẻ khéo bầy vẽ, tìm thú chơi cho nhà vua. Hoàn Công nói: Diệt Nha nấu thịt con nó cho ta ăn, vậy nó thương ta còn hơn con nó, mà còn nghi nỗi gì? Quản Trọng thưa: Nhân tình không chi hơn con, con nó mà nó còn nỡ giết, huống chi là chúa sao?.

Hoàn Công nói: Thụ Điêu nó tự thiến mà thờ ta, ấy là nó tiếc ta hơn thân nó, sao lại chẳng dùng? Quản Trọng thưa: Nhân tình tiếc chi bằng tiếc thân, thân nó, nó không tiếc, huống chi thân chúa?.

Hoàn Công nói: Vệ Công tử Khai Phương bỏ chức công tử, ngàn cỗ xe, qua ở làm tôi ta, đến nỗi cha mẹ chết không về để tang, là mến ta hơn mến cha mẹ, thật không còn nghi gì nữa. Quản Trọng thưa: Nhân tình ai gần hơn cha mẹ, mà nó còn nỡ vậy thay, huống chi là Chúa. Phàm được phong ngàn cỗ xe, ai chẳng muốn, mà nó bỏ ngàn cỗ xe để đến với Chúa Công, là nó muốn nhiều hơn nghìn cỗ xe nữa kia chớ.

Hoàn Công nói: Ba người ấy thờ ta lâu lắm, sao ngày thường không thấy Trọng Phụ nói một lời?. Quản Trọng thưa: Tôi mà chẳng nói, là vì họ vừa ý Chúa công, chúng ví như nước, tôi ví như bờ đê, chẳng cho nước trào. Nay bờ đê đã lở rồi, lo sẽ có nước lụt, xin Chúa Công phải tránh. Tề Hoàn Công nghe lời, đuổi bọn Diệt Nha, Thụ Điêu và Khai Phương đi. Nhưng ít lâu sau, lại thương tiếc, triệu chúng về dùng lại. Về sau quả nhiên, bị bọn này hãm hại. Khi Hoàn Công bị bệnh nặng, họ cho xây bức tường cao ba trượng quanh tẩm thất, không cho ai lai vãng, thăm nom, để vua chết trong đói khát, cô quạnh (*Đông Chu Liệt Quốc, Võ Minh Trí dịch, trang 390 - 391, và 413 - 414)*.

6. Hào Thượng Lục.

上六. 引兌.

象曰. 上六引兌.未光也.

Thượng Lục.

Dẫn Đoài.

Tượng viết:

Thượng Lục dẫn Đoài. Vị quang dã.

Dịch.

Đã vui, còn muốn kéo dài,

Tượng rằng: *Thượng muốn vui hoài,*

Thế là chưa phải là người quang minh.

Thượng Lục. Ngự Án cho rằng: Thượng Lục chính là một người chỉ còn biết có hoan lạc, hưởng thụ, ngoài ra họ không còn có chí hướng, mục phiêu gì khác nữa **(Thượng Lục dẫn Đoài. Vị quang dã).** Hành xử như vậy, làm sao gọi là quang minh được?

ÁP DỤNG QUẺ ĐOÀI VÀO THỜI ĐẠI

Trời sinh ra người, luôn muốn cho con người sống vui, sống khoẻ, chứ không phải muốn cho con người bị đọa đầy để mà đền tội. Ta bị khổ là do xã hội, do gia đình, do chính bản thân ta, do sự u mê, lầm lạc của ta đã lôi cuốn ta vào sự khổ đó, chứ không phải do Trời hành, Trời phạt.

Khổ là do xã hội: Trong một nước, mà phong kiến, lạc hậu còn ngự trị, thì người dân sao mà sống thoải mái được. Ta hãy nhìn xem hình ảnh của trẻ em bên Hoa Kỳ, các em da dẻ hồng hào, mập mạnh, chạy nhẩy, tươi cười. Trông các em, ta cảm thấy như trông thấy bầy thiên thần đang nô đùa. Trong khi đó, hãy nhìn trẻ em ở trong các xã hội chậm tiến như ở bên Á Châu, Phi châu; ta thấy các em xanh xao, gầy ốm, thiếu sự hồn nhiên, hay quấy, hay khóc.

Còn người lớn, thì đa số thiếu ăn, thiếu mặc, đời sống thiếu tiện nghi, thua sút dân tộc xứ người quá xa.

Làm sao cho ta khỏi khổ vì xã hội, vì gia đình, hay vì sự mê muội của chính bản thân ta.

Trước tiên, người cầm đầu nước phải biết mưu lợi ích cho dân. Phải biết đưa dân, chỉ dẫn cho dân vào con đường tiến hóa về mọi mặt : kinh tế, xã hội, đạo đức, nghề nghiệp, phát minh vv... Luôn luôn phải chạy đua trên đà tiến hóa của nhân loại. Luôn luôn phải giúp dân, nâng đỡ những tài năng ưu tú để họ có đủ phương tiện vật chất, tinh thần, để họ có thể thực hiện được những hoài bão của họ, để họ có thể mang tài năng của mình mà giúp ích cho nhà, cho nước mai sau.

Tiếp theo, người dân phải biết bổn phận mình phải làm gì? Mỗi người dân, gái cũng như trai, ai nấy đều phải có nghề nghiệp để có thể tự túc được, không phải sống nương tựa vào người khác. Ngay trẻ em, từ 8 tuổi, ta cũng thể tập cho các em có thể giúp đỡ cha mẹ trong công việc nhẹ trong nhà như: lau bàn ghế, hay có thể tự săn sóc lấy cho mình được như ăn uống, tắm rửa, thay quần áo, thu dọn buồng ngủ của mình cho ngăn nắp. Như vậy, trong một gia đình, vợ chồng đều có nghề có thể kiếm được tiền, con tuy nhỏ mà đã có óc trưởng thành sớm, thì dù ở hoàn cảnh nào, ta cũng không bị lo âu nao núng. Như vậy, ta đã bớt được rất nhiều nỗi **khổ vì gia đình.**

Khổ do chính bản thân ta tạo ra. Phần lớn nỗi khổ này do sự hôn nhân sai lầm mà ra, cũng chỉ vì yêu đương vội vã, không suy xét cẩn thận đã kết hôn. Sau đó, là do nghề nghiệp, đó cũng là vì lúc còn ở học đường, ta đã chọn một nghề không hợp với khả năng của ta, chỉ vì cha mẹ ta, hoặc do chính bản thân ta, chỉ chọn nghề do bề ngoài của nó, mà ít người nào chịu tìm hiểu xem mình có đủ khả năng học nghề đó không, hoặc nó có thích hợp với mình không? Do đó hậu quả là khi ra trường không kiếm được việc, hoặc có việc mà không được trọng dụng, vì khả năng quá yếu của mình, nên lúc nào cũng không được thoải mái, hoặc tự ti mặc cảm vì kém bạn đồng nghiệp.

Tệ hại hơn nữa, là khổ do sự u mê mà ra. Nhiều người chỉ vì muốn làm giầu nhanh chóng mà không phải khó nhọc gì, nên lao

đầu vào thú vui bài bạc, để cuối cùng tán gia bại sản vì nó. Lại có người chạy theo thú vui nhục dục, để rồi tiền hết, bệnh mang. Lúc đó lại đổ cho tại số sui mà ra. Tóm lại**, Khổ hay Sướng, Buồn hay Vui là do ta tự quyết định cho ta vậy.**

59. 風 水 渙 PHONG THỦY HOÁN

渙 序 卦 Hoán Tự Quái
渙者離也
Hoán giả ly dã.
說而後散之
Duyệt nhi hậu tán chi.
故受之以渙
Cố thụ chi dĩ Hoán.
渙者離也
Hoán giả ly dã.

Hoán Tự Quái

Đoài là vui sướng, vui rồi ly tan.

Cho nên lấy Hoán mà bàn.

Hoán là xẻ nghé, tan đàn, phôi pha.

Nếu ở đời mà ai cũng chỉ lo mua vui, tìm lạc thú riêng cho mình thì xã hội sẽ đi đến chỗ phân ly, chia rẽ.

Hoán cũng nghĩa là làm cho tiêu tan mọi duyên do phân ly, chia rẽ, như gió **(Tốn)** thổi tan những cục băng giá trên mặt nước **(Khảm)** buổi đầu xuân.

Thoán và Tượng bàn tới những phương cách mà đấng quân vương có thể dùng để đoàn kết, qui tụ dân chúng, trong thời kỳ ly tan, chia rẽ. Các Hào chủ trương phải trừ khử, phải gạt bỏ hết mọi duyên do gây chia rẽ.

I. Thoán.

Thoán từ.

渙 . 亨 . 王 假 有 廟 . 利 涉 大 川 . 利貞 .

Hoán. Hanh. Vương cách hữu miếu. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi

trinh.

Dịch.

Hoán là chia rẽ, ly tan,

Ly tan, mà biết hợp đoàn mới hanh.

Vua ra tế tự miếu đình,

Băng qua sông lớn, công trình sẽ hay.

Một lòng chính chính, thẳng ngay.

Thế thời mới lợi, mới hay vẹn bề.

Hoán là thời kỳ ly tan, chia rẽ, tưởng chừng như mọi sự sẽ đi đến chỗ bế tắc. Những bậc quân vương, có thể giải tỏa được bế tắc ấy, có thể đem lại sự đoàn kết cho dân, làm cho tình thế lại trở nên thông suốt **(Hoán. Hanh).**

Muốn được vậy, nhà vua phải có lòng thành khẩn, cần phải dùng tín ngưỡng đạo giáo, làm chiêu bài để qui dân, tụ chúng **(Vương cách hữu miếu),** hoặc đề xướng, hô hào làm một đại công, đại sự gì để mọi người có dịp chung lưng, góp sức, trở nên đồng hội, đồng thuyền. Đó không phải là một chuyện liều lĩnh, nhưng chính là một chuyện hữu ích **(Lợi thiệp đại xuyên).** Dẫu sao, trong công trình này, nhà vua cũng phải lấy chính lý, chính đạo làm phương châm, mới hay, mới lợi **(Lợi trinh).**

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖 曰. 渙 亨 . 剛 來 而 不 窮 . 柔 得 位 乎 外 而 上 同 . 王 假 有 廟 . 王 乃 在 中 也 . 利 涉 大 川 . 乘 木 有 功 也 .

Hoán hanh. Cương lai nhi bất cùng. Nhu đắc vị hồ ngoại nhi thượng đồng. Vương cách hữu miếu. Vương nãi tại trung dã. Lợi thiệp đại xuyên. Thừa mộc hữu công dã.

Thoán rằng:

Hoán tán mà hay,

Bên trong cương nghị, thẳng ngay chẳng cùng.

Ngoài thời nhu thuận, khiêm cung,

Thuận ngôi, vả lại đẹp lòng với trên.

Vua ra tế tự miếu đền,

Lòng dân, vua muốn giữ bền trước sau,

Lợi là băng vượt sông sâu

Vượt sông dùng gỗ, mới hầu nên công.

Thoán Truyện. Trong thời kỳ chia ly bế tắc, vẫn có thể làm cho tình thế trở nên thông suốt được **(Hoán hanh).** Đó là biết cả cương, lẫn nhu, lại biết dưới trên chung lưng, góp sức làm việc. Câu **Cương lai nhi bất cùng. Nhu đắc vị hồ ngoại nhi thượng đồng** tương đối khó giải.

Chu Hi giải thích: Quẻ Hoán là do quẻ Tiệm sinh. Hào Cửu tam quẻ Tiệm xuống thành Hào Cửu nhị quẻ Hoán. Hào Lục nhị quẻ Tiệm lên thành Hào Lục tam quẻ Hoán, và như vậy sẽ đồng điệu với Hào Lục tứ bên trên **(Nhi thượng đồng).** Lối giải của Chu Hi hợp với phép **biến quái,** nhưng lại không giải được chữ **Nhu đắc vị hồ ngoại,** vì Lục tam là Âm cư Dương vị, nên không đắc vị.

Nơi đây, ta chỉ nên ghi nhận đại ý là: muốn giải quyết tình trạng chia rẽ, thời phải áp dụng cả cương lẫn nhu, vua tôi phải đồng lao, cộng tác, trên dưới phải dựa nương lẫn vào nhau. Muốn liên kết mọi người, nhà vua cần phải dùng tín ngưỡng, dùng đạo giáo làm chiêu bài để thu phục nhân tâm, vì thế nói **Vương cách hữu miếu. Vương nãi tại trung dã.** Vương nãi tại trung là vua thu phục được lòng dân. Muốn được dân, phải thu phục được lòng dân. Lúc nhân tâm chia rẽ, cũng nên đề xướng ra những đại công trình để mọi người có mấu chốt mà bám víu, có lý do để đồng lao, cộng tác **(Lợi**

thiệp đại xuyên).

Ngự Án bình rằng: Dầu là người nước Tần, nước Việt, mà đi cùng chuyến đò, thì cũng sẽ hết sức hợp tác với nhau **(Tần Việt nhi cộng chu, tắc tâm lực vô hữu bất đồng).** Muốn làm những công việc vĩ đại, nhà vua cần phải có hiền thần phụ bật, y như người muốn vượt sông sâu, nước cả, phải có thuyền, có chèo **(Thừa mộc hữu công dã).**

Xưa nay, muốn đoàn kết nhân tâm, người ta thường hay dùng chiêu bài tín ngưỡng, đạo giáo, chẳng hạn như gần đây Nasser đã dùng Hồi giáo làm chiêu bài để liên kết các nước Ả Rập. Hơn nữa, sau các cuộc Cách Mạng, khi nhân tâm còn ly tán, người ta cũng thường muốn làm một chuyện gì lớn lao, để liên kết nhân tâm, như ít lâu sau cuộc Cách Mạng Pháp, các nhà lãnh đạo đã dùng Bonaparte để đi chinh phục nước Ý và Ai Cập.

Đọc Thoán Từ ta thấy Thoán tha thiết muốn cho bậc quân vương có tài đức, nhưng lại sống trong buổi nhân tâm ly tán, phải tìm hết mọi phương thế để thống nhất đất nước, đoàn kết nhân tâm, để sớm đem an bình thái thịnh về cho nhân quần xã hội.

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

象 曰 . 風 行 水 上 . 渙 . 先 王 以 享 于 帝 立 廟 .

Phong hành thủy thượng. Hoán. Tiên vương dĩ hưởng vu Đế lập miếu.

Dịch. Tượng rằng:

Hoán là mặt nước gió bay,

Tiên vương xây cất đền đài, miếu tông.

Trước là phụng sự hoá công.

Sau là phụng sự cha ông xưa rầy.

Gió thổi trên nước là **hoán**. Tiên vương tế lễ Thượng đế, xây cất

đền miếu. Wilhelm bình rằng: Mùa Thu, Đông, nước đông thành đá. Mùa Xuân gió ấm thổi, làm tan hết đá cục trên mặt nước, khiến cho nước trở thành một khối duy nhất. Trong một quốc gia cũng vậy, sự ích kỷ và sự tàn ác làm cho lòng con người trở nên cứng rắn, làm cho con người ly tán nhau. Phải dùng đạo đức, tín ngưỡng mới hòa giải, phá tan được sự ích kỷ, và làm cho mọi người hợp nhất.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六.　用拯馬壯.吉.

象曰.　初六之吉.順也.

Sơ Lục.

Dụng chửng. Mã tráng. Cát.

Tượng viết:

Sơ Lục chi cát. Thuận dã.

Dịch.

Sửa sang, giúp đỡ liền ngay,

Thêm con ngựa khỏe, mới hay mới lành,

Tượng rằng: *Sơ Lục mà hay,*

Là vì khéo xử, hợp ngay với thời.

Sơ Lục bắt đầu thời kỳ hoán. Sự ly tán vừa chớm nở, cần phải được ngăn chặn ngay. Ngăn chặn một cách mạnh mẽ nữa mới tốt. Hào Sơ Lục đây Âm nhu, không đủ sức cứu vớt được sự ly tan, nhưng may ở gần nhị, nên có thể dùng sức của nhị để đối phó với tình thế. Vì thế nói rằng **Mã tráng. Cát** (Mã tráng đây chỉ Cửu nhị).

Cái hay của Sơ Lục đây chính là biết thuận thời, thuận thế, hiệp lực với Cửu nhị **(Sơ Lục chi cát. Thuận dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九二. 渙奔其機.悔亡.

象曰. 渙奔其機.得願也.

Cửu nhị.

Hoán bôn kỳ kỷ. Hối vong.

Tượng viết:

Hoán bôn kỳ kỷ. Đắc nguyện dã.

Dịch.

Gặp thời hoán tán ly tan,

Vội tìm đến chỗ ở an mới là.

Hết còn phiền trách, âu lo.

Tượng rằng:

Gặp thời hoán tán ly tan,

Vội tìm đến chỗ ở an mới là.

Toại lòng, đắc ý, hết lo.

Cửu nhị này có hai cách giải:

a). Sống trong thời kỳ Hoán tán, phải có một lý tưởng để bám víu, lý tưởng đó là niềm tin nơi con người (Wilhelm)

b). Sống trong thời kỳ Hoán tán, chia ly, phải biết dựa nương vào

người khác. Hào Cửu nhị đây ở giữa quẻ Khảm, tức là ở giữa cơn nguy hiểm, nên phải nương tựa vào Sơ Lục, lấy Sơ Lục làm như ghế ngồi **(Bôn kỳ kỷ).**

Tìm được lý tưởng để dựa nương, tìm được vây cánh để dựa nương trong thời kỳ phân ly, hoán tán, thế là được như nguyện vậy **(Hoán bôn kỳ kỷ. Đắc nguyện dã).**

3. Hào Lục tam.

六 三 . 渙 其 躬 . 無 悔 .

象 曰 . 渙 其 躬 . 志 在 外 也 .

Lục tam.

Hoán kỳ cung. Vô hối.

Tượng viết:

Hoán kỳ cung. Chí tại ngoại dã.

Dịch.

Hoán mà hoán tán niềm tây,

Thế thời sẽ khỏi rứt rây, phàn nàn.

Tượng rằng: *Hoán tán niềm tây,*

Là vì tâm trí đã quay ra ngoài.

Một duyên do sinh ra chia rẽ, đó là lòng vị kỷ. Cho nên, muốn chấm dứt lòng chia ly, hoán tán, cần phải diệt trừ lòng vị kỷ. Có vậy mới khỏi hối hận, phàn nàn.

Hoán kỳ cung. Chí tại ngoại dã. Hoán kỳ cung tức là quên mình vì người, bớt nghĩ đến quyền lợi riêng tư, mà lưu ý đến những điều ích quốc lợi dân bên ngoài.

4. Hào Lục tứ.

六四. 渙其群.元吉.渙有丘.匪夷所思.

象曰. 渙其群.元吉.光大也

Lục tứ.

Hoán kỳ quần. Nguyên cát. Hoán hữu khâu. Phỉ di sở tư.

Tượng viết:

Hoán kỳ quần nguyên cát. Quang đại dã.

Dịch.

Hoán là hoán tán đảng bầy,

Thế thời mọi sự sẽ hay, sẽ lành.

Nhỏ tan, lớn tụ mới tình,

Thường nhân hồ dễ nghĩ thành được đâu.

Tượng rằng: *Hoán tán đảng bầy,*

Thế thời mọi sự sẽ hay, sẽ lành.

Thực là cao đại, quang minh.

Một tệ đoan xã hội, khiến cho nhân tâm ly tán, đó là nạn bè phái. Cho nên muốn đoàn kết quốc dân, trước hết phải dẹp nạn bè phái **(Hoán kỳ quần).** Như vậy, mới là vẹn hảo **(Nguyên cát).** Bè phái có dẹp đi, toàn dân mới trở thành một khối duy nhất, bao la hơn, vĩ đại hơn **(Hoán hữu khâu).**

Công trình này, người thường đâu có thể hiểu biết được **(Phỉ di sở tư).** Di là tầm thường, Tư là suy tưởng.

Dẹp được nạn bè phái, mang lại sự đoàn kết, nhất trí cho quốc dân, thực là sáng suốt và cao đại vậy **(Hoán kỳ quần nguyên cát.**

Quang đại dã).

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 渙汗其大號.渙王居.無咎.

象曰. 渙王居無咎.正位也.

Cửu ngũ.

Hoán hãn kỳ đại hiệu. Hoán vương cư. Vô cữu.

Tượng viết:

Hoán vương cư vô cữu. Chính vị dã.

Dịch.

Trong thời hoán tán ly tan,

Thế mà mệng lệnh vẫn ban xa gần.

Trong thời hoán tán phong trần,

Mà vua vững vị, lỗi lầm chi đâu.

Tượng rằng: *Vua ở chẳng lầm,*

Là vì ngôi vị thập phần hẳn hoi.

Cửu ngũ. Lúc nhân tâm ly tán, bậc vương giả cần phải trù liệu được một chương trình hẳn hoi, hoạch định được những đường lối rõ rệt, ban bố được những mệnh lệnh chững chạc. Những mệnh lệnh mạnh mẽ, chững chạc của nhà vua, sẽ làm tiêu tan đi cơn khủng hoảng, như sự phát hãn làm tiêu tan cơn nóng sốt **(Hoán hãn kỳ đại hiệu).** Trong thời kỳ hoán tán, điều cần nhất là nhà vua phải ăn ở cho ngay chính **(Hoán vương cư. Vô cữu).**

Chu Hi bình rằng: Trong thời kỳ hoán tán, chẳng những phải ban

bố những mệnh lệnh hẳn hoi, mà còn phải biết tung tiền tài, phát của cải, lúa gạo, để thu phục nhân tâm nữa **(Hoán vương cư vô cữu. Chính vị dã).**

Tượng Truyện giải **Hoán vương cư** là nhà vua phải ăn ở cho xứng đáng. Trình tử cũng theo đó mà bình giải.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 . 渙 其 血 . 去 逖 出 . 無 咎 .

象 曰 . 渙 其 血 . 遠 害 也 .

Thượng Cửu.

Hoán kỳ huyết. Khứ dịch xuất. Vô cữu.

Tượng viết:

Hoán kỳ huyết. Viễn hại dã.

Dịch.

Đánh tan cái hại, cái đau,

Dẹp tan những cái lo âu, hãi hùng.

Tượng rằng: *Hoạ hại đánh tan,*

Những gì hoạ hại , lầm than chẳng gần.

Thượng Cửu. Trong thời kỳ hoán tán, chia ly, phải làm sao tránh được sự tàn sát lẫn nhau, sự lưu huyết **(Hoán kỳ huyết),** cũng như đánh tan được mọi sự hãi hùng **(Khử dịch xuất).** Như vậy, mới không lỗi **(Vô cữu).**

Tượng Truyện tóm tắt: Phải tránh xa những điều họa hại **(Hoán kỳ huyết. Viễn hại dã).**

ÁP DỤNG QUẺ HOÁN VÀO THỜI ĐẠI

Chúng ta đang ở trong thời đại nhân tâm ly tán, và mọi người có ai chịu suy nghĩ mà hàn gắn nó không?

Có ai chịu suy nghĩ để hiểu rằng: Một người tự khinh mình trước, rồi kẻ khác mới khinh khi mình. Một nhà tự hủy hoại mình trước, rồi kẻ khác mới hủy hoại nhà mình. Một nước mà phe này đảng nọ, người này kẻ khác đánh nhau, rồi nước khác mới thừa dịp đánh nước mình. Trong Thiên Thái Giáp, Kinh Thư có chép: Những tai ách mà Trời làm ra, mình còn tránh được; những tai ách tự mình gây nên, thì mình phải chết.

Con người, sinh ra đời không thể trần trần một nếp, mà phải biết tùy thời, xử thế, tùy cảnh ngộ mà xuất xử, hành tàng. Tôi mượn lời Đức Khổng mà nói: Người quân tử ở trên đời không nhất thiết phò cái gì, chống cái gì; cái gì phải thì theo **(Quân tử chi ư thiên hạ dã. Vô thích dã. Vô mịch dã. Nghĩa chi dĩ tỉ. - LN, IV, 10).**

Vậy, chúng ta hãy áp dụng lời Đức Khổng, trước cho gia đình, sau cho quốc gia, xã hội.

Trong gia đình, gặp lúc thời buổi kinh tế khó khăn, vợ chồng, cha con, phải gạt bỏ hết những bất đồng ý kiến, những ích kỷ, nhỏ nhen, mà phải hết lòng cộng tác với nhau, thì gia đình mới có cơ thịnh vượng được.

Trong một quốc gia, muốn cho dân mạnh, nước giầu, thì mọi người dân phải cộng tác với chính quyền, nếu chính quyền làm sai thì ta phải có bổn phận lên tiếng để sửa sai chính quyền, chớ đừng **Mượn gió bẻ măng,** lập bè, kết đảng **để mưu cầu lợi ích riêng cho cá nhân mình,** mà quên đi sự nguy hại cho quốc gia dân tộc mình, để cho ngoại bang lợi dụng nó mà làm suy yếu nước mình.

Tóm lại, là người dù chỉ có đôi chút học vấn, cũng đừng để những bọn Hoạt đầu chính trị mang những lời nịnh nọt hão mà tâng bốc mình, mang những hình ảnh huy hoàng giả tạo lừa bịp mình, để lợi dụng mình làm cái bàn đạp cho họ, để họ mưu cầu những tư lợi nhỏ nhen của họ.

Hãy tự tạo cho mình một tương lai huy hoàng, bằng cách học hành siêng năng, để tạo cho mình một chỗ đứng vững vàng trong xã hội; trau dồi hạnh kiểm để xứng đáng làm con người theo đúng nghĩa của nó, năng đọc sách Thánh hiền để có thể trở thành Thần minh. Tự xét nếu Trên không thẹn với Trời, dưới không hổ với đất, đó là mình đã thành công ở đời rồi vậy.

60. 水 澤 節 THỦY TRẠCH TIẾT

節序卦 Tiết Tự Quái
渙者離也 Hoán giả ly dã.
物不可以終離 Vật bất khả dĩ chung ly.
故受之以節 Cố thụ chi dĩ Tiết.

Tiết Tự Quái

Hoán là xẻ nghé, tan đàn, phôi pha.

Chia ly, ly mãi ru mà.

Cho nên đến Tiết, Tiết là chừng thôi.

Hoán là ly tán. Sự đời không thể ly tán mãi, cần phải được tiết chế. Vì thế sau quẻ Hoán là quẻ Tiết. Tiết là điều hòa, là tiết chế. Điều hòa để con người chúng ta hòa điệu cùng hoàn cảnh xã hội, nhân quần và vũ trụ. Tiết chế để cuộc đời chúng ta sống trong kỷ luật, mực thước hợp với lẽ thiên nhiên. Riêng đối với con người, muốn có một đời sống hợp tình, hợp lý, hợp cảnh, hợp thời, một đời sống thảnh thơi, hạnh phúc, cần phải hiểu rõ quẻ Tiết.

I. Thoán.

Thoán từ.

節 . 亨 . 苦 節 不 可 貞 .

Tiết. Hanh. Khổ tiết bất khả trinh.

Dịch.

Tiết là có độ, có chừng,

Có chừng, có mực hanh thông êm dầm.

Tiết mà cay đắng cho thân,

Thì đâu phải chuyện thế nhân thường lề.

Tiết tức là biết tiết chế, biết điều khiển, chỉ huy cuộc đời mình. Như vậy, cuộc đời mình sẽ được xong xả **(Tiết hanh).** Còn như không hiểu chữ Tiết cho phải, lại tưởng Tiết là chịu khổ, chịu cực **(Khổ Tiết),** rồi cứ thế gò bó mình vào những khuôn khổ chật hẹp, những kỷ luật khắt khe, như thế làm sao mà chịu cho lâu được **(Bất khả trinh).**

Nói đến hai chữ **Khổ Tiết,** làm ta liên tưởng đến những người vì muốn tu trì, mà đã đi vào con đường khổ hạnh; nhin đói, nhịn khát, chịu nóng, chịu lạnh, thức đêm, thức hôm, gia dĩ còn đánh đập thân xác, coi thân xác như là thù địch. Những sự vi phạm định luật của Trời đất ấy đã làm cho nhiều người trở thành những tội nhân, những tù nhân, sống một cuộc đời khổ sai chung thân, mua chuốc bệnh hoạn cho thể chất, điên loạn cho tâm trí. Chính vì vậy, Dịch chê **Khổ tiết. Bất khả trinh.**

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖曰.節亨.剛柔分.而剛得中.苦節不可貞.其道窮也.說以行險.當位以節.中正以通.天地節而四時成.節以制度.不傷財.不害民.

Tiết hanh. Cương nhu phân. Nhi cương đắc trung. Khổ Tiết bất khả trinh. Kỳ đạo cùng dã. Duyệt dĩ hành hiểm. Đáng vị dĩ tiết. Trung chính dĩ thông. Thiên địa tiết nhi tứ thời thành. Tiết dĩ chế độ. Bất thương tài. Bất hại dân.

Dịch.

Thoán rằng: *Tiết độ hanh thông,*

Cứng mềm, đều đặn, cương trung thêm phần.

Tiết mà cay đắng cho thân,

Thời đâu phải chuyện thế nhân thường lề.

Tiết mà cay đắng, ê chề,

Rồi ra bế tắc, khó bề tới lui.

Trong nguy, lòng vẫn sướng vui,

Ở ăn chừng mực, vị ngôi đàng hoàng.

Chính trung, vẹn nhẽ cương thường,

Tiền trình rộng mở, lối đường hanh thông.

Đất trời có tiết, có chừng,

Bốn mùa mới được nên công thành toàn.

Cầm cân, nẩy mực dân gian,

Biết đường tiết chế, sửa sang mới hào.

Của dân sẽ bớt phí hao.

Đời dân sẽ bớt hư hao, điêu tàn.

Thoán Truyện. Mực thước, tiết độ, sống theo định luật của trời đất, sẽ tạo cho mình một đời sống thung dung, thanh thản, xong xả, thông suốt **(Tiết hanh).** Tiết tức là biết biện phân rành rẽ các nấc thang giá trị tinh thần, vật chất **(Cương nhu phân),** lòng sắt son, nhưng vẫn hòa nhịp được với những định luật tự nhiên **(Nhi cương đắc trung).** Nói là **Cương nhu phân**, vì quẻ Tiết, trên là Khảm là quẻ Dương cương, dưới là Đoài là quẻ Âm nhu. Nói là **Cương đắc trung** vì hai Hào Cửu nhị và Cửu ngũ đều là Cương đắc trung.

Không phóng dật, biết tự kiềm chế mình, tự điều khiển mình là một chuyện, nhưng hành hạ, dằn vặt, làm khổ mình lại là chuyện khác. Đi vào đường Khổ Tiết, Khổ ải ấy thì làm sao mà hay được.

Thế là đi vào con đường tắc nghẽn vậy **(Khổ Tiết bất khả trinh. Kỳ đạo cùng dã).**

Còn như biết sống một cuộc đời có mực thước, tiết độ, thời lúc nào cũng được ung dung, thư thái. Gặp gian nguy, cũng vẫn vui **(Duyệt dĩ hành hiểm).** Đoài là duyệt, Khảm là hiểm. Sống tiết chế, tức là biết sống hòa hợp với mọi địa vị, mọi hoàn cảnh **(Dáng vị dĩ tiết),** là đi theo đường nghĩa lý, đường trung chính, để tạo cho mình một cuộc đời thông suốt thong thả **(Trung chính dĩ thông).**

Trời đất vì có mực thước, tiết độ, định luật hẳn hoi, cho nên mới tạo được bốn mùa đẹp đẽ **(Thiên địa tiết như tứ thời thành).** Cùng một lẽ, nếu ta cai trị dân, mà có tổ chức, có chế độ, có định tắc, thì sẽ chẳng làm hao hụt của dân, làm thiệt hại cho dân (**Tiết dĩ chế độ. Bất thương tài. Bất hại dân).** Bài học trên của Thoán đã quá rõ rệt vậy.

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

象 曰 . 澤 上 有 水 . 節 . 君 子 以 制 數 度 . 議 德 行 .

Trạch thượng hữu thủy. Tiết. Quân tử dĩ chế số độ. Nghị đức hạnh.

Dịch. Tượng rằng:

Tiết là có nước trên hồ,

Cho nên quân tử phải cho rạch ròi.

Lập ra số độ hẳn hoi,

Biện phân đức hạnh, cơ ngơi tỏ tường.

Trong trời đất, mọi sự đã được tổ chức, có độ, có số, có lượng hẳn hoi. Sách Minh Triết viết:Nhưng Chúa đã tổ chức mọi sự bằng độ, bằng số và bằng trọng lượng. (Livre de la Sagesse 11, 20). Người

quân tử bắt chước Trời, bắt chước thiên nhiên, cũng chế ra số độ để cân nhắc, đoán định về vạn vật; và cũng nghị luận xem thế nào là đức hạnh thật.

Thế nào là một người đức hạnh? Đó là một người có:

-Tâm thần sáng suốt, thông minh, thanh thản.

-Tâm hồn cao đẹp, ưa chuộng những điều cao quí.

-Phẩm hạnh cao khiết.

-Là một người thành khẩn, hòa nhã với mọi người.

1. Xác chất có ăn uống mới sống, tinh thần cũng vậy có ăn uống mới sống. Lương thực của tinh thần, chính là những tư tưởng cao đẹp của Thánh hiền, mọi nơi, mọi đời. Vậy ta nên đọc sách Thánh hiền.

2. Ngọc ngà có chau chuốt mới trở nên đẹp đẽ được. Tâm hồn có tu luyện mới trở nên cao quí. Tu luyện tâm thần là dùng thời gian, hoàn cảnh, để phát triển hết tiềm năng, tiềm lực mình, để tiến tới tinh hoa cao đại, thực hiện lý tưởng hoàn thiện đã tiềm ẩn sẵn trong lòng mình, làm phóng phát, triển dương Đạo Thể đã có sẵn trong lòng mình. Phật giáo gọi là Phật tính, hay Pháp thân. Lão giáo gọi đó là Thánh thai. Thánh Justin xưa gọi đó là Logos spermatikos (Apologia 11, 13). Vậy ta cố thực hiện cái Đạo tâm, Đạo thể đó.

3. Ánh sáng cũng như Sức lực, nếu tản mạn thì yếu, nếu tập trung lại được thì mạnh. Tinh thần ta cũng theo một định luật đó. Tất cả những phương pháp tham thiền, nhập định xưa nay, là cốt tập trung tinh thần mà thôi.

4. Nhịn ăn, nhịn tình, hành hạ xác thân, thực ra cũng có thể kích thích trí não như những loại ma túy, nhưng cũng có thể làm con người trở nên điên loạn như ma túy.

Dùng những phương pháp nhân tạo ấy để đi vội vào đời sống tinh thần, đạo đức, làm cho Tinh thần, Thần Linh sớm xuất hiện, thường không mang lại kết quả mong muốn, mà lại gây ra cho con người những thác loạn tâm thần chẳng hay.

Tinh thần...Thần linh...phải có thời gian mới xuất hiện được**.** Cũng như hoa trái phải có thời gian mới xuất sinh. Nơi con người, phải tới một lứa tuổi nào, đời sống đạo hạnh mới trở nên tự nhiên được. Hiểu như vậy, mới đỡ thân làm tội đời.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 不 出 戶 庭 . 無 咎 .

象 曰 . 不 出 戶 庭 . 知 通 塞 也 .

Sơ Cửu.

Bất xuất hộ đình. Vô cữu.

*Tượng viết***:**

Bất xuất hộ đình. Tri thông tắc dã.

Dịch.

Chẳng ra khỏi cửa, khỏi nhà,

Thế mà chẳng lỗi, thế mà vẫn hay.

Tượng rằng:

Chẳng ra khỏi cửa, khỏi nhà,

Biết chiều thông tắc, biết đà tiến lui.

Sơ Cửu. Sinh ra đời, phải biết thủ thân, tự trọng. Khi thấy thời cơ không thuận tiện, thời chẳng xuất đầu lộ diện mà chi. (Hộ là cửa nhà, Đình là sân). Thế là biết nhẽ cùng thông vậ**y (Bất xuất hộ đình. Tri thông tắc dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九二．　不出門庭．凶．

象曰．　不出門庭凶．失時極也．

Cửu nhị.

Bất xuất môn đình. Hung.

Tượng viết:

Bất xuất môn đình hung. Thất thời cực dã.

Dịch.

Chẳng ra khỏi cổng, khỏi nhà,

Ẩn khi phải hiện, thế là chẳng hay.

Tượng rằng:

Chẳng ra khỏi cổng, chẳng hay,

Lỗi thời quá mức, thế này còn chi.

Cửu nhị. Những khi đáng giúp nước, giúp đời mà mình lại ẩn cư, thời lại là xấu. Nhan Hồi không gặp thời, mà ẩn cư, thời đã đành. Chứ như Đại Võ, hay Ích Tắc, đương được vua Thuấn giao cho trọng trách mà đòi rút lui, thì đâu có phải. Mới hay quân tử phải Tri thời, thức biến để hành xử cho phải.

Tượng cho rằng: Sự qui ẩn ở đây, sở dĩ dở là vì trái thời tiết **(Bất xuất môn đình hung. Thất thời cực dã).**

Ta có thể dùng sự tích Bá Lý Hề và Kiển Thúc để minh giải cả hai Hào Sơ Cửu và Cửu nhị trên. Tần Mục Công biết tài Bá Lý Hề rồi, bèn muốn phong làm thượng khanh. Bá Lý Hề từ chối mà rằng: Tài tôi chẳng bằng bạn hữu của tôi, người ấy tên là Kiển Thúc, lấn hơn tôi thập bội. Nếu Chúa công muốn cho nước nhà thịnh trị, thì xin dùng Kiển Thúc, còn tôi thì để phụ theo, như vậy thì nghiệp bá mới nên. Mục Công hỏi lý do, Bá Lý Hề đáp: Kiển Thúc là người

hiền... Lúc trước tôi trôi nổi qua Tề, ý muốn ra phò Công Tôn Vô Tri, Kiển Thúc cản tôi rằng chẳng nên. Tôi nghe lời, nên mới khỏi hoạ với Vô Tri. Kế tôi sang qua Châu, cũng muốn ra phò Vương Tử Thoát, Kiển Thúc cũng cản tôi rằng không nên, tôi cũng nghe theo lời, nên mới khỏi cái hoạ với Tử Thoát. Sau tôi trở về nước Ngu, muốn ra phò Ngu Công, Kiển Thúc cũng cản tôi rằng chẳng nên. Lúc ấy, tôi bị cùng khốn quá đỗi, nên vì tham tước lộc mà cãi lời người, ở lại phò đỡ Ngu Công, nên sau bị nước Tấn bắt. Đã hai phen, tôi nghe theo lời người, đều được khỏi hoạ; mới cãi có một phen, mà thân bị hại. Vậy thì người ấy có trí hơn tôi xa lắm, nay về ẩn nơi làng Minh Lộc bên nước Tống. Chúa Công hãy mời về cho sớm mà dùng.

Tần Mục Công liền cho người đi mời Kiển Thúc về, đều phong cho Kiển Thúc và Bá Lý Hề làm Thừa tướng.

Quả nhiên, Kiển Thúc và Bá Lý Hề giúp Tần Mục Công lập nên nghiệp bá (Võ Minh Trí dịch, Đông Châu Liệt quốc, trang 342-352). Ta thấy Bá Lý Hề, lúc không nên xuất chính, mà xuất chính, nên bị tai hoạ. Còn Kiển Thúc, lúc không nên xuất chính thì qui ẩn, lúc nên xuất chính thì ra làm Thừa tướng, giúp Tần Mục Công lập được nghiệp bá. Như vậy, chẳng là Tri thời thức biến hay sao? Nếu khi Tần Mục Công mời, mà Kiển Thúc cứ khăng khăng đòi ẩn cư, thì **thất thời** biết là bao.

3. Hào Lục tam.

六三. 不節若.則嗟若.無咎.

象曰. 不節之嗟.又誰咎也.

Lục tam.

Bất Tiết nhược. Tắc ta nhược. Vô cữu.

Tượng viết:

Bất Tiết chi ta. Hựu thùy cữu dã.

Dịch.

Sống không có mực, có chừng,

Rồi ra than thở, hỏi rằng lỗi ai.

Tượng rằng:

Buông tung, đến phải thở than,

Mình làm, mình chịu phàn nàn làm chi.

Lục tam Âm nhu bất trung, bất chính, cưỡi lên trên hai Hào Dương, sắp lâm vào Khảm hiểm, mà lại không biết tiết chế, điều khiển mình **(Bất Tiết nhược),** thì tránh sao mà khỏi phàn nàn **(Tắc ta nhược).** Suy rộng ra, nếu con người sống buông tung, bỏ vãi, phóng túng dục tình, rồi ra rước lấy bệnh tật, hoạ tai, thì làm sao tránh khỏi phàn nàn được. Mình làm mình chịu, hỏi còn trách ai **(Vô Cữu).**

Không tiết chế, điều khiển được mình, để rồi phải phàn nàn, thời còn đổ lỗi cho ai? **(Bất Tiết chi ta. Hựu thùy cữu dã).**

4. Hào Lục tứ.

六四. 安節. 亨.

象曰. 安節之亨. 承上道也.

Lục tứ.

An Tiết. Hanh.

Tượng viết:

An Tiết chi hanh Thừa thượng đạo dã.

Dịch.

Ung dung, chừng mực, thời hay,

Tượng rằng:

Ung dung, chừng mực thời hay,

Với trên theo được đường ngay, nẻo lành.

Lục tứ. Tiết chế được mình một cách tự nhiên, như vậy mới thung dung, xong xả. Theo được định luật thiên nhiên một cách an nhiên, tự tại, thời tốt đẹp biết mấy mươi. Cái hay của Lục tứ ở đây, chính là theo được con đường trung chính mà Cửu ngũ đã vạch ra **(Thừa thượng đạo dã).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 甘節. 吉. 往有尚.

象曰. 甘節之吉. 居位中也.

Cửu ngũ.

Cam Tiết. Cát. Vãng hữu thượng.

Tượng viết:

Cam Tiết chi cát. Cư vị trung dã.

Dịch.

Tiết mà thanh thản, mới hay

Làm gì cũng được mắn may, an lành.

Tượng rằng:

Tiết mà thanh thản mới hay,

Vị ngôi xứng đáng, xứng tày ấm êm.

Ở **ngôi Cửu ngũ,** mà tạo cho mình được một đời sống hạnh phúc, khuôn theo những định luật đất trời, thì hay biết bao nhiêu **(Cam Tiết. Cát).** Nếu đem thực thi, áp dụng cho người nữa, thì thực đáng khen **(Vãng hữu thượng dã).**

Sống hay, sống giỏi, sống thuận theo những điều kiện thiên nhiên, lý tưởng nhất, cho nên tốt lành **(Cam Tiết chi cát. Cư vị trung dã).**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 苦節.貞凶.悔亡.

象曰. 苦節貞凶.其道窮也.

Thượng Lục.

Khổ Tiết. Trinh hung. Hối vong.

*Tượng viết***:**

Khổ Tiết trinh hung. Kỳ đạo cùng dã.

Dịch.

Tiết mà Khổ Tiết ê chề,

Khư khư Khổ Tiết, nhiều bề hung tai.

Biết điều hối lỗi, sửa sai.

Rồi ra may mắn, thoát bài họa hung.

Tượng rằng: *Tiết mà khổ sở, ê chề*

Khư khư Khổ Tiết, nhiều bề họa hung.

Thế là gặp bước đường cùng.

Thượng Lục. Đi vào con đường khổ hạnh, gò bó mình vào trong những khuôn khổ chật hẹp, kỷ luật khắt khe, lại còn kéo dài đời sống mình trong tình trạng ấy, thì thật là xấu **(Khổ Tiết. Trinh hung).** Tại sao mình lại tự đầy đoạ mình như vậy, trong khi cánh hoa còn biết đón hơi sương, con chim còn biết hót, biết ca, còn biết tung bay thoải mái **(Hối vong).**

Làm khổ mình, mà tưởng làm theo ý Trời, tưởng thoát tục, thành Tiên, thì thực đã đi vào con đường cùng vậy. **(Khổ Tiết trinh hung. Kỳ đạo cùng dã).**

ÁP DỤNG QUẺ TIẾT VÀO THỜI ĐẠI

Như Dịch kinh đã dạy ta: Hồ dù to mấy cũng chỉ chứa được một số nước nhất định. Nhiều quá sẽ tràn ra bên ngoài. Con người chúng ta cũng vậy. Con người sinh ra đời, phải sống theo nghĩa lý, sống theo định luật trời đất, không được làm gì thái quá, như vậy mới được sung sướng.

Xưa Đức Phật mới đi tu, cũng không biết phải tiết độ ra sao, nên đã đi vào con đường Khổ Tiết, nhịn đói, nhịn khát, ngày ăn vài hột cơm, nên đã suy nhược gần chết. May mà Ngài được thôn nữ dâng cho bình sữa. Ngài uống vào mới dần dần tỉnh lại. Ngài suy ra con đường khổ tiết là con đường cực đoan, không phải là Trung đạo, nên lập tức thay đổi cách sống, không theo con đường này nữa.

Nhiều dòng tu Công Giáo xưa, cũng chỉ lo ăn chay, đền tội, coi xác thân như là kẻ thù địch, nên đã đánh tội bằng cách đánh mình mỗi tuần 40, 50 roi đòn, lại mặc áo nhặm, hãm mình, ăn chay, nằm lạnh. Kết quả, là nhiều người đã bị lao, bị bệnh. Như vậy, có hay đâu.

Đạo Lão, trái lại dạy phải Tính Mệnh Song Tu, nghĩa là phải có một tâm hồn (Tính), và một xác thân khang kiện (Mệnh). Như vậy, mới là đúng cách tu luyện.

Người đời trái lại, nhiều khi rượu chè bí tỉ, hút sách, điếm đàng, chơi bời trác táng. Thật đáng thương thay!

Nhưng hễ ta làm gì quá trớn, thì Trời sẽ cảnh cáo ta ngay: như khi quá chén, thì Trời cho nôn mửa, nhức đầu. Nếu ta nghe theo mà

hồi đầu, thì sẽ không sao. Còn cứ bất chấp, thói nào, tật nấy, thì sẽ cho bệnh hoạn. Như rượu chè quá độ thì sẽ cho bị cứng gan, sơ gan. Hút thuốc quá nhiều, sẽ cho bị ung thư phổi vv... Tức là, nếu không sớm rút lui, sẽ cho bị nhiều bệnh bất trị.

Quẻ Tiết dạy ta tiết độ, nhưng không dạy ta Khổ Tiết, mà chỉ dạy ta An Tiết, Cam Tiết, nghĩa là phải sống cho vui, cho đẹp. Thật là hết sức đẹp đẽ. Nếu ta biết áp dụng cho đúng quẻ Tiết vào cuộc đời ta, thì ta sẽ được an vui, thoải mái, và sẽ thấy thật sự Tu là cõi phúc.

Thật ra, chúng ta là những cân Tiểu Ly, hết sức bén nhậy, dùng để cân lường những gì đẹp đẽ, những gì vi tế của Trời Đất. Dùng sai, dùng bậy, là lỗi tại ta, không còn trách cứ ai được.

61. 風 澤 中 孚 PHONG TRẠCH TRUNG PHU

中孚序卦 Trung Phu Tự Quái
節而信之 Tiết nhi tín chi.
故受之以中孚 Cố thụ chi dĩ Trung Phu.

Trung Phu Tự Quái

Có chừng, có mực, rõ rồi.

Mực chừng, tiết độ, người người sẽ tin

Trung Phu, vì thế tiếp thêm.

Sau quẻ Tiết là quẻ Trung Phu, vì lẽ đã lập ra tiết chế, kỷ cương, thì trên dưới đều phải thực thi áp dụng, như vậy mới vẹn tín nghĩa. Trung Phu có nhiều nghĩa:

1. Trung Phu được hiểu là sự **Tín thành.** Các nhà bình giải cho rằng **Trung Phu dạy ta thủ tín, tức dạy ta giữ chữ tín.**

2. Trung Phu được hiểu là sự **Tinh thành,** tức là một trạng thái tâm thần siêu việt, sống động, hùng dũng tuyệt vời, có năng lực cảm hóa được vạn hữu.

Người xưa nói: Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai. Nghĩa là: Đạt tới tinh thành, đá vàng sẽ mở.

Nơi quẻ Trung Phu, ta thấy trên có quẻ Tốn là phía Đông, là mùa Xuân. Dưới có quẻ Đoài là phía Tây, là mùa Thu. Tốn cũng có nghĩa là gỗ. Gỗ cần được kim đẽo gọt, mới thành khí cụ hữu dụng. Đoài cũng có nghĩa là kim.

Quẻ Trung Phu có:

- Hai Hào 3, 4 là Âm ở giữa chỉ sự hư linh bất muội. Hào 2, 5 đều là Dương chỉ sự minh chính, tinh thuần.

Muốn đạt tới trạng thái Trung Phu, trạng thái Tinh thành, tâm hồn chúng ta phải hư linh, không để cho dục tình phát động, và son sắt, không để cho ngoai cảnh lôi cuốn.

Thánh hiền đạt được mức tinh thành, sẽ sai khiến được vạn hữu. Thánh kinh Công giáo viết: Nếu ngươi có đức tin bằng hạt cải, ngươi có thể bảo núi này: hãy rời đi nơi khác, và nó sẽ rời đi. Và chẳng có gì mà ngươi không làm được. (Xem Mat, 17, 19; Luc 17, 6). Các Thánh hiền Á đông xưa nay cũng đã dùng sức mạnh này mà hàng long, phục hổ.

I. Thoán.

Thoán từ.

中 孚 . 豚 魚 吉 . 利 涉 大 川 . 利 貞 .

Trung Phu. Đồn ngư cát. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi trinh.

Dịch.

Trung Phu là nghĩa tín thành,

Làm cho vạn vật an lành, mới hay.

Cá, heo còn cảm đức dày,

Thời cho sông rộng, sóng dầy vẫn qua,

Vượt sông vẫn lợi mới là,

Một niềm trung chính, lợi cơ mới nhiều.

Khi lòng đã tinh thành, sẽ cảm động được đến những loài vật hạ đẳng như heo. cá. Lúc ấy dầu có phải vượt gian hiểm cũng không sao, trái lại vẫn hay, vẫn lợi.

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖曰.中孚.柔在內而剛得中.說而巽.孚 乃化邦也.豚魚吉.信及豚魚也.利涉大川.乘木舟虛也.中孚以利貞.乃應乎天也.

Trung phu. Nhu tại nội nhi cương đắc trung. Duyệt nhi tốn. Phu nãi hóa bang dã. Đồn ngư cát. Tín cập đồn ngư dã. Lợi thiệp đại xuyên. Thừa mộc chu hư dã. Trung Phu dĩ lợi trinh. Nãi ứng hồ thiên dã.

Dịch.

Trung Phu mềm ở bên trong,

Cứng ngoài, vả lại đắc trung, mới tài.

Vui hòa, tốn thuận với người,

Tinh thành sẽ đổi được đời, được dân.

Cá, heo phúc trạch thấm nhuần,

Cá, heo mà cũng thừa ân tín thành.

Vượt sông, mà vẫn lợi hanh,

Thuyền không, chèo lái mặc tình thỏa thuê.

Trung trinh, sau trước vẹn bề,

Đạo Trời ứng hợp, việc gì cũng hay.

Thoán Truyện, trước hết nhìn theo hình dáng quẻ Trung phu, mà giải quẻ Trung phu. Quẻ Trung phu có 2 Hào Âm ở giữa, thế là Nhu tại nội. Lại có Hào Cửu nhị và Cửu ngũ dương cương đắc trung, nên nói: Nhi cương đắc trung. Các nhà bình giải cho rằng: đó là trạng thái của một tâm hồn hư linh, không bị vật dục chia phối, ngoại dụ lôi cuốn. Quẻ Trung phu dưới có quẻ Đoài là duyệt; trên có quẻ Tốn là thuận, cho nên Thoán nói **Duyệt nhi Tốn.**

Nếu người trên từ tốn, khéo xử, thuận theo người dưới; nếu

người dưới vui vẻ vâng phục người trên; nếu đôi đàng mà thành khẩn đối xử với nhau, thì quốc gia sẽ đi đến chỗ hóa thành thịnh trị. Thoán tiếp: **Phu nãi hóa bang dã.**

Thứ đến, Thoán Truyện giải thích lời lẽ của Thoán từ, cho rằng **Tinh thành** mà hay, mà lợi, chính là vì đã có thể cảm được đến cả những loại vật hạ đẳng như heo, như cá **(Đồn ngư cát. Tín cập đồn ngư dã).** Lúc đã có lòng tinh thành, dẫu có gặp nguy biến cũng không sao. Cuối cùng Thoán Truyện nghị luận rằng: Nếu mình mà tinh thành theo được chính lý, chính đạo, thì sẽ cảm ứng được với trời. Thế tức là: Chí thành cảm thần *vậy.*

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết.

象 曰 . 澤 上 有 風 . 中 孚 . 君 子 以 議 獄 緩 死 .

Trạch thượng hữu phong. Trung phu. Quân tử dĩ nghị ngục hoãn tử.

Dịch. Tượng rằng:

Trung Phu gió lộng mặt hồ,

Trị dân, quân tử phải lo, phải lường.

Án mình xét xử cho tường,

Chém người chớ vội, phải nương, phải chờ.

Gió thổi mặt hồ là Trung phu. Người quân tử phải lo bình nghị hình án cho sáng suốt, vàđừng nên vội vàng xử tử người. Đem lòng chí thành mà đối với dân, dĩ nhiên là phải thương dân. Lòng thương xót của nhà cầm quyền, không những là đối với chúng dân lương thiện, mà còn phải phổ cập cho đến những người bị tù tội, hình án nữa. Thánh hiền xưa rất lưu tâm đến vấn đề hình án. Trong Đại Tượng của 64 quẻ Dịch, có 5 quẻ nói về hình án, đó là quẻ: **Phệ Hạp, Bí, Phong, Lữ, Trung phu.** Dị Sử thị khi bình Truyện Oan Ngục trong Liễu Trai có viết: Xử án là nhiệm vụ đầu

tiên của người làm quan. Bồi đắp hoạ phúc hay diệt mất lẽ Trời, đều do đấy mà ra, không thể không thận trọng.

-Vội vã, táo bạo trong việc xử án, tức là làm trái với lẽ cầu hòa của trời.

-Để việc dây dưa không xét xử cho chúng, cũng là làm thương tổn đến cái mạng của người dân.

Thế cho nên, một vụ kiện hại bằng mấy vụ mất mùa. Xây một cái thành, tất mấy mươi nhà phá sản, như thế há sao không cẩn thận được? Ta thường cho rằng kẻ làm quan mà biết dè dặt, không quá lạm trong văn án, tức là đức đã dầy lắm rồi (Xem Liễu Trai chí dị, Nguyễn Hoạt dịch, quyển 11, trang 65).

Lễ ký, Thiên Vương Chế, đã cho ta thấy rõ sự thận trọng của người xưa về hình án. Một vụ hình án, trước khi phán quyết, đã phải qua bao nhiêu tòa, xem đi, xét lại. Mới đầu nơi Quan Sử (lục sự), kế Quan chính (quan án trong mỗi phủ), rồi Đại Tư Khấu (Tổng trưởng Tư pháp), Tam công (3 quan Thượng thư xét xử lại), cuối cùng mới đệ lên Vua. Vua xét rồi mới tuyên án phạt. Như vậy là hết sức cẩn trọng, và không dám tuyên án hấp tấp.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Đặc biệt trong phần giải thích các Hào, tôi (tác giả) muốn hiểu Trung phu là **Tinh thành**, thay vì hiểu Trung phu là Thủ tín.

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 虞 吉 . 有 他 不 燕 .

象 曰 . 初 九 虞 吉 . 志 未 變 也 .

Sơ Cửu.

Ngu cát. Hữu tha bất yến.

Tượng viết:

Sơ Cửu ngu cát. Chí vị biến dã.

Dịch.

Chưa tin, cân nhắc mới hay,

Tin rồi, đừng có đổi thay dễ dàng.

Nếu mà đi trái lối đường,

Rồi ra sẽ thấy tâm xoang bồi hồi.

Tượng rằng:

Hào Sơ cân nhắc mà hay,

Là vì tâm trí chưa thay, chưa rời.

Sơ Cửu. Muốn đạt tới Tinh thành, cần phải biết đề phòng, ngăn chặn tà tâm, dục vọng và giữ lấy tấm lòng sắt son của mình **(Ngu cát).** Nếu có tà niệm, tạp niệm **(Hữu tha),** tự nhiên chúng ta sẽ bất định, bất an **(Bất yến).** Nếu ta giữ được như vậy, mọi sự sẽ tốt lành, vì lòng ta vẫn tinh tuyền chưa bị ngoại cảnh làm biến đổi **(Sơ Cửu ngu cát. Chí vị biến dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九二. 鳴鶴在陰. 其子和之. 我有好爵. 吾與爾靡之.

象曰. 其子和之. 中心願也.

Cửu nhị.

Minh hạc tại âm. Kỳ tử họa chi. Ngã hữu hảo tước. Ngô dữ nhi mỹ chi.

Tượng viết:

Kỳ tử hòa chi. Trung tâm nguyện dã.

Dịch.

Hạc kêu khuất nẻo đâu đây,

Mẹ kêu, con hát, cả bầy hòa minh.

Ta đây có rượu thần linh,

Ta đem ta xẻ, ta dành cho ai.

Tượng rằng:

Hạc con ứng tiếng kêu theo,

Là vì trong dạ tin yêu, chí tình.

Hào Cửu nhị nói lên lẽ đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Hạc kêu nơi khuất nẻo, vẫn có hạc con hoạ lại **(Minh hạc tại âm. Kỳ tử họa chi).** Ta có rượu ngon, vẫn có người đến chia xẻ với ta. Ta hay, thời ảnh hưởng sẽ dần lan ra xa mãi **(Ngã hữu hảo tước. Ngô dữ nhi mỹ chi).**

Khi mình đạt mức tinh thành, sẽ ảnh hưởng đến người, ảnh hưởng ấy sẽ hết sức tự nhiên, sẽ được người chấp nhận một cách thực tình, không gò bó, miễn cưỡng **(Kỳ tử hòa chi. Trung tâm nguyện dã).**

3. Hào Lục tam.

六三. 得敵.或鼓或罷.或泣或歌.

象曰. 可鼓或罷.位不當也.

Lục tam.

Đắc địch. Hoặc cổ hoặc bãi. Hoặc khấp hoặc ca.

Tượng viết:

Hoặc cổ hoặc bãi. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Để người mặc sức cuốn lôi,

Lúc thời vồ vập, lúc thời bỏ bê.

Lúc thời khóc lóc ủ ê,

Lúc thời hát xướng, đam mê, vui đùa.

Tượng rằng:

Khi vồ vập, lúc bỏ bê.

Là vì địa vị có bề dở dang.

Lục tam. Những người không có lòng tinh thành, không có sức mạnh tinh thần, sẽ đua đòi chúng bạn **(Đắc địch),** sống một cuộc đời phù phiếm, hốt hỉ, hốt nộ, lúc hứng khởi, lúc mất tinh thần **(Hoặc cổ hoặc bãi);** lúc khóc lóc, lúc ca xoang **(Hoặc khấp hoặc ca).** Đó là đời sống của đại đa số quần chúng.

Thánh kinh Công giáo cũng đã nói: Ta biết sánh thế hệ này với ai? Nó giống như một bầy trẻ ở những nơi công cộng, đang kêu la cùng chúng bạn. Ta đã thổi sáo, sao chúng bay không nhẩy múa; ta đã hát bài bi ai, sao chúng bay không đấm ngực than van? (Mat, 11, 16 - 17).

Sống như vậy đâu xứng đáng? **(Hoặc cổ hoặc bãi. Vị bất đáng dã).**

4. Hào Lục tứ.

六四. 月几望.馬匹亡.無咎.

象曰. 馬匹亡.絕類上也

Lục tứ.

Nguyệt cơ vọng. Mã thất vong. Vô cữu.

Tượng viết:

Mã thất vong. Tuyệt loại thượng dã.

Dịch.

Vầng trăng sắp sửa tới rằm,

Ngựa quên bầu bạn, lỗi lầm chi đâu.

Tượng rằng*:*

Ngựa quên bầu bạn, cặp kè,

Tuyệt tình đồng loại, theo về với trên.

Lục tứ là một trọng thần, gần gũi quân vương. Ở vào địa vị này, phải đem hết lòng tinh thành, chân thực mà thờ vua.

- Phải khiêm cung, đừng có mong quá thịnh mãn **(Nguyệt c**ơ **vọng).**

- Phải như vầng trăng chưa tròn mới hay; thần tử mà như vầng trăng tròn, tức là muốn cạnh tranh, đối địch với vua. Mà muốn đối địch với vua, tức là chiêu lấy tai hoạ.. Lại không được hợp bầy, kết đảng, phải một lòng vì vua như con ngựa hay, khi kéo xe trên đường trường, chỉ biết ruổi rong, đến nỗi quên cả những con ngựa bạn **(Mã thất vong. Vô cữu).**

Tượng nhắc lại: người ở ngôi trọng thần, phải biết quên bầy bạn, một lòng phục vụ quân vương **(Mã thất vong. Tuyệt loại thượng dã).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 有孚攣如.無咎.

象曰. 有孚攣如.位正當也.

Cửu ngũ.

Hữu phu luyến như. Vô cữu.

Tượng viết:

Hữu phu luyến như. Vị chính đáng dã.

Dịch.

Lấy lòng thành tín cảm dân,

Khát khao, ràng buộc lỗi lầm khỏi lo.

Tượng rằng:

Lấy lòng thành tín cảm dân,

Khát khao ràng buộc, đáng phần xứng ngôi.

Ở **ngôi Cửu ngũ,** đấng quân vương phải biết đem dạ chí thành để cảm thông thiên hạ. Được vậy, muôn dân sẽ gắn bó để phục vụ mình **(Hữu phu luyến như. Vô cữu).** Bậc quân vương mà xử sự được như vậy, thực là khéo léo, tốt đẹp, và xứng đáng **(Hữu phu luyến như. Vị chính đáng dã).**

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 翰音登于天.貞凶.

象曰. 翰音登于天.何可長也.

Thượng Cửu.

Hàn âm đăng vu thiên. Trinh hung.

Tượng viết:

Hàn âm đăng vu thiên. Hà khả trường dã.

Dịch.

Gà kêu tưởng thấu đến trời,

Khăng khăng tưởng thế, thế thời chẳng hay.

Tượng rằng:

Gà kêu đòi thấu đến trời,

Làm sao có thể lâu dài được đâu.

Thượng Cửu. Gà mà muốn kêu thấu tận trời sao được? Hoa hoét, loè loẹt bên ngoài, mà không có thực chất tinh thành bên trong, làm sao mà hay được?

Không tinh thành làm sao mong cảm hoá được người? Gà muốn kêu thấu trời, làm sao mà đến được? Không tinh thành, làm sao cảm hóa người khác về lâu, về dài được? **(Hàn âm đăng vu thiên. Hà khả trường dã).**

ÁP DỤNG QUẺ TRUNG PHU VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Trung Phu có hai cách giải: **Thứ nhất,** con người sinh ra đời, phải biết giữ **chữ tín,** nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy tức một lời nói ra bốn ngựa không theo kịp.

Đúng vậy, ra đời muốn buôn bán hay làm gì cũng vậy, ta cần phải giữ chữ **Tín,** nghĩa là khi đã nói hoặc đã hứa với ai điều gì, thì phải giữ lời, chứ đừng bạ đâu hứa đấy, hứa cho đẹp lòng người nghe lúc đó, sau rồi lại chối hoặc nuốt lời, không thực hiện đúng lời hứa, điều này người quân tử, hoặc đàng hoàng, đứng đắn không bao giờ làm.

Thứ hai, là dạy con người phải tiến đến chỗ **Tinh hoa hoàn thiện,** tức là phải tiến đến chỗ tinh thành. Ai trong chúng ta, cũng đã có mầm mộng thần linh sẵn có trong con người. Nhưng ít người hay biết chuyện đó, và ít người làm cho mầm mộng thần linh đó triển dương được tới chỗ tinh hoa, hoàn thiện.

Tinh thành là ta phải có lòng thành khẩn một cách sáng suốt. Làm việc hay xử sự gì, thì phải chuyên tâm, nhất trí làm cho được việc đó và phải làm một cách sáng suốt. Muốn đạt tới trạng thái Tinh thành, tâm hồn ta phải hư linh, không để cho dục tình phát động, không để cho ngoại cảnh chi phối. Muốn tiến tới chỗ tinh hoa, hoàn thiện, phải biết tẩy rửa tâm hồn cho sạch mọi lỗi lầm, phải biết hiếu sinh, phải biết thương yêu đồng loại, phải biết thương dân như con. Vì thế quẻ Trung Phu dạy phải thận trọng về hình án.

Những người đạt tới Tinh thành, có thể hàng long, phục hổ, sai khiến vạn vật. Thánh Francois d' Assise xưa đã thu phục được lang sói, đã giảng đạo cho cá nghe vv... thật là phi thường

Một đấng quân vương mà có lòng Tinh thành, phải thương dân như con đỏ. Trung Hoa, về đời nhà Đường, sau loạn An Lộc Sơn, rất nhiều người bị bắt oan. Vua Đường Túc Tôn sai Tô Kỳ đi trọng nhậm Lư Châu ở phiá Tây Bắc để thanh tra các việc hình án. Trước khi Tô Kỳ đi, vua có dụ rằng: Nhân dân đều là con đỏ của triều đình, vì đói rét hay vì ngu dốt mà phạm tội, trẫm rất lấy làm thương xót. Vậy trừ những kẻ cùng hung, cực ác ra, còn thảy đều nên khoan thứ, khiến cho chúng được có dịp sửa mình. Khanh ra đó, nên thể theo ý Trẫm, cứu vớt lấy hàng vạn lương dân. (Xem Trung Bắc chủ nhật, số Tết Quí Mùi (1943). Các vua nhân đức như Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang vv... đều thương dân như con cả. Ở nước ta, có vua Lê Thánh Tôn cũng thương dân như con vậy.

Ta đừng nói rằng: chuyện con người sinh ra là để tiến tới hoàn thiện, là một điều không tưởng, vì xưa nay mấy ai làm được như vậy. Sở dĩ như vậy, vì xưa nay ít sách vở bàn về chuyện này mà thôi. Con người sinh ra, không thể mãi sống vô định hướng, mà chúng ta cần phải vạch cho đồng loại một hướng đi nghĩa lý.

Nếu con người sinh ra không phải để tiến hóa, thì để làm gì ? Để sinh con, đẻ cái, để sống một cuộc đời lo nhiều hơn là bình thản, hay để nuôi con cho chúng thành danh, thành tài, rồi sau đó sẽ ra sao?. Nếu ta cứ đặt ra những câu hỏi như vậy, chúng ta sẽ đi vào vòng luẩn quẩn hết sức là vô lý. Ta thấy Dịch, khi thì dạy ta những bài học thấp như sống cần phải thích ứng với hoàn cảnh, khi thì dạy ta những bài học rất cao, như là con người sinh ra phải tiến

tới Tinh thành hoàn thiện.Còn ba quẻ nữa là hết Kinh Dịch, mà nay đưa ra vấn đề là **Con người phải tiến đến Tinh Hoa,** thật là quá đẹp đẽ.

62. 雷 山 小 過 LÔI SƠN TIỂU QUÁ

小過 Tiểu Quá
有其信者 必行己之
故受之以小過

Tiểu Quá Tự Quái

Tin rồi, công việc tất nhiên thi hành.

Cho nên Tiểu Quá mới sinh.

Tiểu Quá là một trong những quẻ khó giải. Muốn giải ta cần phải hiểu rõ hai chữ Tiểu Quá nghĩa là gì?

a). Có người dựa theo Đại Tượng Truyện giải: **Tiểu Quá là quá mức đôi chút.**

b). Có người lại phân tách quẻ Tiểu Quá và cho rằng: Tiểu Quá trong có 2 Hào Dương, bên ngoài có 4 Hào Âm. Âm quá nhiều hơn Dương, mà Âm là Tiểu, nên gọi là Tiểu Quá. Thời Tiểu Quá là thời mà Tiểu nhân giữ các chức vụ then chốt, còn Quân tử thì giữ những vai trò phụ thuộc. Wilhelm khi dịch Tạp Quái, dịch Tiểu Quá là thời buổi Giao Thời (Transition). Tôi (Tác giả) thấy rằng hiểu Tiểu Quá là thời buổi giao thời, sẽ giúp ta hiểu quẻ Tiểu Quá dễ dàng hơn. Vì thời buổi giao thời đúng là thời kỳ mà:

Trời làm một trận lăng nhăng.

Ông lại xuống thằng, thằng lại lên ông.

Lúc đó tiểu nhân đắc thế, mà quân tử thất thời. Thời buổi giao thời

cũng là thời buổi lắm chuyện nhố nhăng, quá mức, quá lạm. Gặp thời buổi này, giữ được mình toàn vẹn là hay, chứ đừng mong gì làm được đại công, đại sự. Đó là mấy ý chính của quẻ Tiểu Quá.

I. Thoán.

Thoán từ.

小 過 . 亨 . 利 貞 . 可 小 事 . 不 可 大 事 . 飛 鳥

遺 之 音 . 不 宜 上 宜 下 . 大 吉 .

Tiểu Quá. Hanh. Lợi trinh. Khả tiểu sự. Bất khả đại sự.

Phi điểu di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ. Đại cát.

Dịch.

Hào Âm nhiều quá hơn Dương,

Gọi là Tiểu Quá vẫn đường hanh thông.

Nếu mà minh chính một lòng,

Rồi ra nên lợi, sinh công dễ dàng.

Sức vừa, liệu việc tầm thường,

Chớ nên đại sự, đảm đương chuốc mòng.

Chim bay, để lại dư âm,

Cao tầm chẳng tới, thấp tầm mới bay.

Thế thời tốt đẹp lắm thay.

Sống trong thời buổi giao thời, ta vẫn có lối thoát, ta vẫn được lợi, được hay, nếu ta theo được chính lý, chính đạo **(Tiểu quá. Hanh. Lợi trinh).** Trong thời buổi này, chỉ nên làm chuyện những chuyện nhỏ, không nên làm chuyện lớn **(Khả tiểu sự bất khả đại sự).** Quẻ Tiểu Quá, giữa có 2 Hào Dương, như là mình chim; Trên dưới đều

2 Hào Âm như hai cánh chim; Toàn quẻ trông ngang như hình chim bay. Vì thế Thoán từ mới nói: Con chim bay nhắc nhủ ta bài học này là: Không nên vươn quá cao, mà chỉ nên ở dưới thấp **(Phi điểu di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ).** Như vậy, mới được an lành **(Đại Cát).**

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖曰.小過.小者過而亨也.過以利貞.與時行也.柔得中.是以小事吉也.剛失位而不中.是以不可大事也. 有飛鳥之象焉.有飛鳥遺之音.不宜上宜下.大吉.上逆而下順也.

Tiểu Quá. Tiểu giả quá nhi hanh dã. Quá dĩ lợi trinh. Dữ thời hành dã. Nhu đắc trung. Thị dĩ tiểu sự cát dã. Cương thất vị nhi bất trung. Thị dĩ bất khả đại sự dã. Hữu phi điểu chi tượng yên. Hữu phi điểu di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ. Đại cát. Thượng nghịch nhi hạ thuận dã.

Dịch. Thoán rằng:

Tiểu Âm mà quá hơn Dương,

Thế là Tiểu Quá, vẫn đường hanh thông.

Quá, nhưng minh chính một lòng,

Tùy thời xử thế, ung dung theo thời

Âm nhu, chốn giữa, chững ngôi,

Cho nên công việc nhỏ nhoi, tốt lành.

Dương cương, thất vị, chông chênh.

Kham sao được đại công trình, mà hay?

Quẻ trông mường tượng chim bay,

Chim bay, cánh vỗ đó đây xạc xào

Chẳng bay quá trớn, quá cao.

Theo bề thấp thỏi, thế nào cũng hay.

Cao là thế ngược, thế sai,

Thấp thời mới thuận, mới hay, mới lành.

Thoán giải thích: Tiểu Quá là những cái nhỏ quá mức mà vẫn hanh thông **(Tiểu Quá. Tiểu giả quá nhi hanh dã).** Lúc giao thời, mà vẫn theo được chính lý, chính đạo, mà vẫn thích ứng được với hoàn cảnh, thì mới hay, mới lợi. Có vậy mới là thức thời, mới là theo được đà thời gian **(Quá dĩ lợi trinh. Dữ thì hành dã).**

Phàm ở đời, tiểu nhân làm nên tiểu sự, quân tử làm nên đại sự. Nay tiểu nhân giữ các địa vị trọng yếu, then chốt, quân tử lại không có ngôi, có vị hẳn hoi. Như vậy, chỉ nên làm những chuyện nhỏ, đừng làm những chuyện lớn. **(Nhu đắc trung. Thị dĩ tiểu sự cát dã. Cương thất vị nhi bất trung. Thị dĩ bất khả đại sự dã).**

Quẻ Tiểu Quá gợi nên hình ảnh con chim bay, nó nhắc nhủ ta là trong thời buổi giao thời, không nên vươn cao quá, mà chỉ nên ở dưới thấp, mới là hợp lý **(Hữu phi điểu chi tượng yên. Hữu phi điểu di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ. Đại cát. Thượng nghịch nhi hạ thuận dã).**

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết.

象曰. 山上有雷.小過.君子以行過乎恭.

喪過乎哀.用過乎儉.

Sơn thượng hữu lôi. Tiểu Quá. Quân tử dĩ hành quá hồ cung.

Tang quá hồ ai. Dụng quá hồ kiệm.

Dịch. Tượng rằng:

Tiểu Quá, sấm động đầu non,

Hiền nhân quá mức, cũng còn có khi,

Quá khiêm trong lúc hành vi,

Quá sầu, khi gặp những kỳ tóc tang,

Quá ư cần kiệm, kỹ càng.

Tiêu pha, chẳng dám chuyện hoang phí tiền.

Tống Bản Thập Tam Kinh bình đại khái rằng:

Thường thì Sấm sinh từ đất, nay sinh trên núi **(Lôi Sơn)**, thế là quá mức. Tiểu nhân thường hay quá mức, quá trớn trong hành vi, cử chỉ, hay cao ngạo, hay phung phí. Muốn sửa lỗi họ, người quân tử cần làm ngược lại, nhưng làm quá mức một chút, để cho họ thấy mà sửa mình. Cho nên người quân tử, có thể nhất thời, vì mục đích giáo hoá, nên trong hành động sẽ quá cung kính, trong tang lễ sẽ quá buồn rầu, trong tiêu dùng sẽ quá cần kiệm.

Ví dụ: Xưa Mạc Ngao có những cử chỉ cao ngạo, thì Chính khảo Phụ, vì muốn răn bảo, đã tỏ ra hết sức khiêm cung, đến nỗi đi đâu cũng nép vào ven tường. Hoặc như Tể Dư, muốn tỉnh giảm lễ để tang còn là một năm, thì Cao Sài khóc đến chảy máu mắt. Hoặc như trước đó, quân tử tiêu sài hết sức phung phí, vợ nọ con kia đầy dẫy, tân khách ra vào tấp nập, thì Án Anh, sau này có phản ứng ngược lại là suốt ba mươi năm, chỉ dùng một áo hồ cừu cũ. Như vậy, Chính Khảo Phụ đã **hành quá hồ cung;** Cao Sài đã **tang quá hồ ai;** và Án Anh đã **dụng quá hồ kiệm** với mục đích dạy đời.

Hoặc như hồi Trung Cổ ở bên Âu Châu, các giáo sĩ mải sống trong giầu sang, nhung lụa, thì thánh Francois d'Assise (1182 - 1226) đã lập ra một dòng khổ tu, cùng các đồng chí ngày ngày đi xin ăn để mà sống... Đó cũng chính là làm điều phải **quá mức ít nhiều,** để rung lên hồi chuông cảnh tỉnh.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初 六 . 飛 鳥 以 凶 .

象 曰 . 飛 鳥 以 凶 . 不 可 如 何 也 .

Sơ Lục.

Phi điểu dĩ hung.

Tượng viết.

Phi điểu dĩ hung. Bất khả như hà dã.

Dịch.

Chim bay hứng chí, bay cao,

Bay lâu cao quá, thế nào cũng hung.

Tượng rằng:

Cao bay, sẽ gặp hoạ hung,

Hoạ hung thời chịu, biết chừng làm sao?

Sơ Lục là Hào Âm, lại ở chỗ thấp nhất, đáng lý là phải biết an phận, đàng này Sơ Lục cậy có Cửu tứ, tức là người trên quyền thế đỡ đầu, nên xông xáo hăm hở muốn vươn lên. Sự vội vàng hấp tấp, muốn đi quá trớn ấy sẽ đem lại cho đương sự nhiều phiền nhiễu, y như con chim chưa đủ lông, đủ cánh, đã đòi bay bổng. Không thức thời, tiến lên liều lĩnh, bừa phứa như vậy, đến nổi gặp hung hoạ, thời biết làm sao bây giờ **(Phi điểu dĩ hung. Bất khả như hà dã).**

2. Hào Lục nhị.

六 二 . 過 其 祖 . 遇 其 妣 . 不 及 其 君 . 遇 其 臣 . 無 咎 .

象曰. 不及其君.臣不可過也.

Lục nhị.

Quá kỳ tổ. Ngộ kỳ tỷ. Bất cập kỳ quân. Ngộ kỳ thần. Vô cữu.

Tượng viết.

Bất cập kỳ quân. Thần bất khả quá dã.

Dịch.

Qua ông , để gặp cụ bà,

Theo vua chẳng được, ở ra phận thần.

Vậy thời chẳng có lỗi lầm.

Tượng rằng:

Chẳng mong theo kịp quốc quân

Giữ sao không quá phận thần, mới hay.

Lục nhị. Hào từ chia làm hai phần: Phần trên dạy xử sự cho hợp lẽ. Ví dụ: như vợ người cháu (Hào Lục nhị), khi vào lễ nơi tổ miếu, có thể đi qua nơi bài vị của ông Tổ (Hào Cửu tứ), mà đến van vái trước bài vị của bà cô Tổ (Hào Lục ngũ). Thế là **Quá kỳ tổ. Ngộ kỳ tỉ.** Còn như chính người cháu trai, thì phải đứng lễ về phía ông Tổ.

Phần dưới Hào này, dạy rằng: Bậc thần tử hãy nên biết thân phận mình, đừng nên đòi hỏi nhiều. Ví dụ như một thần tử (Lục nhị), muốn xin vào bệ kiên vua (Lục ngũ), để nhận mạng lệnh mà chẳng được, đành gặp một vị đại thần để nhận mạng lệnh cách gián tiếp. Thế là **Bất cập kỳ quân. Ngộ kỳ thần.** *Cập* là có ý muốn gặp, *Ng*ộ là vô tình mà gặp, tình cờ mà gặp. Kinh Xuân Thu cũng phân biệt chữ **Cập** và chữ **Ng**ộ như vậy.

Tượng Truyện nói rõ hơn, là thần tử không nên vượt quá phạm vi

mình. Phải ăn ở sao cho vua ra vua, tôi ra tôi, mới khỏi lỗi lầm **(Bất cập kỳ quân. Thần bất khả quá dã).**

3. Hào Cửu tam.

九 三 . 弗 過 防 之 . 從 或 戕 之 . 凶 .

象 曰 . 從 或 戕 之 . 凶 如 何 也 .

Cửu tam.

Phất quá phòng chi. Tòng hoặc tường chi. Hung.

Tượng viết.

Tòng hoặc tường chi. Hung như hà dã.

Dịch.

Chẳng lo, chẳng liệu đề phòng,

Nhỡ người hãm hại, họa hung đã đành.

Tượng rằng:

Chẳng lo, chẳng liệu đề phòng,

Nhỡ người hãm hại, họa hung vô chừng.

Cửu tam bị kẹt ở giữa một bày Âm, mà địa vị lại dở trăng, dở đèn (tam bất trung), cho nên phải hết sức gia ý đề phòng tiểu nhân. Nếu chẳng gia ý đề phòng **(Phất quá phòng chi),** mà lại còn đua đòi theo bầy tiểu nhân, thì trước sau cũng sẽ bị người hãm hại **(Tòng hoặc tường chi).** Như vậy là chẳng tốt **(Hung).**

Theo bày tiểu nhân để đến nỗi bị gia hại, xấu biết chừng nào **(Tòng hoặc tường chi. Hung như hà dã).**

4. Hào Cửu tứ.

九四. 無咎.弗過遇之.往厲必戒.勿用永貞.

象曰. 弗過遇之.位不當也.往厲必戒.終不可長也.

Cửu tứ.

Vô cữu. Phất quá ngộ chi. Vãng lệ tất giới. Vật dụng vĩnh trinh.

Tượng viết.

Phất quá ngộ chi. Vị bất đáng dã.

Vãng lệ tất giới. Chung bất khả trường dã.

Dịch.

Tùy thời, xử thế cho hay,

Rồi ra mới khỏi đơn sai, lỗi lầm.

Thời nghi, thích hợp, vừa khăm,

Mà không quá trớn, lố lăng mới là.

Mưu đồ, sẽ gặp nguy cơ,

Phải nên thận trọng, đắn đo, suy lường.

Chớ nên cố chấp, thủ thường,

Phải nên quyền biến, đảm đương theo thời.

Tượng rằng:

Thời nghi, thích hợp vừa khăm,

Mà không quá trớn, lố lăng mới là,

Vị ngôi chẳng xứng, chẳng vừa,

Mưu đồ nguy hiểm, phải lo, phải lường.

Tiểu nhân đang lúc nhiễu nhương.

Làm sao quân tử có đường thịnh hưng ?

Cửu tứ là Dương Hào cư Âm vị , thế là *tính cương, mà xử nhu,* như vậy không có gì là quá, và cũng là hợp thời. Biết mình sống giữa bầy tiểu nhân, không thể làm gì được, nên cũng giả ngô, giả ngọng cho êm chuyện **(Phất quá ngộ chi).** Thế tức là: Phượng hoàng thất thế, phải theo đàn gà.

Sống vào thời buổi đảo điên, mà không thức thời, cứ tưởng mình có tài, có đức, là có có thể hoán chuyển được tình thế là lầm. Vì một **con én làm sao làm nên được mùa xuân.** Cho nên, nếu lo toan, sốc vác, tính chuyện đội đá, vá trời, sẽ gặp nguy lệ **(Vãng lệ).** Cho nên, cần phải đề cao cảnh giác **(Tất giới),** và đừng có đối xử cứng rắn với người **(Vật dụng vĩnh trinh).** Có như vậy, mới biết uyển chuyển theo thời.

Tượng Truyện giải rõ thêm rằng mình phải thích thời, khéo xử, không được đi quá trớn, quá mức **(Bất quá ngộ chi),** Bởi vì địa vị mình dở dang, bất xứng **(Vị bất đáng dã).** Nếu làm trái lại, thì không nên **(Vãng lệ tất giới),** và không thể lâu dài được **(Bất khả trường dã).**

5. Hào Lục ngũ.

六五．　密云不雨.自我西郊.公弋取彼在穴.

象曰．　密云不雨.已上也.

Lục ngũ.

Mật vân bất vũ. Tự ngã Tây giao. Công dặc thủ bỉ tại huyệt.

Tượng viết.

Mật vân bất vũ. Dĩ thượng dã.

Dịch.

Mây dầy, mà chẳng mưa rơi,

Mưa dầy, phủ kín cõi trời Tây ta.

Bắn chim trong động mới là,

Vương công bắn lấy, đem ra giúp đời.

Tượng rằng:

Mây dầy, mà chẳng mưa rơi,

Nghĩa là Âm đã cao ngôi quá chừng.

Lục ngũ. Sống trong buổi nhiễu nhương, giao thời, mà vị lãnh đạo không phải người tài cao, đức cả (Lục ngũ là Âm nhu chi tài), thì làm sao mà làm ơn, làm ích nhiều cho đời được, có khác nào như một áng mây dày, bồng bềnh bên phía trời Tây, không thành mưa rơi xuống mặt đất được **(Mật vân bất vũ).** Như vậy, hay hơn hết, là đi tìm hiền thần cộng tác. Mà hiền thần bây giờ còn ẩn náu nơi thôn dã, chưa xuất đầu lộ diện, phải khéo léo mới mời ra cộng tác được. Cầu được những bậc hiền tài này, cũng tỉ như bắn chim nấp trong hang động **(Công dặc thủ bỉ tại huyệt).**

Vua cũng không nên đi quá trớn. Vua mà quá trớn, thời như đám mây, bay quá cao, làm sao mà thành mưa được **(Mật vân bất vũ. Dĩ thượng dã.**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 弗遇過之. 飛鳥離之. 凶. 是謂災眚.

象曰. 弗遇過之. 已亢也.

Thượng Lục.

Phất ngộ quá chi. Phi điểu ly chi. Hung. Thị vị tai sảnh.

Tượng viết.

Phất ngộ quá chi. Dĩ kháng dã.

Dịch.

Quá chừng, chẳng biết thức thời,

Như chim vun vút, khung trời cao bay,

Thế là hung hoạ có ngày.

Rồi ra vạ gió, tai bay khôn chừng.

Tượng rằng:

Quá chừng, chẳng biết thức thời.

Là vì cao quá nóc rồi, còn chi ?

Thượng Lục là kẻ tiểu nhân được thời thế đưa đẩy lên ngôi vị cao. Vì đang đà say danh lợi, không thể kiềm chế được mình, nên đã đi quá trớn, không còn chịu theo lẽ phải **(Phất ngộ),** và làm những điều ngang chướng, quá quắt **(quá chi).** Họ sẽ gặp tai ương, y như con chim bay quá cao sẽ bị tai họa **(Phi điểu ly chi. Hung. Thị vị tai sảnh).**

Tất cả những điều dở dang, trái khoáy đã sinh ra chính là vì đương sự đã đi quá trớn **(Phất ngộ quá chi. Dĩ kháng dã).**

ÁP DỤNG QUẺ TIỂU QUÁ VÀO THỜI ĐẠI

Kể từ lúc tôi biết suy nghĩ điều hơn thiệt, đến nay thấm thoát đã 50 năm, lúc đó tôi còn nhớ là tôi chỉ là cô bé con, tuổi mới 13, và ngày hôm đó vào mùa xuân, khoảng 12 tháng 3 Âm lịch, là ngày đưa đám táng mẹ tôi. Mẹ tôi mất, tôi buồn lắm, nỗi buồn in sâu trong lòng tôi, đến nỗi bây giờ đã qua 50 năm, mà tôi còn nhớ rõ những hình ảnh để tôi viết bài này. Hôm ấy, lúc đầu vì còn nhỏ

nên tôi được lên xe ngồi chung với người trong họ, để theo xe tang, nhưng khi đi đến khoảng hơn hai phần đường thì tôi xuống xe, và vượt từ từ lên nhập bọn chung với các anh, chị tôi, sát sau xe tang mẹ tôi. Tôi im lặng, lòng buồn khôn tả, đi theo xe chở người mẹ thân yêu, đã hy sinh suốt cuộc đời cho chồng con. Tôi bước theo mà người như mơ, như tỉnh, chợt tôi bừng tỉnh khi nghe tiếng các chị tôi khóc lớn, và nghe như có sự níu kéo ở gần tôi, tôi ngoảnh ra sau, thấy chị dâu trưởng của tôi, mặc sô gai như tôi, đang nằm lăn dưới đất, tóc tai rũ rượi, kêu khóc gọi mẹ tôi, và mọi người đang nâng chị dâu tôi dậy. Lúc đó, tôi bàng hoàng không hiểu tại sao chị dâu tôi lại thương mẹ tôi như vậy, vì cứ chốc chốc chị lại làm như vậy, làm khổ cho mấy người cứ phải ở bên cạnh chị, để nâng đỡ chị, mà tôi lúc ấy tuy còn nhỏ, nhưng cũng hiểu là chị không thương mẹ tôi nhiều như vậy. Sau này, tôi hỏi cô tôi về sự tại sao chị dâu tôi lại vừa khóc mẹ tôi, lại vừa lăn đường như vậy. Cô tôi trả lời vì tục lệ xưa, bắt người con dâu khi mẹ chồng chết phải lăn khóc như vậy.

Sau này, cách đó 48 năm, ở xứ Hoa Kỳ này, tôi lại đi dự một đám tang của một người bà con trong họ, (cũng người Việt Nam), thì tôi thấy khi bà cụ chết đi, thay vì mặc sô gai, hay mặc quần áo trắng thường, thì con cháu nội ngoại bà cụ, đã thuê đồ tang kiểu Âu Châu, ăn mặc sang, đẹp, như đi dự dạ hội, và không có cảnh u sầu khóc lóc như ngày xưa.

Vậy, thời gian đã thay đổi tập tục và con người quá nhiều, cả hai cảnh tượng trước và sau đó đều hơi quá đáng.

Và ai đã sống sau năm 1975, lúc Saigon đổi chủ, đã thấy cảnh hống hách của lũ tiểu nhân, mà dân lúc đó gọi chúng là tụi Cách mạng 30 (tức là ngày 30 Cộng Sản về, nó mới tự xưng là Cách mạng), và cảnh những nhà trí thức, khá giả, giả vờ túng thiếu, đi đạp xe xích lô, hoặc đi gánh rau muống để bán ngoài chợ. Thật là cảnh cười ra nước mắt. Những ai là người BắcViệt, nhất là dân Hà nội, đã sống trong cảnh gia đình khá giả, nho phong khi xưa, chắc còn nhớ là các bậc cha mẹ dạy con thật là nề nếp, cẩn thận. Đi ra đường, gặp ai dù quen thân hay quen sơ, đều phải chào hỏi lễ phép. Tiếng **Cô, Cậu** dùng để chào hỏi người ít tuổi hơn mình. Tiếng **Ông, Bà** dùng để chào hỏi người ngang mình, và mình xưng **Tôi**; nếu mình ít tuổi hơn họ thì mình xưng **Con** hay **Cháu.** Nếu người đó già cả khoảng

trên 70 tuổi, thì phải dùng tiếng **C**ụ mà gọi người ta. Chỉ hơi quá đáng một chút, là ai có chút chức phận, thì người ngoài xưng họ là **Quan lớn.**

Sau 1945, Cộng Sản lên, muốn cho thân mật, họ đã dạy dân thay đổi danh từ **Cô, Cậu, Ông, Bà** ra **Anh, Chị**, và thay vì gọi người già cả là **C**ụ, họ thay thế bằng tiếng **Chú, Bác, Cô, Dì vv…** Nhưng các cán bộ, có một số cứ dùng danh từ **Anh, Chị** mà gọi những bậc đáng cha chú mình, nếu những người này là ở thành phần dân chúng.

Sau 1975, Cộng Sản vào Nam, đã nhập vào dân những tập tục thiếu lễ độ đối với các bậc trưởng thượng đó. Có nhiều người đã bị tiêm nhiễm, nên đã dùng danh từ **Anh, Chị** mà gọi những người trưởng thượng mà họ gặp, mặc dầu những người này đáng cha, chú họ. Trên đây là những điều mà quẻ Tiểu Quá muốn sửa. Gần đây, có một bài báo đăng tin bên Trung Cộng, chắc giới trí thức cũng thấy dân tộc mình đã sai lầm trong vấn đề xưng hô, nên họ đã ra lệnh sửa lại.

Bao giờ người Việt trở lại nề nếp cũ? tuy nhiên danh từ **Quan lớn** cũng phải hủy bỏ, vì đã quá kiểu cách.

63. 水 火 既 濟 THỦY HỎA KÝ TẾ

既濟序卦Quái
有過於物必濟tất tế.
故受之以既Tế.

Ký Tế Tự Quái

Nếu như xuất chúng, hoàn thành có phen.

Cho nên Ký Tế tương liên.

Sau quẻ Tiểu Quá là quẻ Ký Tế, vì hễ mình có cái gì hơn người, rồi ra sẽ giúp được người, sẽ làm nên chuyện.

- Ký Tế có nghĩa là Công việc đã hoàn thành,là Tình hình đã ổn định. Y thức như đã vượt qua được con sông lớn.

-Ký Tế là Thủy Hỏa giao nhau, giúp nhau để làm nên công trình: nước ở trên, lửa ở dưới, thời lửa sẽ đun sôi được nước.

-Hơn nữa, Ký Tế là quẻ duy nhất trong 64 quẻ Dịch, có các Hào Âm, Dương tương ứng với nhau, và đúng vị trí của nó.

-Ký Tế còn là quẻ 63 gợi lên ý nghĩa rằng, vũ trụ biến thiên, thế giới biến thiên, vạn hữu biến thiên. Cuối cùng phải đi tới một chung cuộc tốt đẹp.

Muốn giải quẻ Ký Tế, ta chỉ cần hiểu Ký Tế là khi tình thế đã ổn định, như vậy sẽ biết được tình hình, thời cuộc, và cách xử sự của mỗi một hạng người trong quẻ này.

I. Thoán.

Thoán từ.

既 濟 . 亨 . 小利 貞 . 初 吉 終 亂 .

Ký Tế. Hanh tiểu. Lợi trinh. Sơ cát chung loạn.

Dịch.

Ký Tế là lúc đại thành,

Bây giờ đại sự đã hanh thông rồi.

Lo tròn những việc nhỏ nhoi,

Bền lòng, giữ vững cơ ngơi mới tình,

Mới đầu, mọi sự tốt lành,

Sau cùng, có thể điêu linh ly loàn.

Ký Tế là thời kỳ ổn định, đại cuộc đã thành toàn, nhưng những tiểu sự, tiểu tiết thì còn vô số để làm, vì thế nói: **Ký Tế. Hanh tiểu.** Thời buổi này cũng vẫn còn phải theo con đường minh chính, cũng vẫn phải bền gan trì thủ, mới hay, mới lợi **(Lợi trinh).** Vả lại, buổi đầu hiện nay thì dĩ nhiên là hay **(Sơ cát),** nhưng biết đâu cuối cùng lại chẳng loạn ly, lại chẳng nhiễu nhương rối rắm **(Chung loạn).**

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖 曰 . 既 濟 . 亨 . 小 者 亨 也 . 利 貞 . 剛 柔 正 而 位 當 也 . 初 吉 . 柔 得 中 也. 終 止 則 亂 . 其 道 窮 也 .

Ký Tế. Hanh. Tiểu giả hanh dã. Lợi trinh. Cương nhu chính nhi vị đáng dã. Sơ cát. Nhu đắc trung dã. Chung chỉ tắc loạn. Kỳ đạo cùng dã.

Dịch. Thoán rằng:

Ký Tế là lúc đại thành,

Bây giờ, đại sự đã hanh thông rồi.

Lo tròn những việc nhỏ nhoi.

Rồi ra sẽ được vẹn mười hanh thông.

Bền gan, minh chính một lòng,

Rồi ra công việc mới mong lợi nhiều.

Cương nhu, hợp chỗ, hợp chiều,

Vị ngôi đâu đấy, đủ điều hẳn hoi.

Mới đầu, mọi việc êm xuôi,

Là vì nhu được chính ngôi chững chàng.

Sau rồi, thôi chuyện lo toan,

Vì ngừng gắng gỏi, ly loàn lại sinh.

Thoán Truyện chỉ hoàn toàn giải thích Thoán Từ:

1. Thế nào là Hanh tiểu? Hanh tiểu là còn những việc nhỏ phải thực hiện sao cho thông suốt hẳn hoi. Đại cuộc tuy xong, nhưng tiểu tiết còn nhiều điều chếch mác, phải sửa sang lại cho toàn vẹn.

Các nhà Cách Mạng đều chủ trương như vậy. Sau khi cướp được chính quyền, Staline chủ trương đại khái rằng:

-Cướp chính quyền, mới là bước đầu.

-Giai cấp tư sản tuy bị lật đổ, nhưng vẫn còn mạnh hơn giai cấp vô sản, cho nên cần phải:

-Giữ được chính quyền.

-Củng cố chính quyền.

-Làm cho chính quyền trở nên hùng mạnh, vô địch.

Muốn đạt được mục phiêu ấy, **Vô sản** còn 3 việc phải làm là:

1. Bẻ gẫy sự chống đối của giai cấp Tư sản, Phú nông, đồng thời dẹp tan mọi âm mưu của Tư sản, để cướp lại chính quyền.

2. Tổ chức binh bị, sắm sanh khí giới, để chống ngoại xâm, và đấu tranh với Đế quốc chủ nghĩa.

Ngoài ra, còn phải giáo dục lại quần chúng, nông dân, địa chủ, công chức, trí thức v . v . . .

Ngự Án thì cho rằng: Sau khi tình hình đã ổn định, còn có 2 việc phải làm.

1. Chế trị : Tổ chức công cuộc cai trị.

2. Bảo bang: Bảo vệ đất nước.

2. Tại sao lại Lợi trinh? Lợi trinh, vì mọi người đều xứng ngôi, xứng vị **(Cương nhu chính nhi vị đáng dã).** Xử dụng cho hay, cho phải, vài ba chục người là chuyện dễ, nhưng xử dụng cho hay, cho phải, trăm, ngàn, triệu người trong một nước, không phải là chuyện chơi. Cho nên Ký Tế đòi hỏi một nghệ thuật cao, một công phu dầy vậy.

3. Tại sao Sơ Cát? Bắt đầu thì tốt, vì lúc bấy giờ mọi người còn đang hăng hái, nhu thuận, văn minh (vì quẻ dưới là Ly), và lại đắc trung **(Sơ cát . Nhu đắc trung dã)**

4. Tại sao Chung loạn? Chung loạn vì lòng người đã trở nên ù lì, thích hưởng thụ, an nhàn hơn là cố gắng lao tác **(Chung chỉ tắc loạn).** Mà đã không cố gắng, đã để cho tình hình trở nên rối rắm, thì làm gì còn được an bình, ổn định và Ký Tế nữa **(Kỳ đạo cùng dã).**

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết.

象 曰 . 水 在 火 上 . 既 濟 . 君 子 以 思 患 而 預 防 之 .

Thủy Hỏa tại thượng. Ký Tế. Quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi.

Dịch. Tượng rằng:

Lửa dưới, nước trên,

Ấy là Ký Tế, là nên việc rồi,

Người hiền thấy vậy, lo đời,

Đề phòng hoạ hoạn, tương lai mới là ...

Ký Tế là lúc Thủy Hỏa tương tế, nhân tình tương hòa, tương thân, tương trợ. Nhưng chính lúc ấy, Thánh nhân lại dạy quân tử phải lo đề phòng họa hoạn. Chủ trương Cư an, tư nguy, luôn được Dịch kinh và Nho Giáo đề cao.

Có thể nói được Dịch Kinh đề cao chủ trương**: Sinh** ư **ưu hoạn. Tử** ư **an lạc.** Biết lo lắng, biết chịu thương, chịu khó mới sống. Nhơn nhơn du hý, hưởng lạc, cầu an sẽ chết. Đọc quẻ Ký Tế, càng thấy hiện rõ ràng tư tưởng ấy.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 曳 其 輪 . 濡 其 尾 . 無 咎 .

象 曰 . 曳 其 輪 . 義 無 咎 也 .

Sơ Cửu.

Duệ kỳ luân. Nhu kỳ vĩ. Vô cữu.

Tượng viết.

Duệ kỳ luân. Nghĩa vô cữu dã.

Dịch.

E dè thắng bớt bánh xe,

Hồ kia đuôi ướt, ngại bề lội sông.

Thế thời mới khỏi lỗi lầm.

Tượng rằng:

Thắng bớt bánh xe,

Vì không nóng nẩy, hết bề lầm sai.

Sơ Cửu. Lúc này là lúc thời cơ mới thuận tiện, hoàn cảnh có mòi dễ dàng, nhưng người quân tử không phải vì thế mà bớt sự thận trọng thường lệ. Y thức như cái bánh xe, có khi phải bớt thắng lại; hay như con hồ hễ ướt đuôi, thời đâm ngại ngùng, không dám vội sang sông. Xe xuống giốc, mà không thắng, có khi tai nạn. Hồ qua sông, mà không e dè, có khi lâm nguy. Người hành động không phòng bị, có lúc mắc hoạ. **(Duệ kỳ luân. Nhu kỳ vĩ. Vô cữu).** Sơ hoạt động, nhưng không nên nóng, như người đi xe, có lúc phải thắng bớt xe lại, như vậy theo lẽ là phải, có gì đáng trách đâu **(Duệ kỳ luân. Nghĩa vô cữu dã).**

2. Hào Lục nhị.

六二. 婦丧其茀. 勿逐. 七日得.

象曰. 七日得. 以中道也.

Lục nhị.

Phụ táng kỳ phất. Vật trục . Thất nhật đắc.

Tượng viết:

Thất nhật đắc. Dĩ trung đạo dã.

Dịch.

Phu nhân đánh mất rèm xe,

Khỏi tìm, bảy bữa của về lại tay.

Tượng rằng: *Bảy bữa được rèm,*

Là vì trung chính, giữ nguyên chẳng rời.

Lục nhị. Xưa, đàn bà đi xe phải có rèm che. Nay rèm mất, thể theo nghi lễ chẳng nên đi xe, mà cũng chẳng nên chạy đi tìm rèm, vì như vậy còn có thể thống gì. Rèm mất rồi ra lại tìm được. Hào này ám chỉ một công thần có đức, một lương tướng có tài, nhưng vì nay là lúc tình thế đã ổn định rồi, nên tài mình không có chỗ dụng, vua ở trên tỏ ra ơ hờ, không còn vồn vã, không còn cần dùng mình nữa.

Công thần, lương tướng gặp hoàn cảnh này, chớ nên tỏ ra cầu cạnh sự sủng ái của vua, vì như vậy vừa mất thể diện, vừa có thể nguy hiểm đến thân. Hãy đợi thời, có lúc vua lại cần mình, lại triệu vời mình. Người xưa có câu:

Điểu phi tận. Lương cung tàn.

Giảo thố tử. Tẩu cẩu phanh.

Dịch*:*

Chim bay mà chết, ná quăng.

Thỏ khôn mà chết, chó săn tàn đời.

Sau khi dẹp xong Hạng Võ, Hán Cao Tổ lập mưu bắt Sở vương Hàn Tín về giam lỏng ở Hàm Dương, lại truất xuống làm Hoài Âm Hầu. Một hôm Bái Công triệu Hàn Tín vào triều để hỏi về khả năng của các tướng tá, cốt là dò xem ý tứ Hàn Tín ra sao? Khi vui chuyện, Hàn Tín cho rằng Hán Cao Tổ có thể cầm được mười vạn quân, còn riêng ông càng nhiều quân ông càng dễ điều khiển. Có người cho rằng vì Hàn Tín khoe tài như thế, mà sau này Hàn Tín bị giết. Ít lâu sau, Lương Vương Bành Việt, cũng bị Bái Công bắt về phế xuống làm dân, đày đi Ba Thục.

Giữa đường Bành Việt gặp Lã Hậu. Ông năn nỉ Lã Hậu xin can thiệp giúp. Lã Hậu hứa giúp, và khiến Bành Việt theo trở về triều, Về tới triều, Lã Hậu nói với Hán Vương rằng: Tha Bành Việt là thả hổ về rừng, cần phải tìm cớ mà giết để trừ hậu hoạn. Thế là chẳng những Bành Việt bị chết chém, mà thi thể còn bị đem làm mắm, để gửi cho chư tướng. Tóm lại:

- Có rèm che, phụ nữ mới nên ra ngoài.

- Có sự tin cẩn của vua, lương tướng mới nên hoạt động.

Thất nhật đắc là tại sao? Tới thời cần đến lương tướng, nhà vua sẽ đổi giọng, đổi thái độ ngay. Tiết Nhân Quí đang bị giam nơi thiên lao. Khi cần người đi Chinh Tây, vua Thái Tông liền truyền thả Tiết Nhân Quí, rồi phong làm Đại nguyên súy như cũ.

Cho nên Tượng Truyện bàn thêm rằng: Mình gặp lúc thất sủng, cứ xử sự cho phải, rồi ra có ngày cờ lại đến tay. **(Thất nhật đắc. Dĩ trung đạo dã).**

3. Hào Cửu tam.

九三. 高宗伐鬼方.三年克之.小人勿用.

象曰. 三年克之.憊也

Cửu tam.

Cao Tông phạt Quỉ phương. Tam niên khắc chi. Tiểu nhân vật dụng.

Tượng viết:

Tam niên khắc chi. Bại dã.

Dịch.

Cao Tông, đánh xứ Quỉ Phương,

Ba năm chinh chiến, nhiễu nhương mới rồi.

Tiểu nhân nên gạt ra ngoài,

Viễn chinh, xin chớ dùng người tiểu nhân.

Tượng rằng:

Ba năm mới dẹp được xong,

Thật là mệt mỏi, nhọc lòng lắm thay.

Cao Tông phạt Quỉ phương là vua Vũ Đinh nhà Thương đi đánh Hung nô ở phía Bắc. Các vua, khi nội trị đã ổn định, thường tính ch uyện củng cố đất nước, ngăn chặn ngoại xâm, bằng cách đi chinh phục các nước lân bang. Công việc này không có dễ, vua Cao Tông phải mất ba năm mới chinh phục được Hung Nô **(Cao Tông phạt Quỉ phương. Tam niên khắc chi).**

Ngày nay, khi mà thế cuộc không cho phép ngoại xâm, thì các nhà lãnh đạo lo liên minh với các nước láng giềng. Dịch khuyên không nên dùng Tiểu nhân để chinh phục hay cai trị, vì tiểu nhân là mầm phiến loạn **(Tiểu nhân vật dụng). Tam niên khắc chi bại dã,** là nói ba năm mới thắng, ý nói phải vất vả nhiều mới thắng được.

4. 六 四 . 繻 有 衣 袽. 終 日 戒 .

象 曰. 終 日 戒 . 有 所 疑 也 .

Hào Lục tứ. Lục tứ.

Nhu hữu y như. Chung nhật giới.

Tượng viết: **Chung nhật giới. Hữu sở nghi dã.**

Dịch.

Sắm sanh những dẻ, cùng nùi,

Phòng khi thuyền thủng, thời bồi, thời tra.

Suốt ngày, phòng bị âu lo.

Tượng rằng:

Suốt ngày phòng bị âu lo,

Là vì trong dạ nghi ngờ chẳng yên.

Hào Lục tứ lại dạy phải quan phòng. Đi thuyền phải chuẩn bị nùi dẻ **(Y nh**ư**),** để khi thuyền thủng **(Nhu),** có mà chét. Thế là suốt ngày phải lo lắng đề phòng **(Chung nhật gi**ớ**i. H**ữ**u s**ở **nghi dã).**

5. Hào Cửu ngũ.

九五.　東鄰殺牛.不如西鄰之祭.實受其福.

象曰.　東鄰殺牛.不如西鄰之時也.實受其福.吉大來也.

Cửu ngũ.

Đông lân sát ngưu. Bất như Tây lân chi thược tế. Thật thụ kỳ phúc.

Tượng viết:

Đông lân sát ngưu. Bất như Tây lân chi thời dã.

Thực thụ kỳ phúc. Cát đại lai dã.

Dịch.

Xóm Đông, trâu giết linh đình,

Xóm Tây, lễ bạc lòng thành lại hơn.

Lòng thành hưởng phúc trời ban.

Tượng rằng:

Xóm Đông trâu giết linh đình,

Xóm Tây, thời thế tốt lành vẫn hơn.

Lòng thành, hưởng phúc trời ban,

Phúc lành lai láng, tràn lan mới là.

Cửu ngũ. Xóm Đông giết trâu, cúng tế linh đình, mà lại không bằng xóm Tây cúng tế sơ sài đạm bạc. Đó vì thần linh chứng lòng, chứ không chứng lễ vật **(Đông lân sát ngưu. Bất như Tây lân chi thược tế. Thực thụ kỳ phúc).** Sa hoa phung phí, không bằng thành khẩn thức thời. Tương lai đẹp đẽ, không thuộc về những kẻ ưa hào phóng sa hoa, mà chính thuộc về những người biết sống, biết xử dụng tiền tài, vật dụng **(Đông lân sát ngưu. Bất như Tây lân chi thời dã. Thật thụ kỳ phúc. Cát đại lai dã).**

6. Hào Thượng Lục.

上六. 濡其首.厲.

象曰. 濡其首厲.何可久也.

Thượng Lục.

Nhu kỳ thủ. Lệ

Tượng viết:

Nhu kỳ thủ lệ. Hà khả cữu dã.

Dịch.

Đầu mà chìm nghỉm thời nguy.

Tượng rằng:

Đầu mà chìm nghỉm, thời nguy.

Đầu chìm, thời chẳng cách chi vững bền.

Cực thịnh sẽ suy. Đó là lẽ Trời. Công đồng Latran (1512- 1517), vừa quả quyết rằng: Từ nay không còn ai phàn nàn, không còn ai chống đối giáo hội, thì mấy tháng sau, ngày 31-10-1517, Luther dán bích chương đả kích giáo hội, và lập nên giáo phái Tin Lành.

Con hồ băng sang sông, mà chìm nghỉm cả đầu, ắt sẽ nguy. Khi gặp thời thế thuận tiện, may mắn, mà con người sống phóng túng, thì ắt cũng sẽ nguy **(Nhu kỳ thủ. Lệ).** Gặp thời thuận tiện mà nhắm mắt làm liều, lao đầu làm bậy, thì làm sao bền vững được **(Nhu kỳ thủ. Lệ. Hà khả cữu dã).**

ÁP DỤNG QUẺ KÝ TẾ VÀO THỜI ĐẠI

Ký Tế là khi công chuyện ta định làm, nay đã làm rồi, nhưng còn những điều tiểu tiết trong đó mà ta cần phải chú ý, nếu không công việc của ta sẽ dễ dàng đi đến bế tắc, nguy ngập. Ví dụ: Nay ta muốn mở 1 tiệm ăn nhỏ, ta đã lo liệu đủ, và đã sang được 1 cửa hàng, với đầy đủ đồ vật cần thiết rồi, ta đã có người bếp mà ta cho rằng đủ tài, đủ kinh nghiệm và ta tin tưởng ta sẽ thành công, như thế rất là nguy hiểm. Vì một cơ sở, muốn đi tới thành công không phải dễ dàng như vậy.

I. Về phần người chủ

Muốn thành công, người chủ tối thiểu phải biết quản trị tốt, giao thiệp rộng, phải cởi mở với nhân viên, để họ hết lòng với mình, thì dù có phải làm việc vất vả họ cũng không nề hà, oán trách, phàn nàn. Điều quan trọng hơn cả, là người chủ phải là người siêng năng, nấu ăn giỏi, có nhiều sáng kiến độc đáo của riêng mình, phải có óc cầu tiến, học hỏi, không được quá chủ quan, biết nghe lời phê bình của người khác. Và phải niềm nở với khách hàng.

- Siêng năng, nấu ăn giỏi, là để khỏi bị cảnh lúng túng khi người bếp đau ốm, hay muốn làm reo với chủ.

- Có sáng kiến độc đáo, là để cho tiệm mình luôn có món ăn độc đáo hơn tiệm khác.

- Cầu tiến, là để tiệm của mình luôn trang trí hợp thời, sạch sẽ,

hấp dẫn khách hàng.

- Học hỏi, là để mình thu lượm những kinh nghiệm của người khác về làm của mình.

- Không được chủ quan và chịu nghe lời phê bình của người khác, vì nó là yếu tố đưa ta đến thành công.

II. Về phần người làm công, như bồi bàn, thư ký thu tiền, ăn nói phải lịch sự, đừng bao giờ dùng tiếng Anh, Chị mà gọi người ta, nhất là khi người ấy cao niên hơn mình.

Theo đúng, chắc chắn bạn sẽ thành công.

64. 火 水 未 濟 HỎA THỦY VỊ TẾ

未 濟 序 卦 Vị Tế Tự Quái
物 不 可 窮 也 Vật bất khả cùng dã.
故 受 之 以 未 濟 Cố thụ chi dĩ Vị Tế
終 焉 Chung yên.

Vị Tế Tự Quái

Sự đời hồ dễ có biên, có cùng.

Nên đem Vị Tế làm chung,

Tuy chung*, mà vẫn vô cùng, mới hay.*

Quẻ Vị Tế ở sau quẻ Ký Tế, và cuối cùng 64 quẻ Dịch, có một ý nghĩa sâu sa. Thánh Hiền không để quẻ Ký Tế kết thúc bộ Kinh Dịch, mà lại để quẻ Vị Tế, là cốt cho ta thấy sự đời vô cùng, vô tận, trí con người khó mà lường được, mà giới hạn được. Sự đời biến dịch chẳng cùng: **Trị mà sơ hở, sẽ sinh loạn.** Cho nên, cuối quẻ Dịch, Thánh nhân để quẻ Vị Tế, muốn khuyên ta đừng bao giờ ngừng cố gắng, đừng bao giờ quên lo liệu, đề phòng.

Ngự Án bình rằng: Vị Tế là công việc còn dang dở chưa thành tựu. **Sự dang dở sở dĩ có là vì các Hào chẳng đúng vị ngôi.** Hào Âm ở vị Dương, Hào Dương ở vị Âm, cũng y như trong xã hội, sự dang dở sẽ sinh ra là vì người hay ở địa vị dưới, người dưới ở địa vị trên, thành thử mọi người đâm ra ngỡ ngàng khó xử.

I. Thoán.

Thoán từ.

未 濟 . 亨. 小 狐 汔 濟. 濡 其 尾 . 無 攸 利 .

Vị Tế. Hanh. Tiểu hồ ngật tế. Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi.

Dịch.

Vị Tế là việc chưa thành,

Chưa thành, vẫn thấy tiến trình hanh thông.

Cáo con hùng hổ vượt sông,

Để cho đuôi ướt, thời không lợi gì.

Vị Tế mà hanh, là vì ngày nay mọi sự còn bế tắc, dang dở, nhưng rồi đây, nhờ sự cố gắng, mọi sự lại trở nên thông suốt, xuôi xắn, hẳn hoi **(Vị Tế. Hanh).** Nhưng muốn ra tay gây dựng cơ đồ, không thể hăm hăm, hở hở, mà phải có mưu lược, phải biết ước lượng những gian nguy, những khó khăn, mình sẽ gặp, và phải trù liệu trước những phương cách, để lướt thắng những khó khăn đó.

Hăm hở, liều lĩnh, chỉ chuốc lấy thất bại, y thức như con hồ con, thiếu kinh nghiệm, thấy sông đã đóng băng, liền hăm hở vượt qua; nó có biết đâu nhiều chỗ sông hãy còn là nước, vì thế mà hụt chân, đến nỗi ướt cả đuôi, như vậy làm sao mà hay được **(Tiểu hồ ngật tế. Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi).**

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖 曰 . 未 濟 . 亨 . 柔 得 中 也 . 小 狐 汔 濟 . 未 出 中 也 . 濡 其 尾 . 無 攸 利 .不 續 終 也 . 雖 不 當 位 .剛 柔 應 也 .

Vị Tế. Hanh. Nhu đắc trung dã. Tiểu hồ ngật tế. Vị xuất trung dã. Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi. Bất tục chung dã. Tuy bất đáng vị. Cương nhu ứng dã.

Dịch. Thoán rằng:

Vị Tế mà được hanh thông,

Là vì Nhu được ngôi trung đàng hoàng.

Cáo con sông vội vượt sang,

Cái vòng gian hiểm, nguy nàn chưa qua.

Ướt đuôi, mọi chuyện bê tha,

Dở dang, dang dở, khó mà nên công.

Tuy rằng ngôi vị long đong,

Cứng mềm ứng hợp, vả không quải gàng.

Thoán. Vị Tế mà hanh là vì Hào Lục ngũ là nhu đắc trung **(Vị Tế hanh. Nhu đắc trung dã).**

Ví dụ: Như thời Vương Mãng chiếm ngôi nhà Hán, có Lưu Tú muốn phục hưng cơ đồ. Lưu Tú là con người hết sức khéo léo, mềm mỏng, lại là dòng dõi tôn thất nhà Hán, vì thế nên Lưu Tú qui tụ được nhiều anh tài, và sau khôi phục được cơ đồ nhà Hán. Nhưng lúc mới bắt đầu thời kỳ Vị Tế, không nên hăm hở làm liều, y như con hồ con qua sông, mà vẫn chưa thoát được vòng nguy hiểm **(Tiểu hồ nhật tế. Vị xuất trung dã).** Nếu mới đầu mà sơ xuất như hồ ướt đuôi, thì khó mà tiếp tục công việc đến kỳ cùng vậy **(Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi. Bất tục chung dã).** Vị Tế tuy dang dở, vì chẳng có Hào nào xứng ngôi, xứng vị, nhưng sẽ hanh thông, vì các Hào đều ứng hợp nhau. Trở lại trường hợp Lưu Tú, hay các vua chúa lập quốc, ta thấy buổi đầu mọi sự còn dở dang, chếch mác, nhưng nhờ có hiền tài, lương tướng phụ bật, nên cuối cùng cũng thành công, thành sự.

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết.

象 曰 . 火 在 水 上 . 未 濟 . 君 子 以 慎 辨 物　 居 方 .

Hỏa tại thủy thượng. Vị Tế. Quân tử dĩ thận biện vật cư phương.

Dịch. Tượng rằng:

Vị Tế nước dưới, lửa trên,

Quân tử biện vật, phải nên rạch ròi.

Biện phân cẩn thận, hẳn hoi.

Xếp cho đâu đấy, cơ ngơi rõ ràng.

Hỏa trên, nước dưới, là Vị Tế. Quân tử nhân đó cẩn thận biện phân sự vật cho đâu ra đấy. Thủy Hỏa không liên lạc, mỗi bên hoạt động một chiều, nên không thành công. **Muốn làm nên sự việc, ta phải xem xét, học hỏi tính chất mỗi vật, để dùng cho đúng lúc, đúng nơi**. Muốn đảo lộn thời cuộc cho Vị Tế trở thành Ký Tế, chính là chỗ biết dùng người, chỗ biết đặt người cho đúng ngôi, đúng vị.

Khi vua Câu Tiễn đi hàng Ngô Phù Sai, đình thần nghị luận cho Phạm Lãi theo hầu, còn Văn Chủng ở nhà làm Tướng quốc trị dân; Khổ Thành chịu trách nhiệm về tư pháp; Duệ Dũng giữ việc ngoại giao; Học Tấn đảm trách việc đàn hạch; Chư Trình thống lĩnh ba quân; Cao Như lo phủ ủy dân tình, tích trữ lúa gạo vv...Vì ai đáng vào ngôi đó, cho nên nước Việt không bị diệt vong, và dần dần lại phục hồi được.

Cho nên dùng người đúng nơi, đúng chỗ, dùng vật cho phải chốn, phải thời, chính là yếu tố sẽ mang lại thành công.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六. 濡其尾. 吝.

象曰. 濡其尾. 亦不知極也.

Sơ Lục.

Nhu kỳ vĩ. Lận.

Tượng viết:

Nhu kỳ vĩ. Diệc bất tri cực dã.

Dịch.

Cái đuôi đã ướt mất rồi,

Sự tình như thế, vậy thời hổ thay.

*T*ượng rằng: *Đuôi đã ướt rồi,*

Cũng vì chẳng biết đến nơi, đến cùng.

Sơ **L**ục. Hồ qua sông, mà để ướt đuôi là đáng trách, người bắt tay vào việc mà để hỏng chuyện, cũng là đáng trách **(Nhu kỳ vĩ. Lận).** Lưu Tú, tức Quang Võ, muốn phục hưng nhà Hán, ông xuống kinh đô để dự thi võ nghệ, lập kế. Nhưng khi vào trường thi, thấy Vương Mãng, đã nổi xung lên, dương cung định bắn. Ông liền bị Vương Mãng bắt, may có Đậu Dung xin tha cho, không thì làm gì còn đời Quang Võ, và làm gì có nhà Đông Hán.

Nhu kỳ vĩ. Diệc bất tri cực dã, là mới đầu vụng xử, đến nỗi hỏng việc, như hồ qua sông để ướt đuôi thì dốt vậy.

2. Hào Cửu nhị.

九 二 . 曳 其 輪 . 貞 吉 .

象 曰 . 九 二 貞 吉 . 中 以 行 正 也 .

Cửu nhị.

Duệ kỳ luân. Trinh cát.

Tượng viết:

Cửu nhị trinh cát. Trung dĩ hành chính dã.

Dịch.

Hãm cho bánh chạy bớt đà,

Mới là minh chính, mới là phải hay.

Tượng rằng: *Cửu nhị phải hay,*

Đã hùng, lại xử cho ngay, cho lành.

Cửu nhị. Mặc dầu là thời cơ đã thuận tiện, nhưng lượng sức mình chưa đủ, phải biết kiềm chế mình, như vậy mới hay. **(Duệ kỳ luân. Trinh cát).**

Khi nước Ngô, đã bắt đầu suy yếu, Việt Vương Câu Tiễn muốn khởi binh đi đánh Ngô. Phạm Lãi can rằng: Thời cũng gần tới rồi, nhưng xin Chúa công dạy tập quân lính thêm, vì đánh hay phải có quân giỏi, mà muốn cho quân giỏi, phải tập đủ nghề, nào là kiếm kích, nào là cung võ. Nếu không có thầy hay dạy tập, thì không rành nghề được. Việt Chúa nghe lời, bèn cho đi rước thầy về rèn binh sĩ, và hoãn đánh nước Ngô (Đông Châu liệt quốc, Võ minh Trí dịch trang 962). Tượng Truyện cho rằng: Cửu nhị sở dĩ hay, là vì đã biết xử phải **(Cửu nhị trinh cát. Trung dĩ hành chính dã).**

3. Hào Lục tam.

六三. 未濟. 征凶. 利涉大川.

象曰. 未濟征凶. 位不當也.

Lục tam.

Vị tế. Chinh hung. Lợi thiệp đại xuyên.

Tượng viết:

Vị Tế chinh hung. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Trong khi mọi chuyện dở dang,

Mà còn vồ vập, lam làm thời hung.

Còn như vượt sóng, qua sông,

Tính bề thoát hiểm, thời không hại gì.

Tượng rằng:

Trong khi mọi chuyện dở dang,

Mà còn vồ vập, lam làm thời hung.

Vị ngôi lóng ngóng, lung tung.

Vị ngôi chẳng xứng, nên không ra gì.

Lục tam là Hào nhu mà cư Dương vị, nên không đúng ngôi, đúng vị; lại còn ở nội quái là Khảm,là nguy hiểm, tức là còn trong vòng nguy hiểm. Đã kém tài đức, ở trong vòng nguy nan, mà đã vội vẫy vùng, thời chẳng hay **(Vị tế chinh hung).** Trên nói là **Chinh hung,** mà tiếp theo lại nói là **Lợi thiệp đại xuyên,** thì ý nghĩa tương phản nhau. Có lẽ phải nói rằng **Bất lợi thiệp đại xuyên** mới phải.

Các nhà bình giải chia làm hai phái. Một phái như Trình tử, thì để nguyên câu **Vị Tế chinhhung. Lợi thiệp đại xuyên** mà giải, và cho rằng **Chinh hung** (dở dói chẳng hay), là vì tài chẳng đủ, còn **Lợi thiệp đại xuyên** (qua sông vẫn lợi), là vì lúc này là lúc có thể hoạt động được.

Một phái như Chu Hi, Bồ Dương Lưu, Hồ vân Phong thì hiểu câu này như là **Vị Tế chinh hung. Bất lợi thiệp đại xuyên.** Bồ dương Lưu bênh vực quan điểm này như sau: Lục tam ở vào cực điểm của hiểm nạn, nên chưa có thể thoát hiểm, lại Âm nhu thất vị, không đủ tài để đối phó với hoàn cảnh, thế mà lại cầu tiến, như vậy ắt là hung, thì làm sao mà còn có thể vượt qua gian nguy được. Đã nói rằng: không thể hoạt động; hoạt động là hung, mà lại nói có thể vượt sông lớn (Vượt gian hiểm được),như vậy là

phản nghĩa nhau. Chu Hi cho rằng trước chữ **Lợi** phải có chữ **Bất,** thế mới đúng.

Đại khái ba Hào dưới quẻ Vị Tế đều chưa thể thoát hiểm, Hào tam cũng như Hào Sơ đều là Âm nhu chi tài không đủ sức thoát hiểm, chỉ có Cửu nhị là có tài, nhưng lại chưa được thời, nên biết kiềm chế mới hay. Suy ra thì chắc chắn là Lục tam không thể nào vượt gian nguy được (Phi lợi thiệp đại xuyên khả tri dĩ).

Vị Tế chinh hung. Vị bất đáng dã, là **c**hưa đúng ngôi vị, thì sao hoạt động cho hay được.

4. Hào Cửu tứ.

九四. 貞吉.悔亡.震用伐鬼方.三年有賞于大國.

象曰. 貞吉悔亡.志行也.

Cửu tứ.

Trinh cát hối vong. Chấn dụng phạt Quỉ phương.

Tam niên hữu thưởng vu đại quốc.

Tượng viết:

Trinh cát hối vong. Chí hành dã.

Dịch.

Bền lòng, vững chí mới hay,

Chính trinh, mới khỏi đơn sai, lỗi lầm.

Quỉ phương chinh phục ba năm,

Rồi ra đại quốc thưởng công, thưởng tài.

Tượng rằng:

Bền lòng, vững chí mới hay,

Chính trinh, mới khỏi đơn sai, lỗi lầm.

Thế là công việc xứng tâm.

Thế là chí nguyện đang tầm thực thi.

Cửu tứ là một trọng thần, trên được vua tin dùng, lại gặp thời cơ thuận tiện hơn, vì bước gian nan lúc đầu đã vượt qua đươc rồi (đã ra khỏi quẻ Khảm, đã tiến đến quẻ Ly), nên dĩ nhiên là có thể dẹp loạn, cứu đời. Tuy nhiên vẫn phải minh chính, mới hay, mới tốt **(Trinh cát hối vong).** Lúc ấy phải hết sức gắng công, mà dẹp loạn tứ phương, dầu phải đến nước xa xôi, hiểm trở như Hung Nô cũng chẳng từ **(Chấn dụng phạt quỷ phương).** như vậy rồi ra sẽ được triều đình tưởng thưởng **(Tam niên hữu thưởng vu đại quốc).** Đó là trường hợp Quang Võ. Khi đã đủ binh hùng, tướng mạnh, liền giết Vương Mãng, rồi đánh Vương Lãng ở Hàn Đan, dẹp Xích My ở Trường An vv... Lưu Tú vất vả lắm, rồi sau mới được phong làm Tiểu vương, và cuối cùng mới lên ngôi Hoàng Đế. **Trinh cát hối vong. Chí hành dã** là **Cửu tứ hay, chính vì toại được chí nguyện.** Như ta đã thấy Vua Quang Võ chinh đông, dẹp bắc , thu gồm giang sơn về một mối. Đó là thực hiện được chí nguyện vậy.

5. Hào Lục ngũ.

六五. 貞吉 無悔.君子之光.有孚.吉.

象曰. 君子之光.其暉吉也.

Lục ngũ.

Trinh cát vô hối. Quân tử chi quang. Hữu phu. Cát.

Tượng viết:

Quân tử chi quang. Kỳ huy cát dã.

Dịch.

Theo đường tốt đẹp, thẳng ngay,

Rồi ra sẽ hết đơn sai, lỗi lầm,

Quang huy, quân tử rỡ ràng,

Thực tài, thực đức, hiên ngang tốt lành.

Tượng rằng: *Quân tử quang hoa,*

Quang hoa chiếu rõ, thật là lành thay.

Lục ngũ mà minh chính, ngay lành, là vì người quân tử đã phát quang huy, lại có thực tài, thực đức **(Trinh cát vô hối).** Khi Quang Võ đã dẹp xong Vương Mãng, chư tướng đều muốn cho ông lên ngôi. Trong một bữa tiệc, Cảnh Nhĩ dâng lên một biểu chương, có những lời sau đây: Nay Chúa công sớm nối giang sơn cho chư tướng được phỉ dạ đợi trông, cứu sinh dân nơi đồ thán, giải lê thứ lúc đảo điên. Rõ ràng Quang Võ đã gây được tín nhiệm và uy thế đối với chư tướng. **(Quân tử chi quang . Hữu phu. Cát).**

Quân tử chi quang. Kỳ huy cát dã là tài đức mà đã như hào quang chói lọi ra ngoài, thì làm gì mà chẳng tốt.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 . 有 孚 于 飮 酒 . 無 咎 . 濡 其 首 . 有 孚 失 是 .

象 曰 . 飮 酒 濡 首 . 亦 不 知 節 也 .

Thượng Cửu.

Hữu phu vu ẩm tửu. Vô cữu. Nhu kỳ thủ. Hữu phu thất thị.

Tượng viết:

Ẩm tửu nhu thủ. Diệc bất tri tiết dã.

Dịch.

Hãy tin tài đức của mình,

Uống ăn, tiêu sái, mặc tình lỗi chi.

Vùi đầu, chìm đắm, đam mê,

Thế là tự tín. có bề quá đa.

Tượng rằng: *chè chén, vùi đầu,*

Thế là tiết độ, còn đâu nữa là.

Thượng Cửu. Khi đã làm cho thời Vị Tế, trở thành Ký Tế rồi, thời công trình hầu như đã hoàn thành, thì cũng có thể sống vui vẻ. Còn như phóng túng say sưa, thì là tự tín quá mức, và không còn hợp lẽ phải nữa**.**

Dịch kinh luôn luôn dạy con người cảnh giới, đề phòng, dầu thịnh mấy cũng không được buông lung, theo dục vọng Đại Tướng Ngô Hán lâm bệnh nặng gần chết. Vua Quang Võ đến thăm và hỏi: Tướng quân có lời chi mà nói với trẫm chăng? Ngô Hán đáp: Tôi ngu muội không có trí thức bao nhiêu, duy muốn cho bệ hạ phải dè dặt mà thôi. Nói xong liền qua đời. (Xem Đông Hán Diễn nghĩa. Thanh Phong dịch, trang 255). Thế là Ngô Hán muốn khuyên vua dẫu đã bình trị được thiên hạ, cũng vẫn phải luôn cẩn trọng.

Lại một hôm, Quang Võ cùng quần thần tổ chức đi vào núi săn hổ, đến đêm mới về. Khi về đến thành, quan giữ cửa lớn là Chất Huân, nhất định không cho vào, vua đành phải đi một cửa nhỏ khác mà vào thành. Hôm sau, Chất Huân vào triều tâu rằng: Xưa vua Văn, vua Võ chẳng dám đi săn bắn, chơi bời, là vì lấy muôn dân làm trọng. Nay Bệ hạ lại săn bắn xa xôi, nơi chốn rừng núi luông tuồng, lấy đêm mà làm ngày, vậy thì lấy chi cho vững bền xã tắc. Vua khen Chất Huân là hiền sĩ, và thưởng cho một trăm cây gấm vóc, và giáng chức vị quan đã mở cửa cho vua vào thành. .(Xem Đông Hán diễn nghĩa, Thanh Phong dịch trang 250)

Ẩm tửu nhu thủ. Diệc bất tri tiết dã, là **v**ùi đầu vào rượu chè, thế là không biết tiết độ vậy. Xưa Nghi Địch làm rượu ngon, một hôm dâng lên vua Đại Võ. Vua nếm xong, liền đuổi Nghi Địch ra

khỏi triều ca, và nói rằng sau này sẽ có vua chúa mất nước vì rượu.

Cả quẻ Vị Tế này, Thánh nhân không ngớt khuyên ta thận trọng và cố gắng. Cuối cùng lại khuyên ta đừng làm gì trái nghì, trái tiết, trái lý vậy.

ÁP DỤNG QUẺ VỊ TẾ VÀO THỜI ĐẠI

Vị Tế là 1 quẻ có những ý nghĩa sâu sa, trí con người khó mà đo lường được. Thánh nhân làm quẻ Vị Tế chỉ muốn khuyên ta: **Đừng bao giờ ngừng cố gắng, đừng bao giờ quên lo liệu đề phòng.**

Tôi (tác giả mục Áp dụng vào thời đại), đã suy tư nhiều, nay **mang tất cả những kinh nghiệm gởi lại cho quí vị** (những người bạn thân, cùng chí hướng là nghiên cứu Dịch, ở thời đại này, hoặc mai sau cùng thưởng lãm).

Thật vậy, nhiều khi ta thấy mọi sự trên đời, mới đầu diễn tiến rất đẹp, vì người chủ chốt đã suy tư nhiều trước khi tạo dựng ra nó, thế mà bỗng nhiên thấy sụp đổ, và đi đến tan vỡ, không còn cứu vãn được nữa. Tại sao?

Chỉ tại ta khi đắc chí, thì tự mãn, không còn cố gắng, hoặc đề phòng mọi sự việc sẽ có thể xẩy ra sau đó mà thôi, và tại ta không theo đà tiến hóa của nhân loại.

I. Về phương diện 1 Quốc gia. Một nước mà quá lạc hậu vì người cầm đầu kém tài, hoặc óc còn bảo thủ, cầu an, thì trước sau gì cũng đưa dân, nước vào sự suy sụp, nghèo nàn, lạc hậu, trước sau gì cũng bị nước láng giềng mạnh hơn xâm chiếm, hoặc bị các Liệt Cường xâu xé, bắt nạt (Ví dụ: Trung Hoa về cuối đời Mãn Thanh).

II. Về phương diện thương mại. Một cơ sở thương mại rất lớn**,** đã đứng vững cả nửa thế kỷ, thế mà tại sao đùng một cái lại tuyên bố bị phá sản. Tại sao?

Theo thiển ý của tôi, vì **thiếu** những lý do sau đây:

Vì những người cầm đầu, cứ theo nếp cũ làm, không chịu cải tiến cho hợp với nhu cầu, vừa với túi tiền của dân chúng (điều này rất quan trọng).

a/. **Nên hàng tháng, hoặc ít nhất 6 tháng 1 lần,** phải lấy ý kiến của nhân viên trong hãng và cho giải thưởng tượng trưng, để khuyến khích những ai có ý kiến hay, và để biết trong đám nhân viên ai là người có tài năng thật sự, ai là người có thể cộng tác lâu dài với mình, để mình biết sử dụng người đúng cách. Lâu lâu, độ 3, 4 năm lại xin ý kiến cải cách của dân chúng, để xem trào lưu lúc đó dân chúng muốn gì, thích loại hàng gì, để mình cải tiến cho hợp thời, và để cho mình đừng mua vào những hàng có thể ứ đọng không bán được sau đó không xa.

b/. **Phải tìm người giỏi để cộng tác .** Những người này có thể thay mình mà điều khiển hãng, nên phải là người mưu trí, nhưng lương thiện. Nên lấy người từ cấp dưới trở lên, vì họ có nhiều kinh nghiệm. Đừng nên thu nạp nhân viên vào cấp cao, vì cảm tình, hoặc vì liên hệ anh em, họ hàng.

c/. **Xử dụng nhân viên phải có tình,** đừng vắt chanh bỏ vỏ, khiến người ta lúc nào cũng lo sợ bị sa thải, thì làm sao họ có thể tận tụy với mình được.

III. Về phương diện gia đình. Trong gia đình, khi khá giả, cũng đừng nên tiêu xài hoang phí, phải luôn đề phòng lúc thất thế, hoặc hoạn nạn có thể xẩy ra. Phải luôn học hỏi thêm, để theo kịp đà tiến hóa của nhân loại, và để bảo đảm cho đời sống trong gia đình được vững bền.

Tóm lại, sự thành bại trong đời ta là do ta, chứ không phải do Trời; nên nếu ta biết đề phòng, và luôn cố gắng thì coi như ta đã theo đúng lời dậy của quẻ Vị Tế vậy.

MỤC LỤC

HẠ KINH

31. 澤 山 咸 TRẠCH SƠN HÀM

32. 雷 風 恆 LÔI PHONG HẰNG

33. 天 山 遁 THIÊN SƠN ĐỘN

34. 雷天大壯 LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

35. 火地晉 HỎA ĐỊA TẤN

36. 地 火 明 夷 ĐỊA HỎA MINH DI

37. 風 火 家 人 PHONG HỎA GIA NHÂN

38. 火 澤 睽 HỎA TRẠCH KHUÊ

39. 水 山 蹇 THỦY SƠN KIỂN

40. 雷 水 解 LÔI THỦY GIẢI

41. 山 澤 損 SƠN TRẠCH TỔN

42. 風 雷 益 PHONG LÔI ÍCH

43. 澤 天 夬 Trạch Thiên Quải

44. 天 風 姤 THIÊN PHONG CẤU

45. 澤 地 萃 TRẠCH ĐỊA TỤY

46. 地 風 升 ĐỊA PHONG THĂNG

47. 澤 水 困 TRẠCH THỦY KHỐN

48. 水 風 井 THỦY PHONG TỈNH

49. 澤 火 革 TRẠCH HỎA CÁCH

50. 火 風 鼎 HỎA PHONG ĐỈNH

51. 震 為 雷 CHẤN VI LÔI

52. 艮 為 山 CẤN VI SƠN

53. 風 山 漸 PHONG SƠN TIỆM

54. 雷 澤 歸 妹 LÔI TRẠCH QUY MUỘI

55. 雷 火 豐 LÔI HỎA PHONG

56. 火 山 旅 HỎA SƠN LỮ

57. 巽 為 風 TỐN VI PHONG

58. 兌 為 澤 ĐOÀI VI TRẠCH

59. 風 水 渙 PHONG THỦY HOÁN

60. 水 澤 節 THỦY TRẠCH TIẾT

61. 風 澤 中 孚 PHONG TRẠCH TRUNG PHU

62. 雷 山 小 過 LÔI SƠN TIỂU QUÁ

63. 水 火 既 濟 THỦY HỎA KÝ TẾ

64. 火 水 未 濟 HỎA THỦY VỊ TẾ